

CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

**“CHI NHÁNH NỘI BÀI CỦA CÔNG TY TNHH YAMAHA
MOTOR VIỆT NAM”**

**Địa chỉ: Lô 59-68 KCN Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam**

Hà Nội, tháng 6 năm 2026

CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

**“CHI NHÁNH NỘI BÀI CỦA CÔNG TY TNHH YAMAHA
MOTOR VIỆT NAM”**

**Địa chỉ: Lô 59-68 KCN Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam**

**CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR
VIỆT NAM**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



**ĐẬU QUANG HUY
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THỦ NHÀ**

Hà Nội, tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
Chương 1	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ.....	7
1. Tên chủ cơ sở:.....	7
2. Tên cơ sở	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	7
3.1.Công suất hoạt động của cơ sở	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở	14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	15
4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất sử dụng.....	15
4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	18
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	20
Chương 2	21
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	21
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.	21
2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường.	21
Chương 3	22
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	22
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	22
1.1 Thu gom, thoát nước mưa	22
1.2. Thu gom, thoát nước thải	23
1.3. Công trình thu gom xử lý nước thải	24
.....	29
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	29
2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi sơn	29
2.2.Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải khu vực hàn	32
2.3.Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải từ buồng sấy (sơn nhựa, sơn sắt)	32
2.4. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong nhà xưởng	32
2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải phát sinh từ hoạt động của bếp ăn tập thể	34
2.6. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi tại các khu vực có rác sinh hoạt và các hố ga bề tự hoại	34

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải.....	34
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	35
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	35
3.3. Chất thải nguy hại.....	36
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	38
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	38
5.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với nước thải.....	38
5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về hệ thống xử lý khí thải.....	40
5.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về vỡ đường ống cấp, thoát nước	40
5.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	41
6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	42
Chương 4	43
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	43
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải.	43
1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	43
1.2. Dòng nước thải:	43
1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa	43
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải.....	43
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:.....	44
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	45
2.1. Nguồn phát sinh khí thải:	45
2.2. Dòng khí thải	45
2.3. Lưu lượng xả thải	46
2.4. Yêu cầu về chất lượng xả thải	48
2.5. Phương thức.....	49
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép với tiếng ồn, độ rung	49
3.1. Nguồn phát sinh:.....	49
3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:.....	49
Chương 5	50
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	50
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	50
2. Thông tin cụ thể về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	50
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải	51
4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	52
Chương 6	53

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	53
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	53
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	53
2.1. Chương trình quan trắc môi trường nước thải.....	53
2.2. Chương trình quan trắc môi trường khí thải.....	53
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	53
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	53
Chương 7	54
NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH	54
Chương 8	55
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	55
PHỤ LỤC	57

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Danh mục máy móc thiết bị	15
Bảng 1. 2 Nhu cầu nguyên vật liệu của cơ sở	17
Bảng 1. 3. Hạng mục công trình hiện có của cơ sở	20
Bảng 3.1. Thông số các hạng mục xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy	28
Bảng 3.2. Các thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi	31
Bảng 3.3. Thống kê số lượng quạt hút, cấp gió tươi tại nhà máy	33
Bảng 4. 1. Vị trí lưu lương của dòng khí thải.....	46
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung áp dụng trước ngày 01/01/2027 ..	49
Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung áp dụng từ ngày 01/01/2027	49
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất sau xử lý của cơ sở năm 2025	50
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất sau xử lý của cơ sở năm 2026	50
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc ống khói thải khí thải sản xuất tháng 7 năm 2025	51
Bảng 5. 4 Kết quả quan trắc ống khói thải khí thải sản xuất tháng 12 năm 2025	51
Bảng 5. 5 Kết quả quan trắc ống khói thải khí thải sản xuất tháng 1 năm 2026	52

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất của cơ sở	8
Hình 1.2. Sơ đồ dây chuyền sơn nhựa.....	10
Hình 1.3. Sơ đồ dây chuyền sơn sắt	12
Hình 1.4. Sơ đồ dây chuyền hàn.....	14
Hình 3.1. Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở	22
Hình 3.2. Sơ đồ phương án thoát nước tổng thể của nhà máy	23
Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	24
Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất.....	26
Hình 3.5. Hình ảnh thực tế hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở	29
Hình 3.6. Quy trình xử lý bụi sơn.....	30
Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống thông gió cưỡng bức đã lắp đặt tại các xưởng sản xuất	33
Hình 3.8. Sơ đồ thông gió tự nhiên tại nhà máy.....	33
Hình 3.9. Sơ đồ thu gom, phân loại chất thải	35
Hình 3.10. Kho chất thải thông thường của cơ sở.....	36
Hình 3.11. Kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở.....	38

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

KCN	Khu công nghiệp
SH	Sinh hoạt
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
SDN	Sử dụng nước
UBND	Ủy ban nhân dân
BTCT	Bê tông cốt thép

Chương 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam
- Địa chỉ văn phòng: Thôn Bình An, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:
Ông: OKUTANI MASAHIRO Chức danh: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 02435824900
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100774342, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15 tháng 08 năm 2025, cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội.

2. Tên cơ sở

Chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam

- Địa điểm cơ sở: Lô 59-68 KCN Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
 - + Giấy chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 647/NT-PCCC ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
 - + Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 773/GXN-BQL ngày 01/9/2011 do BQL các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp.
- Quyết định phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường số 5070/QĐ-UBND của Dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất của chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam” của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 12/11/2020.
- Quy mô của cơ sở: cơ sở thuộc dự án nhóm B (thuộc tiêu chí của khoản 2 điều 10), của Luật đầu tư công.
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Cơ sở không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở thuộc loại hình sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy.
- Phân loại nhóm dự án đầu tư: Cơ sở thuộc dự án nhóm III theo Phụ lục V, số thứ tự 2 theo nghị số 05/2025/NĐ-CP.

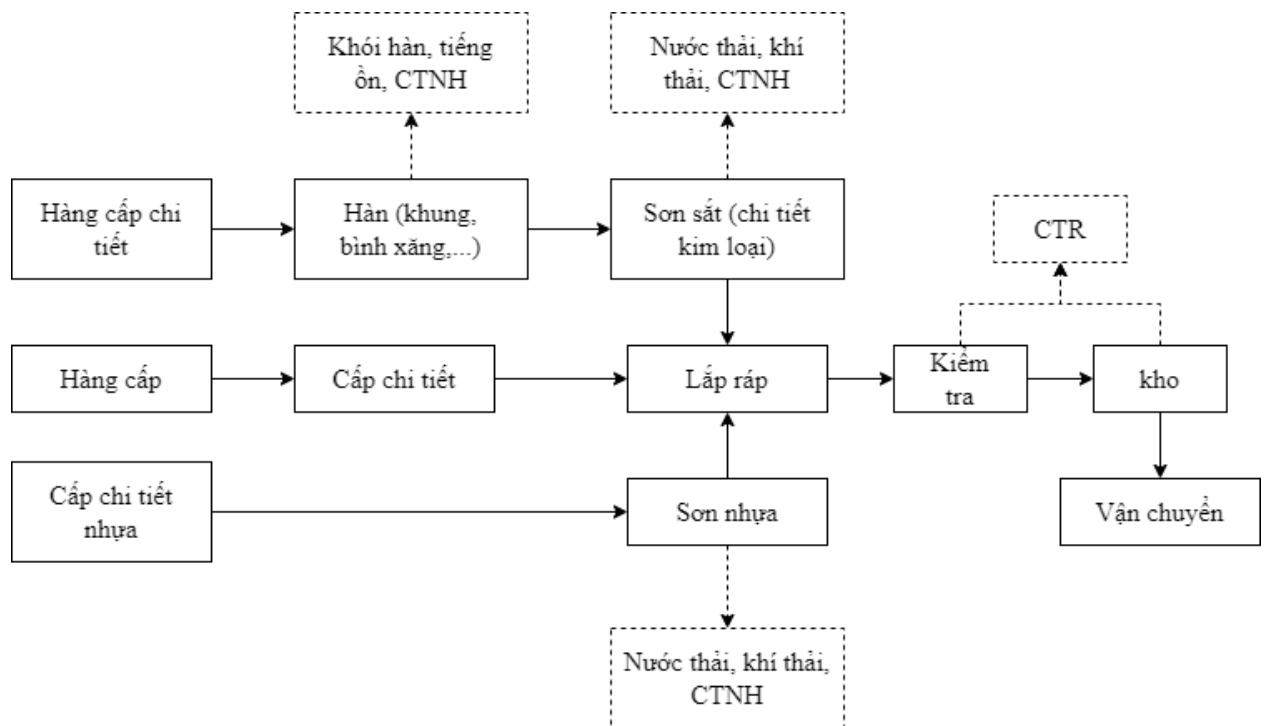
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- + Xe mô tô, xe gắn máy (động cơ xăng): 1.000.000 xe/năm.
- + Xe máy điện, xe đạp điện (động cơ điện): 100.000 xe/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Tại nhà máy chỉ tiến hành lắp ráp xe máy điện, xe máy động cơ xăng, không sản xuất phụ tùng, linh kiện. Các linh kiện được nhập về sẵn sau đó gia công, lắp ráp. Quy trình sản xuất, lắp ráp xe máy động cơ xăng và xe máy động cơ điện giống nhau. Chỉ khác nhau phần phụ tùng, chi tiết nguyên liệu đầu vào. Đối với xe điện sẽ không có kiểm tra khí thải động cơ như xe máy động cơ xăng, thay vào đó sẽ là công đoạn kiểm tra động cơ điện. Quy trình cụ thể như sau:



Hình 1.1. Quy trình sản xuất của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Các chi tiết như hệ thống điện, điện tử, động cơ được cơ sở nhập khẩu hoặc mua từ các đơn vị cung cấp. Các chi tiết khác như khung xe, chi tiết nhựa được gia công tại cơ sở thông qua các công đoạn như dập, chấn gấp, lóc tạo hình, hàn, sơn,... để tạo thành sản phẩm có hình dạng hoàn chỉnh, sau đó được chuyển sang dây chuyền lắp ráp.

Để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về hình dạng, tải trọng và kết cấu, khung xe được đưa qua hệ thống máy tự động chuyên dụng, bao gồm các thiết bị kiểm tra và gia công chuyên dụng (ví dụ: máy kiểm tra kỹ thuật, máy khắc số khung, số máy...) do hãng thiết kế, chế tạo. Việc sử dụng hệ thống máy tự động giúp quá trình sản xuất diễn ra nhanh chóng, đồng bộ và chính xác, đồng thời đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật và đồng đều về chất lượng.

Các khung xe đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang xưởng sơn để thực hiện các công đoạn sơn tĩnh điện ED, sơn nhúng nhằm tăng khả năng chống ăn mòn và nâng cao độ bền sản phẩm.

a) Sơn khung xe

Tại Xưởng hàn khung xe có sự tham gia của robot hàn và công nhân hàn tay nghề cao. Sau khi hoàn thiện, khung xe được đưa qua dây chuyền xưởng sơn ED để hoàn thành công đoạn quan trọng đó là sơn phủ bảo vệ bề mặt.

b) Sơn các chi tiết nhựa

Đối với các chi tiết nhựa thô: Yếm, ốp nhựa,... được đưa vào dây chuyền sơn nhựa trong các buồng sơn kín để phủ sơn lên bề mặt chi tiết sau đó sẽ được đưa tới công đoạn lắp ráp.

c) Lắp ráp

Quy trình lắp ráp xe được thực hiện từ các cụm chính như khung, thân vỏ và hệ thống phụ tùng, linh phụ kiện bao gồm: hộp số, trục chuyên số, càng, chấn bunn, lốp xe, hộp xích, giảm xóc, má phanh, bình ắc quy, hệ thống điện, yên xe,... Các công đoạn lắp ráp được tiến hành với sự hỗ trợ của các thiết bị chuyên dụng như máy tự động cấp dầu phanh, đồ gá chuyên dụng cho từng công đoạn, giúp đảm bảo độ chính xác và tính đồng nhất của sản phẩm.

Sau khi hoàn tất lắp ráp, xe được chuyển đến dây chuyền kiểm tra chất lượng. Tại đây, xe được kiểm tra trên hệ thống máy nhằm đánh giá khả năng vận hành của động cơ và các chức năng kỹ thuật. Tiếp đó, xe tiếp tục được kiểm tra thực tế thông qua đường chạy thử nội bộ trong nhà máy để đảm bảo vận hành ổn định trước khi xuất xưởng.

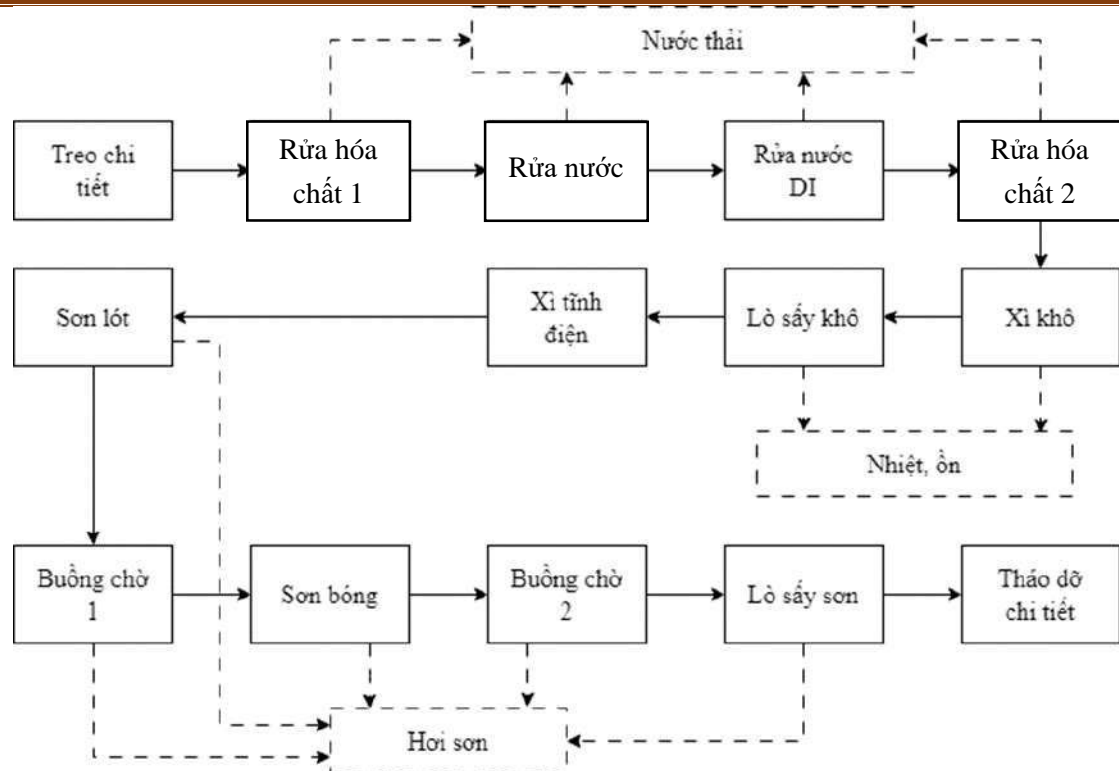
Toàn bộ quy trình sản xuất được tự động hóa ở mức độ cao với sự tham gia của các máy móc chuyên dụng, hệ thống robot tích hợp, dây chuyền tự động và hệ thống quản lý sản xuất hiện đại. Việc này giúp giảm thiểu sự phụ thuộc vào thao tác thủ công, hạn chế sai sót, đồng thời cho phép kiểm soát chặt chẽ các thông số kỹ thuật và xử lý nhanh chóng các sự cố phát sinh.

➤ Dây chuyền sơn:

Dây chuyền sơn của nhà máy bao gồm hai công nghệ chính: sơn ED và sơn nhựa. Trong đó, công nghệ sơn ED được áp dụng cho các chi tiết kim loại như khung và thân vỏ, giúp tạo lớp phủ đồng đều, tăng khả năng chống ăn mòn và nâng cao độ bền sản phẩm. Đối với các chi tiết nhựa như cover, yếm và vỏ che ngoài, quy trình sơn nhựa được sử dụng nhằm đảm bảo tính thẩm mỹ và độ bền của bề mặt.

Dây chuyền sơn khung xe được vận hành bởi hệ thống tự động hóa cao, giúp kiểm soát chặt chẽ các thông số công nghệ và đảm bảo chất lượng sơn ổn định. Bên cạnh đó, xưởng sơn được trang bị hệ thống xử lý khí thải và nước thải tiên tiến, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường và an toàn trong sản xuất.

Dây chuyền sơn nhựa: đối với các chi tiết nhựa thô: yếm, ốp nhựa,...



Hình 1.2. Sơ đồ dây chuyền sơn nhựa

Hệ thống buồng phun sơn được thiết kế theo quy trình khép kín, vận hành tự động với các công đoạn chính như sau:

- Gá chi tiết đầu vào cho dây chuyền sơn nhựa: Bắt đầu chu trình sơn, chi tiết được gá vào băng tải qua đồ gá. Người công nhân sẽ gá một hay nhiều chi tiết trên mỗi đồ gá tùy vào loại chi tiết.

- Tiền xử lý: Các chi tiết trước khi sơn phải được làm sạch bề mặt để tăng chất lượng sơn phủ. Băng tải đưa các chi tiết qua một loạt các buồng phun rửa hóa chất 1, rửa nước, rửa nước khử ion (nước DI), rửa hóa chất 2. Trong các buồng này bố trí các vòi phun tự động ở nhiều vị trí khác nhau. Đối với nước RO reject từ quá trình tạo nước khử ION sẽ được công ty tuần hoàn thu gom theo đường ống riêng về 01 bể chứa 92m³ để tái sử dụng làm nước xả nhà vệ sinh. Kết thúc công đoạn này là hoạt động thổi khí để loại bỏ phần lớn nước bám dính trên chi tiết.

- Sấy khô chi tiết trước khi sơn: Vì đây là công nghệ sơn phun nên phải loại bỏ hoàn toàn nước dính trên bề mặt chi tiết. Do đó, chi tiết sau khi tiền xử lý sẽ được xịt khô, sau đó đưa qua buồng sấy ở nhiệt độ cài đặt (khoảng 75°C với nhựa ABS). Chi tiết đi ra khỏi buồng sấy sẽ được xịt tĩnh điện và đi đến khu vực buồng phun sơn. Buồng sấy được xây dựng bằng vật liệu cách nhiệt, nhiên liệu sử dụng là khí LPG.

- Buồng phun sơn:

Quy trình phun sơn nhựa tự động gồm các bước: Sơn lót, buồng chờ 1, sơn bóng, buồng chờ 2. Trên băng tải bố trí cơ cấu quay 180° ở một số vị trí cách đều nhau để đảm bảo tất cả các vị trí đều được phun sơn như nhau. Công đoạn phun sơn có thể thực hiện hoàn toàn bằng tay với súng phun sơn.

Để đảm bảo chất lượng phun sơn, buồng sơn luôn được duy trì nhiệt độ cài đặt khoảng 27°C đến 29°C. Để làm được điều này thì luôn luôn có một hệ thống ASU (Air supply unit) cấp khí điều hòa nhiệt độ buồng phun sơn.

Thêm nữa buồng phun sơn có hệ thống màng nước để thu hồi sơn dư thừa trong không khí. Màng nước này hoạt động liên tục nhờ hệ thống bơm tuần hoàn.

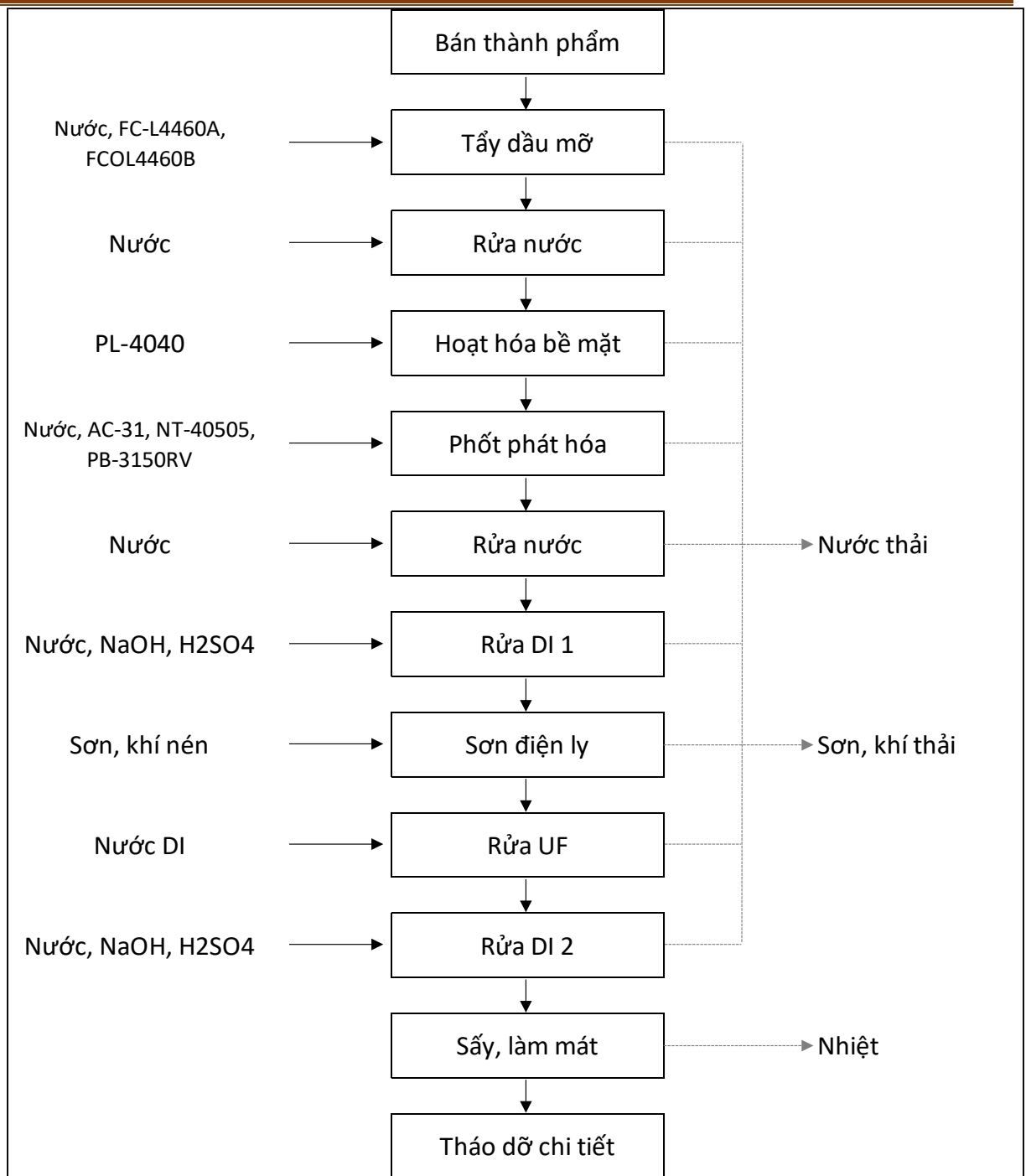
Sau khi thực hiện xong quy trình phun sơn nhựa tự động, các sản phẩm được đưa vào lò sấy.

- Sấy sản phẩm: Sản phẩm được sấy trong buồng sấy ở nhiệt độ cài đặt theo tùy loại kích cỡ, vật liệu nhựa của sản phẩm. Kích thước buồng sấy được thiết kế sao cho tiết kiệm không gian nhà xưởng mà vẫn đảm bảo thời gian sấy của mỗi sản phẩm. Nhiệt độ của buồng sấy được cung cấp và duy trì bởi lò đốt (burner). Lò đốt hỗn hợp gas thông qua hệ thống quạt hút – thổi.

- Làm mát sản phẩm: Sản phẩm trước khi được dỡ khỏi băng tải. Sau đó được làm mát bằng hệ thống quạt thổi – hút bố trí ở cuối buồng sấy.

- Lấy sản phẩm hoàn thiện: Kết thúc chủ trình hoạt động sơn nhựa tự động, sản phẩm được lấy ra khỏi băng tải. Sau đó được chuyển đến công đoạn tiếp theo.

Dây chuyền sơn sắt: Dây chuyền sơn sắt được sử dụng để xử lý và hoàn thiện các chi tiết kim loại của xe máy, để đảm bảo đúng theo yêu cầu về chất lượng: màu đen, độ bóng, chiều dày lớp sơn,... và cung cấp đúng đủ chi tiết cho bộ phận lắp ráp.



Hình 1.3. Sơ đồ dây chuyền sơn sắt

Công ty sử dụng phương pháp sơn điện ly để xử lý bề mặt sản phẩm.

Sơn điện ly (ED) là chất polyme hữu cơ được tạo ra bám vào bề mặt bán thành phẩm dưới một hiệu điện thế trung bình (khoảng 250 ~ 350 V) và dòng điện tương đối cao (800~1000 A). Lớp sơn điện ly có tác dụng chống ăn mòn rất tốt. Trong qui trình sơn ED, bán thành phẩm được nhúng hoàn toàn xuống bể điện ly chứa dung dịch sơn. Dòng điện một chiều sẽ chạy qua hệ thống và tạo ra lớp sơn mỏng bao phủ toàn bộ các chi tiết kể cả những khu vực góc ngách nhất. Dung dịch sơn chính là dung dịch điện ly và chi tiết bán thành phẩm chính là cực âm của quá trình sơn đó.

Quy trình, nguyên lí hoạt động của dây chuyền sơn ED bao gồm:

- Giá chi tiết đầu vào: Chi tiết kim loại sau khi hoàn thành các công đoạn gia công, hàn giáp được chuyển đến xưởng sơn và treo vào băng tải qua đồ gá. Và được băng tải đưa đến vị trí tiền xử lý (pretreatment).

- Tiền xử lý: Đến khu vực tiền xử lý, các chi tiết sẽ được loại bỏ các tạp chất, bụi bám dính trên bề mặt bằng các công đoạn phun nước nóng, tẩy dầu trong các buồng phun hoặc nhúng trong các bể.

Nước nóng, hóa chất tẩy dầu được chứa trong các tank ở dưới và được hệ thống bơm tuần hoàn và đường ống vận chuyển cấp cho các vòi phun trong các buồng phun, hoặc các bể nhúng ở phía trên.

Sau khi đã loại bỏ các tạp chất bằng tải đưa các chi tiết đến vị trí bể nhúng hoạt hóa (surface condition). Tiếp đến là bể nhúng phốt phát để tạo một lớp màng phốt phát trên bề mặt chi tiết kim loại.

Màng phốt phát hóa chuyển hóa bề mặt kim loại thành một lớp bề mặt mới có nhiều lỗ xốp tế vi để tạo chân bám cho sơn và có khả năng chống ăn mòn dưới lớp sơn. Khi đã phốt phát hóa xong các chi tiết được phun hoặc nhúng nước DI để làm sạch các hóa chất dư thừa bám trên bề mặt và thổi khí trước khi đến công đoạn phủ màng sơn điện âm cực.

Nước DI, DF là nước sạch được xử lý qua hệ thống lọc bằng vải nhựa PP (Poly propylene) và khử ion để đảm bảo loại bỏ các chất rắn lơ lửng, khoáng chất, kim loại có trong nước. Nước thải từ hệ thống lọc nước DI, DF được đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Phủ màng sơn điện ly:

Kết thúc công đoạn tiền xử lý, băng tải đưa các chi tiết đến khu vực phủ sơn điện ly. Đầu tiên các chi tiết được nhúng vào bể ED để tạo màng sơn phủ. Bể ED này có các điện cực và hệ thống cấp điện một chiều.

Tại đây dưới tác dụng của dòng điện một chiều sẽ xảy ra các quá trình điện phân, điện DI, kết tủa điện phân, điện thẩm để tạo nên một lớp màng sơn phủ lên bề mặt chi tiết. Quá trình sẽ kết thúc khi màng sơn phủ kín hết bề mặt kim loại.

Chi tiết đã được phủ một lớp sơn không bị hòa tan trong nước sẽ tiếp tục đi qua các buồng phun rửa UF, nhúng nước DI. Ở nơi đây lượng sơn thừa bám dính sẽ được tẩy rửa khỏi chi tiết đã sơn ED. Và chuyển đến hệ thống lọc UF qua hệ thống bơm tuần hoàn và đường ống. Hệ thống lọc UF sẽ tách lấy sơn chuyển về bể ED.

Bước cuối cùng của công đoạn này là loại bỏ nước bám dính bề mặt chi tiết. Thông qua hoạt động thổi khí bằng súng phun khí cầm tay.

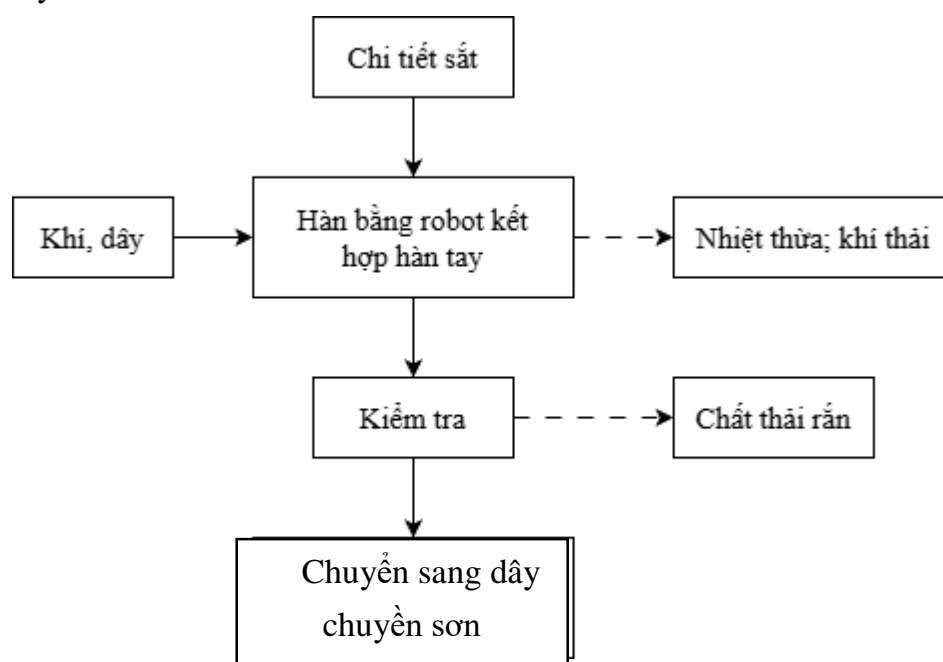
- Sấy sản phẩm: Sau khi loại bỏ nước, băng tải đưa các chi tiết đã sơn ED đi vào trong lò sấy. Tùy theo sản phẩm sơn, tốc độ băng tải, chiều dài lò sấy chúng ta sẽ cài đặt nhiệt độ phù hợp. Thường khoảng 180°C đối với vật liệu thép.

- Làm mát sản phẩm: Sản phẩm sơn khi ra khỏi lò, có nhiệt độ khá cao nên phải được làm mát trước khi chuyển đến khu vực tháo dỡ. Hệ thống làm mát gồm các quạt thổi và hút gió đi qua sản phẩm sơn giúp hạ nhiệt độ xuống mức bình thường.

- Dỡ sản phẩm hoàn thiện: Để kết thúc một chu trình sơn, sau khi được làm mát, sản phẩm sơn được băng tải đưa đến vị trí unloading để dỡ sản phẩm sơn hoàn thiện. Sản phẩm hoàn thiện sẽ được chuyển đến các giá để sản phẩm hoặc chuyển đến công đoạn tiếp theo.

Băng tải chạy tuần hoàn và các chi tiết liên tục được di chuyển qua các công đoạn. Chi tiết được treo lên băng tải - tiền xử lý sơn ED → sấy làm mát - Dỡ sản phẩm hoàn thiện. Các bước nối tiếp nhau và tạo thành quy trình dây chuyền sơn ED khép kín, liên tục.

➤ Dây chuyền hàn



Hình 1.4. Sơ đồ dây chuyền hàn

Các chi tiết nhỏ, bình xăng, khung xe làm bằng sắt được đưa vào dây chuyền hàn tự động bằng robot - thực hiện mỗi hàn giống nhau nhiều lần. Công ty sử dụng công nghệ hàn Mag là quá trình hàn hồ quang, sử dụng khí “linh hoạt” là hỗn hợp khí của argon, CO₂, do tính linh hoạt nên tỷ lệ của các loại khí riêng biệt có thể được điều chỉnh theo yêu cầu của vật liệu được hàn. Tại đây, các chi tiết được hàn với nhau bằng phương pháp hàn khí, tức là dùng khí làm nóng chảy kim loại cùng dây hàn để liên kết với nhau.

Đối với 1 số điểm cần hàn tỉ mỉ mà robot không thực hiện được sẽ chuyển sang công đoạn hàn tay dùng máy hàn đường, hàn điểm sau đó được đưa đi kiểm tra để chuyển sang công đoạn lắp ráp sản phẩm hoàn thiện. Các sản phẩm bị lỗi chuyển giao cho các đơn vị tái chế kim loại.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở bao gồm xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và xe đạp điện với số lượng cụ thể như sau:

- Xe mô tô, xe gắn máy (động cơ xăng): 1.000.000 xe/năm.
- Xe máy điện, xe đạp điện (động cơ điện): 100.000 xe/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất sử dụng

Danh sách máy móc lắp đặt tại cơ sở cụ thể như sau

Bảng 1. 1. Danh mục máy móc thiết bị

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Tình trạng
1	Dây chuyền kéo A	Việt Nam	1	Bình thường
2	Dây chuyền lắp càng trước	Việt Nam	2	Bình thường
3	Dây chuyền lắp đầu	Việt Nam	2	Bình thường
4	Dây chuyền lắp ráp động cơ	Nhật Bản	3	Bình thường
5	Dây chuyền lắp ráp thân	Việt Nam	3	Bình thường
6	Dây chuyền treo chi tiết phía trên OHC	Nhật Bản	2	Bình thường
7	Máy bôi keo	Nhật Bản	3	Bình thường
8	Máy cấp dầu	Nhật Bản	1	Bình thường
9	Máy cấp dầu 1	Nhật Bản	2	Bình thường
10	Máy cấp dầu 2	Nhật Bản	2	Bình thường
11	Máy cấp dầu phanh ABS	Nhật Bản	2	Bình thường
12	Máy cấp nước làm mát LLC	Nhật Bản	2	Bình thường
13	Máy dán nam châm	Nhật Bản	1	Bình thường
14	Máy đóng số	Nhật Bản	4	Bình thường
15	Máy ép 10 tấn	Nhật Bản	1	Bình thường
16	Máy ép 15 tấn	Nhật Bản	5	Bình thường
17	Máy ép bi cam đầu xi lanh	Nhật Bản	1	Bình thường
18	Máy ép bi càng sau	Nhật Bản	1	Bình thường
19	Máy ép bi đầu xi lanh	Nhật Bản	2	Bình thường
20	Máy ép bi nắp che động cơ	Nhật Bản	2	Bình thường
21	Máy ép bi nắp côn	Nhật Bản	1	Bình thường
22	Máy ép bi trục cam	Nhật Bản	2	Bình thường
23	Máy ép bi vỏ động cơ	Nhật Bản	1	Bình thường
24	Máy ép bu lông vỏ động cơ	Nhật Bản	1	Bình thường
25	Máy ép củ nhôm	Nhật Bản	2	Bình thường
26	Máy ép giảm chấn	Nhật Bản	1	Bình thường
27	Máy ép ID 1	Nhật Bản	3	Bình thường
28	Máy ép ID 2	Nhật Bản	3	Bình thường

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam”

29	Máy ép ID 3	Nhật Bản	1	Bình thường
30	Máy ép móng hãm	Nhật Bản	3	Bình thường
31	Máy ép nắp côn	Nhật Bản	2	Bình thường
32	Máy ép phốt nắp che bơm dầu	Nhật Bản	3	Bình thường
33	Máy ép tòe vô lăng điện	Nhật Bản	3	Bình thường
34	Máy ép trục cuộn điện	Nhật Bản	1	Bình thường
35	Máy ép trục sơ cấp, phốt nắp che động cơ	Nhật Bản	1	Bình thường
36	Máy kiểm tra chức năng động cơ	Nhật Bản	1	Bình thường
37	Máy kiểm tra đặc tính cuộn điện	Nhật Bản	1	Bình thường
38	Máy kiểm tra điện trở động cơ	Việt Nam	1	Bình thường
39	Máy kiểm tra ECVT	Nhật Bản	2	Bình thường
40	Máy kiểm tra trục cam	Nhật Bản	2	Bình thường
41	Máy rút bi, nhông cam vào khuỷu	Nhật Bản	2	Bình thường
42	Máy rút rà đĩa lọc dầu	Nhật Bản	2	Bình thường
43	Máy rút trục khuỷu vào vỏ động cơ	Nhật Bản	3	Bình thường
44	Máy thử dầu lên đầu xi lanh	Nhật Bản	1	Bình thường
45	Máy thử kín khí (bàn sửa chữa)	Nhật Bản	2	Bình thường
46	Máy thử kín khí bãi sửa chữa	Nhật Bản	1	Bình thường
47	Máy thử kín khí cầu sau	Nhật Bản	2	Bình thường
48	Máy thử kín khí đầu xi lanh	Nhật Bản	2	Bình thường
49	Máy thử kín khí động cơ	Nhật Bản	3	Bình thường
50	Máy thử kín khí khoang dầu (bàn sửa chữa)	Nhật Bản	1	Bình thường
51	Máy thử kín khí khoang động cơ	Nhật Bản	1	Bình thường
52	Máy thử kín khí khoang nước	Nhật Bản	2	Bình thường
53	Máy thử kín khí khoang nước (bàn sửa chữa)	Nhật Bản	2	Bình thường
54	Máy thử kín khí PU	Nhật Bản	1	Bình thường
55	Thiết bị cấp keo	Nhật Bản	3	Bình thường
56	Thiết bị đọc mã vạch và lưu trữ	Việt Nam	3	Bình thường
57	Thiết bị kiểm tra đường dầu má bên	Nhật Bản	2	Bình thường
58	Thiết bị kiểm tra sụt áp quá dòng	Việt Nam	1	Bình thường
59	Thiết bị kiểm tra VVA	Nhật Bản	2	Bình thường
60	Thiết bị phòng ngừa lỗi bôi keo đồ bánh sao	Việt Nam	1	Bình thường
61	Thiết bị thử dầu lên đầu xi lanh	Nhật Bản	3	Bình thường
62	Thiết bị thử khóa điện	Việt Nam	1	Bình thường
63	Thiết bị thử khóa điện 05K	Việt Nam	1	Bình thường

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam”

64	Thiết bị thử khóa điện B5V	Việt Nam	1	Bình thường
65	Thiết bị thử khóa điện BJ7, BBN	Việt Nam	1	Bình thường
66	Thiết bị xả khí và cấp dầu phanh	Việt Nam	2	Bình thường
67	Trạm cấp xăng	Việt Nam	3	Bình thường
68	Xe cấp hàng tự động 01	Việt Nam	1	Bình thường
69	Xe cấp hàng tự động 02	Việt Nam	1	Bình thường
70	Xe cấp hàng tự động 03	Việt Nam	1	Bình thường
71	Xe cấp hàng tự động 04	Việt Nam	1	Bình thường
72	Xe cấp hàng tự động 05	Việt Nam	1	Bình thường
73	Xe cấp hàng tự động 06	Việt Nam	1	Bình thường
74	Xe cấp hàng tự động 07	Việt Nam	1	Bình thường
75	Xe nâng tay	Nhật Bản	20	Bình thường
76	Xe tự hành AGV	Nhật Bản	20	Bình thường

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1. 2 Nhu cầu nguyên vật liệu của cơ sở

STT	Tên hóa chất	Khối lượng sử dụng	Đơn vị	Xuất xứ
NGUYÊN VẬT LIỆU				
1	Dây hàn	15	Tấn	Nhập khẩu
2	Khí hàn Argon + CO ₂	17	Tấn	Nhập khẩu
3	Điện cực hàn	1100	Chiếc	Nhập khẩu
4	Chi tiết từ các nhà cung cấp trong nước và chi tiết nhập khẩu (Chi tiết nhựa, sắt)	1.100.000	Bộ	Nhập khẩu và trong nước
5	Sắt, thép dùng cho các hoạt động cải tiến, bảo dưỡng thiết bị	1.650	Tấn	Trong nước
HÓA CHẤT DÙNG CHO SẢN XUẤT				
1	Dung dịch sơn	11.000	Kg	Nhập khẩu và trong nước
1	Dầu phanh	1.787	Lít	Nội địa
2	Mỡ AP2	272	Kg	Nội địa
3	Dầu động cơ 10W40	40.426	Lít	Nội địa
4	Keo dán 1322D	4	Lít	Nội địa
5	Adhesive TB	85	Kg	Nội địa
6	Keo Three Bond – 1303	4	Kg	Nội địa
7	Keo khóa ốc	180	Kg	Nội địa
8	Chất tẩy rửa bề mặt	26	Lít	Nội địa
9	Keo khô nhanh	42	Kg	Nội địa
10	Dầu đen Moly 4L	8,5	Lít	Nhập khẩu
11	Dầu TSM 632	12	Kg	Nhập khẩu
12	Mỡ Kyou Dru A3	5,2	Lít	Nhập khẩu
13	Dầu chống gỉ R-123	5,2	Lít	Nhập khẩu
14	Dầu phanh ABS	300	Lít	Nhập khẩu

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam”

STT	Tên hóa chất	Khối lượng sử dụng	Đơn vị	Xuất xứ
15	Mỡ đen Moly (bôi bánh răng trung gian)	34	Kg	Nhập khẩu
	Keo 8300L (bôi cao su tay nắm)	33	Kg	Nhập khẩu
16	Nước làm mát động cơ	4.200	Lít	Nhập khẩu
17	Hóa chất xử lý nước trong buồng sơn – Flocculant	80	Lít	Nội địa
18	Hóa chất xử lý nước trong buồng sơn – Detackifier	1.200	Kg	Nội địa
19	Hóa chất xử lý nước trong buồng sơn LCD – SH 50YA	1.400	Kg	Nội địa
20	Hóa chất khử mùi	4.200	Kg	Nội địa
21	Hóa chất tẩy sơn MC 1	70	Kg	Nội địa
22	Dung môi	120	Kg	Nội địa
23	Natri Clorua 99%	360	Lít	Nội địa
24	Hóa chất xử lý nước nổi hơi	120	Kg	Nội địa
25	Natri Hidroxit 45%	800	Lít	Nội địa
26	Poly Almun Alorua	1.100	Kg	Nội địa
27	Chất phá bọt	25	Kg	Nội địa
28	Hóa chất xử lý bề mặt Accelerator	290	Kg	Nội địa
29	Hóa chất xử lý bề mặt Degreasing	1.000	Kg	Nội địa
30	Hóa chất xử lý bề mặt Neutralizer	60	Kg	Nội địa
31	Hóa chất xử lý bề mặt Phosphating	800	Kg	Nội địa
32	Hóa chất xử lý bề mặt Surface	70	Kg	Nội địa
33	HCl 30%	350	Lít	Nội địa
34	HCl 37%	100	Lít	Nội địa
35	HNO ₃ 68%	8	Lít	Nội địa
Hóa chất xử lý nước thải				
36	Phèn PAC	1.400	Kg	Nội địa
37	Kiểm	680	Kg	Nội địa
38	Acid	460	Kg	Nội địa
39	Polymer	241	Kg	Nội địa
40	NaOCl cho khử trùng	4.600	Kg	Nội địa
Hóa chất xử lý khí thải lò đốt				
41	NaOH 25%	120	Lít	Nội địa

4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a) Nguồn cung cấp điện

Nguồn cung cấp điện được lấy từ mạng lưới điện của Công ty Điện lực Sóc Sơn qua trạm biến áp 110kV/220KV của KCN cấp cho các nhà máy trong KCN. Lượng điện tiêu thụ của cơ sở vào khoảng 1.375.000 kWh/tháng.

b) Nguồn cung cấp nước

➤ Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

- Nhu cầu tiêu thụ nước của Nhà máy chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt, vệ sinh của cán bộ công nhân viên. Tổng số cán bộ công nhân của nhà máy vào khoảng 2.825 cán bộ công nhân viên. Tiêu chuẩn cấp nước: 25 lít/người.ca (căn cứ theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế). Lượng nước cấp sinh hoạt tại nhà máy là:

$$Q_1 = 2.825 \times 25/1000 = 70,625 \text{ m}^3/\text{ngày đêm.}$$

- Nhu cầu sử dụng nước cho nấu ăn: Cơ sở có 2.825 công nhân làm việc. Mỗi ngày nhà bếp sẽ phải chuẩn bị trung bình 2.825 suất ăn. Lấy định mức 25 lít/suất ăn (căn cứ theo mục 3.1 – TCVN 4513 – 1988). Vậy nhu cầu sử dụng nước cho nhà bếp là:

$$Q_{NA} = 25 \text{ lít/người/bữa ăn} \times 2.825 \text{ người} = 70,625 \text{ m}^3/\text{ngày đêm.}$$

→ Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tại cơ sở:

$$Q_{SHTB} = 70,625 + 70,625 = 141,25 \text{ m}^3/\text{ngày đêm.}$$

➤Nhu cầu sử dụng nước sản xuất:

+ Nhu cầu sử dụng nước cho dây truyền sơn nhựa. Nước chủ yếu dùng cho hoạt động rửa bề mặt các linh kiện, thiết bị trước khi sơn. Qua theo dõi đồng hồ nước cấp riêng thì nhu cầu sử dụng nước trung bình khoảng: 80 m³/ngày đêm.

+ Nhu cầu sử dụng nước cho dây truyền sơn sắt: Nước chủ yếu dùng cho hoạt động rửa bề mặt các linh kiện, thiết bị trước khi sơn. Qua theo dõi đồng hồ nước cấp riêng cho dây chuyền sơn sắt, nhu cầu sử dụng nước thực tế đạt: 90 m³/ngày đêm.

+ Nước cấp cho quá trình giặt quần áo hiện nay theo đồng hồ nước cấp riêng cho khu vực giặt quần áo khoảng: 5 m³/ngày.

➤ Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải buồng sơn: Nước cấp cho hệ thống đập bụi sơn được lấy từ bể chứa và được xử lý tuần hoàn tái sử dụng. Qua theo dõi thực tế hằng ngày sẽ bổ sung lượng nước thất thoát do quá trình vớt cặn sơn khoảng 0,5 m³/ngày.

➤Nước cấp nồi hơi:

Tại nhà máy sử dụng 07 nồi hơi sử dụng nhiên liệu LPG. Tổng công suất của 07 lò hơi khoảng 13 m³ hơi/h. Lò hơi hoạt động 16h/ngày với lưu lượng cấp nước khoảng 5 m³/ngày đêm.

Lượng nước tiến hành vệ sinh nồi hơi hằng ngày khoảng 0,5 m³/ngày đêm.

➤Nước cấp tưới cây, rửa đường:

- Nước cấp cho tưới cây: Theo TCVN 13606:2023, định mức cấp nước cho tưới cây là 4 lít/m². Diện tích cây xanh tại cơ sở là 15.000 m² thì lượng nước cấp là khoảng 60 m³/ngày.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước lớn nhất của cơ sở là:

$$Q_{SDN \text{ Max}} = 141,25 + 80 + 90 + 5 + 0,5 + 5 + 60 \approx 381,75 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Hạng mục công trình của cơ sở:

Cơ sở hoạt động trên khu đất có tổng diện tích xây dựng là 144.148 m² Lô 59 - 68 (phần diện tích Lô 48-54 đã được Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Giấy xác nhận số 773/GXN-BQL ngày 1/9/2011)

Bảng 1. 3. Hạng mục công trình hiện có của cơ sở

STT	Hạng mục	Tầng cao	Diện tích (m ²)	Chức năng
I	Khu văn phòng	1	6.118	Khu làm việc, giao dịch của các bộ phận hành chính
II	Khu vực sản xuất			
1	Phân xưởng lắp ráp thân xe, lắp ráp động cơ	1	19.172	Bố trí dây chuyền lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm
2	Khu vực sơn nhựa	2	28.000	Bố trí dây chuyền sơn nhựa phục vụ dây chuyền lắp ráp hoàn chỉnh
3	Khu vực hàn, sơn sắt	2	16.544	Bố trí dây chuyền hàn và sơn kim loại phục vụ dây chuyền lắp ráp hoàn chỉnh
4	Khu vực gia công cơ khí	1	1.508	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị
5	Khu vực kiểm tra chất lượng	1	4.607	Kiểm tra sản phẩm theo tiêu chuẩn của hãng
6	Khu vực để tạm thời & giao xe thành phẩm	1	4.989	Tập kết và xuất hàng
III	Các công trình phụ trợ			
1	Nhà ăn	1	3.908	Khu nghỉ ăn ca của cán bộ nhân viên
2	Nhà để xe	1	2.956	Khu để xe cán bộ nhân viên nhà máy
3	Khu vực tập kết chất thải	1	1.158	Lưu giữ chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định trước khi xử lý hoặc chuyển giao
4	Hệ thống xử lý nước thải	1	1.110	Khu xử lý nước thải sản xuất 144 m ³ /ngày đêm
5	Sân đường nội bộ	1	20.000	Phương tiện vận chuyển ra vào
6	Cây xanh	1	15.000	Tạo cảnh quan, hạn chế bụi, tiếng ồn phát tán ra xung quanh
7	Khu vực lưu chứa & vận chuyển chi tiết	1	11.000	Kho nguyên vật liệu, chi tiết lắp ráp, hoá chất
8	Canteen bán hàng	1	3.000	Khu bán hàng, giới thiệu sản phẩm
9	Nhà máy nén khí	1	200	Khu nhà chứa khí nén phục vụ dây chuyền sản xuất
10	Nhà máy biến áp	1	990	Đảm bảo nguồn điện ổn định

Chương 2

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

Cơ sở "Chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam" tại lô 59 đến 68, KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội phù hợp với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng trong KCN Nội Bài.

Khu công nghiệp Nội Bài thuộc Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội có diện tích 100 ha, được phát triển và quản lý bởi Công ty TNHH Phát triển Nội Bài - một Công ty liên doanh giữa Vista Spectrum của Malaysia và doanh nghiệp nhà nước là Tổng công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị (UDIC) của Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 545/TTg ngày 05/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ, có Giấy phép đầu tư số 839/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lần 1 ngày 12/4/1994 và giấy chứng nhận đầu tư lần 2 số 012043000093/GCNĐC do BQL các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 27/10/2008.

KCN Nội Bài đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng mở rộng KCN Nội Bài” tại Quyết định số 7588/QĐ-UBND ngày 16/12/2013, là khu công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm môi trường. Các ngành nghề chính trong KCN: Công nghiệp cơ khí, Công nghiệp điện tử, Công nghiệp chính xác, Công nghiệp nhẹ, Công nghệ tin học,...

Như vậy, Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch Thủ đô Hà Nội và quy hoạch phát triển khu công nghiệp Nội Bài; đồng thời phù hợp với định hướng phân vùng môi trường và chức năng sử dụng đất trong khu công nghiệp.

2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường.

Nước thải phát sinh từ nhà máy bao gồm nước thải sản xuất (178 m³/ngày đêm) và nước thải sinh hoạt (141,25 m³/ngày đêm)

+ Đối với lượng nước thải sản xuất sẽ được nhà máy xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 187 m³/ngày đêm đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào KCN Nội Bài.

+ Đối với lượng nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý sơ bộ tại 10 bể tự hoại ba ngăn của nhà máy sau đó được thu gom và hệ thống thoát nước thải của KCN.

+ Đối với khí thải phát sinh từ hoạt động sơn sẽ được xử lý bằng hệ thống hấp thụ bằng màng nước, lắng bụi nhiều ngăn với công suất 15.000 m³/ngày đêm.

Chương 3

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Thiết kế hệ thống thoát nước mưa:

- Thoát nước mưa mái: Nước mưa theo các ống dẫn PVC từ trên mái các công trình chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt ở phía dưới. Các ống dẫn PVC có đường kính D200.

- Thoát nước mưa sân, đường: Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt khu vực Nhà máy được thu gom vào hệ thống hố ga, rãnh thoát bằng bê tông đặt ngầm dưới đất, chạy xung quanh khu vực Nhà máy. Hệ thống rãnh thoát nước 3.980m có kết cấu BTCT, kích thước D400 - B600, độ dốc hệ thống $i = 0,5\%$, toàn bộ hệ thống có tấm đan đập kín. Tại các cửa thoát nước mưa đều bố trí song chắn rác để lọc sơ bộ trước khi xả ra hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Nội Bài thông qua 13 cửa xả.

Để hạn chế và phòng ngừa các tác động tiêu cực có thể xảy ra Công ty thực hiện các biện pháp như sau:

- Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần các tuyến thoát nước mưa để ngăn ngừa thất thoát và gây tắc nghẽn đường ống.

- Bê tông hóa sân đường nội bộ.

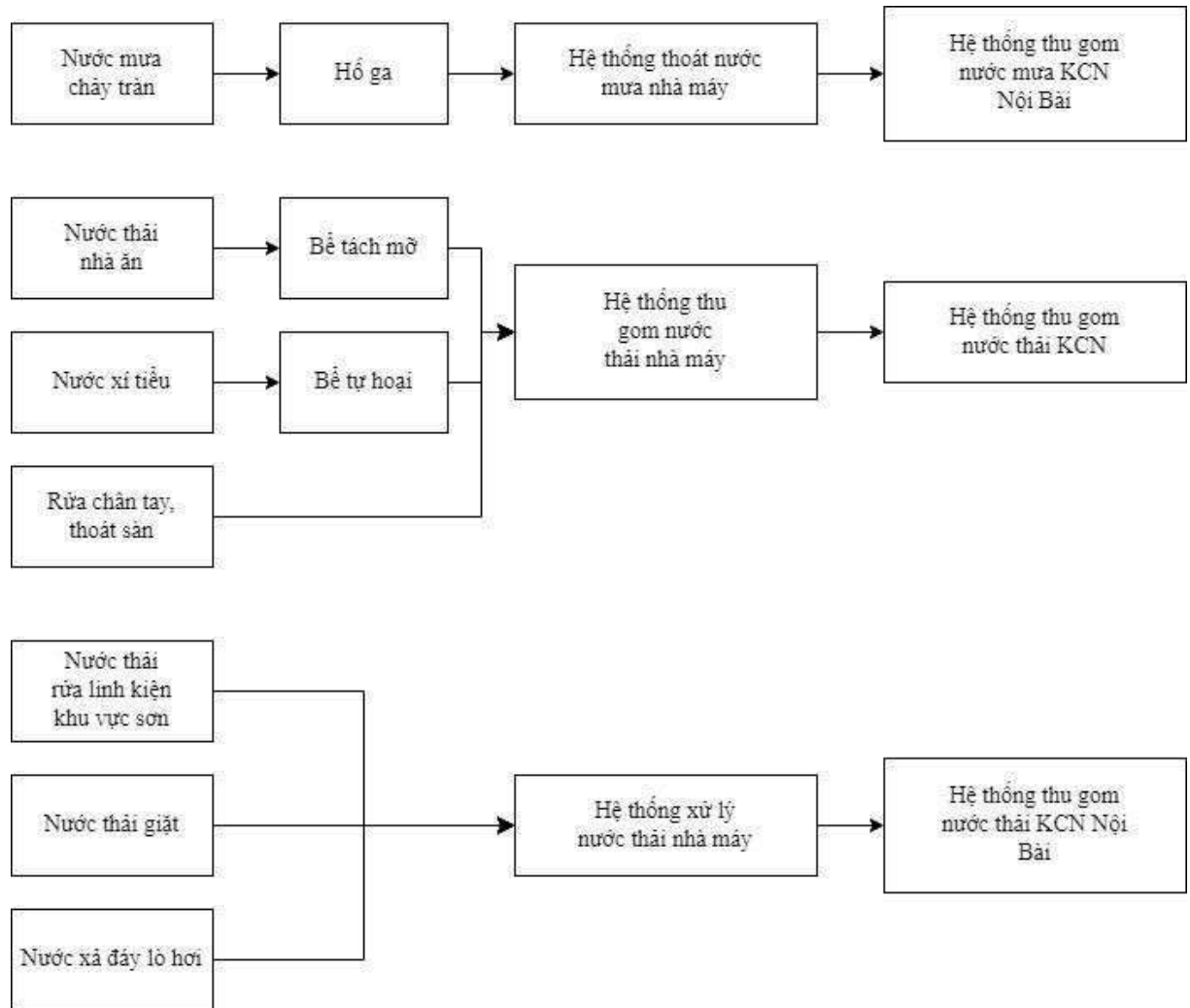
- Bố trí nắp đập cho các hố ga lắng cặn.

Định kỳ cơ sở sẽ tiến hành nạo vét cặn lắng ở các hố ga nước mưa, không để chất thải sản xuất xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn với tần suất 3 tháng/lần.



Hình 3.1. Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải



Hình 3.2. Sơ đồ phương án thoát nước tổng thể của nhà máy

• Hệ thống thu gom: Hệ thống thu gom nước thải của nhà máy được thiết kế tách biệt hoàn toàn giữa nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

➤ Nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ khu vực xí, tiểu được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC D110, dẫn về 10 bể tự hoại 3 ngăn xây dựng ngầm dưới các khu vệ sinh, với tổng thể tích 170 m³. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Nội Bài thông qua 03 điểm đầu nối.

Nước thải từ hoạt động rửa tay, thoát sản được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D90 và đầu nối chung vào tuyến ống thoát nước thải sau bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống thu gom nước thải của KCN Nội Bài.

Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D90, dẫn về bể tách dầu mỡ 3 ngăn xây dựng cạnh khu nhà ăn. Sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ, nước thải nhà bếp được đầu nối chung với nước thải sau bể tự hoại và nước thải rửa tay, thoát sản, rồi dẫn về hệ thống thu gom nước thải của KCN Nội Bài.

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của cơ sở là 141,25 m³/ngày đêm. Căn cứ Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội, lượng nước thải sinh hoạt được xác định bằng 100% lượng nước cấp. Do đó, lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở tương ứng là 141,25 m³/ngày đêm.

➤ **Nước thải sản xuất:**

Nước thải từ dây chuyền sơn nhựa, sơn sắt chủ yếu là nước rửa chi tiết, linh kiện trước khi đưa vào quy trình sơn. Nước thải được thu gom vào các bể chứa ngầm, bể chứa có tác dụng để lắng các cặn lắng lơ lửng sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 187 m³/ngày đêm.

Nước thải từ quá trình giặt rửa quần áo, dụng cụ, thiết bị được thu gom vào bể chứa bên ngoài xưởng và bơm về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 187 m³/ngày đêm

Nước thải từ quá trình vệ sinh nồi hơi: Hằng ngày cơ sở sẽ vệ sinh nồi hơi, nước vệ sinh được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 187 m³/ngày đêm để xử lý theo đường ống.

1.3. Công trình thu gom xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

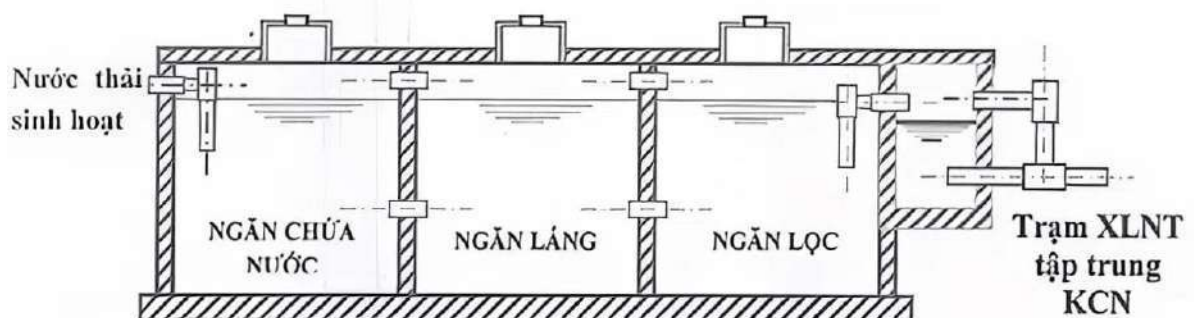
- Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn: Nước thải qua bể tự hoại được lắng cặn và lên men cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí, cặn được phân huỷ thành các chất khí và khoáng hoà tan.

- Sau khi qua bể tự hoại nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 40 - 60% riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn.

- Định kỳ kiểm tra nạo vét hệ thống dẫn nước thải, kiểm tra phát hiện hư hỏng, mất mát để có kế hoạch sửa chữa thay thế kịp thời.

- Định kỳ 06 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình và thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn từ bể tự hoại đi xử lý với tần suất 3 tháng/lần.

Cấu tạo bể tự hoại như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Xử lý nước thải nhà ăn:

Nước thải nhà bếp đi qua hệ thống song chắn rác để tách các loại rác thải nhà ăn như rau, củ, thực phẩm thừa,... rồi qua bể tách mỡ để tách dầu mỡ trước khi dẫn nước thải nhà bếp ra trạm XLNT chung của công ty. Bể tách mỡ được xây dựng bằng BTCT thể tích 41 m³, nắp đậy bằng tôn ngay tại khu vực nhà bếp. Bể tách mỡ gồm 3 ngăn.

Định kỳ 1 tuần/lần, nhân viên nhà bếp sẽ thu gom váng dầu lưu giữ tại khu vực chứa chất thải sinh hoạt để đơn vị có chức năng đến thu gom đi xử lý.

Nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nội Bài thông qua 06 điểm xả đã ký hợp đồng thu phí xử lý. với Công ty TNHH phát triển Nội Bài (hợp đồng thu gom xử lý đính kèm phụ lục báo cáo).

b) Nước thải sản xuất:

Để phục vụ việc xử lý nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, công suất thiết kế 187m³/ngày đêm tại phía Nam nhà máy trên diện tích 300 m², phù hợp với lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở là 178 m³/ngày.đêm.

➤ Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Hệ thống xử lý nước thải chỉ tiếp nhận nước thải sản xuất, không tiếp nhận nước thải sinh hoạt và nước mưa.

Hệ thống xử lý nước thải xây dựng thiết kế theo công nghệ của COMBAT với nguyên lý: keo tụ, lắng, lọc, có sử dụng các loại hóa chất keo tụ tạo mầm, bông như: Coagulant. Flocculant. Đồng thời kết hợp với quá trình xử lý bằng sinh vật hiếu khí.

Nước thải từ quá trình sản xuất được thu về các bể chứa tại khu xử lý, sau đó chúng được hòa trộn với nhau theo một tỉ lệ nhất định tại bể cân bằng thông qua hệ thống bơm trộn.

Sau quá trình trộn nước thải sẽ được hệ thống bơm đưa đi qua lần lượt các bể điều chỉnh pH (pH Adjustment), bể tạo mầm (Coagulation tank), bể tạo bông (Flocculation tank), bể lắng nhanh (Settling tank) để hình thành các bông cặn lắng xuống. Phần nước trong được thu sau quá trình lắng nhanh sẽ được bổ sung dưỡng chất tại bể Nutrient sau đó đưa về bể điều chỉnh lưu lượng (Adjustment Follow tank) sau đó đưa lên bể xử lý sinh học (Aeration tank) để thực hiện quá trình phân hủy các chất hữu cơ bởi hệ vi sinh vật trong nước đã được nuôi cấy.

Sau quá trình xử lý, nước thải sẽ được lọc qua hệ thống lọc cát (sand filter) rồi đưa về bể xả và đầu nối với hồ ga thu gom về hệ thống xử lý tập trung của khu công nghiệp Nội Bài.

Bùn cặn phát sinh trong quá trình lắng được thu về bể chứa bùn và được đóng rắn bởi hệ thống máy ép bùn (Filter press) 300L/m (diện tích ép bề mặt 20m²) sau đó được Nhà thầu Hòa Bình thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định. (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục báo cáo).

- Hệ thống điều khiển: Điều khiển toàn bộ vận hành của hệ thống các bơm, giàn ép bùn, hệ thống lọc. Tại mỗi khâu của quá trình xử lý đều có các sensor pH cung cấp các thông số để điều chỉnh quá trình xử lý.

➤ Quy trình vận hành:

Kiểm tra ban đầu:

- Khi bắt đầu tất cả các ca, người vận hành phải thông qua các bước sau:
- Xem nhật ký, kiểm tra hệ thống có bất thường gì xảy ra không?

Kiểm tra tình trạng của bơm nước, bơm hồi lưu, bơm bùn, máy thổi khí, bơm định lượng hóa chất.

- Kiểm tra các thùng chứa hóa chất còn hay hết để bổ sung.
- Bể lắng: nước trong hay đục? Nhiều bùn nổi trên bề mặt không? Đệm bùn trong bể lắng cao hay thấp? Nếu đệm bùn cao thì phải kiểm tra để đảm bảo bơm bùn làm việc bình

thường. Nếu bơm bùn làm việc bình thường thì phải kiểm tra chế độ làm việc của bơm bùn và hồi lưu, thiết lập thời gian bơm bùn và bơm hồi lưu cho phù hợp.

- Sau khi kiểm tra tình trạng thiết bị, người vận hành sẽ bật hệ thống ở chế độ vận hành tự động.

Hệ thống có 2 chế độ vận hành tự động và bằng tay. Chế độ vận hành tự động hoạt động theo phao định mức và thiết bị cảm biến để điều khiển các bơm định lượng hóa chất, bơm nước thải.

Bảng 3.1. Thông số các hạng mục xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy

STT	Tên hạng mục/thiết bị	Thể tích (m ³)
I	Các bể chứa nước thải	
1	Bể DI waste chứa nước sơ rửa chi tiết nhựa từ sơn nhựa	10
2	Bể ED waste chứa nước rửa chi tiết kim loại từ xưởng sơn sắt	45
3	Bể Normal waste chứa nước thải thông thường từ hoạt động sản xuất của các xưởng	40
4	Bể Alkaline waste chứa nước thải kiềm và dầu từ xưởng sơn sắt	15
5	Bể Acid waste chứa nước thải có axit H ₃ PO ₄ từ sơn sắt	25
6	Bể Trung hòa	100
II	Các bể xử lý	
1	Bể điều chỉnh pH (pH Adjustment)	2,2
2	Bể tạo mầm (Coagulation tank)	2,2
3	Bể lắng nhanh (Rapid settling tank)	6,5
4	Bể trung hoà (Neutralization tank)	2,2
5	Bể điều chỉnh lưu lượng (Flow adjust pit)	30
6	Bể xử lý sinh học (Aeration tank)	80
7	Bể lắng sinh học (Bio settling tank)	6
8	Bể thu nước trong (Retention tank)	6
9	Tháp lọc cát	6
10	Bể xả (Discharge tank)	6
11	Bồn pha hóa chất	1
III	Danh mục nâng cấp bể	
1	Bể điều chỉnh PH (TK -7') kích thước 500 x 500 x 1270mm	0,26
2	Bể keo tụ (TK - 8') kích thước 500 x 500 x 1270mm	0,26
3	Bể keo tụ (TK - 9') kích thước 1000 x 1000 x 1270 mm	1,05
4	Bể lắng nhanh (TK - 10') kích thước 1550 x 1550 x 3350 mm	2,5
5	Bể hiệu khí (TK - 13') kích thước 2500 DIA x 4400 HT	39,25
6	Bể lắng sinh học (TK - 14') 2500 DIA x 4400 HT	19,625
7	Bồn lọc cát (F01') kích thước 600 DIA x 1920 SH	
8	Tủ điện(CP1') kích thước 900 x 500 D x 1925 HT	
IV	Danh mục thiết bị	
1	Rọ chắn rác tinh	2
2	Bơm nước thải	5
3	Phao báo mức	6
4	Đồng hồ đo lưu lượng	1
5	Máy sục khí chìm	4

STT	Tên hạng mục/thiết bị	Thể tích (m ³)
6	Thiết bị đo pH online	1
7	Hộp bảo vệ thiết bị đo pH online	1
8	Mixer hòa trộn	6
9	Bơm bùn bể lắng hóa lý	4
10	Máy khuấy chìm	4



Hình 3.5. Hình ảnh thực tế hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi sơn

Với lưu lượng sơn sử dụng tại nhà máy vào khoảng 11.000 kg/năm (tương đương khoảng 9.166 lít) thì tải lượng chất hữu cơ bay hơi phát sinh có thể tính toán được như sau:

$$EVOC = Q \times VOC \times (1 - CE)$$

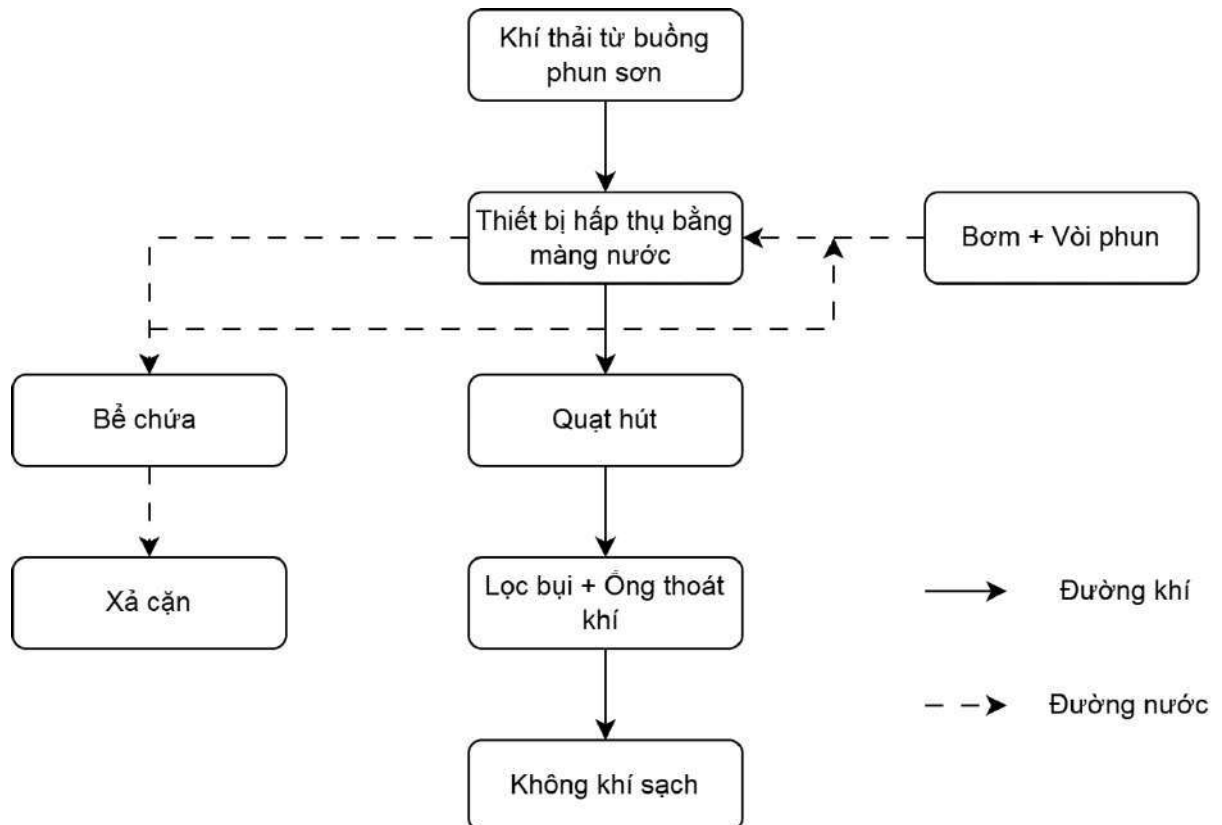
Trong đó:

- Q: - Tổng lượng sơn sử dụng trong năm (lít/năm): $Q = 9.166$ lít/năm
- VOC: Tổng hàm lượng VOC có trong sơn sử dụng(kg/l): $VOC = 0,672$ kg/l
- CE: Hiệu suất bám dính của nước sơn trên vật liệu (%): 98%

Vậy tổng lượng hơi sơn phát thải vào không khí là :

$$EVOC = 9.166 \times 0,672 \times (1-0,98) = 123,2 \text{ (kg/năm)} \sim 427,8\text{g/ngày}$$

Tại các dây chuyền sơn đều được lắp đặt hệ thống cấp khí và hút khí cùng với hệ thống xử lý bụi sơn bằng phương pháp đập bụi bằng màng nước và buồng lắng có tấm chắn nhằm xử lý bụi sơn tại buồng sơn lót và sơn bóng của dây chuyền sơn. Hiện tại cơ sở đang sản xuất với 03 dây chuyền sơn: 01 dây chuyền sơn sắt (Line C), 02 dây chuyền sơn nhựa (Line A, Line B). Mỗi dây chuyền sơn nhựa có 02 buồng sơn và khí thải tại mỗi buồng sơn được thu gom xử lý bằng 04 hệ thống xử lý khí thải với công suất 37.000 m³/giờ. Riêng đối với 01 dây chuyền sơn sắt có 02 buồng sơn nhựa và khí thải được thu gom xử lý bằng 09 hệ thống xử lý khí thải với công suất 37.000 m³/giờ.



Hình 3.6. Quy trình xử lý bụi sơn

Hệ thống xử lý bụi sơn gồm các công đoạn: hấp thụ bằng màng nước, lắng bụi nhiều ngăn

Cụ thể:

- Công đoạn 1: Một phần bụi sơn được giữ lại qua hệ thống màng nước

Buồng lọc bụi sơn màng nước được lắp đặt dưới buồng sơn, bao gồm nhiều bộ phận khác nhau tạo thành :

- Vách: inox với độ dày từ 0.8 -1,5 mm.
- Thùng chứa nước: inox độ dày từ 2 -3mm.
- Màng nước : inox 0.8 - 1,5mm.
- Máng nước: inox dày 2-3mm.
- Tủ điện điều khiển: tủ sản xuất tại Việt Nam, linh kiện LS Hàn Quốc.
- Quạt hút: Ø 500, Ø 600, Ø 700.

- Ống hút: ống hút Ø500, Ø 600, 0 700, ống xoắn hoặc ống gò thẳng.
- Motor bơm nước: 1-2 hp, motor quạt 2-3 hp.
- Nón che mưa: làm bằng tole kẽm 0,8mm.

Khi đưa thiết bị vào vận hành thì buồng sơn sẽ tạo nên một luồng khí động linh hoạt, khi công nhân thực hiện thao tác phun sơn trên bề mặt chi tiết, một phần sơn sẽ bám vào chi tiết cần sơn, phần còn lại nhờ các quạt hút được trang bị ngay trên nóc buồng sơn, dưới sức tác dụng của lực ly tâm, bụi sơn lúc này sẽ được tách ra khỏi dòng không khí. Bụi sơn sau đó sẽ được cuốn vào bộ phận máng nước chảy tràn và trôi xuống bể chứa lọc bụi màng nước nằm phía dưới. Định kỳ thực hiện xả cặn thu hồi bã sơn khoảng 2 lần trên 1 tuần, cặn sơn được xử lý, nước tuần hoàn được bơm lại vào máng, nước sạch được thay theo chu kỳ.

- Công đoạn 2: bụi sơn trong không khí qua hệ thống chụp hút tiếp tục được xử lý bằng hệ thống buồng lắng bụi nhiều ngăn có tấm chắn.

- Công đoạn 3: Sau đi đi qua các tấm chắn, một phần bụi sơn còn sót lại sẽ được tiếp tục xử lý qua hệ thống lọc trước khi thải ra môi trường.

Hệ thống lọc bụi hoạt động theo nguyên lý sau:

- + Toàn bộ khí qua hệ thống chụp hút, đưa về ống chính, qua quạt hút, đưa qua tấm lọc. Do bụi sơn chứa các hạt li ti có kích thước nhỏ nên bụi sơn sẽ bị giữ lại bởi các tấm lọc.
- + Dòng khí chứa bụi đi qua đường ống vào lọc bụi và được phân bố vào các ngăn chứa tấm lọc, bụi sẽ bám dính tại tấm lọc và chỉ có khí sạch đi qua.

Bảng 3.2. Các thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi

STT	Nội dung	Thông số
1	Lượng gió xử lý	37.000 m ³ /giờ
2	Diện tích lọc	624 m ²
3	Chất liệu tấm lọc	polyester không dệt 500g/m ²
4	Nhiệt độ tấm lọc	110°C (130°C trong thời gian ngắn)
5	Quy cách tấm lọc	287 x 592 x 21 mm
6	Nồng độ khí thải	≤ 50mg/m ³

Dòng khí sau lọc bụi khí được đưa ra phía ngoài nhà xưởng, hiệu quả lọc đến 95%. Bụi thu hồi được quản lý như chất thải nguy hại. Khí thải sau xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

Đối với khu vực sơn chi tiết kim loại (sơn nhúng) của cơ sở dụng công nghệ sơn điện (di/ED) không phát sinh khí thải độc hại vì sơn được thực hiện trong hệ thống bể kín bằng phương pháp điện hoá. Sơn sử dụng dung môi là nước (sơn gốc nước), hoàn toàn không chứa dung môi hữu cơ dễ bay hơi (VOC) và không tạo ra bụi sơn lơ lửng. Tuy nhiên để đảm bảo cho công nhân làm việc tại nhà máy cụ thể tại khu vực buồng sơn công ty có lắp đặt hệ thống quạt hút với công suất 16.200 m³/giờ

2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải khu vực hàn

Để giảm thiểu ảnh hưởng của khói hàn đến môi trường và người lao động, cũng như tăng độ chính xác của đường hàn, Công ty sử dụng 47 robot hàn. Cơ sở áp dụng công nghệ hàn Mag nên khí thải, bụi phát sinh từ quá trình hàn không đáng kể và được kiểm soát hiệu quả. Mỗi robot hàn đều được trang bị đồng bộ hệ thống thu gom khí thải phát sinh. Cụ thể:

Một robot hàn được trang bị đồng bộ bao gồm: Buồng hàn, hệ thống chụp hút, ống dẫn, quạt hút ra ngoài môi trường.

Buồng hàn được chế tạo bằng thép, inox nhằm tạo khu vực riêng biệt cho khu vực hàn và tạo phân hút khí tốt hơn.

Ống dẫn khí làm bằng vật liệu chống cháy khi hàn sẽ có các tia lửa bắn ra. Do đó phải sử dụng loại ống đặc biệt không bắt lửa, và đủ bền để hút khí hàn.

2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải từ buồng sấy (sơn nhựa, sơn sắt)

Các sản phẩm sau khi sơn được đưa sang công đoạn sấy để làm khô sản phẩm. Nguyên liệu lò sấy sử dụng Gas LPG, nhiệt độ lò sấy được duy trì phù hợp với từng loại sản phẩm, chất liệu. Thông thường sản phẩm nhựa (75°C), sản phẩm bằng thép (180°C), nhiệt độ đủ để làm khô nhanh sản phẩm mà không làm cháy sản phẩm, cũng như lớp sơn do đó khí thải phát sinh từ công đoạn này không đáng kể và được kiểm soát hiệu quả.

Theo kết quả phân tích khí thải định kỳ từ khu vực buồng sấy, kết quả phân tích khí thải có các thông số đều nằm trong quy chuẩn cho phép tại QCVN 19:2024/BTNMT do đó các tác động đến môi trường là không đáng kể.

2.4. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong nhà xưởng

Hiện tại chủ dự án đang áp dụng các biện pháp sau nhằm giảm thiểu tác động của bụi và khí thải:

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, mũ,...) cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất của Nhà máy nhằm giảm tiếp xúc trực tiếp của công nhân.
- Thu gom ngay các đầu mẫu nhựa, vụn rơi vãi khi cho vào lò.

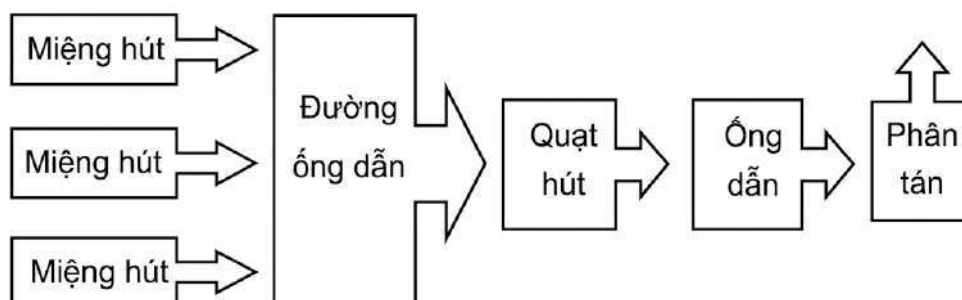
Trong các nhà xưởng sản xuất đã lắp đặt hệ thống thông gió nhằm giảm thiểu bụi, khí thải và mùi phát sinh trong từng phân xưởng.

- Khu văn phòng và nhà ăn ca công nhân dùng quạt cấp và quạt hút gió thải.

Nhà xưởng sản xuất của Công ty hiện tại cao, sử dụng vật liệu chống nóng, hệ thống thông gió đã đầu tư lắp đặt từ trước theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường lao động.

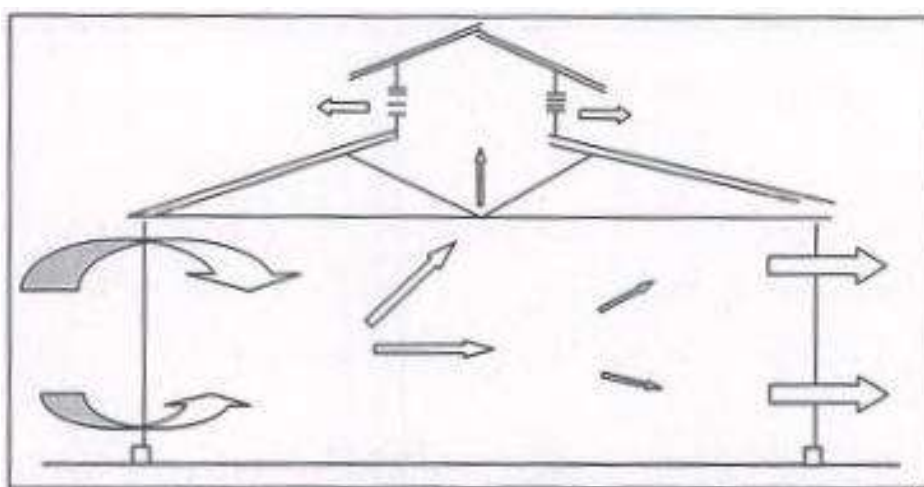
Nhà xưởng được trang bị hệ thống thông gió cưỡng bức.

Hệ thống thông gió cưỡng bức có sử dụng quạt hút gió công nghiệp có công suất lớn tại các xưởng sản xuất, nhà kho. Hệ thống thông gió cưỡng bức được thực hiện theo sơ đồ sau:



Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống thông gió cưỡng bức đã lắp đặt tại các xưởng sản xuất
 Các xưởng sản xuất được trang bị hệ thống quạt công nghiệp, quạt hút cấp gió tươi đảm bảo không khí được lưu thông nhằm thông thoáng nhà xưởng, khí phân tán qua mái xưởng nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất mức độ ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân sản xuất trong Nhà máy.

Ống dẫn hệ thống cấp gió tươi chạy theo mái nhà xưởng (120m). Trong xưởng sản xuất, không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thổi và thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái. Nguyên lý của phương pháp thông gió nhà xưởng tự nhiên được mô tả tại hình sau:



Hình 3.8. Sơ đồ thông gió tự nhiên tại nhà máy

Bảng 3.3. Thống kê số lượng quạt hút, cấp gió tươi tại nhà máy

Xưởng	Quạt công nghiệp	Quạt treo tường	Quạt thông gió, quạt cấp gió tươi	Điều hòa
Pro1	485	207	220	84
Pro2	74	68		
IKD	38	48		
Bảo hành	9	2		
Kairen nhà máy	10			
P/S	160	19		
ED	80			
Hàn	40			

Xưởng	Quạt công nghiệp	Quạt treo tường	Quạt thông gió, quạt cấp gió tươi	Điều hòa
Log	47			
QA	41			

2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải phát sinh từ hoạt động của bếp ăn tập thể

Tại nhà máy có 01 bếp ăn tập thể phục vụ ăn uống cho cán bộ, công nhân viên. Khu được thiết kế thông thoáng, có lắp điều hòa nhiệt độ, quạt thông gió làm giảm nhiệt và hạn chế mùi thức ăn trong quá trình chế biến.

Để giảm thiểu ô nhiễm khí thải phát sinh từ hoạt động này dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn nền, vệ sinh bàn ghế bên trong bếp ăn và canteen.
- Sử dụng thùng rác chuyên dụng có nắp đậy dung tích 100l (10 cái) để ngăn sự phát tán mùi hôi do quá trình phân hủy rác thải.
- Bằng các biện pháp thông gió làm mát, sử dụng các nhiên liệu sạch như gas và điện (riêng khu vực nhà bếp có lắp đặt thêm thiết bị khử mùi, hút khói phát sinh do quá trình đun nấu), sử dụng các chất sát trùng và tẩy rửa để luôn duy trì điều kiện khí hậu trong lành và mát mẻ trong bếp ăn và canteen.
- Chủ cơ sở đã cho lắp đặt 01 hệ thống hút khói bụi cục bộ tại bếp ăn.
- Đối với quạt thông gió, và quạt hút khói sử dụng 02 quạt hướng trục, mỗi quạt có công suất 15.800 m³/h, điện năng tiêu thụ khoảng 3.0kw/h.

Thông số kỹ thuật:

- + Inox 430/tôn tráng kẽm.
- + Bao gồm chụp hút, quạt hút & hệ thống đường ống: Chụp hút khói làm bằng vật liệu Inox, có hệ thống gân chịu lực, có phin lọc mỡ và đèn chiếu sáng, có lớp lọc than hoạt tính để khử mùi thức ăn,

Quạt hút khói: Quạt hướng trục, làm bằng sắt sơn tĩnh điện, công suất hút: 15.800 m³/h, Điện năng : 3 kw/lh.

2.6. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi tại các khu vực có rác sinh hoạt và các hố ga bề tự hoại

Hiện tại cơ sở đang áp dụng các biện pháp như sau:

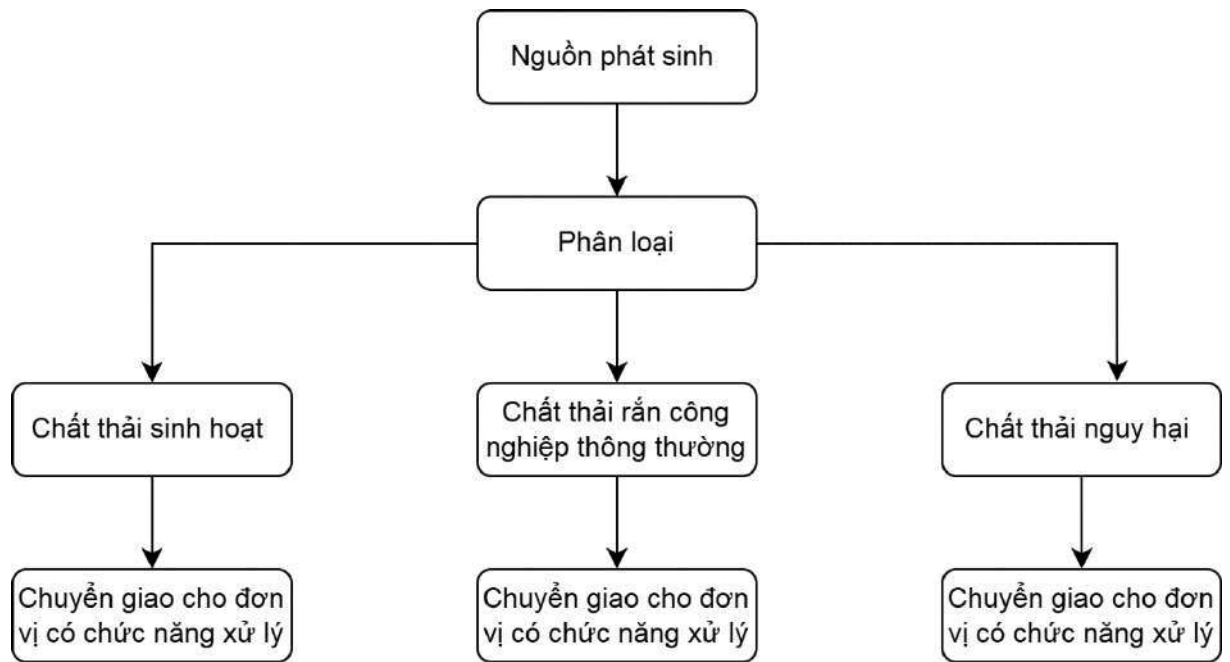
- Công ty đã đặt các thùng đựng rác sinh hoạt có nắp đậy loại 50 lít - 60 lít xung quanh khu vực nhà ăn ca, văn phòng, nhà xưởng và thường xuyên quét dọn, thu gom hàng ngày theo quy định để tránh mùi sinh ra từ quá trình phân hủy rác thải tại các thùng rác.

Bố trí đội công nhân vệ sinh duy trì công tác thu gom, quét dọn tránh gây tràn đổ rác thải vương vãi ra khu vực nền đường của Nhà máy.

- Công ty đang sử dụng bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, đúng yêu cầu kỹ thuật giảm mùi hôi phát sinh gây ô nhiễm môi trường.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải

Chủ cơ sở đã tiến hành phân loại chất thải



Hình 3.9. Sơ đồ thu gom, phân loại chất thải

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng chất thải phát sinh theo báo cáo môi trường 2025 là: 137.930 kg/năm với thành phần của chất thải sinh hoạt chủ yếu bao gồm: bao bì, hộp đựng đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, vỏ hoa quả,...

Công ty đã thực hiện phân loại chất thải theo Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

+ Đặt các thùng chứa rác trong văn phòng và khu vực nhà ăn để thu gom rác thải phát sinh: Loại thùng có nắp đậy, dung tích 50 - 100 l/thùng.

+ Tổ chức công nhân thực hiện quét dọn vệ sinh cuối ngày, thu gom rác thải. Công ty bố trí 10 công nhân vệ sinh để thực hiện công việc thu gom và dọn vệ sinh trong Nhà máy.

+ Kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 1.000 m², mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định

+ Định kỳ hút bỏ bùn cặn bể phốt (3 tháng/lần) và đưa đi xử lý như chất thải rắn thông thường theo đúng quy định hiện hành.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong năm 2025 theo báo cáo môi trường năm là: 705.646 kg/năm với thành phần chủ yếu là Bìa catton, nylon, gỗ, giấy với khối lượng là 610.726 kg/năm và chất thải xây dựng là 94.920 kg/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy sẽ được phân loại và thu gom lưu chứa tại khu vực lưu giữ chất thải có diện tích 1000 m².

- Tùy vào tình hình thực tế phát sinh, nhà máy sẽ thỏa thuận về tần suất thu gom, chuyển giao chất thải với đơn vị thu gom xử lý. (Hợp đồng với các đơn vị thu gom xử lý đính kèm phụ lục báo cáo).



Hình 3.10. Kho chất thải thông thường của cơ sở

3.3. Chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở theo báo cáo môi trường năm 2025 là: 644.480 kg/năm cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ quá trình photphat hóa	07 01 04	Rắn	NH	15.870
2	Dầu máy tổng hợp	07 03 05	Lỏng	NH	6.530
3	Cặn sơn	08 01 01	Rắn/Lỏng	KS	100.950
4	Dung môi hữu cơ chứa sơn thải	08 01 05	Lỏng	NH	49.980
5	Bùn thải chứa thành phần nguy hại	12 06 05	Bùn	KS	266.640
6	Xăng dầu thải	17 06 02	Lỏng	NH	34.560
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải, găng tay dính dầu	18 02 01	Rắn	KS	30.100
8	Bao bì mềm thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	KS	63.840

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam”

9	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 02	Rắn	KS	24.060
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Lỏng	KS	18.340
11	Phoi từ quá trình gia công, tạo hình	07 03 11	Rắn	KS	6.280
12	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	19 03 01	Rắn/Lỏng	KS	940
13	Sản phẩm hữu cơ có các thành phần nguy hại	19 03 02	Rắn/Lỏng	KS	9.540
14	Pin ắc quy thải	16 01 12	Rắn	KS	2.530
15	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	890
16	Hộp mực in có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	NH	80
17	Chất thải lây nhiễm bao gồm cả chất thải sắc nhọn	13 01 01	Rắn/Lỏng	NH	0
18	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Rắn	NH	90
19	Linh kiện điện tử thải	15 01 09	15 01 09	15 01 09	560
20	Vật thể mài đã qua sử dụng	07 03 10	Rắn	KS	100
21	Que hàn thải	07 04 01	Rắn	KS	0
22	Xi hàn	07 04 02	Rắn	KS	0
Tổng					644.480

- Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được phân loại ngay tại nguồn, tại các khu vực sản xuất, văn phòng, khuôn viên chủ dự án đã bố trí các thùng chứa thùng chứa CTNH chuyên dụng, có nhãn, nắp kín để thu gom chất thải nguy hại, hằng ngày cán bộ nhân viên sẽ đi thu gom chất thải về kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 300m² nhà kho có mái che, có biển cảnh báo chất thải nguy hại, các loại chất thải được chứa vào khoang chứa riêng biệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định.



Hình 3.11. Kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia sản xuất trong Nhà máy nhằm giảm ảnh hưởng của tiếng ồn đến người lao động.

- Công ty thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, công cụ bôi trơn và các chi tiết chuyển động như: Trục quay, ổ bi,... giảm thấp nhất mức ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động.

- Cân chỉnh máy móc và thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc khác.

- Không giao nhận hàng vào những giờ nghỉ nhằm giảm tối đa mức ồn, hạn chế ảnh hưởng đến công nhân và khu vực xung quanh.

- Cách ly hợp lý các nguồn gây ồn ra vị trí riêng biệt nhằm hạn chế tiếng ồn, rung tập trung trong một khu vực hạn hẹp.

- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn sẽ được trang bị nút bịt tai hoặc bao tai chống ồn.

- Sử dụng các thiết bị có lò xo giảm sóc và hệ thống giảm chấn.

- Lựa chọn thiết bị, máy móc hiện đại ít gây ồn và rung.

- Bố trí vật liệu cách âm, hút âm xung quanh khu vực phát sinh tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh tường rào của cơ sở nhằm hạn chế các tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh.

- Hạn chế tốc độ, cấm bóp còi để giảm tiếng ồn khi qua các khu vực nhạy cảm.

- Cấm các xe chở quá tải trọng quy định để giảm thiểu rung động.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với nước thải

a. Sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

Đây là sự cố thường gặp nhất trong các loại sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoạt động liên tục. Chính vì vậy, các sự cố này cần được khắc phục kịp thời, tránh tình trạng phải dừng hoạt động. Quy trình ứng phó như sau:

Bước 1: Phát hiện sự cố, tạm ngừng tiếp nhận nước thải đầu vào và cô lập hệ thống.

Bước 2: Tiến hành kiểm tra, phát hiện các máy móc thiết bị hư hỏng.

Bước 3: Kiểm tra kho chứa có thiết bị, vật tư thay thế hay không. Nếu có, lập tức tiến hành thay thế ngay, nhanh chóng đưa trạm xử lý đi vào hoạt động trở lại. Sau đó đưa máy móc đi sửa chữa, kiểm tra nguyên nhân gây hư hỏng để đưa ra phương án vận hành phù hợp hơn.

Bước 4: Trường hợp máy móc hư hỏng không có vật tư thay thế tại chỗ. Chủ dự án phối hợp với đơn vị cung cấp thiết bị tiến hành thay thế, sửa chữa nhanh nhất có thể để đưa trạm xử lý đi vào hoạt động trở lại.

Bước 5: Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo có thể xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

b. Sự cố hệ thống xử lý nước thải vận hành không đạt quy chuẩn

Đây là loại sự cố có thể xảy ra khi có biến động về lưu lượng cũng như chất lượng nước thải đầu vào. Do đó, để đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý, chủ dự án cần áp dụng mọi biện pháp để kiểm soát được các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xử lý nước thải. Việc kiểm soát này nhằm ngăn ngừa việc tạo ra chất lượng nước sau xử lý không đạt yêu cầu.

Người vận hành phải liên tục kiểm tra, ghi chép và theo dõi, khắc phục ngay các lỗi, sự cố trong quá trình vận hành. Quy trình ứng phó như sau:

Bước 1: Phát hiện sự cố, nhanh chóng chặn cửa xả nước thải.

+ Trong trường hợp thông số sau tiên xử lý chưa đạt yêu cầu sau xử lý, dòng thải sẽ được lưu giữ tại bể sự cố để lưu giữ tạm thời, không xả trực tiếp sang hệ thống tiếp theo. Nhờ đó, nguy cơ gây sốc tải hoặc làm suy giảm, thậm chí gây chết vi sinh tại công đoạn xử lý sinh học được kiểm soát hiệu quả.

+ Trong trường hợp nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý sinh hóa không đạt yêu cầu, nước thải được bơm sang bể ứng phó sự cố để lưu giữ tạm thời.

Ngoài ra, các bể điều hòa và các bể phản ứng đã được thiết kế với thời gian lưu dự phòng lớn để đáp ứng cho nhu cầu xả thải từ nhà xưởng trong trường hợp khẩn cấp, có lưu lượng lớn.

Bước 2: Kiểm tra kịp thời phát hiện các công đoạn xử lý không được vận hành đúng quy trình.

Bước 3: Sau khi phát hiện nguyên nhân cần nhanh chóng khắc phục sự cố sớm nhất có thể.

Bước 4: Sau khi khắc phục xong sẽ tuần hoàn nước thải về các bể tương ứng để tiếp tục xử lý. Chỉ tiếp nhận nước thải trở lại đến khi hệ thống được cải tạo, khắc phục, đủ điều kiện xử lý nước thải theo quy định.

Trong trường hợp thời gian tiến hành khắc phục, sửa chữa hệ thống kéo dài, các bể sự cố của Dự án không đảm bảo tiếp nhận nước thải, CDA sẽ thuê đơn vị đến thu gom, vận chuyển xử lý tất cả lượng nước thải còn tồn đọng trong hệ thống như đối với chất thải nguy hại.

5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về hệ thống xử lý khí thải

a. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống.

- Quan trắc chất lượng khí thải đầu ra định kỳ của hệ thống xử lý.

b. Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Công ty sẽ tiến hành dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản,...; khắc phục sự cố.

5.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về vỡ đường ống cấp, thoát nước

- Đường ống dẫn nước sẽ có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Giải pháp ứng cứu khi có sự cố vỡ ống dẫn nước là xây dựng một hệ thống cống thoát nước xung quanh những vị trí có khả năng gây đổ vỡ đường ống.

- Sự cố tắc cống thoát nước:

+ Đối với cống thoát nước mưa chảy tràn: Cống thoát nước mưa chảy tràn được xây dựng có nắp đậy nhằm hạn chế rác thải, lá cây rơi xuống đồng thời đội vệ sinh thường xuyên quét dọn nạo vét mương thu gom nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát.

+ Đối với cống thoát nước thải: Cống được xây dựng có nắp đậy định kỳ được nạo vét nhằm tăng khả năng thu gom nước thải. Tại hệ thống xử lý bố trí song chắn rác để thu gom rác trước khi vào hệ thống xử lý chung nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Tuyên truyền cán bộ, công nhân viên trong nhà máy, người dân sinh sống trong dân cư có ý thức thu gom rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

5.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Hệ thống PCCC được thiết kế, thẩm duyệt và nghiệm thu theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền thẩm duyệt như:

+ Lắp đặt các trang thiết bị PCCC gồm bình chữa cháy, lăng vòi, cuộn dây chữa cháy, chuông còi báo cháy, tiêu lệnh chữa cháy tại tất cả các vị trí có tiềm ẩn nguy cơ cháy với những thiết bị hiện đại, đảm bảo độ tin cậy và chính xác cao, phát hiện cháy nhanh, chữa cháy kịp thời.

+ Lắp đặt hệ thống chữa cháy họng nước vách tường, có hệ chữa cháy chủ đạo bằng nước, trụ chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler, chữa cháy bằng bột, hệ thống chữa cháy bằng khí (CO₂ cho khu vực chống nổ, FM200 cho phòng điện) hệ phụ trợ là bình bột chữa cháy cá nhân. Khi đám cháy mới phát sinh, còn cháy nhỏ thì có thể dùng phương tiện chữa cháy ban đầu là bình chữa cháy cá nhân để dập lửa.

+ Trang bị bảng nội quy phòng chống cháy nổ và các bình xịt cứu hỏa, bao cát đặt tại các điểm thích hợp để dễ thấy và dễ lấy khi xảy ra hỏa hoạn.

+ Bố trí cửa thoát hiểm và biển báo cần thiết để hướng dẫn khi xảy ra cháy.

- Ban hành nội quy cấm hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể gây cháy nổ.

- Lắp đặt các biển báo cấm lửa tại khu vực dễ gây cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp điện để tránh xảy ra chập điện gây cháy nổ.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị sản xuất, khi không sử dụng phải ngắt cầu dao cấp điện cho máy móc, thiết bị sản xuất để tránh chập điện gây cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống chống sét theo đúng thiết kế được thẩm định.

- Định kỳ kiểm tra độ an toàn các thiết bị điện, thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống chống sét.

- Hàng năm phối hợp với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực tổ chức các cuộc diễn tập phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên. Công tác tập huấn, diễn tập PCCC được thực hiện 01 lần/năm.

6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

STT	Theo QĐ ĐTM số 5070/QĐ-UBND	Sai khác	Ghi chú
1	Xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải công suất 144 m ³ /ngày đêm	Nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải sản xuất lên 187 m ³ /ngày đêm	<p>Để làm tăng chất lượng lớp sơn phủ bề mặt của chi tiết nhà máy đã tăng khối lượng nước cấp sử dụng cho quá trình rửa bề mặt các linh kiện, thiết bị trước khi sơn tại dây chuyền sơn nhựa và sơn sắt. Do đó khối lượng nước thải sản xuất tăng lên. Để đảm bảo cho chất lượng nước thải được xử lý đạt chuẩn trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nội Bài nhà máy đã nâng công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải sản xuất từ 144 m³/ngày đêm lên thành 187 m³/ngày đêm.</p> <p>Việc điều chỉnh công suất hệ thống xử lý nước thải không làm thay đổi công nghệ xử lý, không làm phát sinh thêm nguồn thải mới và phù hợp với hạ tầng tiếp nhận nước thải của KCN Nội Bài.</p>

Chương 4

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải.

Nước thải sau xử lý tại hệ thống công suất 187 m³/ngày đêm của cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nội Bài, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam chịu trách nhiệm đảm bảo xử lý nước thải đầu ra của Dự án đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nội Bài. Vì vậy, Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải. Chi tiết mô tả thông tin về nguồn thải, dòng thải và vị trí điểm đầu nối nước thải của Dự án, bao gồm:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại nhà máy. Lưu lượng nước thải sinh hoạt là 141,25 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất: Phát sinh từ hoạt động sản xuất chủ yếu từ quá trình vệ sinh bề mặt sản phẩm trước khi sơn, nước thải giặt, nước vệ sinh lò hơi với lưu lượng 178 m³/ngày đêm.

1.2. Dòng nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ bể tự hoại ba ngăn với tổng dung tích 170 m³.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất từ hệ thống xử lý nước thải công suất 187 m³/ngày.

1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa

+ Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng xả vào hệ thống thoát nước thải của KCN là 187 m³/ngày.

+ Nước thải sản xuất: Lưu lượng đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN Nội Bài là 187 m³/ngày.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

Tiêu chuẩn thực hiện	Chất gây ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tiêu chuẩn
Tiêu chuẩn nước thải cho phép xả vào hệ thống thu gom nước thải KCN Nội Bài	Nhiệt độ	°C	40
	pH	-	5,5-9
	Chất rắn lơ lửng (TSS)	-	200
	COD	mg/l	350
	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
	BOD ₅	mg/l	240
	Độ màu	mg/l	150
	Cr ⁶⁺	mg/l	0,1

Tiêu chuẩn thực hiện	Chất gây ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tiêu chuẩn
	Asen (As)	mg/l	0,1
	Cadimi	mg/l	0,1
	Cr ³⁺	mg/l	1
	Đồng Cu	mg/l	2
	Sắt Fe	mg/l	5
	Thủy ngân Hg	mg/l	0,01
	Mangan	mg/l	1
	Niken	mg/l	0,5
	Chì Pb	mg/l	0,5
	Kẽm Zn	mg/l	3
	Tổng xianua	mg/l	0,1
	Tổng phenol	mg/l	0,5
	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
	Clo dư	mg/l	2
	Sunfua	mg/l	0,5
	Florua	mg/l	10
	Clorua	mg/l	700
	Tổng nito	mg/l	50
	Tổng photpho	mg/l	7
	Coliform	mg/l	<10 ⁹
	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
	Tổng PCB	mg/l	0,01

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tại 06 vị trí đầu nổi theo hợp đồng với KCN Nội Bài.
- + NTSH1: X = 2348834,96; Y = 584584,85
- + NTSH2: X = 2348630,58; Y = 584907,62
- + NTSH3: X = 2348639,46; Y = 584525,76
- + NTSH4: X = 2348806,87; Y = 584783,07
- + NTSH5: X = 2348856,11; Y = 584628,55
- + NTSH6: X = 2348916,01; Y = 584456,54

+ Nước thải sản xuất: Tại vị trí đầu nổi của cơ sở với hệ thống XLNT tập trung của KCN Nội Bài X = 2348609.76; Y = 584627.85

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải đầu ra sau xử lý tại HTXLNT tập trung của KCN Nội Bài. Chi tiết giá trị nồng độ của từng thông số môi trường theo giấy phép xả thải của KCN Nội Bài.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A

+ Nguồn số 02: Khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B

+ Nguồn số 03: Khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C

+ Nguồn số 04: Bụi và khí thải từ công đoạn hàn.

+ Nguồn số 05: Khí thải từ buồng sấy (sơn nhựa, sơn sắt).

2.2. Dòng khí thải

- Dòng khí thải 01 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)

- Dòng khí thải 02 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)

- Dòng khí thải 03 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)

- Dòng khí thải 04 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)

- Dòng khí thải 05 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)

- Dòng khí thải 06 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)

- Dòng khí thải 07 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)

- Dòng khí thải 08 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01).

- Dòng khí thải 09 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).

- Dòng khí thải 10 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).

- Dòng khí thải 11 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).

- Dòng khí thải 12 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B

(nguồn số 02).

- Dòng khí thải 13 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).

- Dòng khí thải 14 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).

- Dòng khí thải 15 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).

- Dòng khí thải 16 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).

- Dòng khí thải 17 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

- Dòng khí thải 18 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

- Dòng khí thải 19 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

- Dòng khí thải 20 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

- Dòng khí thải 21 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

- Dòng khí thải 22 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

- Dòng khí thải 23 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

- Dòng khí thải 24 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

- Dòng khí thải 25 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).

2.3. Lưu lượng xả thải

Bảng 4. 1. Vị trí lưu lượng của dòng khí thải

TT	Dòng khí thải	Lưu lượng lớn nhất (m ³ /giờ)	Tọa độ vị trí xả khí thải	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải 01 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)	37.000	2348728.011	584721.213
2	Dòng khí thải 02 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)	37.000	2348734.367	584701.283

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam”

TT	Dòng khí thải	Lưu lượng lớn nhất (m ³ /giờ)	Tọa độ vị trí xả khí thải	
			X (m)	Y (m)
3	Dòng khí thải 03 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)	37.000	2348734.700	584706.183
4	Dòng khí thải 04 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)	37.000	2348732.287	584715.423
5	Dòng khí thải 05 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)	37.000	2348731.108	584725.234
6	Dòng khí thải 06 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)	37.000	2348727.750	584730.153
7	Dòng khí thải 07 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)	37.000	2348727.759	584731.883
8	Dòng khí thải 08 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line A (nguồn số 01)	37.000	2348726.545	584735.062
9	Dòng khí thải 09 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).	37.000	2348736.684	584732.991
10	Dòng khí thải 10 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).	37.000	2348737.587	584729.237
11	Dòng khí thải 11 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).	37.000	2348739.710	584723.459
12	Dòng khí thải 12 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).	37.000	2348739.697	584720.864
13	Dòng khí thải 13 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).	37.000	2348739.679	584717.404
14	Dòng khí thải 14 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).	37.000	2348745.507	584714.490
15	Dòng khí thải 15 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).	37.000	2348746.724	584711.888
16	Dòng khí thải 16 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn nhựa line B (nguồn số 02).	37.000	2348736.684	584732.991

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam”

TT	Dòng khí thải	Lưu lượng lớn nhất (m ³ /giờ)	Tọa độ vị trí xả khí thải	
			X (m)	Y (m)
17	Dòng khí thải 17 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348711.901	584698.516
18	Dòng khí thải 18 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348713.114	584695.049
19	Dòng khí thải 19 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348709.484	584706.891
20	Dòng khí thải 20 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348707.973	584712.089
21	Dòng khí thải 21 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348708.300	584715.836
22	Dòng khí thải 22 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348706.174	584721.037
23	Dòng khí thải 23 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348707.733	584725.066
24	Dòng khí thải 24 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348703.439	584727.395
25	Dòng khí thải 25 sau hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sơn sắt line C (nguồn số 03).	37.000	2348711.901	584698.516
	Tổng cộng	925.000		

2.4. Yêu cầu về chất lượng xả thải

Chất lượng khí thải sau khi được xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT (cột B)
 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn cho phép (mg/Nm ³) (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ (*)	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	-		
3	Bụi tổng	≤ 80		
4	CO	≤ 400		
5	SO ₂	≤ 300		
6	NO ₂	≤ 400		

7	Toluen	≤ 120		
---	--------	-------	--	--

2.5. Phương thức

- Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức bằng quạt hút.
- Chế độ vận hành: Dòng khí thải xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của cơ sở.

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện giao thông, máy phát điện, hoạt động của máy móc.
- Nguồn 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý bụi công suất 15.000 m³/giờ.
- Nguồn 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- Trước ngày 01/01/2027: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung áp dụng trước ngày 01/01/2027

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60		

- Từ ngày 01/01/2027: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung áp dụng từ ngày 01/01/2027

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
			Từ 6 giờ đến 18 giờ	Từ 18 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ		
1	Tiếng ồn	dBA	75	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường
			Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ			
2	Độ rung	dB	75	70			

Chương 5

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Cụ thể, cơ sở đã tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ với đầy đủ thời gian, vị trí và các thông số theo quy định đối với nước thải đầu ra và khí thải phát sinh tại khu vực sơn sắt và sơn nhựa.

2. Thông tin cụ thể về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

- Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất sau xử lý của cơ sở năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả						Tiêu chuẩn nước thải đầu vào KCN Nội Bài
			Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
1	COD	mg/l	65	8	29	<6	19	<9	350
2	Kẽm	mg/l	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	KPH	<0,03	3
3	Niken	mg/l	0,076	0,033	0,068	0,092	0,207	0.18	0,5
4	Mangan	mg/l	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	KPH	KPH	1
5	Tổng Nito	mg/l	<6	<6	<6	<6	6,8	8.5	50
6	Tổng phốt pho	mg/l	6,35	1.17	3,92	1,21	<0,06	5.13	7
7	Amoni	mg/l	0,07	0.04	<0,03	<0,03	<0,06	0,39	10

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất sau xử lý của cơ sở năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			Tiêu chuẩn nước thải đầu vào KCN Nội Bài
			Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	
1	COD	mg/l	<9	<9	<9	350
2	Kẽm	mg/l	KPH	<0,03	<0,03	3
3	Niken	mg/l	<0,15	0,27	<0,15	0,5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			Tiêu chuẩn nước thải đầu vào KCN Nội Bài
			Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	
4	Manga	mg/l	KPH	KPH	KPH	1
5	Tổng Nito	mg/l	6,3	9,8	7,6	50
6	Tổng phốt pho	mg/l	5,53	4,66	4,02	7
7	Amoni	mg/l	0,16	0,73	0,16	10

- Đánh giá tổng hợp:

Nước thải qua hệ thống xử lý có chất đáp ứng điều kiện thải theo Tiêu chuẩn nước thải đầu vào HTXLNT KCN Nội Bài. Các thông số quan trắc đặc trưng cho nước thải đều nằm trong quy chuẩn cho phép.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Kết quả quan trắc định kỳ ống khói thải các khu vực sản xuất như sau:

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc ống khói thải khí thải sản xuất tháng 7 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCTĐHN 01:2014/BTNMT
			KT01	KT02	
1	Lưu lượng	M ³ /giờ	14.175	7.632	-
2	Nhiệt độ	°C	34	34	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	18,3	22,7	200
4	CO	mg/Nm ³	KPH	KPH	1.000
5	SO ₂	mg/Nm ³	KPH	KPH	500
6	NO ₂	mg/Nm ³	KPH	KPH	850
7	Toluen	mg/Nm ³	KPH	KPH	750*

Bảng 5. 4 Kết quả quan trắc ống khói thải khí thải sản xuất tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCTĐHN 01:2014/BTNMT
			KT01	KT02	
1	Lưu lượng	M ³ /giờ	14.260	5,659	-
2	Nhiệt độ	°C	23	26,7	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	KPH	KPH	200
4	CO	mg/Nm ³	0	0	1.000
5	SO ₂	mg/Nm ³	0	0	500
6	NO ₂	mg/Nm ³	0	0	850

7	Toluen	mg/Nm ³	KPH	KPH	750*
---	--------	--------------------	-----	-----	------

Bảng 5. 5 Kết quả quan trắc ống khói thải khí thải sản xuất tháng 1 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCTĐHN 01:2014/BTNMT
			KT01	KT02	
1	Lưu lượng	M ³ /giờ	14.651	5,591	-
2	Nhiệt độ	°C	23,3	23	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	KPH	KPH	200
4	CO	mg/Nm ³	0	0	1.000
5	SO ₂	mg/Nm ³	0	0	500
6	NO ₂	mg/Nm ³	0	0	850
7	Toluen	mg/Nm ³	KPH	KPH	750*

Ghi chú:

KT01: Khí thải phân xưởng sơn nhựa

KT02: Khí thải phân xưởng sơn sắt.

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- * QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Qua kết quả đo lấy mẫu khí thải tại phân xưởng sơn nhựa, sơn sắt của cơ sở cho thấy các chỉ tiêu nồng độ ô nhiễm của khí thải phát sinh tại nhà máy đều nằm trong ngưỡng đạt chuẩn của Quy chuẩn.

4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

- Ngày 07 tháng 7 năm 2025 Đoàn kiểm tra của Cục Môi trường đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam.

Công ty đã thực hiện nộp phạt và khắc phục lại hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau khi xử lý đảm bảo tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Nội Bài.

Chương 6

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường nước thải

Cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nội Bài, do vậy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Chương trình quan trắc môi trường khí thải

- Chương trình quan trắc khí thải: Theo điểm b, khoản 2 điều 98 và Phụ lục XXIX của Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở không phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải vì cơ sở đã thực hiện quan trắc định kỳ ($50.000\text{m}^3/\text{h} < \text{lưu lượng xả thải} < 100.000\text{m}^3/\text{h}$).

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

❖ Chương trình giám sát chất thải rắn:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh.

- Quản lý CTR, CTNH theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Khoảng 75 triệu/ năm.

Chương 7

NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

Nhà máy không thuộc dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí môi trường để được xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh

Chương 8

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Thực hiện đúng theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, các nội dung quy định tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và, Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam cam kết:

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như:

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải triệt để đảm bảo nước thải được thu gom 100% vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Nội Bài.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại và bể tách mỡ đảm bảo xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nội Bài sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nội Bài.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất sau xử lý đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại được phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tiếng ồn, độ rung từ quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện Báo cáo công tác BVMT trong hoạt động sản xuất theo Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường:

- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi, khí thải; chịu trách nhiệm hoàn toàn việc đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước.

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

- Có bộ phận chuyên môn an toàn lao động và môi trường đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường cơ sở. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, đảm bảo không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

Chủ cơ sở cam kết sẽ tiến hành đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do vận hành Nhà máy. Đồng thời, Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do cơ sở./.

PHỤ LỤC

Danh mục phụ lục đính kèm

1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh
3	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
5	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)
6	Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường 6
7	Hợp đồng thoát nước và xử lý nước thải bao gồm điểm đầu nối nước thải
8	Văn bản nghiệm thu về PCCC
9	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải
10	Phiếu kết quả quan trắc nước, khí thải
11	Biên bản kiểm tra của cơ quan chức năng
12	Bản vẽ tổng mặt bằng nhà máy
13	Bản vẽ tổng mặt bằng cấp thoát nước
14	Bản vẽ hệ thống xử lý khí thải
15	Bản vẽ hệ thống xử lý nước thải
16	Bản vẽ hệ thống nước thải nâng cấp

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0100774342

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 09 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 15 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YAMAHA MOTOR VIETNAM CO., LTD.

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Bình An, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.3582 4900

Số Fax: 024.3582.4857

Thư điện tử:

Website: www.yamaha-motor.com.vn

3. Vốn điều lệ : 539.051.793.454 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín tỷ không trăm năm mươi một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	YAMAHA MOTOR CO., LTD (TUƠNG ĐƯƠNG 17.020.000 USD)	Nhật Bản	2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken, Nhật Bản	247.784.590.000	46,000	0804-01-016040	

2	TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN (TƯƠNG ĐƯƠNG 11.100.000 USD)	Việt Nam	Số 127 Lò Đúc , Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	161.987.698.87 4	30,000	010010201 2	
3	HONG LEONG INDUSTRIES BERHAD (TƯƠNG ĐƯƠNG 8.880.000 USD)	Malaysia	Level 31, Menara Hong Leong, No 6 Jalan Damanlela, Bukit Damansara, 50490 Kuala Lumpur, Malaysia	129.279.504.58 0	24,000	5486-P	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: OKUTANI MASAHIRO

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *10/06/1968*

Quốc tịch: *Nhật Bản*

Hộ chiếu nước ngoài: *TT2218326*

Ngày cấp: *31/01/2024*

Nơi cấp: *Đại sứ quán Nhật Bản tại Thái Lan*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *The Hanoi Club Hotel & Lake Palais Residences, Số 76 Đường Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phan Anh Đức

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0100774342-007

Đăng ký lần đầu, ngày 30 tháng 05 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 08 tháng 05 năm 2026

1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM - CHI NHÁNH NỘI BÀI

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: YAMAHA MOTOR VIETNAM CO., LTD. - NOI BAI BRANCH

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Lô 48-54, 59-68 KCN Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02435824900

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: ĐẬU QUANG HUY

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 16/07/1989

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001089007111

Địa chỉ liên lạc: *Số 6c, ngõ 155 đường Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0100774342

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Bình An, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phạm Anh Đức

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9875142711

Chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 05 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: ngày 06 tháng 08 năm 2008

Chứng nhận thay đổi lần 2: ngày 30 tháng 12 năm 2020

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 16/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 01212000034 lần đầu ngày 30/05/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 06/08/2008 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp;

- Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư kèm theo hồ sơ của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam nộp ngày 23/12/2020; Xét báo cáo của Trưởng phòng Quản lý Đầu tư tại Văn bản số 77NB/BC-QLĐT ngày 25/12/2020.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**

Chứng nhận Dự án đầu tư “CHI NHÁNH NỘI BÀI CỦA CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM”; Giấy chứng nhận đầu tư số 01212000034 lần đầu ngày 30/05/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 06/08/2008 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp; được điều chỉnh nội dung bổ sung mục tiêu và quy mô dự án, tăng tổng vốn đầu tư, điều chỉnh tiến độ thực hiện.

Nhà đầu tư:

Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100774342 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/9/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27/03/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Bình An, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84.24) 38855080

Fax: (84.24) 35963982

Website: <https://yamaha-motor.com.vn>

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: Suzuki Yasutaka

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/01/1968

Quốc tịch: Nhật Bản

Chức danh: Tổng giám đốc

Hộ chiếu số: TS1591083 do Bộ Ngoại giao Nhật Bản cấp ngày 11/09/2018.

Chỗ ở hiện nay: Fraser Suites Hanoi, Số 51 đường Xuân Diệu, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84.24) 38855080

Fax: (84.24) 35963982

Email: suzukiyasutaka@yamaha-motor.com.vn

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: **Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam** thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100774342 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/9/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27/03/2020.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

CHI NHÁNH NỘI BÀI CỦA CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM

2. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, linh kiện, phụ tùng xe mô tô, xe gắn máy và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa xe mô tô, xe gắn máy.

- Sản xuất, lắp ráp xe máy điện, xe đạp điện nhãn hiệu Yamaha, linh kiện, phụ tùng xe máy điện, xe đạp điện và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa xe máy điện, xe đạp điện.

3. Quy mô dự án:

- Xe mô tô, xe gắn máy động cơ nhiệt: 1.000.000 xe/năm.

- Xe máy điện, xe đạp điện: 100.000 xe/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án:

Lô 48 đến lô 54 và lô 59 đến lô 68, Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

5. Diện tích sử dụng đất khoảng: 163.821 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.441.932.400.000 VNĐ (Một nghìn bốn trăm bốn mươi một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn Đồng Việt Nam), tương đương 83.053.000 USD (Tám mươi ba triệu không trăm năm mươi ba nghìn Đô la Mỹ).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 70.800.000.000 VNĐ (Bảy mươi tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam), tương đương 4.416.900 USD (Bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn chín trăm Đô la Mỹ) chiếm tỷ lệ 5,3% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam đã góp 70.800.000.000 VNĐ (Bảy mươi tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam), tương đương 4.416.900 USD (Bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn chín trăm Đô la Mỹ).

Tiến độ góp vốn: đã thực hiện.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: **41 (Bốn mươi một)** năm, kể từ ngày 30/05/2007.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Mục tiêu sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, linh kiện, phụ tùng xe mô tô, xe gắn máy và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa xe mô tô, xe gắn máy: Dự án đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2008.

- Mục tiêu sản xuất, lắp ráp xe máy điện, xe đạp điện nhãn hiệu Yamaha, linh kiện, phụ tùng xe máy điện, xe đạp điện và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa xe máy điện, xe đạp điện: Hoạt động chính thức trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (thay đổi lần thứ hai).

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Một số điều kiện đối với nhà đầu tư khi triển khai thực hiện dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Đầu tư: doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo về đầu tư như sau:

- Báo cáo về tình hình thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (<https://dautunuocongai.gov.vn>).

- Báo cáo giám sát đầu tư theo quy định của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ: báo cáo 06 tháng và báo cáo năm gửi về Ban Quản lý.

2. Môi trường: khi thực hiện dự án đầu tư doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phòng cháy và chữa cháy: dự án chỉ được hoạt động khi có nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư, địa điểm đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về các lĩnh vực liên quan: quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng đất đai, quản lý sử dụng lao động.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 01212000034 lần đầu ngày 30/05/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 06/08/2008 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội. /

KT. TRƯỞNG BAN *AV*

PHÓ TRƯỞNG BAN



Lê Cường
Lê Cường

Số: 5070/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất của chi nhánh Nội Bài của
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam”
Địa điểm: Lô 48-54, 59-68 Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến,
huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất của chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam” tại Thông báo số 7907/STNMT-KTTV& BDKH ngày 11/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án kèm theo Phụ lục thông báo với kết luận của Hội đồng thẩm định.

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất của chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 194/CV ngày 30/10/2020 của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 9782/TTr- STNMT-KTTV&BĐKH ngày 06/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất của chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam” do Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Chủ dự án; Kiểm tra, giám sát các nội dung thay đổi về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, chương trình giám sát môi trường và các nội dung khác trong quá trình thực hiện Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; (để b/c)
- Chủ tịch UBNDTP; (để b/c)
- PCT UBNDTP Nguyễn Thế Hùng;
- VPUB: CVP, PCVP Phạm Văn Chiến;
các phòng: TH, ĐT, TKBT;
- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan;
- Trưởng Ban QL các KCN và chế xuất Hà Nội;
- Chủ tịch UBND huyện Sóc Sơn;
- Lưu: VT, ĐT_{Tr}.

MHS: 41344.KTTV

CVD: 2407(M)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



★ Nguyễn Thế Hùng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“MỞ RỘNG, NÂNG CÔNG SUẤT SẢN XUẤT CỦA CHI NHÁNH NỘI BÀI
CỦA CÔNG TY TNHH YAMAHA MORTOR VIỆT NAM”
(Kèm theo Quyết định số...5070...ngày ..12..tháng...11...năm 2020
của UBND thành phố Hà Nội)

1. Thông tin chung về Dự án

- Tên dự án: “Mở rộng, nâng công suất sản xuất của chi nhánh Nội Bài của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam”.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam.

- Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Địa điểm: Lô 48-54, 59-68 Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Vị trí thực hiện mở rộng, nâng công suất sản xuất: Lô 59-68 Khu công nghiệp Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Quy mô công suất:

+ Xe máy (động cơ xăng): 1.000.000 xe/năm (giữ nguyên).

+ Xe máy điện, xe đạp điện (động cơ điện): 100.000 xe/năm (sản phẩm mới lắp đặt mở rộng).

- Thay đổi bố trí mặt bằng tại khu vực xưởng sản xuất:

+ Trên cơ sở 3 dây chuyền lắp ráp thân xe, lắp ráp động cơ xăng. Chủ dự án sắp xếp lại máy móc thiết bị thành 02 dây chuyền. Công suất sản xuất xe máy của các dây chuyền sau khi sắp xếp lại là: 1.000.000 xe/năm (giữ nguyên).

+ Cải tạo, lắp đặt thêm máy móc của dây chuyền lắp ráp xe máy chạy xăng (line C – xưởng sản xuất tại lô đất 59-68) thành dây chuyền lắp ráp động cơ điện xe máy điện, xe đạp điện với quy mô công suất: 100.000 xe /năm.

+ Đối với các dây chuyền phụ trợ như hàn, sơn phục vụ cung cấp linh phụ kiện cho lắp ráp: hiện nay các dây chuyền này chưa hoạt động hết công suất, công suất hiện tại của nhà máy chỉ đạt 80% (800.000 xe máy động cơ xăng/năm) khi bổ sung sản phẩm xe điện, do công suất sản phẩm tăng không nhiều, các yêu cầu về hàn, sơn các linh phụ kiện hoàn toàn tương đồng với xe xăng, do vậy các dây chuyền phụ trợ này đảm bảo đáp ứng được khi dây chuyền xe điện đi vào hoạt động.

Chi tiết được nêu trong hồ sơ, thuyết minh dự án đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án.

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng.

Giai đoạn triển khai xây dựng chủ yếu là lắp đặt thêm máy móc thiết bị trên cơ sở dây chuyền xe máy chạy động cơ xăng sẵn có để phù hợp với dây chuyền sản xuất động cơ điện. Không cải tạo, xây dựng thêm công trình mới. Thời gian thi công diễn ra ngắn do đó tác động đến môi trường chủ yếu của giai đoạn này là tác động từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy và từ quá trình lắp đặt máy móc mới đến sản xuất của nhà máy.

- Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải:

+ Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí: do bụi và khí từ phương tiện giao thông ra vào nhà máy, chuyển máy móc và lắp đặt thiết bị, từ hoạt động sản xuất hiện hữu của nhà máy.

+ Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước: do nước thải sinh hoạt của công nhân, nước mưa chảy tràn, nước thải sản xuất.

+ Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công.

- Các đối tượng bị tác động

+ Môi trường đất.

+ Môi trường nước: khu công nghiệp Nội Bài.

+ Môi trường sinh học: hệ thủy sinh.

+ Môi trường không khí: chất lượng không khí khu vực dự án; chất lượng không khí khu vực dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu và khu vực xung quanh dự án.

+ Môi trường kinh tế - xã hội: các nhà máy gần dự án.

2.1.2. Giai đoạn vận hành.

- Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải.

+ Khí thải (từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất, hoạt động giao thông ra vào dự án, khí thải từ dây chuyền sản xuất lắp ráp, dây chuyền sơn, hàn...).

+ Nước thải (nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn...).

+ Bùn thải từ hoạt động nạo vét định kỳ trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình sản xuất (thức ăn thừa, giấy vụn, túi nilong, bìa catton...).

+ Chất thải nguy hại (bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng, cặn sơn, dung môi hữu cơ chứa sơn thải, giẻ lau dính mỡ trong quá trình bảo dưỡng, sản xuất...).

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải:

+ Tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị, máy móc.

+ Các rủi ro sự cố (sự cố an toàn lao động, sự cố tại trạm xử lý nước thải, trạm xử lý khí thải, chập điện, hư hỏng các thiết bị máy móc, sự cố mất điện, sự cố rò rỉ hóa chất, nguy cơ cháy nổ tại nhà máy do hóa chất, kho nguyên liệu,...).

+ Các vấn đề trật tự an ninh khu vực dự án và xung quanh.

- Các đối tượng bị tác động.

+ Môi trường đất.

+ Môi trường nước: hồ điều hòa của khu công nghiệp.

+ Môi trường sinh học: hệ thủy sinh.

+ Môi trường không khí tại khu vực dự án.

+ Môi trường kinh tế - xã hội: các nhà máy xung quanh dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải.

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng.

- Nước thải sinh hoạt: Dự án sử dụng cán bộ kỹ thuật của nhà máy để lắp đặt máy móc thiết bị nên số lượng công nhân giai đoạn này không tăng thêm. Nước thải sinh hoạt giai đoạn này chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân đang làm việc tại nhà máy, số lượng công nhân hiện tại của nhà máy là 3.611 người, lưu lượng nước thải phát sinh hiện tại theo hóa đơn xử lý nước thải tháng 4, 5, 6 năm 2020 khoảng 133 m³/ngày đêm.

- Nước thải thi công: Dự án chỉ lắp đặt máy móc thiết bị, không xây dựng thêm các hạng mục công trình mới nên không phát sinh nước thải thi công.

- Nước thải từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy với lưu lượng theo hóa đơn xử lý nước thải tháng 4, 5, 6 năm 2020 khoảng 41 m³/ngày đêm.

- Nước mưa chảy tràn: lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án kéo theo rất nhiều các tạp chất lơ lửng và các chất ô nhiễm khác trên mặt đất. Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án thường có lưu lượng và thành phần không ổn định.

2.2.2. Giai đoạn vận hành.

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại nhà máy. Lưu lượng nước thải sinh hoạt lớn nhất theo dự báo của nhà máy sau mở rộng theo dự báo là $217 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ hoạt động sản xuất chủ yếu từ quá trình vệ sinh bề mặt sản phẩm trước khi sơn, nước thải giặt, nước vệ sinh lò hơi với lưu lượng lớn nhất theo dự báo khoảng $129,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải.

2.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông của công nhân hiện tại ra vào nhà máy, từ phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị mới và hoạt động hiện tại của nhà máy.

- Khí thải, bụi phát sinh từ các hoạt động vận chuyển máy móc thiết bị mới và hoạt động hiện tại của nhà máy. Tải lượng các chất ô nhiễm đối với các loại phương tiện có nồng độ lớn nhất là: bụi với nồng độ $1,3 \times 10^{-5} (\text{mg}/\text{ms})$; CO có nồng độ $0,002 (\text{mg}/\text{ms})$; NOx có nồng độ $0,004 (\text{mg}/\text{ms})$; SO2 nồng độ $8,3 \times 10^{-5} (\text{mg}/\text{ms})$.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy như khí thải phát sinh từ khu vực sơn nhựa, sơn sắt, khu vực sấy, khu vực lò đốt chất thải nguy hại, khu vực hàn với các khí thải chủ yếu là CO, NO2, SO2, Bụi, VOC. Theo kết quả phân tích khí thải định kỳ tại các khu vực này đều có nồng độ các chất ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải: Do quy trình lắp ráp xe máy chạy xăng và xe điện giống nhau vì vậy nguồn phát sinh bụi, khí thải giai đoạn vận hành giống như giai đoạn hiện tại (từ phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy, khu vực sơn nhựa, sơn sắt, khu vực sấy, khu vực đốt chất thải nguy hại) nên thành phần và tính chất khí thải không thay đổi.

- Mùi và khí thải từ nơi lưu giữ rác thải: Khu vực lưu giữ CTR sẽ phát sinh khí thải do quá trình tự phân hủy rác thải hoặc hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Các khí thải chủ yếu là H_2S , CH_4 ,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị diễn ra trong vòng 1 tháng khoảng $300 \text{ kg}/\text{quá trình thi công}$.

- Chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ hoạt

động sinh hoạt của cán bộ công nhân đang làm việc tại nhà máy. Thành phần chủ yếu của nguồn thải này gồm chất thải vô cơ như giấy loại, vỏ chai nước, túi nilong, đầu mẫu thuốc lá, các vật dụng sinh hoạt,... lượng thải khoảng 545 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy chủ yếu nilong, găng tay, đồ bảo hộ lao động...với khối lượng 3.798 kg/ngày.

2.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 545 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất: khối lượng phát sinh theo dự báo khoảng 108.625 kg/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại.

2.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng.

CTNH phát sinh trong quá trình thi công nâng công suất chủ yếu gồm giẻ dính dầu, bao bì có chứa thành phần nguy hại, dầu thải,... Tổng lượng phát sinh trong 1 tháng khoảng 10kg.

2.5.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại: giẻ lau, găng tay dính dầu; các loại dầu thải; mực in, hộp đựng mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải.... Khối lượng phát sinh theo dự báo khoảng 52.414 kg/tháng (tương đương 628.969 kg/năm).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt: thu gom và xử lý sơ bộ bằng 10 bể tự hoại ba ngăn với tổng dung tích 170m³ có sẵn của Công ty sau đó được thu gom vào hệ thống thoát nước thải của KCN.

- Nước thải sản xuất: thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 144 m³/ngày đêm bằng công nghệ hóa lý kết hợp lắng lọc và khử trùng xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của khu công nghiệp Nội Bài.

- Nước mưa: Nước mưa mái được thu gom theo đường ống PVC D200 chảy về cống thoát nước mưa chảy tràn. Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt khu vực Nhà máy được thu gom vào hệ thống hố ga, rãnh thoát bằng bê tông đặt ngầm dưới đất, chạy xung quanh khu vực Nhà máy. Tại các cửa thoát nước mưa đều bố trí song chắn rác để lọc sơ bộ trước khi xả vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp qua 21 cửa xả nước mưa.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải.

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu sử dụng các phương tiện mới, đảm bảo các quy định về kiểm định an toàn. Cơ sở sẽ sắp xếp xe ra vào phù hợp tránh ảnh hưởng đến sản xuất hiện tại.

- Khu vực dây chuyền cải tạo được quây kín bằng bạt để hạn chế tiếng ồn phát sinh và ảnh hưởng đến công nhân làm việc.

- Lựa chọn thời gian và khu vực thi công phù hợp, tránh gây ảnh hưởng đến các khu vực khác đang hoạt động sản xuất của Công ty. Thời gian thi công thích hợp từ 8h -12h trưa và 14h-17h chiều.

3.2.2. Giai đoạn vận hành.

- Biện pháp xử lý khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải nguy hại: Khí thải từ quá trình đốt CTNH được thu gom xử lý thông qua quạt hút có công suất là 4.000 m³/giờ dẫn vào tháp hấp thụ. Không khí sạch theo ống khói ra ngoài môi trường.

- Biện pháp xử lý khí thải phát sinh từ quá trình sơn: Khí thải được xử lý bằng phương pháp đập bụi bằng màng nước và buồng lắng có tấm chắn nhằm xử lý bụi sơn tại buồng sơn lót và sơn bóng của dây chuyền sơn, khí thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Biện pháp giảm thiểu khí thải khu vực sấy: Các sản phẩm sau khi sơn được đưa sang công đoạn sấy để làm khô sản phẩm. Nguyên liệu lò sấy sử dụng Gas LPG, nhiệt độ lò sấy được duy trì phù hợp với từng loại sản phẩm, chất liệu. Thông thường sản phẩm nhựa (75C), sản phẩm bằng thép (180C), nhiệt độ đủ để làm khô nhanh sản phẩm mà không làm cháy sản phẩm, cũng như lớp sơn do đó khí thải phát sinh không đáng kể.

- Biện pháp giảm thiểu khí thải khu vực hàn: Để giảm thiểu ảnh hưởng của khói hàn đến môi trường và người lao động, cũng như tăng độ chính xác của đường hàn, Công ty sử dụng 47 robot hàn. Cơ sở áp dụng công nghệ hàn Mag nên khí thải, bụi phát sinh từ quá trình hàn không đáng kể. Mỗi robot hàn đều được trang bị đồng bộ hệ thống thu gom khí thải phát sinh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tại khu vực văn phòng, nhà bếp có bố trí thùng rác màu xanh, có nắp đậy, dung tích 50-100 lít để thu gom rác thải.

+ Chất thải sinh hoạt được nhân viên vệ sinh thu gom hàng ngày và chuyển xuống thùng chứa rác tập kết. Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Khu vực sản xuất nhà máy đã bố trí các thùng chứa rác dung tích 120 lít để thu gom rác sản xuất phát sinh.

+ Toàn bộ chất thải rắn sản xuất phát sinh tại Nhà máy được thu gom, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu giữ chất thải rắn sản xuất diện tích 1.000 m². Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

3.4.1. *Giai đoạn thi công xây dựng.*

- Khu vực dây chuyền sản xuất cải tạo lại đã bố trí sẵn các thùng có nắp đậy dung tích 120 lít, bên ngoài thùng có dán nhãn ghi chất thải nguy hại để thu gom, lưu giữ và đưa về khu vực kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 300 m² cùng với CTNH phát sinh do quá trình sản xuất. Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

3.4.2. *Giai đoạn vận hành.*

Thu gom, phân loại và chứa trong từng thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy, dán nhãn Tại khu vực văn phòng, khu xưởng sản xuất, Công ty đã bố trí các thùng có nắp đậy dung tích 120 lít để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại. Cuối ngày nhân viên sẽ thu gom CTNH về kho chứa có diện tích 300m². Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng đúng quy cách theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT- BTNMT. Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác.

3.5.1. *Giai đoạn thi công xây dựng.*

- Công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia sản xuất trong Nhà máy.

- Công ty thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, công cụ bôi trơn và các chi tiết chuyển động như: Trục quay, ổ bi,... giảm thấp nhất mức ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động.

- Cân chỉnh máy móc và thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

- Không giao nhận hàng vào những giờ nghỉ nhằm hạn chế ảnh hưởng đến công nhân và khu vực xung quanh.

- Cách ly hợp lý các nguồn gây ồn ra vị trí riêng biệt nhằm hạn chế tiếng

ồn, rung tập trung trong một khu vực hạn hẹp.

- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn sẽ được trang bị nút bịt tai hoặc bao tai chống ồn.

- Sử dụng các thiết bị có lò xo giảm sóc và hệ thống giảm chấn.

- Lựa chọn thiết bị, máy móc hiện đại ít gây ồn và rung.

- Bố trí vật liệu cách âm, hút âm xung quanh khu vực phát sinh tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh tường rào của Dự án nhằm hạn chế các tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh.

- Các phương tiện hạn chế tốc độ, cấm bóp còi để giảm tiếng ồn khi qua các khu vực nhạy cảm.

- Cấm các xe chở quá tải trọng quy định để giảm thiểu rung động.

3.5.2. Giai đoạn vận hành.

- Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và rung động như sau:

- Công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia sản xuất trong Nhà máy.

- Công ty thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, công cụ bôi trơn và các chi tiết chuyển động như: Trục quay, ổ bi,... giảm thấp nhất mức ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động.

- Cân chỉnh máy móc và thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

- Không giao nhận hàng vào những giờ nghỉ nhằm hạn chế ảnh hưởng đến công nhân và khu vực xung quanh.

- Cách ly hợp lý các nguồn gây ồn ra vị trí riêng biệt nhằm hạn chế tiếng ồn, rung tập trung trong một khu vực hạn hẹp.

- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn sẽ được trang bị nút bịt tai hoặc bao tai chống ồn.

- Sử dụng các thiết bị có lò xo giảm sóc và hệ thống giảm chấn.

- Lựa chọn thiết bị, máy móc hiện đại ít gây ồn và rung.

- Bố trí vật liệu cách âm, hút âm xung quanh khu vực phát sinh tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh tường rào của Dự án nhằm hạn chế các tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh.

- Các phương tiện hạn chế tốc độ, cấm bóp còi để giảm tiếng ồn khi qua các khu vực nhạy cảm.

- Cấm các xe chở quá tải trọng quy định để giảm thiểu rung động.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

3.6.1. Giai đoạn thi công xây dựng.

- Biện pháp an toàn lao động: Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu cảnh báo cho công nhân viên những nguy cơ có thể xảy ra tại khu vực đặt biển báo. Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc. Tổ chức giáo dục tuyên truyền giúp công nhân viên có kiến thức về an toàn lao động, tự bảo vệ chính mình, tránh các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng do thiếu hiểu biết.

- Biện pháp an toàn về cháy, nổ: Trang bị hệ thống ngắt điện tự động trong nhà xưởng sản xuất. Các máy móc, thiết bị làm việc trong nhà xưởng có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này được lắp đặt đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất trong thiết bị nhằm giám sát các thông số kỹ thuật. Hệ thống cứu hỏa được kết hợp giữa khoảng cách của các phân xưởng lớn hơn 10m đủ điều kiện cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp phạm vi nhà xưởng, kết hợp các dụng cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bột... trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện

3.6.2. Giai đoạn vận hành

- Áp dụng các biện pháp về an toàn lao động: Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dùng dành cho công nhân làm việc như quần áo bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang, mắt kính bảo hộ, mặt nạ chống độc. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.

Áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Chủ đầu tư đã xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo hướng dẫn tại Thông tư 20/2013/TT-BCT và được Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp số 553/XN-SCT ngày 22/01/2014. Hóa chất trong kho phải được dán nhãn, sắp xếp hợp lý, gọn gàng, dễ phân biệt khi có nhiều loại; Từng lô hàng được đánh dấu và ghi bảng tên trên tường để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, phuy cal chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thùng thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho.

- Áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do hệ thống xử lý nước thải: Vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành. Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện. Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy,... để thay thế khi cần thiết. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- 01 lò đốt rác thải nguy hại công suất 352 kg/h (hoạt động 16h/ngày) cung cấp nhiệt cho lò hơi và đã được lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ.

- Hệ thống xử lý khí thải hàn và bụi sơn đã được lắp đặt.

- Bố trí các thùng chứa chất thải thông thường và Khu lưu chứa chất thải rắn sản xuất thông thường diện tích 1000 m² có sẵn của Nhà máy.

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 120 lít và Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 300m² đã được xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT.

- Hệ thống 10 bể tự hoại ba ngăn với tổng thể tích là 170 m³ có sẵn của Công ty để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước thải của KCN.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung công suất 144 m³/ngày đêm trước khi được xả thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng.

Dự án được xây dựng trong thời gian ngắn với khối lượng xây dựng các hạng mục công trình không nhiều. Nguồn phát thải chủ yếu là bụi và tiếng ồn. Do vậy, không quan trắc trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành:

*** Giám sát bụi và khí thải**

➤ Giám sát khí thải lò đốt rác thải nguy hại

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống khói hệ thống xử lý khí lò đốt rác thải nguy hại.

- Thông số giám sát: dioxin, furan.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT (cột B).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

➤ **Giám sát khí thải sản xuất**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau xử lý khí thải tại các khu vực sơn nhựa, khu vực sơn sắt.

- Thông số giám sát: nhiệt độ, NO₂, SO₂, CO, Bụi, toluen.

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

* **Giám sát nước thải**

➤ **Giám sát nước thải sản xuất**

- Vị trí giám sát: sau hệ thống xử lý nước thải

- Thông số giám sát: theo thỏa thuận xử lý nước thải với KCN Nội Bài

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp của KCN Nội Bài.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

- Việc phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

- Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, hoạt động sản xuất của các nhà máy lân cận, các hoạt động văn hóa, kinh tế, xã hội của địa phương trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành dự án.

- Quá trình thi công xây dựng phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành của Dự án; toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý, đảm bảo theo thỏa thuận xử lý nước thải với KCN Nội Bài trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nội Bài.

6.2. Các điều kiện kèm theo:

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các sự cố ngập lụt, sụt lún phát sinh do việc xây dựng Dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực và các nhà máy xung quanh khu vực.

- Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động của các nhà máy xung quanh khu vực.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị; gửi 01 bộ đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 01 bộ đến Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để kiểm tra và giám sát.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

6.3. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện kèm theo và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

VH QM 11

1000

Số: 178 /STNMT-CCMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2011

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của
Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án “Nhà máy Yamaha Motor Việt Nam giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp
Nội Bài - Sóc Sơn - Hà Nội

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 26/9/2007 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy Yamaha Motor Việt Nam giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Nội Bài - Sóc Sơn - Hà Nội” như sau:

- Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp với công suất thiết kế 144m³/ngày đêm. Các chỉ tiêu phân tích trong mẫu nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 24: 2009/BTNMT (cột B) trước khi xả vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp Nội Bài. Công ty đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 77/GP-TNMT-TNN ngày 19/7/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại trước khi thải vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nội Bài. Chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận của Khu công nghiệp theo thỏa thuận đã ký giữa Công ty TNHH Yamaha và Công ty TNHH Phát triển Nội Bài tại Phụ lục 2 của Hợp đồng thuê lại đất ngày 1/12/2006.

- Chất thải nguy hại đã được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Công ty đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.000168T-ĐC1 ngày 15/01/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp.

- Công ty đã xây lắp lò đốt chất thải với công suất xử lý 352 kg/h và đã được cấp giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại (mã số QLCTNH: 1.007.X – ĐC1) số 32/GP-UBND ngày 09/12/2009 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Hàm lượng bụi, các kim loại và nồng độ các chất khí, hơi axit đo được tại vị

trí ống khói lò đốt nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 30:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải lò đốt chất thải công nghiệp.

- Chất thải rắn thông thường được thu gom và xử lý tại Lò đốt chất thải của Công ty theo đúng Quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND Thành phố Hà Nội quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Điều 13 của Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND.

- Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý bụi sơn, hệ thống xử lý khí thải lò nồi hơi, hệ thống thông gió bên trong các nhà xưởng và các trạm máy nén khí, máy phát, trạm điện, trạm bơm của Nhà máy và hệ thống thu bụi tại lò đốt.

- Công ty đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo đúng yêu cầu nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Công ty đã có Giấy chứng nhận về phòng cháy chữa cháy số 281/CNTD-PCCC ngày 11/7/2007 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy – Công an Thành phố Hà Nội.

- Trang bị các phương tiện an toàn lao động, bảo hộ lao động cho công nhân.

- Lắp đặt biển báo, nội quy vận hành thiết bị, an toàn thiết bị và con người.

Điều 2. Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo và các yêu cầu của quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các giai đoạn tiếp theo của Dự án.

2. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam;
- UBND Thành phố (đề b/c);
- Giám đốc Sở
- Lưu TH, CCMT(2);

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Văn Khánh

HỢP ĐỒNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
DOMESTIC WASTEWATER DRAINAGE & TREATMENT AGREEMENT
Số/ No.: 70/NBD/2026

HỢP ĐỒNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT này (sau đây được gọi chung là “**Hợp đồng**”) được lập tại Khu Công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

*This **DOMESTIC WASTEWATER DRAINAGE & TREATMENT AGREEMENT** (hereinafter referred to as the “**Agreement**”) is made at Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Ha Noi City, we are:*

BÊN A : **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI**
PARTY A : **NOI BAI DEVELOPMENT CORP., LTD**
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address : *Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam*
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0100113991 do Sở Tài Chính TP. Hà Nội chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 05/08/2025
Enterprise Registration Certificate No. : *0100113991 certified with 8th amendment on 05/08/2025 by Hanoi Department of Finance*
Điện thoại/ Tel : 024.35820333 Fax: 024.35820330
Người đại diện : Ông Au Sing Choy Chức vụ: Tổng Giám đốc
Representative : *Mr. Au Sing Choy Title: General Director*
Số tài khoản : 2064 999 999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Sở giao dịch
Bank account : *2064 999 999 at Vietcombank, Operation Centre Branch*
MST/ Tax Code : 0100113991

Và/And:

BÊN B : **CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM**
PARTY B : **YAMAHA MOTOR VIETNAM CO., LTD**
Địa chỉ : Thôn Bình An, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address : *Binh An Village, Trung Gia Commune, Hanoi City, Vietnam*
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0100774342 do Sở Tài Chính TP. Hà Nội chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15/08/2025
Enterprise Registration Certificate No. : *0100774342 certified with the 13th amendment on 15/08/2025 by Hanoi Department of Finance*
Điện thoại/ Tel : 024.35824900 Fax: 024.35824857
Người đại diện : Ông Sakakibara Makoto Chức vụ: Phó Giám đốc Bộ phận Kế hoạch kinh Doanh
Representative : *Mr. Sakakibara Makoto Title: Deputy Head of Business Planning Division*
(Theo Giấy ủy quyền số YMVN/POA/2025/16 ký ngày 10/10/2025 bởi Tổng Giám đốc OKUTANI MASAHIRO/Authorized under POA No. YMVN/POA/2025/16 dated 10/10/2025 of General Director Okutani Masahiro)
MST/ Tax Code : 0100774342

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**các Bên**”.
*Party A and Party B are hereinafter referred to individually as “**Party**” and collectively as the “**Parties**”.*

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

LEGAL BASIS:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
Civil Code No. 91/2015/QH13 dated 24/11/2015 of the National Assembly;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/06/2006 của Quốc hội;
Law on standards and technical regulations dated 29/06/2006 of the National Assembly;
- Luật số 70/2025/QH15 ngày 14/06/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật;
Law No. 70/2025/QH15 dated 14/06/2025 amending and supplementing a number of articles of the Law on Standards and Technical Regulations;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội;
Law on Environmental Protection No.72/2020/QH14 on 17/11/2020 of the National Assembly of Vietnam;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Government Decree No. 80/2014/ND-CP dated 06/08/2014, on drainage and wastewater treatment;
- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;
Decree No. 98/2019/ND-CP dated 27/12/2019 of the Government amending and supplementing a number of articles of decrees in the field of technical infrastructure;
- Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
Decree No. 346/2025/ND-CP dated 29/12/2025 of the Government on the environmental protection fee applicable to wastewater;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
Decree No. 45/2022/ND-CP dated 07/07/2022 of the Government on penalties for administrative violations against regulations on environmental protection;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Decree No. 08/2022/ND-CP on 10/01/2022 of the Government on detailing a number of articles of Law on Environmental Protection;
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Decree No. 05/2025/ND-CP dated 06/01/2025 of the Government amending and supplementing a number of articles of Decree No. 08/2022/ND-CP dated 10/01/2022 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Environmental Protection;
- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
Decree No. 131/2025/ND-CP dated 12/06/2025 of the Government stipulating the division of authority of local authorities at two levels in the field of state management of the Ministry of Agriculture and Environment;
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD của Bộ xây dựng ngày 17/05/2024 về thoát nước và xử lý nước thải;
Consolidated document No. 02/VBHN-BXD of the Ministry of Construction dated 17/05/2024 on drainage and wastewater treatment;

- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025: Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
Resolution No. 08/2025/NQ-HDND dated 29/04/2025: Resolution stipulating fines for a number of administrative violations in the field of Environmental Protection in Hanoi City;
- Thông tư số 51/2014/TT-BTNMT ngày 05/09/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
Circular No. 51/2014/TT-BTNMT dated 05/09/2014 of the Ministry of Natural Resources and Environment regulating technical regulations on environment in Hanoi capital;
- Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
Circular No. 13/2018/TT-BXD dated 27/12/2018 of the Ministry of Construction guiding valuation method of drainage service;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Circular No. 02/2022/TT-BTNMT on 10/01/2022 of the Ministry of Natural Resources and Environment on detailing a number of articles of Law on Environmental Protection;
- Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025 Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Circular No. 07/2025/TT-BTNMT dated 28/02/2025 Circular amending and supplementing a number of articles of Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated 10/01/2022 of the Minister of Natural Resources and Environment detailing the implementation of a number of articles of the Law on Environmental Protection;
- Tiêu chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt;
National Technical Regulation QCVN 14:2008/BTNMT on domestic wastewater
- Giấy phép môi trường số 524/GPMT- BTNMT ngày 21/12/2023 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển Nội Bài;
Environmental license No. 524/GPMT-BTNMT 21/12/2023 issued by the Ministry of Natural Resources and Environment to Noi Bai Development Company Limited;
- ĐTM/ GPMT/ĐKMT/Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải còn hiệu lực của Bên B;
EIA/EL/ER/Certificate of completion of environmental protection works for wastewater still valid of Party B;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.
Other relevant legal documents.

XÉT VÌ:

WHEREAS:

- A. Bên A là chủ đầu tư, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghiệp Nội Bài (“**KCN Nội Bài**”) thuộc địa bàn Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội;
*Party A is the investor, builder and operator of the technical infrastructure system of Noi Bai Industrial Zone (“**NBIZ**”) located in Soc Son Communes, Hanoi City;*
- B. Bên A đã đầu tư và vận hành một Trạm Xử lý Nước thải Tập trung (“**TXLN TTT**”) để tiếp tục xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp của các nhà máy trong KCN Nội Bài để đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ trước khi xả thải ra môi trường;
*Party A has invested and operated a Centralized Wastewater Treatment Plant (“**CWWTP**”) to further treat the domestic and industrial wastewater of the factories in NBIZ in order to ensure full compliance before discharging into the environment;*

- C. Theo Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (Hệ thống thoát nước thải về TXLNNTT “HTTNT”) theo quy định của KCN Nội Bài về xả thải;
According to Article 53 of the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14: Production, business and service establishments are responsible for collecting and treating wastewater to meet environmental protection requirements and connecting wastewater to the centralized wastewater collection, drainage and treatment system (Wastewater drainage system to the CWWTP “WWDS”) according to the regulations of NBIZ on wastewater discharge;
- D. Căn cứ theo các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất ban đầu, Bên B đã đầu nối để xả nước thải sinh hoạt của Bên B vào HTTNT của Bên A với dịch vụ xả thải và tiếp tục xử lý tại TXLNNTT.
Based on the terms of the initial Sublease Agreement, Party B has connected Party B’s domestic wastewater discharges to Party A’s WWDS for drainage service and further treatment at the CWWTP.

VÌ VẬY, các Bên ở đây đồng ý ký Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:
THEREFORE, the Parties hereto agree to sign this Agreement with the terms and conditions as follows

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG **ARTICLE 1: SUBJECT OF THE AGREEMENT**

- 1.1 Nước thải sinh hoạt (“NTSH”) của Bên B là nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của Bên B trong khu vực thuê của Bên B tại KCN Nội Bài;
Domestic wastewater (“DWW”) of Party B is the wastewater produced by Party B’s domestic activities within Party B’s premises in NBIZ;
- 1.2 Bên A cung cấp các dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt (“**Dịch vụ TNXLNTSH**”) đối với NTSH của Bên B được xả từ các điểm đầu nối như được nêu ở Điều 2 dưới đây;
*Party A provides the domestic wastewater drainage and treatment services (“**DWWDT Services**”) for Party B’s DWW discharged from the connection points as indicated in Article 2 below;*
- 1.3 Dịch vụ TNXLNTSH sẽ chỉ bao gồm và cho phép xả NTSH đã qua xử lý đạt tiêu chuẩn thỏa thuận của 11 (mười một) thông số ô nhiễm (“**Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận**”) giữa Bên A và Bên B và được đính kèm trong Phụ lục B của Hợp đồng này. Ngoài ra, NTSH đã qua xử lý không có bất kỳ bùn thải nào (như bùn thải bể tự hoại, rác...), các chất thải nguy hại, nước thải công nghiệp và nước mưa (từ hệ thống thoát nước mưa) khi chảy vào hồ kiểm tra của HTTNT và TXLNNTT.
*DWWDT Services shall only cover and allow treated DWW which meets the agreed standards of the 11 (eleven) pollutant parameters (“**Agreed Standards**”) between Party A and Party B and attached in Appendix B of this Agreement. In addition, the treated DWW must not consist of any wastewater sludge (such as septic tanks’ sludge, rubbish,...), hazardous wastes, industrial wastewater and rainwater (from rainwater drainage system) when discharged into the inspection chamber of WWDS and the CWWTP.*

ĐIỀU 2: CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI SINH HOẠT **ARTICLE 2: DOMESTIC WASTEWATER CONNECTION POINTS**

Các điểm đầu nối là các vị trí qua đó Bên B xả NTSH của Bên B vào HTTNT và TXLNNTT của Bên A. Các Bên ở đây xác nhận:
The connection points are the locations through which Party B discharges its DWW into Party A’s WWDS and CWWTP. The Parties hereby acknowledge:

- 2.1 Các điểm đầu nối NTSH của Bên B ở (các) vị trí và (các) điểm như được nêu ở Phụ lục A (“**Các Điểm Đầu nối NTSH**”), các điểm này được đầu nối qua hố kiểm tra (“**Hố kiểm tra**”) và xả trực tiếp vào HTTNT và TXLNNTT. Các điểm đầu nối nước mưa cũng được thể hiện ở Phụ lục A này;
DWW connection points of Party B are located at position(s) and point(s) as shown in Appendix A (“DWW Connection Points”) which are connected via the inspection chamber (“IC”) directly to the WWDS and CWWTP. The rainwater connection points are also shown in Appendix A;
- 2.2 Bất kỳ điểm đầu nối nào khác mà không được nêu trong Điều này đều được coi là không hợp pháp và vi phạm trực tiếp pháp luật bảo vệ môi trường và các thỏa thuận đầu nối được ký giữa các Bên;
Any other connection points that are not mentioned in this Article are considered to be illegal and in direct violation to the law on environmental protection and wastewater connection agreements signed between the Parties;
- 2.3 Trong trường hợp có sự điều chỉnh và/hoặc bổ sung Các Điểm Đầu nối NTSH hay các điểm đầu nối nước mưa, các Bên sẽ thảo luận và thống nhất điều đó bằng văn bản.
In cases of modification and/or addition of DWW Connection Points or rainwater connection points, the Parties shall discuss and agree with this in writing.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG XẢ NTSH CỦA BÊN B **ARTICLE 3: VOLUME AND QUALITY OF PARTY B’S DOMESTIC WASTEWATER DISCHARGE**

- 3.1 Trường hợp Bên B không lắp đồng hồ NTSH
In case Party B does not install DWW meter:
- 3.1.1. Nếu Bên B chỉ sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt thì khối lượng NTSH hàng tháng của Bên B sẽ là 100% khối lượng nước sạch mà Bên B tiêu thụ như được nêu trong hóa đơn GTGT nước sạch hàng tháng. Quy định này cũng sẽ được áp dụng trong trường hợp NTSH của Bên B không được xả qua đồng hồ NTSH (đầu nối trực tiếp vào TXLNNTT) và được sử dụng cho các mục đích khác không tuân thủ quy định của pháp luật và/hoặc vì bất kỳ lý do nào mà không lắp đặt đồng hồ NTSH;
If Party B uses water only for domestic use, the monthly volume of Party B’s DWW shall be 100% of the monthly volume of clean water consumed by Party B as indicated in the monthly clean water VAT invoice. The same will be applied where the DWW was not discharged through the DWW meter (connected to the CWWTP) and used for other purposes not complying with the provision of laws and/or there was no DWW meter installed for whatever reason;
- 3.1.2. Nếu Bên B sử dụng nước cho cả mục đích sinh hoạt và sản xuất, thì khối lượng NTSH hàng tháng của Bên B sẽ là 100% khối lượng nước sạch mà Bên B tiêu thụ trừ đi (-) khối lượng nước thải công nghiệp (“**NTCN**”) của Bên B được thể hiện trên chỉ số đồng hồ đo lưu lượng NTCN được lắp đặt tại khu vực thuê của Bên B (theo Hợp đồng thoát nước và xử lý NTCN ký giữa các Bên) và trừ đi (-) khối lượng nước thải nguy hại (nếu có)* mà Bên B đã thuê một bên thứ 3 vận chuyên và xử lý phù hợp với các quy định của pháp luật;
If Party B uses water for both domestic and production activities, the monthly volume of Party B’s DWW shall be 100% of the monthly volume of clean water consumed by Party B minus (-) Party B’s industrial wastewater (“IWW”) volume indicated in the IWW meter reading installed at Party B’s premises (under the IWW Drainage and Treatment Agreement signed between the Parties) and minus (-) Party B’s hazardous wastewater (if any) transported and treated by a third party hired by Party B in accordance with the regulations of laws;*

- * Khối lượng nước thải nguy hại là khối lượng được nêu trong chứng từ chất thải nguy hại mà Bên B đã khai báo với cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định. Bên B có trách nhiệm gửi đến Bên A một (01) bản copy Liên 5 của chứng từ (có đóng dấu của Bên B) hoặc các liên khác khi có sự thay đổi về quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước, trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên chứng từ. Quá thời hạn nêu trên, khối lượng nước thải nguy hại sẽ được tính là bằng không (0).
- * *The hazardous wastewater volume is the volume mentioned in the hazardous wastewater document reported by Party B to the authorities as the regulation of laws. Party B is responsible for giving to Party A one (01) copy of the sheet no. 5 of the hazardous wastewater document (with Party B's seal) or other sheets of the document if there is the change of regulations of laws, within fifteen (15) working days from the date on the document. Missing this deadline, the hazardous wastewater shall be considered zero (0).*

3.2 Trường hợp Bên B lắp đồng hồ NTSH (do Bên B bỏ chi phí):

In case Party B installs the DWW meter (at Party B's cost):

- 3.2.1. Khối lượng NTSH hàng tháng của Bên B sẽ được tính theo chỉ số trên đồng hồ NTSH;
The monthly volume of Party B's DWW shall be calculated in accordance with the index on DWW meter;
- 3.2.2. Nếu Bên A hoặc Bên B phát hiện đồng hồ NTSH chạy không chính xác, bị hỏng hoặc hết kiểm định, và được các Bên ký xác nhận bằng biên bản ("**Biên bản**"), thì khối lượng NTSH của tháng đó sẽ được tính bằng khối lượng NTSH trung bình của ba tháng liền kề trước đó (ngoại trừ tháng Tết nguyên đán) theo đơn vị thông thường là ba mươi (30) ngày/ tháng. Trường hợp đồng hồ NTSH không được Bên B sửa chữa, thay thế trong vòng ba mươi (30) ngày lịch kể từ ngày lập biên bản, thì khối lượng NTSH của tháng đó sẽ được tính như trường hợp không lắp đồng hồ;
*If Party A or Party B detected the DWW meter is faulty, broken or out of verification period and confirmed by the Parties via a signed minute ("**Minutes**"), the volume of Party B's DWW in that month shall be the average of previous 3-months DWW volume (except the month of Tet traditional holidays) with the typical unit of thirty (30) days per month. In the event the DWW meter is not repaired or replaced by Party B within thirty (30) calendar days from the date of the Minutes, the volume of Party B's DWW in that month shall be calculated as the case without DWW meter;*
- 3.3 Toàn bộ NTSH phải được xử lý tại khu vực thuê của Bên B để đạt Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận trước khi được xả vào HTTNT và TXLNNTTT để tiếp tục xử lý;
All DWW must be treated at Party B's premises to meet the Agreed Standards before being discharged to the WWDS and CWWTP for further treatment;
- 3.4 Nếu Bên B lựa chọn không xử lý NTSH của Bên B để đạt Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận, các Bên sẽ ký một Thỏa thuận bổ sung (Phụ lục C) của Hợp đồng này để tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật (tuy nhiên, các thông số ô nhiễm không vượt quá tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của TXLNNTTT của KCN Nội Bài);
If Party B chooses not to treat its own wastewater to meet the Agreed Standards, the Parties shall sign an additional agreement (Appendix C) to this Agreement to fully comply with legal regulations (however, pollution parameters do not exceed the input wastewater quality standards of the NBIZ's CWWTP);
- 3.5 Bên A sẽ chịu trách nhiệm tiếp tục xử lý NTSH của Bên B (miễn là đáp ứng được Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận) tại TXLNNTTT theo tiêu chuẩn xả thải ra ngoài môi trường mà cơ quan quản lý Nhà nước áp dụng đối với Bên A.
Party A shall be responsible to further treat Party B's DWW (as long as the Agreed Standards are met) at the CWWTP to the standard of discharge to the environment applied by the authorities to Party A.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A
ARTICLE 4: PARTY A'S RIGHTS AND OBLIGATIONS

4.1 Bên A có những quyền sau:

Party A will have the following rights:

4.1.1 Yêu cầu và nhận được từ Bên B khoản thanh toán giá thoát nước và xử lý NTSH theo các Dịch vụ TNXLNTSH mà Bên A cung cấp đến Bên B;
To require and receive payment from Party B for the DWW drainage and treatment price upon the DWWDT Services provided by Party A to Party B;

4.1.2 Yêu cầu Bên B tuân thủ chặt chẽ khối lượng và chất lượng NTSH xả thải như được xác định rõ và thỏa thuận trong Hợp đồng này;
To require Party B to strictly follow the quantity and quality of DWW discharged as defined and agreed in this Agreement;

4.1.3 Kiểm tra khối lượng và chất lượng NTSH của Bên B tại Các Điểm Đầu nối NTSH. Bên A sẽ chỉ định người phù hợp vào bên trong các khu nhà trong khu vực thuê của Bên B, dưới sự hướng dẫn và giám sát của Bên B, để kiểm tra các hệ thống đường ống thu gom nước thải, nước mặt và hệ thống xử lý nước thải, trong trường hợp NTSH của Bên B có sự cố hoặc có các dấu hiệu không bình thường như khối lượng NTSH của Bên B tăng nhiều khi trời mưa hoặc NTSH của Bên B không đạt Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận thông qua phân tích bằng thiết bị phân tích nội bộ của Bên A hay có váng dầu tại dòng chảy trực tiếp từ đường ống thoát NTSH của Bên B hoặc trong Hồ kiểm tra của Bên B;
To check the quantity and quality of Party B's DWW at the DWW Connection Points. Party A will authorize its suitable staff to come inside Party B's premises, under Party B's guide and supervision, to check wastewater collection system, surface water and wastewater treatment system, in cases that Party B's DWW has problem or abnormal signs such as much increase of Party B's DWW discharge when raining or Party B's DWW does not meet the Agreed Standards via testing with Party As' in-house testing equipment or contains oil film at the direct flow of Party B's DWW piping or in Party B's IC;

4.1.4 Nhận bồi thường đối với những thiệt hại do sự bất cẩn hoặc lỗi của Bên B gây ra làm ảnh hưởng đến HTTNT và/hoặc TXLNTTT phù hợp với các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này;
To receive compensation for any damage caused by Party B's negligence or default causing damage to the WWDS and/or CWWTP in accordance to the terms and conditions of this Agreement;

4.1.5 Thực hiện việc tạm dừng Các dịch vụ TNXLNTSH:
To enforce the suspension of the DWWDT Services:

4.1.5.1 Trong trường hợp Bên B không tuân thủ Điều 1, Khoản 1.3 hoặc Điều 2, Khoản 2.2 ở trên, Các dịch vụ TNXLNTSH sẽ buộc phải tạm dừng ngay theo quyết định của Bên A;
In the event that Party B does not comply with Article 1, Clause 1.3 or Article 2, Clause 2.2 above, the DWWDT Services shall be suspended immediately at the sole discretion of Party A;

4.1.5.2 Trong trường hợp Bên B có các vi phạm khác (ngoài Khoản 4.1.5.1 ở trên) và không thực hiện việc khắc phục vi phạm theo trách nhiệm của Bên B trong vòng hai (02) ngày lịch kể từ ngày vi phạm, Các dịch vụ TNXLNTSH sẽ buộc phải tạm dừng theo quyết định của Bên A;

In the event that Party B has other violations (other than Clause 4.1.5.1 above) and did not correct the violations under its responsibilities within two (02) calendar days from the date of violation, the DWWDT Services shall be suspended at the sole discretion of Party A;

4.1.5.3 Việc tạm dừng Các dịch vụ TNXLNTSH sẽ chỉ được hủy bỏ khi và nếu sự việc hay vi phạm về xả thải đã được khắc phục hoàn toàn bởi Bên B và đã được chấp nhận bởi Bên A hoặc nếu Bên A đồng ý bằng văn bản với kế hoạch khắc phục của Bên B bao gồm giải pháp và tiến độ để hoàn thành việc sửa chữa hay khắc phục.

The suspension of DWWDT Services will be cancelled only when and if the discharge incident or violation has been completely corrected by Party B and accepted by Party A or if Party A agrees with Party B's implementation plan in writing which includes resolutions and time schedule to complete the correction or countermeasure.

4.1.6 Có quyền theo dõi, giám sát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi tự ý đầu nối hoặc xả thải trái quy định vào hệ thống thoát nước mưa, HTTNT hoặc ra ngoài môi trường.
To have the right to follow up, supervise, detect and stop the violating actions of connection or discharge into the rainwater drainage system, WWDS or the environment.

4.2 Bên A có những trách nhiệm sau:

Party A shall have the following obligations:

4.2.1 Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa HTTNT bao gồm Hồ kiểm tra, Các Điểm Đầu nối Nước thải, đường ống (bên ngoài khu vực thuê của Bên B) để đảm bảo dòng chảy tự nhiên của NTSH về TXLNNTTT và đến điểm xả thải ra môi trường;

To periodically check, maintain and service the WWDS consisting of the IC, WW Connection Points, pipes (outside Party B's premises) to ensure free flow of DWW to the CWWTP up to the discharge point into the environment;

4.2.2 Xây dựng quy trình vận hành và quản lý hiệu quả, năng suất đối với HTTNT và TXLNNTTT đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về thủ tục vận hành, phù hợp với các quy định của pháp luật;

To establish effective and efficient management and maintenance processes for WWDS and CWWTP which satisfy the technical requirements of operation procedures according to the regulations of laws;

4.2.3 Thực hiện việc tiếp tục xử lý NTSH của Bên B để đạt và tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra môi trường;

To provide further treatment of Party B's DWW to meet and comply with the law on environmental protection before discharging into the environment;

4.2.4 Chuẩn bị hồ sơ và thanh toán phí giấy phép xả thải, phí bảo vệ môi trường đến các cơ quan quản lý Nhà nước;

To prepare dossiers and to pay discharge license fee and environment protection charges to the authorities;

4.2.5 Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý Nhà nước và thanh toán tiền phạt đối với mọi sự vi phạm về xả thải từ TXLNNTTT của Bên A ra môi trường (nếu có);

To be responsible in front of the authorities and to pay penalties for any violation of wastewater discharge from Party A's CWWTP into the environment (if any);

4.2.6 Điều hành các hệ thống thoát NTSH và TXLNNTTT theo đúng quy định của luật pháp;

To operate the DWW drainage and CWWTP systems as required by laws;

- 4.2.7 Thực hiện toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết Hợp đồng này và/hoặc trong tương lai về các vấn đề liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này, bao gồm pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác trong tương lai;
To perform all duties and obligations in accordance with the provisions of law at the time of signing this Agreement and/or in future time on matters related to the performance under this Agreement, including the prevailing law on environmental protection and other law regulations in the future;
- 4.2.8 Đề nghị Bên B ký thỏa thuận bổ sung (Phụ lục C) của Hợp đồng để điều chỉnh giá thoát nước và xử lý NTSH trong trường hợp nồng độ amoni vượt mức Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận (Nồng độ amoni không quá 200 mg/L).
Request Party B sign an addition agreement (Appendix C) to the Agreement to adjust the DWW drainage and treatment price in case the ammonia concentration exceeds the Agreed Standards (Ammonia concentration not exceeding 200 mg/L).

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B **ARTICLE 5: PARTY B'S RIGHTS AND OBLIGATIONS**

5.1 Bên B có các quyền sau:

Party B will have the following rights:

- 5.1.1 Nhận và sử dụng Các dịch vụ TNXLNTSH do Bên A cung cấp phù hợp với pháp luật bảo vệ môi trường;
To receive and use the DWWDT Services as provided by Party A and in accordance to law on environmental protection;
- 5.1.2 Đề nghị Bên A khắc phục mọi vấn đề của HTTNT mà có thể đã làm ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên của NTSH của Bên B đến HTTNT khi mà vấn đề này không phải do Bên B không tuân thủ về xả thải;
To request Party A to repair any problem in the WWDS which may have affected the free flow of Party B's DWW into the WWDS as long as the problem was not caused by Party B's non-compliance discharged wastewater;
- 5.1.3 Nhận thông tin về các hoạt động của HTTNT bằng văn bản trong trường hợp cần thiết;
To receive information on the WWDS activities in writing in necessary cases;
- 5.1.4 Yêu cầu Bên A cung cấp các tài liệu chứng minh rằng Bên A đủ điều kiện cung cấp Dịch vụ TNXLNTSH;
To require Party A to provide all documents to demonstrate that Party A has enough conditions to provide DWWDT Services;
- 5.1.5 Yêu cầu Bên A xuất hóa đơn thuế GTGT đối với Các Dịch vụ TNXLNTSH mà Bên A cung cấp;
To require Party A to issue a VAT invoice for the DWWDT Services provided by Party A;
- 5.1.6 Yêu cầu Bên A gửi thông tin của người đại diện Bên A vào khu vực thuê của Bên B như quy định tại Điều 4 Khoản 4.1.3 của Hợp đồng này, đến Bên B trước khi vào;
To request Party A to send the information of Party A's representative who will enter to Party B's premises as stipulated in Article 4 Clause 4.1.3 of this Agreement, in prior to Party B;
- 5.1.7 Bên B có quyền đề nghị Bên A ký thỏa thuận bổ sung của Hợp đồng để điều chỉnh giá thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, sau khi Bên B đã thực hiện việc nâng cấp khả năng xử lý NTSH và đáp ứng tiêu chuẩn xả thải chặt chẽ hơn mà Bên A đang áp dụng.
Party B has the right to request Party A to sign an annex to the Agreement to adjust to DWW drainage and treatment price, after Party B has performed upgrading to Party B's DWW treatment ability and meets the higher discharge standard applied by Party A.

5.2 Bên B có những trách nhiệm sau:

Party B shall have the following obligations:

- 5.2.1 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá Các Dịch vụ TNXLNTSH sau khi nhận được hóa đơn thuế GTGT hợp lệ từ Bên A;
To pay in full and on time the DWWDT Services' price after receiving the valid VAT invoice from Party A;
- 5.2.2 Xả NTSH đã qua xử lý của Bên B vào HTTNT của Bên A phù hợp với Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận. Chịu trách nhiệm và bảo dưỡng định kỳ hệ thống thoát nước thải của Bên B nằm trong khu vực thuê của Bên B và vệ sinh bùn thải trong Hồ kiểm tra (nếu có). Chịu trách nhiệm mua sắm, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế đồng hồ NTSH (nếu có). Đảm bảo đồng hồ NTSH luôn trong thời gian kiểm định và phù hợp với các quy định khác của pháp luật (nếu có);
To discharge Party B's treated DWW into Party A's WWDS in accordance with the Agreed Standards. To be responsible for and to periodically maintain Party B's wastewater system inside Party B's premises and cleaning of sludge inside IC (if any). To be responsible for the purchase, installation, maintenance, correction and replacement of DWW meter (if any). To ensure the DWW meter always under verification period and in accordance with other regulations of laws (if any);
- 5.2.3 Thực hiện việc hút mỡ, cặn, bùn NTSH, tại các điểm bể tách mỡ, bể phốt và bể chứa bùn của Bên B bởi nhà thầu có đủ chức năng theo tần suất 3 tháng/lần, dưới sự giám sát của Bên A; và có trách nhiệm quan trắc NTSH của Bên B theo các quy định của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước phê duyệt (nếu có) tại các điểm đầu nối NTSH của Bên B theo Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận;
Carry out the suction of grease, residue, and DWW sludge at the grease trap, septic tank, and sludge tank of Party B by a qualified contractor every 3 months, under the supervision of Party A; and is responsible for monitoring Party B's wastewater discharge according to the regulations of the law or approved by the state agency (if any) at Party B's wastewater discharge connection points in accordance with the Agreement Standards.
- 5.2.4 Có sự sắp xếp phù hợp, tuân thủ theo các quy định của pháp luật, để xử lý việc vận chuyển và tiêu hủy toàn bộ các chất thải lỏng như chất thải nguy hại, bùn vệ sinh, chất thải xây dựng và chất thải trong quá trình cải tạo, bao gồm nhưng không giới hạn ở những chất thải lỏng như sau:
- 5.2.4.1 Cặn sơn và sơn pha loãng;
Residual paints and paint thinner;
- 5.2.4.2 Nước thải có dầu, mỡ sau khi vệ sinh sàn khu vực sản xuất;
Grease or oily wastewater after washing production floor;
- 5.2.4.3 Hỗn hợp dầu hoặc các chất hòa tan dễ cháy;
Petroleum spirit or any inflammable solvents;
- 5.2.4.4 Các chất phóng xạ, dễ nổ và dễ cháy;
Inflammable, explosives or radioactive substances;
- 5.2.4.5 Chất nhuộm không thể phân hủy sinh học;
Non-biodegradable pigments;
- 5.2.4.6 Thuốc trừ sâu và/ hoặc thuốc diệt nấm;
Insecticides and/or fungicides;

5.2.4.7 Các chất không phải là nước thải sinh hoạt có thể làm hỏng HTTNT hoặc cản trở dòng chảy tự nhiên của nước thải hoặc là nguyên nhân gây thiệt hại đến TXLNNTT.

Substances not being domestic wastewater are liable to damage WWDS or interfere with the free flow of wastewater or cause damage to the CWWTP.

Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi của nhà thầu và đơn vị cung cấp dịch vụ của Bên B nếu chất thải lỏng bị nghiêm cấm, như được liệt kê ở trên, được xả thải vào HTTNT hay hệ thống thoát nước mưa hở của KCN Nội Bài.

Party B shall be fully responsible for the action by its contractor and service provider if the prohibited liquid waste as listed above is discharged into the WWDS or the open rainwater drainage systems in NBIZ.

5.2.5 Thông báo đến Bên A trong thời gian sớm nhất có thể được về bất cứ hiện tượng bất thường nào có thể là nguyên nhân của việc không tuân thủ về các tiêu chuẩn NTSH và có thể là nguyên nhân gây ra các vấn đề đối với HTTNT và TXLNNTT;

To inform Party A at soonest time possible of any irregular phenomenon which may cause the non-compliance of DWW standards that may cause problem to the WWDS and CWWTP;

5.2.6 Đảm bảo nước mưa không chảy vào HTTNT;

To ensure no rainwater flows into WWDS;

5.2.7 Trong trường hợp khối lượng NTSH của Bên B tăng so với khối lượng đã được chấp thuận/cho phép, Bên B có trách nhiệm thông báo ngay đến cơ quan quản lý nhà nước về sự thay đổi này và xin chấp thuận trước khi các Bên thực hiện việc điều chỉnh khối lượng NTSH theo quy định;

In case the volume of DWW of Party B increases compared to the approved/permitted volume, Party B is responsible for immediately notifying the state management agency of this change and requesting approval before the Parties make adjustments to the volume of DWW according to regulations;

5.2.8 Thực hiện việc bồi thường đối với những thiệt hại do lỗi của Bên B:

To pay compensation for any damage caused by Party B's failure:

5.2.8.1 đến Bên A (như khi NTSH của Bên B xả vào HTTNT của Bên A vượt quá Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận và TXLNNTT của Bên A không thể xử lý được, sau đó NTSH của Bên B chảy ra ngoài môi trường; hoặc NTSH của Bên B được xả vào hệ thống thoát nước mưa của Bên A, sau đó chảy ra ngoài môi trường);

to Party A (such as when Party B's DWW discharged into Party A's WWDS exceeds the Agreed Standards and Party A's CWWTP cannot treat Party B's DWW, subsequently Party B's DWW flows into the environment; or Party B's DWW is discharged into Party A's rainwater drainage, then Party B's DWW flows into the environment);

5.2.8.2 và đến một bên thứ ba bất kỳ có liên quan (như người dân có đất bị ảnh hưởng bởi nước thải chưa qua xử lý của Bên B do Bên B đấu nối đường ống NTSH của Bên B trực tiếp ra môi trường; hoặc NTSH của Bên B làm ảnh hưởng các công ty bên cạnh);

and to any related third party (such as farmers having fields affected by Party B's untreated wastewater because Party B connects directly Party B's DWW piping to the environment; or Party B's DWW affects the neighbour tenants);

5.2.8.3 nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, lấy mẫu và xác định rằng nước thải sau xử lý của TXLNNTT không đạt quy chuẩn do tiếp nhận nước thải không đạt từ Bên B, thì Bên B phải chịu trách nhiệm các khoản phạt từ cơ quan nhà nước ban hành, bao gồm nhưng không giới hạn các khoản bồi thường đến Bên A.

if the governmental authority conducts an inspection, takes samples, and determines that the treated effluent of the CWWTP fails to meet applicable standards due to receiving non-compliant wastewater from Party B, Party B shall be responsible for all penalties imposed by the governmental authorities, including but not limited to indemnification to Party A.

5.2.9 Thực hiện toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết Hợp đồng này và/hoặc trong tương lai về các vấn đề liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này, bao gồm pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác trong tương lai;
To perform all duties and obligations in accordance with the provisions of law at the time of signing this Agreement and/or in future time on matters related to the performance under this Agreement, including the prevailing law on environmental protection and other law regulations in the future;

5.2.10 Gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) đến Bên A, trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo, bằng phương thức gửi và nhận trực tiếp.
Submit annual environmental protection work reports (Reporting period is from January 1 to December 31) to Party A, before January 10 of the following year, by direct sending and receiving method.

ĐIỀU 6: GIÁ THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NTSH VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN
ARTICLE 6: DWW DRAINAGE & TREATMENT PRICE AND PAYMENT TERMS

6.1 Bên B phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật để giảm thiểu ô nhiễm NTSH của Bên B cũng như để thực hiện thỏa thuận về xả thải đã được đàm phán và thỏa thuận giữa các Bên;
Party B must comply with the regulations of laws, such as to minimize the pollution of Party B's DWW as well as to implement the agreement of discharge negotiated and agreed between the Parties;

6.2 Giá thoát nước và xử lý NTSH (“**Giá TNXLNT**”) được xác định trên cơ sở hệ số K của thông số amonia, cụ thể như sau:
The DWW drainage and treatment price (“DTP”) is determined based on the coefficient K of the ammonia parameter, specifically as follows:

Nồng độ Amoni (mg/l) <i>Ammonia concentration (mg/l)</i>	Hệ số K <i>Coefficient K</i>	Giá TNXLNT (“Đơn giá”) DTP (“Unit Price”) (VNĐ/m ³)
≤10	1,0	6.890
10< Amonia ≤60	1,5	10.335
60< Amonia ≤90	2,0	13.780
90< Amonia ≤200	2,5	17.225

6.3 Theo thỏa thuận giữa các Bên, Giá TNXLNT là **17.225 VNĐ/m³**, chưa bao gồm thuế GTGT, tương ứng với hệ số K=2,5, với điều kiện NTSH của Bên B xả thải đáp ứng Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận theo Phụ lục B của Hợp đồng này. Đơn giá này sẽ được điều chỉnh tăng theo chu kỳ 3 (ba) năm và có hiệu lực từ năm thứ 4. Tỷ lệ tăng sẽ được xem xét và thống nhất giữa Bên A và Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản trong cuộc họp hàng quý tại KCN Nội Bài;
According to the negotiation and agreement between the Parties, the DTP is VND 17,225/m³, excluding VAT, corresponding to a coefficient K=2.5, as long as Party B's discharged DWW complies with the Agreed Standards as per Appendix B in this Agreement. This Unit Price will be adjusted upwards every 03 (three) years cycle and shall be effective on the 4th year. The rate of increase will be reviewed and agreed between Party A and the Japanese Tenants Association during their quarterly meeting in NBIZ;

- 6.4 Khối lượng NTSH (“**Khối lượng**”) được sử dụng để xác định giá tổng thể đã được xác định rõ trong Điều 3 của Hợp đồng này;
The volume of DWW (“Volume”) used to determine the total price is defined in Article 3 in this Agreement;
- 6.5 Trong trường hợp các Bên không thể đạt được một thỏa thuận chung về Giá TNXLNT mới, Bên A không có trách nhiệm tiếp tục cung cấp Các Dịch vụ TNXLNTSH đến Bên B và Bên B có quyền đề nghị Bên A ký một thỏa thuận tách đầu nối, phù hợp với các quy định của pháp luật;
In the event that the Parties cannot reach a common agreement on the new DTP, Party A has no responsibility for continuing the DWWDT Services to Party B and Party B has right to request Party A to sign a disconnection agreement in accordance with provisions of laws;
- 6.6 Điều kiện thanh toán:
Payment Terms:
- 6.6.1 Bên B sẽ thanh toán đến Bên A Giá TNXLNT và các chi phí khác (nếu có) vào ngày trước ngày làm việc cuối cùng của tháng tiếp theo tháng Bên B nhận được bộ chứng từ thanh toán từ Bên A, gồm hóa đơn thuế GTGT hợp pháp, biên bản chốt số liệu có xác nhận của hai bên;
Party B shall pay to Party A the DTP and other costs (if any) on the day prior to the last working day of the month following the month in which Party B receives the set of payment documents from Party A, including the valid VAT invoice, minutes of meter data handover by both Parties;
- 6.6.1 Lãi suất thanh toán chậm sẽ là 1%/ tháng và được tính từ ngày quá hạn đến ngày thanh toán thực tế;
The late payment interests shall be 1% per month and calculated from the due date to the date of the actual payment;
- 6.6.2 Trong trường hợp Bên B không thanh toán đến Bên A trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày Bên A phát hành hóa đơn thuế GTGT hợp pháp đến Bên B, Bên A có quyền tạm dừng các Dịch vụ TNXLNTCN đến Bên B bằng việc đóng Các Điểm Đầu nối NTCN, sau khi gửi một thông báo bằng văn bản trước ít nhất năm (05) ngày làm việc đến Bên B. Các Dịch vụ TNXLNTCN sẽ được khôi phục ngay sau khi Bên B thanh toán đầy đủ các khoản công nợ còn tồn đọng, bao gồm cả tiền lãi chậm trả (nếu có).
In the event that Party B doesn't make payment to Party A within two (02) months from the date Party A issues the valid VAT invoice to Party B, Party A has right to suspend the IWWDT Services to Party B by closing the IWW Connection Points, after sending a written notice at least five (05) working days in advance to Party B. The IWWDT Services shall be resumed promptly after Party B has fully settled the outstanding amounts, including any late payment interest (if applicable).

ĐIỀU 7: XỬ LÝ VI PHẠM

ARTICLE 7: SETTLEMENT OF VIOLATIONS

- 7.1 Để giám sát sự tuân thủ của Bên B về chất lượng NTSH của Bên B được xả vào HTTNT và TXLNTTT, Bên A có quyền lấy mẫu NTSH của Bên B tại Các Điểm Đầu nối NTSH hoặc tại Hồ kiểm tra của Bên B trong trường hợp NTSH của Bên B làm ngập Các Điểm Đầu nối NTSH, tại mọi thời điểm để phân tích bằng việc sử dụng thiết bị phân tích nội bộ của Bên A (thiết bị phân tích đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về môi trường). Việc lấy mẫu và phân tích được thực hiện theo quy định pháp luật về môi trường. Trường hợp kết quả phân tích ban đầu cho thấy NTSH của Bên B vượt Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận đối với các chỉ tiêu pH, Amoni, Nitrat, Phosphat (sau đây gọi là “**Vi phạm 01**”), khi đó:
In order to supervise Party B's compliance on the DWW quality discharged by Party B into the WWDS and CWWTP, Party A shall take sample of Party B's DWW, at the DWW

Connection Points or in Party B's IC in case of Party B's DWW submerging DWW Connection Points, for testing using Party A's in-house testing equipment at any time (this testing equipment meets standards required by the law on the environment). Sampling and analysis were carried out in strict accordance with environmental laws. In the event that initial analysis results indicate that Party B's DWW exceeds the Agreed Standards for pH, Ammonia, Nitrate, and Phosphate parameters (hereinafter referred to as "Violation 01"), then:

7.1.1 Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng điện thoại và/hoặc văn bản điện tử (Email, Zalo), kèm theo hình ảnh hoặc video (nếu có) liên quan đến Vi phạm 01. Ngay sau đó, trong thời gian tối đa 10 phút kể từ khi nhận được thông tin, Bên B phải cử người đến Hồ kiểm tra để xác minh. Trường hợp Bên B không cử đại diện trong thời hạn nêu trên vì lý do khách quan hợp lý và có thông báo lại cho Bên A, các Bên sẽ thống nhất thời điểm xác minh khác phù hợp. Việc không cử đại diện đúng thời hạn không đương nhiên bị coi là Bên B thừa nhận Vi phạm 01, trừ khi có biên bản ghi nhận và bằng chứng rõ ràng khác. Đồng thời, trong vòng một (01) giờ kể từ khi nhận được thông tin từ Bên A, Bên B phải thông báo cho Bên A về phương án khắc phục Vi phạm 01 này.

Party A will notify Party B by telephone and/or electronically (Email, Zalo), including images or videos (if any) related to Violation 01. Immediately afterwards, within a maximum of 10 minutes of receiving the information, Party B must send a representative to the inspection pit to verify the information. If Party B fails to send a representative within the aforementioned timeframe due to reasonable objective reasons and notifies Party A, the Parties will agree on another suitable time for verification. Failure to send a representative within the specified timeframe shall not automatically be considered as Party B acknowledging Violation 01, unless there is a written record and other clear evidence. Furthermore, within one (01) hour of receiving information from Party A, Party B must inform Party A of the proposed remedy for Violation 01.

7.1.2 Trường hợp Bên B đồng ý với kết quả phân tích bằng thiết bị phân tích nội bộ của Bên A (bằng việc xác nhận vào biên bản Vi phạm 01) nhưng Bên B không thông báo đến Bên A về phương án khắc phục hoặc phương án của Bên B không được Bên A đồng ý, hoặc Bên B không thực hiện đúng các cam kết của mình hay các yêu cầu khắc phục của Bên A, thì Bên A sẽ tạm dừng các Dịch vụ TNXLNTSH hoặc/và ngừng cấp nước sạch, sau khi gửi thông báo bằng văn bản đến Bên B. Việc khôi phục các Dịch vụ TNXLNTSH và/hoặc cấp nước sạch sẽ được thực hiện ngay sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn Vi phạm 01.

In the event that Party B agrees with the analysis results obtained from Party A's internal analysis equipment (by confirm the Violation 01 record), but Party B fails to notify Party A of the remedial plan, or Party B's proposed plan is not approved by Party A, or Party B does not fulfill its commitments or comply with Party A's remedial requirements, Party A shall suspend the DWWDT Services and/or the supply of clean water after sending a written notice to Party B. The restoration of the DWWDT Services and/or the clean water supply shall be carried out immediately after Party B has fully remedied Violation 01.

7.2. Trong trường hợp Bên B, không đồng ý với Vi phạm 01 hoặc Bên A nghi ngờ các thông số ô nhiễm khác (không được nêu ở Khoản 7.1) có trong NTSH của Bên B không đạt Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận, các Bên sẽ tiến hành quy trình dưới đây để xác nhận chính xác chất lượng NTSH của Bên B, cụ thể như sau:

In the event that Party B does not agree with the conclusion on Violation 01, or Party A suspects that other pollution parameters (not specified in Clause 7.1) in Party B's DWW does not meet the Agreed Standards, the Parties shall follow the procedure below to accurately determine the quality of Party B's DWW, as follows:

7.2.1 Bên A và Bên B thực hiện lấy mẫu ngay tại thời điểm phát hiện NTSH của Bên B có bất thường, lập biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu và xác nhận bằng chữ ký của các Bên. Sau đó, trong vòng 01 (một) đến 02 (hai) ngày làm việc kể từ thời điểm lấy mẫu, các Bên sẽ thống nhất lựa chọn và gửi mẫu đến 01 trong 03 phòng thí nghiệm dưới đây, để phân tích các chỉ tiêu theo Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận (Bên A là đơn vị gửi mẫu đến phòng thí nghiệm):

Party A and Party B shall collect samples immediately upon detecting abnormalities in Party B's DWW, make a sampling record, seal the samples, and confirm them with the signatures of the Parties. Thereafter, within 01 (one) to 02 (two) working days from the sampling date, the Parties shall agree to select and send the samples to one (01) of the three (03) laboratories specified below for analysis of the parameters applicable under the Agreed Standards (Party A is the entity sending the sample to the laboratory):

STT No	Tên phòng thí nghiệm Name of laboratory	Giấy phép License	Địa chỉ Address
1	Viện công nghệ môi trường, Viện hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam <i>Institute of Environmental Technology, Vietnam Academy of Science and Technology</i>	Vimcerts 079	Nhà A30- Số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội Điện thoại: 024.37569136/ 0917750155 <i>House A30 - No. 18 Hoang Quoc Viet, Nghia Do Ward, Hanoi City Phone: 024.37569136/ 0917750155</i>
2	Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 <i>Technical Center for Standards, Measurement and Quality 1</i>	Vimcerts 093	Nhà E, số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội Điện thoại: 024.38361399/ 0989140305 <i>House E, No. 8 Hoang Quoc Viet, Nghia Do Ward, Hanoi City Phone: 024.38361399/ 0989140305</i>
3	Trung tâm môi trường và Sản xuất sạch <i>Center for Environment and Clean Production</i>	Vimcerts 072	Số 655 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội Điện thoại: 024.22155192/0386179493 <i>No. 655 Pham Van Dong, Nghia Do Ward, Hanoi City Phone: 024.22155192/0386179493</i>

7.2.2. Bên A sẽ tạm thời tiếp tục cung cấp các Dịch vụ TNXLNTSH cho Bên B trong thời gian chờ kết quả từ phòng thí nghiệm; đồng thời, các Bên sẽ xác nhận chỉ số đồng hồ NTSH hoặc chỉ số đồng hồ nước sạch tại thời điểm lấy mẫu gửi đi phòng thí nghiệm để xác định khối lượng NTSH phát sinh trong thời gian này làm cơ sở xử lý theo quy định tại Khoản 7.2.3 dưới đây;

Party A shall temporarily continue providing the DWWDT Services to Party B while awaiting the laboratory results; At the same time, the Parties will confirm the volume of DWW or clean water meter index at the time of sampling sent to the laboratory to determine the volume generated during this period to serve as the basis for handling as stated in Clause 7.2.3 below;

7.2.3. Các Bên sẽ căn cứ vào kết quả từ phòng thí nghiệm và thống nhất phương án xử lý, cụ thể như sau:

The Parties will base on the results from the laboratory and agree on a treatment plan, specifically as follows:

7.2.3.1. Nếu NTSH của Bên B đạt Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận, Bên A sẽ tiếp tục cung cấp các Dịch vụ TNXLNTSH theo thỏa thuận của Hợp đồng, bao gồm cả việc xử lý khối lượng NTSH nêu tại Khoản 7.2.2 ở trên; đồng thời, Bên A chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc gửi mẫu và phân tích tại phòng thí nghiệm nêu tại Khoản 7.2.1 ở trên.

If Party B's DWW meets the Agreed Standards, Party A shall continue to provide the DWWDT Services in accordance with the terms of the Agreement, including the treatment of the volume of DWW specified in Clause 7.2.2 above; and Party A shall bear all costs related to the submission and analysis of samples at the laboratory specified in Clause 7.2.1 above.

7.2.3.2. Nếu NTSH của Bên B vượt quá Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận (sau đây được gọi là sự “**Vi phạm 02**”), Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A các khoản chi phí hợp lý, thực tế và có chứng từ hợp lệ, phát sinh trực tiếp từ vi phạm này, bao gồm:

*If Party B's DWW exceeds the Agreed Standards (hereinafter referred to as a “**Violation 02**”), Party B is responsible for paying Party A all reasonable, actual, and documented expenses arising directly from this violation, including:*

a. Giá TNXLNT bổ sung đối với khối lượng NTSH nêu tại Khoản 7.2.2 ở trên:

Additional DTP for the DWW volume stated in Clause 7.2.2 above:

Giá TNXLNT bổ sung, chưa bao gồm thuế GTGT = Khối lượng x (Đơn Giá x Hệ số K của Amoni)

Additional DTP, excluding VAT = Volume x (Unit Price x Coefficient K of Ammonia)

Hệ số K = Nồng độ Amoni (mg/l) thực tế / Nồng độ Amoni (mg/l) theo Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận

Coefficient K = Actual Ammonia concentration (mg/l)/Ammonia concentration (mg/l) of Agreed Standards

b. Toàn bộ chi phí phát sinh của Bên A được chứng minh do hành vi vi phạm trực tiếp của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí như: hoá chất, xử lý bùn thải hoặc chất thải phát sinh thêm, nhân công vận hành tăng cường, hư hỏng thiết bị, hư hỏng hệ thống xử lý, khắc phục và nuôi dưỡng vi sinh...;

All costs incurred by Party A are proven to be due to a direct Party B's violation, including but not limited to: chemicals, treatment of sludge or additional waste generated, additional operating labor, equipment damage, damage to the treatment system, remediation, and microbial cultivation...;

c. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc gửi mẫu, phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm nêu tại Khoản 7.2.1 ở trên (Bên B thanh toán trực tiếp với phòng thí nghiệm);

All costs related to the submission and analysis of samples at the laboratory specified in Clause 7.2.1 above (Party B will pay directly to the laboratory);

d. Bồi thường 5.000.000 đồng/vi phạm, cho các chi phí liên quan đến công

việc hành chính như: phát hiện vi phạm, lập báo cáo, họp nội bộ....;
Compensation of VND 5,000,000/violation for costs related to administrative work such as: detecting violations, making reports, internal meetings, etc;

- e. Các khoản bồi thường cho bên thứ ba và/hoặc các khoản tiền phạt từ cơ quan nhà nước mà Bên A phải trả theo yêu cầu.
Compensation to third parties and/or fines from state agencies that Party A must pay upon request.

7.2.3.3. Bên A sẽ chuẩn bị và phát hành đến Bên B yêu cầu thanh toán cho Khoản 7.2.3.2 ở trên và Bên B sẽ thanh toán đến Bên A trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Bên A phát hành yêu cầu thanh toán đến Bên B;
Party A shall prepare and issue to Party B a debit note for Clause 7.2.3.2 above and Party B shall make payment to Party A within seven (07) working days from the date Party A issue the debit note to Party B;

7.2.3.4. Dịch vụ TNXLNTSH sẽ bắt đầu lại ngay lập tức sau khi NTSH của Bên B đạt Các Tiêu chuẩn Thỏa thuận và Bên B xác nhận việc thanh toán nêu tại Khoản 7.2.3.3 ở trên.
The DWWDT Services shall resume immediately after Party B's DWW meets the Agreed Standards and Party B confirms the payment stated in Clause 7.2.3.3 above.

- 7.3 Bên cạnh việc Bên B phải bồi thường đối với những mất mát, các khoản tiền phạt Bên A do luật pháp quy định hay thiệt hại xảy ra đối với HTTNT, bao gồm cả TXLNTTT, là hậu quả của việc vi phạm hoặc không tuân thủ của Bên B, Bên A sẽ tạm dừng việc cung cấp nước sạch đến Bên B khi Bên A nhận được sự phàn nàn bằng văn bản của công ty bên cạnh Bên B về sự vi phạm xả thải NTSH của Bên B làm ảnh hưởng đến công ty này và theo sự yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước; hoặc khi sự vi phạm xả thải NTSH của Bên B làm ảnh hưởng các khu vực chung của KCN Nội Bài mà Bên A đang quản lý. Việc cung cấp nước sạch được thực hiện trở lại khi Bên B khắc phục hoàn toàn sự cố và cam kết thực hiện các nghĩa vụ liên quan (nếu có);

In addition to the compensation to be paid by Party B for any loss, statutory penalties applicable to Party A or damage incurred on the WWDS including the CWWTP as a result of such breach or failure of Party B, Party A shall suspend the supply of clean water to Party B when Party A receives a written complaint from any Party B's neighbor tenants about the DWW violation by Party B affecting these tenants and the requirement of authorities; or when the DWW violation by Party B affects NBIZ's common areas under Party A's management. The supply of clean water shall resume when Party B has completely corrected the incident and committed the implementation of related responsibilities (if any);

- 7.4 Trong trường hợp NTSH của Bên B chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa hờ hoặc vi phạm Điều 5 Khoản 5.2.4, khi đó Bên B có trách nhiệm:

In the event that Party B's DWW overflows to open rainwater drainage or violates Article 5 Clause 5.2.4, Party B shall be responsible for:

- 7.4.1. Thanh toán đến Bên A các chi phí của Bên A như phát hiện vi phạm, chụp ảnh, lấy mẫu, lập biên bản vi phạm, phân tích mẫu, chuẩn bị báo cáo, tổ chức họp và các chi phí hành chính khác, tương đương là 5.000.000 VNĐ/ hành vi vi phạm, với mức tăng thêm 5% mỗi năm kể từ ngày ký Hợp đồng này;

Paying Party A for all costs incurred in detecting the violation, taking photographs, sampling, preparing violation reports, analyzing samples, preparing reports, organizing meetings, and other administrative expenses, equivalent to VND 5,000,000/ violation, with an annual increase of 5% from the date of signing this Agreement;

- 7.4.2. Thực hiện việc thu gom và vệ sinh ngay lập tức việc xả thải không hợp pháp của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn, từ hệ thống thoát nước mưa hờ cho đến mương chính của KCN Nội Bài (xem Phụ lục A);
Immediately collecting and cleaning up Party B's illegal discharge, including but not limited to, from the open rainwater drainage system to the main ditch of the NBIZ (please see Appendix A);
- 7.4.3. Nếu Bên B không thực hiện việc thanh toán và/hoặc không vệ sinh, Bên A sẽ thông báo đến các cơ quan quản lý Nhà nước về sự vi phạm này, đồng thời Bên A sẽ tạm thời đóng điểm xả để phòng ngừa vi phạm lan rộng;
If Party B fails to make the payment and/or to carry out the cleanup, Party A shall notify the relevant State management authorities of the violation and temporarily close the discharge point to prevent the spread of the violation;
- 7.4.4. Nếu hành vi vi phạm của Bên B bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật thì Bên B có trách nhiệm chấp hành việc xử phạt đó và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với những hậu quả, thiệt hại và các khoản xử phạt từ các cơ quan quản lý Nhà nước phát sinh đối với Bên A, cũng như các khoản bồi thường cho bên thứ ba, do hành vi vi phạm của Bên B.
If Party B's violation is subject to administrative penalties under applicable law, Party B shall comply with such penalties and shall bear full responsibility for any consequences, damages, and penalties imposed by State management authorities on Party A, as well as any compensation to third parties resulting from Party B's violation.
- 7.5 Các yêu cầu về sự tuân thủ bảo vệ môi trường được thỏa thuận giữa các Bên sẽ được điều chỉnh theo thời gian phù hợp với các quy định của pháp luật.
The requirement of compliance on environmental protection agreed between the Parties shall be adjusted from time to time in accordance with legal regulations.

ĐIỀU 8: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT

ARTICLE 8: DISPUTES AND RESOLUTION

- 8.1 Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, các Bên trước tiên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng hòa giải, bao gồm việc tìm kiếm ý kiến và hướng dẫn từ các cơ quan quản lý Nhà nước như Ban quản lý các khu công nghệ cao và Khu công nghiệp Hà Nội và/ hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;
In case a dispute arises, the Parties shall attempt in the first instance to resolve such dispute through friendly consultations, including seeking opinions and guidance from authorities such as Hanoi High-Tech and Industrial Parks and/or Hanoi Department of Agriculture and Environment;
- 8.2 Nếu tranh chấp không được giải quyết theo cách như vậy, một trong các Bên có thể đưa sự việc tranh chấp đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ở Hà Nội để có quyết định cuối cùng theo các điều khoản nguyên tắc của trọng tài;
If the dispute is not resolved in this manner, then either party may submit the dispute to the Vietnam International Arbitration Center at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry in Hanoi for final decision pursuant to the provisions of its arbitration;
- 8.3 Toàn bộ các chi phí liên quan đến công việc pháp lý sẽ được thanh toán bởi mỗi Bên, nhưng một trong các Bên có quyền đòi lại toàn bộ các chi phí pháp lý và/ hay chi phí trọng tài từ Bên vi phạm Hợp đồng.
All the cost relating to the legal works shall be borne by each Party but either Party reserves the rights to claim all the arbitration and/or legal expenses from the violating Party.

ĐIỀU 9: CHỐNG HỐI LỘ
ARTICLE 9. ANTI-BRIBERY

9.1. Bên A tại đây cam kết và đảm bảo rằng, Bên A, những người điều hành, nhân viên, người lao động và bất kỳ bên thứ ba liên quan nào của Bên A (“Người của Bên A”):
Party A hereby represents and warrants Party A its officers, employees, workers, and any related third parties ("Party A's Personnel"):

- a. tuân thủ nghiêm ngặt toàn bộ quy định pháp luật, chính sách, hướng dẫn hiện hành liên quan đến chống hối lộ, tham nhũng của tất cả các nước nơi công việc kinh doanh hoặc dịch vụ được thực hiện hoặc cung cấp theo Các Hợp đồng (“Pháp luật Chống Hối lộ”).
strictly comply with all applicable laws, policies and guidance on anti-bribery and anti-corruption of all countries where business or services are conducted or performed under the Agreements (“Anti-Bribery Laws”).
- b. không trực tiếp hoặc gián tiếp qua trung gian (như bên tư vấn, nhà phân phối, đại lý, người thân quen, thư ký hoặc người liên quan khác) đưa, đề nghị, hứa hẹn trả bất kỳ khoản lợi ích nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản do Bên B thanh toán cho Bên A, tiền bạc, hàng hóa, tiếp đãi, giải trí hoặc tiêu khiển nào, cho bất kỳ người nào, gồm cả công chức, viên chức hoặc nhân viên Nhà nước nào hoặc người khác làm việc trong khối Nhà nước, cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp có vốn Nhà nước, đảng phái chính trị, ứng viên cho một vị trí chính trị (bất kể quốc tịch nào) (“Cán bộ Nhà nước”), mà trái với hoặc vi phạm Pháp luật Chống Hối lộ hoặc với hiểu biết hợp lý rằng nó sẽ được sử dụng cho mục đích để đạt được bất kỳ lợi ích không chính đáng nào hoặc để tác động một cách không thích hợp đến bất kỳ hành động hoặc quyết định nào của Cán bộ Nhà nước hoặc cho mục đích có được, duy trì hoặc thu hút công việc kinh doanh (“Hành vi Hối lộ”). Bất kỳ khoản tiền nào được Bên B thanh toán cho Bên A hoặc Người của Bên A theo các điều khoản của Các Hợp đồng sẽ dành cho các dịch vụ được cung cấp trên thực tế hoặc các sản phẩm được bán cho Bên B theo các điều khoản của Các Hợp đồng. Bên A sẽ không và đảm bảo rằng Người của Bên A sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp đưa hối lộ, các khoản tiền lại quả, tiền lót tay, tiền đút lót, quà tặng hoặc khoản thanh toán khác dưới bất kỳ hình thức.
will not, directly or indirectly through intermediaries (such as consultants, distributors, agents, acquaintances, assistants, or other related persons), offer, promise, or provide any benefit, including but not limited to payments made by Party B to Party A, money, goods, hospitality, entertainment, or any form of amusement, to any person, including any civil servant, official, or state employee, or others working in the state sector, agencies, organizations, enterprises with state capital, political parties, or candidates for a political position (regardless of nationality) (“Government Official”), which is contrary to or violates Anti-Bribery Laws, or with reasonable understanding that it will be used to obtain any improper advantage or to improperly influence any action or decision of a Government Official, or for the purpose of obtaining, maintaining, or attracting business (“Bribery Act”). Any funds paid by Party B to Party A or Party A's Personnel under the terms of the Agreements shall be for actual services provided or products sold to Party B under the terms of the Agreements. Party A shall not, and ensures that Party A's Personnel shall not, directly or indirectly give bribes, kickbacks, facilitation payments, payoffs, gifts, or other payments in any form

9.2. Bên A tuyên bố và bảo đảm rằng, trong hiểu biết tốt nhất của mình và trong phạm vi được pháp luật cho phép, Bên A hoặc Người của Bên A đã cung cấp cho Bên B thông tin chính xác và đầy đủ về bất kỳ chủ sở hữu đa số, đối tác, giám đốc, người quản lý nào của Bên A được phép tiến hành hoạt động kinh doanh thay mặt cho Bên A (gọi chung là “Người được Ủy quyền”) mà là, đã là hoặc sẽ là Cán bộ Nhà nước. Nếu vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Các Hợp đồng mà Bên A biết được hoặc theo cách khác có lý do để cho rằng bất kỳ Người được Ủy quyền nào là, đã là hoặc sẽ trở thành Cán bộ Nhà nước, thì khi đó, trong chừng mực được pháp luật cho phép, Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B.

Party A represents and warrants that, to the best of its knowledge and to the extent permitted by law, Party A or Party A's Personnel have provided Party B with accurate and complete information about any majority owner, partner, director, or manager of Party A who is authorized to conduct business on behalf of Party A (collectively referred to as "Authorized Persons") who is, has been, or will be a Government Official. If at any time during the term of the Agreements Party A becomes aware or otherwise has reason to believe that any Authorized Person is, has been, or will become a Government Official, then, to the extent permitted by law, Party A shall promptly notify Party B.

- 9.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm điều khoản Chống Hối lộ này hoặc Pháp luật Chống Hối lộ, thì Bên B sẽ chấm dứt một số hoặc tất cả Các Hợp đồng bất cứ lúc nào, và có hiệu lực ngay lập tức kể từ ngày phát hành văn bản thông báo đến Bên A, mà không làm phát sinh thêm bất kỳ nghĩa vụ nào cho Bên B.

In case Party A has any breach of this Article or violation against Anti-Bribery Laws, Party B may terminate some or all the Agreements at any time, immediately effective upon a written notice to Party A, and without incurring any obligation whatsoever.

- 9.4. Bên A đã hiểu rõ Chính sách Chống Hối lộ của Tập Đoàn Yamaha niêm yết tại trang thông tin điện tử: <<https://global.yamaha-motor.com/about/csr/anti-corruption/>>.

Party A understood "Yamaha Motor Group's Anti-Bribery Policy", which is available on the website: <<https://global.yamaha-motor.com/about/csr/anti-corruption/>>.

- 9.5. Bên A tại đây tuyên bố và đảm bảo rằng: cho đến ngày ký kết Các Hợp đồng, Bên A cũng như người quản lý, nhân viên và người lao động của Bên A chưa từng có Hành vi Hối lộ.

Party A hereby represents and warrants that at the date of entering into the Agreements, Party A and its directors, officers, and employees have not engaged in any Bribery.

- 9.6. Bên A sẽ lưu giữ một cách chính xác tất cả các ghi chép, sổ sách kế toán, hồ sơ, hóa đơn, và các tài liệu có liên quan đến Các Hợp đồng hoặc việc thực hiện Các Hợp đồng và hợp tác đầy đủ với Bên B nếu Bên B yêu cầu thực hiện việc kiểm tra sổ sách, kiểm toán.

Party A shall accurately keep all books, accounts, records, invoices, and other relevant documents in any way connected with the Agreements or its performance hereunder, and fully cooperate with Party B if an audit is requested and conducted by Party B.

ĐIỀU 10: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NHÂN QUYỀN

ARTICLE 10: SUSTAINABILITY AND HUMAN RIGHTS

- 10.1. Bên A đã đọc "Chính sách Cơ bản về Phát triển Bền vững" của Tập đoàn Yamaha Motor được công khai trên trang web <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-phat-trien-ben-vung-cua-tap-doan-yamaha-motor/>; và "Chính sách Nhân quyền" liên quan tại <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-nhan-quyen-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, bao gồm cam kết của Tập đoàn Yamaha Motor về việc "Tuân thủ các nguyên tắc và quy định quốc tế", "Ngăn ngừa tham nhũng và thực hiện hoạt động kinh doanh công bằng và minh bạch", "Tôn trọng nhân quyền, không phân biệt đối xử và không sử dụng lao động trẻ em hay cưỡng bức lao động dưới bất kỳ hình thức nào" và "Yêu cầu đối tác kinh doanh thực hiện chính sách này".

Party A has read Yamaha Motor Group's "Sustainability Basic Policy" publicly available at <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-phat-trien-ben-vung-cua-tap-doan-yamaha-motor/> and "Human Rights Policy" at <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-nhan-quyen-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, including its commitment that Yamaha Motor Group "will comply with international rules, laws and ordinances", "will work to prevent corruption, and execute our operations with fairness and integrity", "will respect human rights, will not discriminate, and will not use child labor or carry out forced labor under any form" and asking "our business partners to uphold this policy and act on its basis".

10.2. Bên A hiểu rằng Chính sách Cơ bản về Phát triển Bền vững và Chính sách Nhân quyền là nền tảng cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Yamaha Motor, và nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng hoặc không xử lý vi phạm đúng cách thì có thể dẫn đến việc đình chỉ hoặc chấm dứt hợp tác với Bên B. Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B khi phát hiện bất kỳ hành vi nào mâu thuẫn với các chính sách và cam kết này, dù là tại Bên A hay đối tác cung ứng liên quan đến hoạt động kinh doanh với Bên B. Nếu Bên B yêu cầu, Bên A sẽ hợp tác với Bên B thực hiện việc kiểm tra và đào tạo hợp lý, xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và khắc phục các hoạt động kinh doanh không phù hợp với các chính sách và cam kết này.

Party A understands that the Basic Policy on Sustainable Development and the Human Rights Policy are fundamental to the business operations of the Yamaha Motor Group. If serious violations are discovered or if violations are not properly addressed, this may result in the suspension or termination of cooperation with Party B. Party A will promptly notify Party B upon discovering any actions that conflict with these policies and commitments, whether occurring within Party A or at supply partners involved in business activities with Party B. If requested by Party B, Party A will cooperate with Party B to conduct reasonable inspections and training to identify, prevent, mitigate, and remedy any business activities that are not in compliance with these policies and commitments.

ĐIỀU 11: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 11: GENERAL PROVISIONS

- 11.1. Các Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- The Parties commit to strictly implement the terms and conditions under this Agreement;*
- 11.2. Nếu bất kỳ Bên nào vi phạm, Bên đó sẽ phải bồi thường đến Bên kia và chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- If any Party violates, it shall compensate to the other Party and take responsibility before the law;*
- 11.3. Nếu có bất kỳ điểm nào trong Hợp đồng này không có hiệu lực pháp lý, các điểm khác vẫn có nguyên hiệu lực và ràng buộc các Bên;
- If there is any point in this Agreement declared null and void, the rest still remains in force binding the Parties;*
- 11.4. Mọi sửa đổi của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực nếu được thực hiện bằng văn bản và được ký thông qua bởi các đại diện hợp pháp của các Bên. Các điều khoản bổ sung sẽ được lập thành Phụ lục Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này và có hiệu lực kể từ ngày **01/04/2026**;
- All amendments to this Agreement are only valid if it is made in writing and signed by authorized representatives of the Parties. Additional revisions shall be made in Appendix as an integral part of this Agreement and take effect from 01/04/2026;*
- 11.5. Hợp đồng này sẽ kết thúc hiệu lực theo thời hạn của Hợp đồng thuê lại đất đã ký giữa các Bên; hoặc trong vòng ba mươi (30) ngày lịch đối với trường hợp của Điều 6, Khoản 6.5 ở trên; hoặc Bên B có thông báo bằng văn bản đến Bên A về việc không còn nhu cầu sử dụng Dịch vụ TNXLNTSH của Bên A;
- This Agreement will terminate its effect in accordance with the term of the Sub-Lease Agreement signed between the Parties; or within thirty (30) calendar days for the case of Article 6, Clause 6.5 above; or Party B informs in writing Party A of no longer demand of using Party A's DWWDT services;*
- 11.6. Hợp đồng này được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa tiếng Việt và tiếng Anh, thì tiếng Việt sẽ ưu tiên được áp dụng và sự mâu thuẫn sẽ được xem là lỗi dịch thuật.

This Agreement is made in both Vietnamese and English. In the event of contradiction between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese shall prevail and the contradiction shall be treated as translation errors.

ĐỂ XÁC NHẬN, các Bên cùng thực hiện Hợp đồng này vào ngày tháng năm được ghi ở trên.
IN WITNESS WHEREOF, the Parties have executed this Agreement the day and year first herein above written.

THAY MẶT BÊN A:
For and on behalf of Party A:



Ký bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI
Thời gian ký: 31-03-2026 15:41:33
Đơn vị CA: SmartSign
Hạn CKS: 13/11/2024 - 16/5/2027

Ký bởi: Ông Au Sing Choy
Signed by: Mr. Au Sing Choy
Chức vụ: Tổng Giám đốc
Designation: General Director

THAY MẶT BÊN B:
For and on behalf of Party B:



Ký bởi: CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM
Thời gian ký: 31/03/2026 14:36:25
Đơn vị CA: CMC-CA
Hạn CKS: 5/4/2025 - 25/9/2027

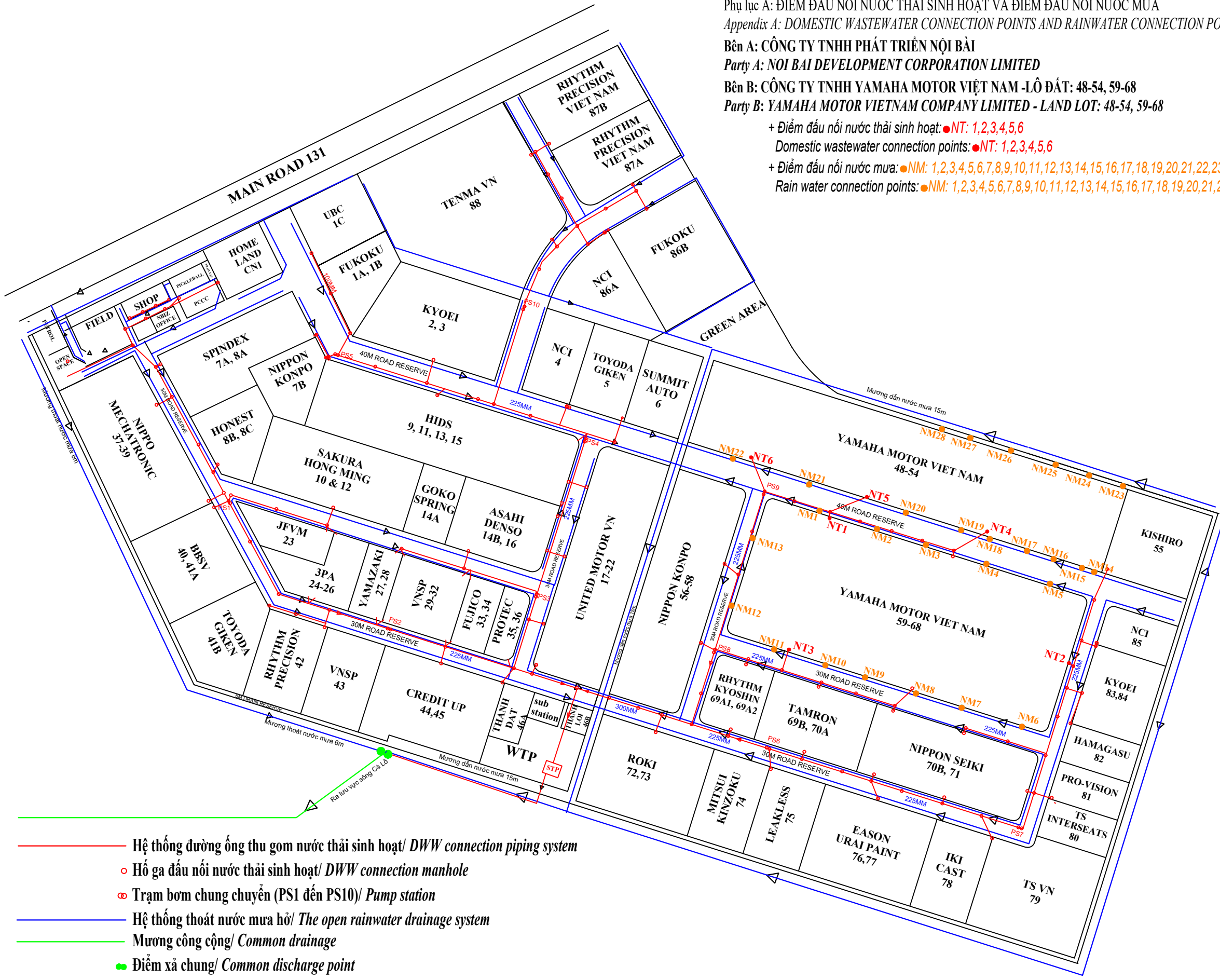
Ký bởi: Ông Sakakibara Makoto
Signed by: Mr. Sakakibara Makoto
Chức vụ: Phó Giám đốc Bộ phận Kế hoạch kinh Doanh
Designation: Deputy Head of Business Planning Division

Phụ lục A: ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC MƯA
 Appendix A: DOMESTIC WASTEWATER CONNECTION POINTS AND RAINWATER CONNECTION POINTS

Bên A: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI
 Party A: NOI BAI DEVELOPMENT CORPORATION LIMITED

Bên B: CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM - LÔ ĐẤT: 48-54, 59-68
 Party B: YAMAHA MOTOR VIETNAM COMPANY LIMITED - LAND LOT: 48-54, 59-68

- + Điểm đầu nối nước thải sinh hoạt: ●NT: 1,2,3,4,5,6
- Domestic wastewater connection points: ●NT: 1,2,3,4,5,6
- + Điểm đầu nối nước mưa: ●NM: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27
- Rain water connection points: ●NM: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27



- Hệ thống đường ống thu gom nước thải sinh hoạt/ DWW connection piping system
- Hồ ga đầu nối nước thải sinh hoạt/ DWW connection manhole
- ⊗ Trạm bơm chung chuyên (PS1 đến PS10)/ Pump station
- Hệ thống thoát nước mưa hở/ The open rainwater drainage system
- Mương công cộng/ Common drainage
- Điểm xả chung/ Common discharge point

HỢP ĐỒNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP
INDUSTRIAL WASTEWATER DRAINAGE & TREATMENT AGREEMENT
Số/ No.: 71/NBD/2026

HỢP ĐỒNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP này (sau đây được gọi là “**Hợp đồng**”) được lập tại Khu Công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, TP. Hà Nội, Việt Nam
This INDUSTRIAL WASTEWATER DRAINAGE & TREATMENT AGREEMENT (hereinafter referred to as the “Agreement”) is made in Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam

Giữa/ Between:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI**
PARTY A : **NOI BAI DEVELOPMENT CORPORATION LIMITED**
Địa chỉ : Khu công nghiệp Nội Bài, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address : *Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam*
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0100113991 do Sở Tài Chính TP. Hà Nội chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/08/2025
Enterprise Registration Certificate No. : *0100113991 certified with 8th amendment on 05/08/2025 by Hanoi Department of Finance*
Người đại diện : Ông Au Sing Choy Chức vụ: Tổng Giám đốc
Representative : *Mr. Au Sing Choy Title: General Director*
Điện thoại/ Tel : (024) 35820333 Fax: (024) 35820330
Tài khoản ngân hàng : 2064 999 999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Sở giao dịch
Bank account : *2064 999 999 at Vietcombank, Operation Centre Branch*
Mã số thuế/ Tax code : 0100113991

Và/ And:

BÊN B : **CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM**
PARTY B : **YAMAHA MOTOR VIETNAM CO., LTD**
Địa chỉ : Thôn Bình An, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address : *Binh An Village, Trung Gia Commune, Hanoi City, Vietnam*
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0100774342 do Sở Tài Chính TP. Hà Nội chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15/08/2025
Enterprise Registration Certificate No. : *0100774342 certified with the 13th amendment on 15/08/2025 by Hanoi Department of Finance*
Điện thoại/ Tel : 024.35824900 Fax: 024.35824857
Người đại diện : Ông Sakakibara Makoto Chức vụ: Phó Giám đốc Bộ phận Kế hoạch kinh Doanh
Representative : *Mr. Sakakibara Makoto Title: Deputy Head of Business Planning Division*
(Theo Giấy ủy quyền số YMVN/POA/2025/16 ký ngày 10/10/2025 bởi Tổng Giám đốc OKUTANI MASAHIRO/ *Authorized under POA No. YMVN/POA/2025/16 dated 10/10/2025 of General Director Okutani Masahiro*)
MST/ Tax Code : 0100774342

Bên A, Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**các Bên**”.
Party A, Party B are hereinafter referred to individually as “Party” and collectively as the “Parties”.

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

LEGAL BASIS:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
Civil Code No. 91/2015/QH13 dated 24/11/2015 of the National Assembly;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/06/2006 của Quốc hội;
Law on standards and technical regulations dated 29/06/2006 of the National Assembly;
- Luật số 70/2025/QH15 ngày 14/06/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật;
Law No. 70/2025/QH15 dated 14/06/2025 amending and supplementing a number of articles of the Law on Standards and Technical Regulations;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội;
Law on Environmental Protection No.72/2020/QH14 on 17/11/2020 of the National Assembly of Vietnam;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Government Decree No. 80/2014/ND-CP dated 06/08/2014, on drainage and wastewater treatment;
- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;
Decree No. 98/2019/ND-CP dated 27/12/2019 of the Government amending and supplementing a number of articles of decrees in the field of technical infrastructure;
- Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
Decree No. 346/2025/ND-CP dated 29/12/2025 of the Government on the environmental protection fee applicable to wastewater;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
Decree No. 45/2022/ND-CP dated 07/07/2022 of the Government on penalties for administrative violations against regulations on environmental protection;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Decree No.08/2022/ND-CP on 10/01/2022 of the Government on detailing a number of articles of Law on Environmental Protection;
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Decree No. 05/2025/ND-CP dated 06/01/2025 of the Government amending and supplementing a number of articles of Decree No. 08/2022/ND-CP dated 10/01/2022 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Environmental Protection;
- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
Decree No. 131/2025/ND-CP dated 12/6/2025 of the Government stipulating the division of authority of local authorities at two levels in the field of state management of the Ministry of Agriculture and Environment;
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD của Bộ xây dựng ngày 17/05/2024 về thoát nước và xử lý nước thải;
Consolidated document No. 02/VBHN-BXD of the Ministry of Construction dated 17/05/2024 on drainage and wastewater treatment;

- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025: Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
Resolution No. 08/2025/NQ-HĐND dated 29/04/2025: Resolution stipulating fines for a number of administrative violations in the field of Environmental Protection in Hanoi City;
- Thông tư số 51/2014/TT-BTNMT ngày 05/09/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
Circular No. 51/2014/TT-BTNMT dated 05/09/2014 of the Ministry of Natural Resources and Environment regulating technical regulations on environment in Hanoi capital;
- Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
Circular No. 13/2018/TT-BXD dated 27/12/2018 of the Ministry of Construction guiding the valuation method of drainage service;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Circular No. 02/2022/TT-BTNMT on 10/01/2022 of the Ministry of Natural Resources and Environment on detailing a number of articles of Law on Environmental Protection;
- Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025 Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Circular No. 07/2025/TT-BTNMT dated 28/02/2025 Circular amending and supplementing a number of articles of Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated 10/01/2022 of the Minister of Natural Resources and Environment detailing the implementation of a number of articles of the Law on Environmental Protection;
- Quy chuẩn kỹ thuật đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02: 2014/BTNMT được phê duyệt theo thông tư số 51/2014/TT- BTNMT ngày 05/09/2014;
Technical standards for industrial wastewater in Hanoi, QCTĐHN 02: 2014/BTNMT, were approved by Circular No. 51/2014/TT-BTNMT dated 05/09/2014;
- Giấy phép môi trường số 524/GPMT-BTNMT ngày 21/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
Environmental license No. 524/GPMT-BTNMT dated 21/12/2023 of the Ministry of Natural Resources and Environment;
- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải/ ĐTM còn hiệu lực của Bên B;
Certificate of completion of environmental protection works for wastewater/EIA still valid of Party B;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.
Other relevant legal documents.

XÉT VÌ:

WHEREAS:

- A. Bên A là chủ đầu tư, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghiệp Nội Bài (“**KCN Nội Bài**”) thuộc địa bàn Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội;
*Party A is the investor, builder and operator of the technical infrastructure system of Noi Bai Industrial Zone (“**NBIZ**”) located in Soc Son Communes, Hanoi City;*
- B. Bên A đã đầu tư và vận hành một Trạm Xử lý Nước thải Tập trung (“**TXLNTTT**”) để tiếp tục xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp của các nhà máy trong KCN Nội Bài để đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ trước khi xả thải ra môi trường;
*Party A has invested and operated a Centralized Wastewater Treatment Plant (“**CWWTP**”) to further treat the domestic and industrial wastewater of the factories in NBIZ in order to ensure full compliance before discharging into the environment;*

- C. Theo Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (Hệ thống thoát nước thải về TXLN TTTT “HTTNT”) theo quy định của KCN Nội Bài về xả thải;
According to Article 53 of the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14: Establishments, production, business and services are responsible for connecting wastewater to the centralized wastewater collection, drainage and treatment system (Wastewater drainage system to CWWTP (“WWDS”) according to regulations of NBIZ on wastewater discharges;
- D. Nay, Bên B đề nghị đầu nối để xả nước thải công nghiệp của Bên B vào HTTNT của Bên A với dịch vụ xả thải và tiếp tục xử lý tại TXLN TTTT.
Now, Party B requests to connect Party B’s industrial wastewater discharges to Party A’s WWDS for drainage service and further treatment at CWWTP.

VÌ VẬY, các Bên ở đây đồng ý ký Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:
THEREFORE, the Parties hereto agree to sign this Agreement with the terms and conditions as follows:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG **ARTICLE 1: SUBJECT OF THE AGREEMENT**

- 1.1 Nước thải công nghiệp (“NTCN”) của Bên B là nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của Bên B trong Khu vực thuê của Bên B tại KCN Nội Bài;
Industrial wastewater (“IWW”) of Party B is the wastewater produced by Party B’s production activities within Party B’s Premises in NBIZ;
- 1.2 Bên A cung cấp các dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp (“**Dịch vụ TNXLNTCN**”) đối với NTCN của Bên B được xả từ điểm đầu nối như được nêu ở Điều 2 dưới đây;
Party A provides the industrial wastewater drainage and treatment services (“IWWDT Services”) for Party B’s IWW discharged from the connection point as indicated in Article 2 below;
- 1.3 Dịch vụ TNXLNTCN sẽ chỉ bao gồm và cho phép đối với NTCN của Bên B đã qua xử lý và đạt tiêu chuẩn thỏa thuận giữa các Bên đối với 34 thông số ô nhiễm được quy định trong Phụ lục B của Hợp đồng này (“**Tiêu chuẩn Thỏa Thuận**”). Nước thải đạt Tiêu chuẩn Thỏa thuận này phải được đầu nối qua đồng hồ đo lưu lượng và hệ thống đường ống riêng biệt để dẫn trực tiếp đến TXLN TTTT. NTCN của Bên B đã qua xử lý không có bất kỳ: bùn thải nào (như bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải và cặn hình thành trong đường ống thoát nước thải về đến TXLN TTTT), dầu, mỡ, rác, bọt, màu sắc, mùi, chất hoạt động bề mặt, chất thải nguy hại khác, nước thải của nồi hơi chưa xử lý, nước thải ngưng điều hòa chưa xử lý, nước thải tháp giải nhiệt chưa xử lý, nước thải của hệ thống lọc RO chưa xử lý và nước mưa chảy vào HTTNT.
IWWDT Services shall only include and allow Party B’s IWW which has been treated and meets the standards agreed upon by the Parties for 34 pollution parameters specified in Appendix B of this Agreement (“Agreed Standards”). Wastewater meeting the Agreed Standards must be connected via a flow meter and a separate piping system for direct conduit to the CWWTP. Party B’s IWW without any waste sludge (such as sludge produced by wastewater treatment and sludge formed in the wastewater pipeline to the CWWTP), oil, grease, rubbish, foam, color, smell, surfactants, other hazardous waste, untreated boiler wastewater, untreated air conditioner condensate wastewater, untreated cooling tower wastewater, untreated RO system wastewater and rainwater discharged into WWDS.

ĐIỀU 2: CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP **ARTICLE 2: INDUSTRIAL WASTEWATER CONNECTION POINTS**

Các điểm đầu nối là các vị trí qua đó Bên B xả NTCN của Bên B vào HTTNT và TXLN TTTT của Bên A. Các Bên ở đây xác nhận:
The connection points are the locations through which Party B discharges Party B’s IWW into Party A’s WWDS and CWWTP. The Parties hereby confirm that:

- 2.1 Các điểm đầu nối NTCN của Bên B ở (các) vị trí và (các) điểm như được nêu ở Phụ lục A (“**Các Điểm Đầu nối NTCN**”), các điểm này sẽ được đầu nối qua đồng hồ đo lưu lượng NTCN và một hệ thống đường ống riêng biệt để dẫn trực tiếp đến TXLN TTTT;
IWW connection points of Party B are at position(s) and point(s) as presented in Appendix A (“IWW Connection Points”), which shall be connected via the IWW electronic flow meter by a separate piping system directly to the CWWTP;
- 2.2 Bất kỳ điểm đầu nối nào khác mà không được nêu trong Điều này đều được coi là không hợp pháp và vi phạm trực tiếp pháp luật bảo vệ môi trường và các thỏa thuận đầu nối đã ký giữa các Bên.
Any other connection points that are not mentioned in this Article are considered to be illegal and in direct violation to the law on environmental protection and wastewater connection agreements signed between the Parties.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG XẢ NTCN CỦA BÊN B

ARTICLE 3: VOLUME AND QUALITY OF PARTY B'S INDUSTRIAL WASTEWATER DISCHARGE

- 3.1 Khối lượng NTCN = m³ được thể hiện trên chỉ số đồng hồ đo lưu lượng NTCN. Bên B sẽ giám sát và lưu chép khối lượng hàng ngày NTCN theo đồng hồ đo lưu lượng NTCN. Khối lượng NTCN tối đa của Bên B được Bên A cho phép xả thải là 144 m³/ngày đêm;
IWW volume = m³ as indicated in the IWW flow meter reading. Party B shall monitor and record the daily volume of the IWW according to the IWW flow meter. The maximum volume of Party B's IWW allowed by Party A to discharge is 144 m³/day;
- 3.2 Đồng hồ đo lưu lượng NTCN phải được kiểm định và có giấy chứng nhận kiểm định hợp lệ. Trường hợp đồng hồ đo lưu lượng NTCN là đồng hồ điện từ, Bên B có trách nhiệm lắp đặt bổ sung một đồng hồ đếm giờ song song với đồng hồ đo lưu lượng điện từ nhằm bảo đảm việc đo đếm khối lượng NTCN được liên tục, chính xác và có cơ sở đối soát;
The flow meter for IWW must be inspected and accompanied by a valid inspection certificate. In the event that the IWW flow meter is an electromagnetic type, Party B shall install an additional hour meter in parallel with the electronic flow meter to ensure continuous, accurate measurement of the IWW volume and to provide a basis for verification;
- 3.3 Nếu đồng hồ đo lưu lượng NTCN chạy không chính xác, bị hỏng, mất điện (trừ trường hợp mất điện lưới do sự cố hoặc do kế hoạch ngừng cung cấp điện đã được thông báo trước bởi Công ty Điện lực Sóc Sơn), hoặc hết kiểm định, khi Bên A hoặc/và Bên B phát hiện và xác nhận bằng biên bản, thì khối lượng NTCN của tháng đó sẽ được tính bằng khối lượng NTCN trung bình của ba tháng liền kề trước đó (ngoại trừ tháng Tết nguyên đán) theo đơn vị thông thường là ba mươi (30) ngày/ tháng. Trường hợp đồng hồ đo lưu lượng NTCN bị hỏng, không được Bên B thay thế trong vòng ba mươi (30) ngày lịch kể từ tháng lập biên bản, thì Bên A sẽ mua, lắp đặt một đồng hồ đo lưu lượng mới để thay thế và Bên B sẽ thanh toán tiền mua đồng hồ đo lưu lượng và các chi phí có liên quan đến Bên A;
In case the IWW flow meter is not running accurately, is broken, loses power (except in case of grid power failure due to an incident or when Soc Son Power Company announces in advance about a planned power outage), or out of verification period, detected and confirmed by Party A or/and Party B with a minutes, the volume of Party B's IWW in that month shall be the average of the previous three months IWW volume (except the month of Tet traditional holidays) with the typical unit of thirty (30) days per month. In case that the IWW flow meter is damaged, Party B does not replace it within thirty (30) calendar days from the month of the minutes, Party A shall buy and install a new IWW flow meter and Party B shall pay to Party A the costs of buying the IWW flow meter and other relevant costs;

- 3.4 Toàn bộ NTCN phải được xử lý tại khu vực thuê của Bên B để đạt Tiêu chuẩn Thỏa Thuận trước khi được xả vào HTTNT và TXLNNTT để tiếp tục xử lý. Các thông số trong Tiêu chuẩn Thỏa thuận được hiểu là thông số được đo tại bất kỳ Các Điểm Đầu nối NTCN của Bên B (Bao gồm tại điểm van lấy mẫu gần đồng hồ đo lưu lượng NTCN của Bên B và các điểm đầu vào tại TXLNNTT) được nêu tại Phụ lục A của Hợp đồng.
- All IWW must be treated at Party B's premises to meet Agreed Standards before being discharged to the WWDS and CWWTP for further treatment. The parameters in the Agreed Standards are parameters tested at any IWW Connection Point of Party B (Including at the sampling valve point near Party B's flow meter and inlet points at CWWTP) mentioned in Appendix A of the Agreement.*

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

ARTICLE 4: PARTY A'S RIGHTS AND OBLIGATIONS

- 4.1 Bên A có những quyền sau:
- Party A shall have the following rights:*
- 4.1.1 Yêu cầu và nhận được từ Bên B khoản thanh toán giá thoát nước và xử lý NTCN theo các Dịch vụ TNXLNTCN mà Bên A cung cấp đến Bên B;
- To require and receive payment from Party B for the IWW drainage and treatment price upon the IWWDT Services provided by Party A to Party B;*
- 4.1.2 Yêu cầu Bên B tuân thủ chặt chẽ khối lượng và chất lượng NTCN xả thải như được xác định rõ và thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- To require Party B to strictly follow the quantity and quality of IWW discharged as defined and agreed in this Agreement;*
- 4.1.3 Kiểm tra khối lượng và chất lượng NTCN của Bên B tại Các Điểm Đầu nối NTCN. Bên A sẽ chỉ định người phù hợp vào bên trong các khu nhà trong Khu vực thuê của Bên B, dưới sự chứng kiến của Bên B, để kiểm tra các hệ thống đường ống thu gom nước thải, nước mặt và hệ thống xử lý nước thải, trong trường hợp NTCN của Bên B có sự cố hoặc có các dấu hiệu bất thường như khối lượng cao, có màu, mùi lạ hoặc không đạt tiêu chuẩn NTCN đầu vào KCN Nội Bài (theo Phụ lục B của hợp đồng này);
- To check the quantity and quality of Party B's IWW at the IWW Connection Points. Party A shall authorize their relevant staffs to come inside Party B's Premises, under Party B's witness, to check wastewater collection system, surface water and wastewater treatment system, in cases that Party B's IWW has problem or abnormal signs such as much increase of Party B's IWW or Party B's IWW has strange color, smell or do not meet the IWW standards for the input of NBIZ (according to Appendix B of this Agreement);*
- 4.1.4 Nhận bồi thường đối với những thiệt hại do sự bất cẩn hoặc lỗi của Bên B gây ra làm ảnh hưởng đến HTTNT và TXLNNTT phù hợp với các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này;
- To receive compensation for any damage caused by Party B's negligence or default causing damage to the WWDS and CWWTP in accordance with the terms and conditions of this Agreement;*
- 4.1.5 Tạm dừng ngay Dịch vụ TNXLNTCN trong trường hợp Bên B vi phạm quy định về xả thải hay vi phạm Điều 2, Khoản 2.2 ở trên;
- Immediate suspension of the IWWDT Services in case that Party B violates the regulations on discharge or violates Article 2, Clause 2.2 above;*
- 4.1.6 Có quyền theo dõi, giám sát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi tự ý đầu nối hoặc xả thải trái quy định vào hệ thống thoát nước mưa, HTTNT hoặc ra môi trường. Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm đó, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước và Bên A, đồng thời, phải thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí liên quan đến việc phát hiện, giám sát, ngăn chặn vi phạm và các chi phí phát sinh khác;

To have the right to follow up, supervise, detect and stop the violating actions of connection or discharge into the rainwater drainage system, WWDS or the environment. In case there is such violation being detected, Party B shall bear full responsibility before the competent state authorities and Party A, and shall pay Party A all costs related to the detection, supervision, and prevention of such violations, as well as any other related expenses incurred;

4.2 Bên A có những trách nhiệm sau:

Party A shall have the following obligations:

4.2.1 Định kỳ kiểm tra HTTNT bao gồm đồng hồ đo lưu lượng NTCN, Các Điểm Đầu nối NTCN, đường ống (Bên ngoài Khu vực thuê của Bên B) để đảm bảo dòng chảy tự nhiên của NTCN về TXLNNTT (ngoại trừ các trường hợp do lỗi của Bên B gây ra như NTCN của Bên B có cặn bám trong ống, có rác hoặc có bùn thải làm tắc đường ống NTCN hoặc đồng hồ lưu lượng NTCN);

To periodically inspect the WWDS system, including the IWW flow meter, all IWW Connection Points, and the pipelines (outside the Premises of Party B) to ensure the natural flow of IWW to the CWWTP (except problem due to faults of Party B, such as pipe scaling, debris or sludge, in Party B's IWW causing blockages inside the IWW pipes or the IWW flow meter);

4.2.2 Xây dựng quy trình vận hành và quản lý hiệu quả, năng suất đối với HTTNT và TXLNNTT đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về thủ tục vận hành, phù hợp với các quy định của pháp luật;

To establish effective and efficient management and maintenance processes for WWDS and CWWT that satisfy the technical requirements of operation procedures according to the regulations of laws;

4.2.3 Thực hiện việc tiếp tục xử lý NTCN của Bên B để đạt và tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra môi trường;

To provide further treatment of Party B's IWW to meet and comply with the law on environmental protection before discharging into the environment;

4.2.4 Chuẩn bị hồ sơ và thanh toán phí giấy phép xả thải, phí bảo vệ môi trường đến các cơ quan quản lý nhà nước;

To prepare dossiers and payment for discharge license fee and environment protection charges to the authorities;

4.2.5 Xây dựng, điều hành các hệ thống thoát nước và xử lý NTCN theo đúng quy định của luật pháp;

To build, operate the IWW drainage and treatment systems as required by laws;

4.2.6 Thực hiện toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết Hợp đồng này và/hoặc trong tương lai về các vấn đề liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này, bao gồm pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác.

To perform all duties and obligations in accordance with the provisions of law at the time of signing this Agreement and/or in future time on matters related to the performance under this Agreement, including the law on environmental protection and other law regulations.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B **ARTICLE 5: PARTY B'S RIGHTS AND OBLIGATIONS**

5.1 Bên B có các quyền sau:

Party B shall have the following rights:

5.1.1 Nhận và sử dụng các Dịch vụ TNXLNTCN do Bên A cung cấp phù hợp với pháp luật bảo vệ môi trường;

To receive and use of the IWWDT Services as provided by Party A and in accordance with law on environmental protection;

- 5.1.2 Đề nghị Bên A khắc phục mọi vấn đề của HTTNT mà có thể đã làm ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên NTCN của Bên B đến HTTNT khi mà vấn đề này không phải do Bên B không tuân thủ về xả thải;
To request Party A to repair any problem in the WWDS which may have affected the free flow of Party B's IWW into the WWDS as long as the problem was not caused on Party B's non-compliance of the discharged wastewater;
- 5.1.3 Nhận thông tin về các hoạt động của HTTNT thông qua Zalo - nhóm môi trường giữa Bên A và Bên B, hoặc điện thoại, hoặc bằng văn bản;
To receive information on the WWDS through the Zalo environmental group between Party A and Party B, or phone, or activities in writing;
- 5.1.4 Yêu cầu Bên A xuất hóa đơn thuế GTGT đối với các Dịch vụ TNXLNTCN mà Bên A cung cấp;
To require Party A to issue VAT invoice for the IWWDT Services provided by Party A;

5.2 Bên B có những trách nhiệm sau:

Party B shall have the following obligations:

- 5.2.1 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá các Dịch vụ TNXLNTCN sau khi nhận được hóa đơn thuế GTGT hợp lệ từ Bên A và các khoản thanh toán khác nếu có;
To pay in full and on time for the IWWDT Services' price after receiving the valid VAT invoice from Party A and other amounts if any;
- 5.2.2 Xả NTCN đã qua xử lý của Bên B vào HTTNT của Bên A theo Tiêu chuẩn Thỏa thuận. Chịu trách nhiệm và bảo dưỡng định kỳ hệ thống thoát NTCN của Bên B, vệ sinh định kỳ bên trong đồng hồ đo lưu lượng NTCN, bên trong đường ống NTCN của Bên B về đến TNXLNTCN của Bên A đảm bảo lưu lượng và dòng chảy ổn định (gửi phương án và kế hoạch cho Bên A trước ít nhất 03 ngày làm việc), và đảm bảo NTCN của Bên B luôn đạt Tiêu chuẩn Thỏa thuận. Bên B chịu trách nhiệm mua sắm và thay thế bơm chung chuyên, đồng hồ lưu lượng NTCN, hệ thống đường ống và hệ thống điện để chuyển NTCN của Bên B đến vị trí tiếp nhận NTCN tại TNXLNTTT của Bên A (theo Phụ lục A của Hợp đồng này), bao gồm thanh toán đến Bên A khoản tiền mua đồng hồ lưu lượng NTCN và các chi phí có liên quan được nêu tại Khoản 3.2.2 ở trên. Đảm bảo đồng hồ lưu lượng NTCN luôn trong thời gian kiểm định và phù hợp với các quy định khác của pháp luật (nếu có);
To discharge treated wastewater from Party B into Party A's Wastewater Treatment System according to Agreed Standards. Party B is responsible for the regular maintenance of its wastewater and drainage systems, periodic cleaning of the inside of the IWW flow meter, and the inside of Party B's IWW pipes leading to Party A's CWWTP to ensure stable flow and discharge (send the plan and schedule to Party A at least 03 working days in advance), and ensure the IWW of Party B always meet Agreed Standards. Party B is responsible for procuring and replacing transfer pumps, wastewater flow meters, electronic flow piping systems, and electrical systems to connect Party B's wastewater from its facility to Party A's CWWTP (as per Appendix A of this Agreement), including payment to Party A for the purchase of the wastewater meter mentioned in Clause 3.2 above. Ensure that the wastewater flow meter is always within the calibration period and complies with other legal regulations (if any);
- 5.2.3 Có trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải của Bên B theo yêu cầu của luật, có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải hàng ngày, có người vận hành hệ thống xử lý nước thải, có người giám sát/phụ trách về hệ thống xử lý nước thải, có thiết bị/dụng cụ/máy đo trong vận hành hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra chất lượng NTCN, và có quan trắc NTCN của Bên B theo tần suất 06 tháng/lần đối với 34 thông số ô nhiễm đã thỏa thuận trong Tiêu chuẩn Thỏa Thuận (theo Phụ lục B Hợp đồng này):

To have responsibility to operate wastewater treatment system of Party B as required by laws, have daily operational diary of wastewater treatment system, have operator of wastewater treatment system, have supervisor/person-in-charge of wastewater treatment system, have equipment/tools/measuring instruments of the wastewater treatment system in order to check the quality of wastewater, and monitor every 6 months Party B's IWW for 34 agreed pollutant parameters in Agreed Standards (as per Appendix B of this Agreement):

- 5.2.3.1. Có trách nhiệm bổ sung hoá chất điều chỉnh pH, enzyme (nếu cần), hoá chất phá bọt, hóa chất khử trùng như: javen, v.v để hệ thống xử lý nước thải của Bên B luôn luôn đạt Tiêu chuẩn Thỏa thuận;
To have responsibility to add pH adjustment chemical, enzyme (if needed), antifoam chemical, disinfection chemical such as sodium hypochlorite, etc so that Party B's WWTP always meets Agreed Standards;
- 5.2.3.2. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí, sau hệ thống xử lý nước thải của Bên B (tại điểm van lấy mẫu gần đồng hồ đo lưu lượng NTCN của Bên B);
Sampling location: 01 location, after the wastewater treatment system of Party B (at the sampling valve near Party B's electronic IWW flow meter);
- 5.2.3.3. Các thông số quan trắc NTCN của Bên B phải được so sánh phù hợp với Tiêu chuẩn Thỏa thuận;
Party B's IWW monitoring parameters must be compared according to the Agreed Standards;
- 5.2.3.4. Các công việc quan trắc, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm phải được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm đủ tiêu chuẩn do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép (sau đây được gọi là “**Phòng thí nghiệm**”). Việc lựa chọn Phòng thí nghiệm do Bên B quyết định;
*The monitoring works, taking sample and testing sample in laboratory must be done by a qualified laboratory duly licensed by competent authorities (hereinafter referred to as the “**Laboratory**”). The selection of the Laboratory is decided by Party B;*
- 5.2.3.5. Kết quả quan trắc NTCN của Bên B theo tần suất quy định tại Khoản 5.2.3 của Điều này phải được gửi đến Bên A trong vòng ba mươi (30) ngày lịch kể từ ngày kết thúc đợt lấy mẫu;
The monitoring results must be sent to Party A in accordance with the frequency mentioned at Clause 5.2.3 of this Article, within thirty (30) calendar days from the date of completion of sampling;
- 5.2.3.6. Nếu Bên A không nhận được kết quả quan trắc trong thời hạn quy định tại Mục 5.2.3.5 nêu trên, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 9, Bên A có quyền lựa chọn Phòng thí nghiệm để thực hiện việc quan trắc và sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B trước ít nhất 03 (ba) ngày lịch. Đồng thời, Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí liên quan đến việc quan trắc này của Bên A, trong vòng 30 (ba mươi) ngày lịch kể từ tháng nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A về kết quả quan trắc từ phòng thí nghiệm. Nếu Bên B không thanh toán trong thời hạn quy định, Bên A có quyền khoá van và tạm dừng tiếp nhận NTCN của Bên B.
If Party A does not receive the monitoring results within the time limit specified in Clause 5.2.3.5 above, except in cases of force majeure as prescribed in Article 9, Party A shall have the right to select a Laboratory to carry out the monitoring and shall provide written notice to Party B at least 03 (three) calendar days in advance. At the same time, Party B shall pay all costs related to such monitoring to Party A within 30 (thirty)

calendar days from the month of receipt of Party A's written notice regarding the monitoring results from the Laboratory. If Party B fails to make payment within the specified time limit, Party A has the right to lock the valve and temporarily stop receiving IWW from Party B.

- 5.2.4 Bên A khuyến cáo Bên B trang bị các thiết bị sau đây có model tương tự với các thiết bị của Bên A đang sử dụng để phục vụ việc kiểm tra và ghi nhận hàng ngày: máy đo pH cầm tay, máy đo kim loại nặng, máy đo oxy hòa tan cầm tay (máy đo DO), máy đo amoni cầm tay. Các thiết bị này nhằm phục vụ việc kiểm soát chất lượng nước thải công nghiệp của Bên B, đồng thời làm cơ sở đối chiếu với kết quả phân tích do Bên A thực hiện khi có yêu cầu. Trong trường hợp, Bên B không trang bị các thiết bị được khuyến cáo, thì các Bên sẽ thông nhất sử dụng kết quả phân tích từ thiết bị nội bộ của Bên A. Trường hợp kết quả vượt Tiêu chuẩn Thoả thuận, Bên B cam kết sẽ tuân thủ theo Khoản 7.1 bên dưới;

Party A recommends that Party B equip instruments with models equivalent to those currently used by Party A for daily monitoring and recording, including: a handheld pH meter, a heavy metals analyzer, a handheld dissolved oxygen (DO) meter, and a handheld ammonium analyzer. These instruments are intended to monitor the quality of Party B's IWW and to serve as a basis for comparison with the analysis results conducted by Party A upon request. In the event that Party B does not equip the recommended instruments, the Parties agree to use the analysis results obtained from Party A's internal equipment. In case the results exceed the Agreed Standards, Party B commits to comply with Clause 7.1 below;

- 5.2.5 Có sự sắp xếp phù hợp, tuân thủ theo các quy định của pháp luật, để giải quyết việc vận chuyển và tiêu hủy toàn bộ các chất thải lỏng như chất thải nguy hại, bùn vệ sinh bởi nhà thầu có giấy phép hành nghề, bao gồm nhưng không giới hạn ở những chất thải lỏng sau (không phải là nước thải công nghiệp):

To make suitable arrangements, in accordance with the regulations of laws, for the handling of removal and disposal by licensed contractor, of any type of liquid waste such as hazardous waste, cleaning sludge, including but not limited to the following liquid waste (it is not industrial wastewater):

- 5.2.5.1. Cặn sơn và sơn pha loãng;

Residual paints and paint thinner;

- 5.2.5.2. Dầu, mỡ sau khi vệ sinh sàn khu vực sản xuất;

Grease or oil after washing production floor;

- 5.2.5.3. Hỗn hợp dầu hoặc các chất hòa tan dễ cháy;

Petroleum spirit or any inflammable solvents;

- 5.2.5.4. Các chất phóng xạ, dễ nổ và dễ cháy;

Inflammable, explosives or radioactive substances;

- 5.2.5.5. Chất nhuộm không thể phân hủy sinh học;

Non-biodegradable pigments;

- 5.2.5.6. Thuốc trừ sâu và/ hoặc thuốc diệt nấm;

Insecticides and/or fungicides;

- 5.2.5.7. Các chất có thể làm hỏng HTTNT hoặc cản trở dòng chảy tự nhiên của NTCN hoặc là nguyên nhân gây thiệt hại đến TXLNTTT.

Substances liable to damage WWDS or interfere with the free flow of IWW or cause damage to the CWWTP.

Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi của nhà thầu và đơn vị cung cấp dịch vụ của Bên B nếu chất thải lỏng bị nghiêm cấm, được liệt kê ở trên, được xả thải vào HTTNT hay hệ thống thoát nước mưa hở của KCN Nội Bài;

Party B shall be fully responsible for the action by Party B's contractor and service provider if the prohibited liquid waste listed above is discharged into the WWDS or the open rainwater drainage systems in NBIZ;

- 5.2.6 Thông báo ngay đến Bên A về bất cứ hiện tượng bất thường nào có thể là nguyên nhân của việc không tuân thủ về các tiêu chuẩn NTCN và có thể là nguyên nhân gây ra các vấn đề đối với HTTNT và TXLNNTT;
To immediately inform Party A of any irregular phenomenon which may cause the non-compliance of IWW standards that may cause problem to the WWDS and CWWTP;
- 5.2.7 Trong trường hợp khối lượng NTCN của Bên B vượt quá khối lượng đã được chấp thuận/cho phép trong Hợp đồng này, các Bên sẽ họp và trao đổi về Giá TNXLNT được đề cập tại Điều 6.4. Ngoài ra, Bên B phải thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về việc thay đổi và phải được sự chấp thuận từ cơ quan có thẩm quyền;
In case the volume of IWW exceeded the approved volume in this Agreement, the Parties will meet and discuss on the new DTP as stated in Article 6.4. In addition, Party B must notify the state management agency of the change and must obtain the approval from the relevant authorities;
- 5.2.8 Thực hiện việc bồi thường đến Bên A và/hoặc một bên thứ ba bất kỳ có liên quan dựa trên bằng chứng xác thực do lỗi của Bên B (như người dân có đất bị ảnh hưởng bởi nước thải chưa qua xử lý của Bên B; NTCN của Bên B xả vào HTTNT của Bên A vượt quá Tiêu chuẩn Thỏa thuận và TXLNNTT của Bên A không thể xử lý được, sau đó NTCN của Bên B chảy ra ngoài môi trường; hoặc NTCN của Bên B được xả vào hệ thống thoát nước mưa của Bên A, sau đó chảy ra ngoài môi trường; NTCN của Bên B làm ảnh hưởng các công ty bên cạnh), đối với những thiệt hại do lỗi của Bên B phù hợp với các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này;
To pay compensation to Party A and/or any related third party based on evidences proving Party B's violation (such as farmers having fields affected by Party B's untreated wastewater; Party B's IWW discharged into Party A's WWDS exceeds Agreed Standards, and Party A's CWWTP cannot treat Party B's IWW, subsequently Party B's IWW flows into the environment; or Party B's IWW is discharged into Party A's rainwater drainage, then Party B's IWW flows into the environment; Party B's IWW affects the neighbour tenants), for any damage caused by Party B's failure to comply with the terms and conditions of this Agreement;
- 5.2.9 Thực hiện toàn bộ các trách nhiệm, nghĩa vụ phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết Hợp đồng này và/hoặc trong tương lai về các vấn đề liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này, bao gồm pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác;
To perform all duties and obligations in accordance with the provisions of law at the time of signing this Agreement and/or in future time on matters related to the performance under this Agreement, including the law on environmental protection and other law regulations;
- 5.2.10 Bên A sẽ không tiếp nhận NTCN của Bên B nếu Bên B không có hệ thống xử lý bùn thải hóa lý hoặc sinh học (máy ép bùn) và không chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng xử lý. Các chứng từ chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng xử lý phải được lưu giữ, cho phép Bên A kiểm tra khi cần.
Party A will not accept receiving IWW from Party B if Party B does not have a sludge treatment system (sludge filter press) for physical, chemical & biological sludges and does not dispose the waste sludge to third party licensed contractor. All evidence of documents of sludge disposed by third party licensed contractor must kept for Party A to inspect when necessary.

ĐIỀU 6: GIÁ THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NTCN VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN
ARTICLE 6: IWW DRAINAGE & TREATMENT PRICE AND PAYMENT TERMS

- 6.1 Bên B phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật để giảm thiểu ô nhiễm NTCN của Bên B cũng như để thực hiện thỏa thuận về xả NTCN giữa các Bên;
To comply with regulations of laws to minimize the pollution of Party B's IWW as well as to implement the agreement of the IWW discharge between the Parties;

- 6.2 Theo thỏa thuận giữa các Bên, giá thoát nước và xử lý NTCN là **6.890 VND/m³** (“**Đơn giá**”), chưa bao gồm thuế GTGT, với điều kiện NTCN của Bên B xả thải đáp ứng Tiêu chuẩn Thỏa thuận theo Phụ lục B của Hợp đồng này. Đơn giá này sẽ được điều chỉnh tăng theo chu kỳ 3 (ba) năm và có hiệu lực từ năm thứ 4. Tỷ lệ tăng sẽ được xem xét và thống nhất giữa Bên A và Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản trong cuộc họp hàng quý tại KCN Nội Bài;
According to the negotiation and agreement between the Parties, the IWW drainage and treatment price is VND 6,890/m³ (“Unit Price”), excluding VAT, as long as Party B’s discharged IWW complies with Agreed Standards as per Appendix B in this Agreement. This Unit Price will be adjusted upwards every 03 (three) years cycle and shall be effective on the 4th year. The rate of increase will be reviewed and agreed between Party A and the Japanese Tenants Association during their quarterly meeting in NBIZ;
- 6.3 Khối lượng NTCN (“**Khối lượng**”) được sử dụng để xác định giá tổng thể đã được xác định rõ trong Điều 3 của Hợp đồng này;
The volume of IWW (“Volume”) used to determine the total price is defined in Article 3 in this Agreement;
- 6.4 Giá thoát nước và xử lý NTCN (“**Giá TNXLNT**”) được tính là: **Giá TNXLNT = Khối lượng x Đơn giá**;
The IWW drainage and treatment price (“DTP”) is calculated as: DTP = Volume x Unit Price;
- 6.5 Trong trường hợp Bên B không đồng ý về Giá TNXLNT mới, Bên A không có trách nhiệm tiếp tục cung cấp các Dịch vụ TNXLNTCN đến Bên B và Bên B có quyền đề nghị Bên A ký một thỏa thuận tách đầu nối, phù hợp với các quy định của pháp luật.
In the event that Party B does not agree on the new price, Party A has no responsibility for continuing the IWWDT Services to Party B and Party B has right to request Party A to sign a disconnection agreement in accordance with regulations of laws.
- 6.6 Điều kiện thanh toán:
Payment Terms:
- 6.6.1 Bên B sẽ thanh toán đến Bên A Giá TNXLNT và các chi phí khác (nếu có) vào ngày trước ngày làm việc cuối cùng của tháng tiếp theo tháng Bên B nhận được bộ chứng từ thanh toán từ Bên A, gồm hóa đơn thuế GTGT hợp pháp, biên bản chốt số liệu có xác nhận của hai bên;
Party B shall pay to Party A the DTP and other costs (if any) on the day prior to the last working day of the month following the month in which Party B receives the set of payment documents from Party A, including the valid VAT invoice, minutes of meter data handover by both Parties;
- 6.6.2 Lãi suất thanh toán chậm sẽ là 1%/ tháng và được tính từ ngày quá hạn đến ngày thanh toán thực tế;
The late payment interests shall be 1% per month and calculated from the due date to the date of the actual payment;
- 6.6.3 Trong trường hợp Bên B không thanh toán đến Bên A trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày Bên A phát hành hóa đơn thuế GTGT hợp pháp đến Bên B, Bên A có quyền tạm dừng các Dịch vụ TNXLNTCN đến Bên B bằng việc đóng Các Điểm Đầu nối NTCN, sau khi gửi một thông báo bằng văn bản trước ít nhất năm (05) ngày làm việc đến Bên B. Các Dịch vụ TNXLNTCN sẽ được khôi phục ngay sau khi Bên B thanh toán đầy đủ các khoản công nợ còn tồn đọng, bao gồm cả tiền lãi chậm trả (nếu có).
In the event that Party B doesn’t make payment to Party A within two (02) months from the date Party A issues the valid VAT invoice to Party B, Party A has right to suspend the IWWDT Services to Party B by closing the IWW Connection Points, after sending a written notice at least five (05) working days in advance to Party B. The

IWWDT Services shall be resumed promptly after Party B has fully settled the outstanding amounts, including any late payment interest (if applicable).

ĐIỀU 7: XỬ LÝ VI PHẠM

ARTICLE 7: SETTLEMENT OF VIOLATIONS

- 7.1 Để giám sát sự tuân thủ của Bên B về chất lượng NTCN của Bên B được xả vào HTTNT và TXLNNTT, Bên A sẽ lấy mẫu NTCN của Bên B tại Các Điểm Đầu nối NTCN (bao gồm tại TXLNNTT) tại mọi thời điểm để phân tích bằng việc sử dụng thiết bị phân tích nội bộ của Bên A (thiết bị phân tích đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về môi trường). Việc lấy mẫu và phân tích phải được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và có lập biên bản lấy mẫu, trong đó ghi nhận thời điểm, vị trí lấy mẫu, thông số phân tích và kết quả phân tích. Trường hợp kết quả phân tích ban đầu cho thấy NTCN của Bên B không đạt Tiêu chuẩn Thỏa thuận (sau đây gọi là “**Vi phạm 01**”), Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B (qua email và/hoặc văn bản chính thức). Việc thông báo qua điện thoại hoặc nhóm Zalo (nếu có) chỉ mang tính chất hỗ trợ, không thay thế thông báo chính thức bằng văn bản. Và khi đó:

*In order to supervise Party B's compliance on the IWW quality discharged by Party B into the WWDS and CWWTP, Party A shall take a sample of Party B's IWW at the IWW Connection Points (including at CWWTP) for checking through observation or testing using Party A's in-house testing equipment at any time (this testing equipment meets standards required by the law on the environment). Sampling and analysis must be carried out in accordance with environmental protection laws, and a sampling record must be prepared, includes recording the time and location of sampling, the analytical parameters, and the analytical results. In case Party B's DWW exceeded the Agreed Standards (hereinafter referred to as “**Violation 01**”), Party A must notify Party B in writing (via email and/or official document). Notifications via phone or Zalo group (if available) are for support purposes only and do not replace official written announcements. And in such case:*

7.1.1 Bên A sẽ tạm dừng ngay các Dịch vụ TNXLNTCN đến Bên B, bằng cách khóa các van xả của Bên B tại TXLNNTT sau 15 phút kể từ thời điểm thông báo đến Bên B; *Party A shall immediately suspend the IWWDT Services to Party B by closing Party B's discharge valves at the CWWTP within 15 minutes from the time of notifying Party B;*

7.1.2 Bên B có trách nhiệm khắc phục Vi phạm 01 bằng cách: (a) thuê đơn vị thứ ba có chức năng để thu gom và xử lý toàn bộ NTCN vượt tiêu chuẩn đang nằm trong HTTNT và đang lưu chứa tại bể 2A (T-08A) của Bên A trong vòng 60 phút kể từ thời điểm Bên A thông báo việc khóa van xả của Bên B như quy định tại Khoản 7.1.1 ở trên; (b) chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thiệt hại về thiết bị và đường ống của HTTNT của Bên A trong phạm vi thiệt hại được chứng minh là do lỗi trực tiếp của Bên B gây ra; (c) đồng thời, mọi khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc phát hiện vi phạm, lập báo cáo, lấy mẫu, phân tích và hóa chất phân tích mẫu nội bộ trong phòng thí nghiệm, chi phí hành chính khác... của Bên A (từ khi phát hiện vi phạm đến khi Bên A xác nhận Bên B hoàn thành việc khắc phục vi phạm hoàn toàn) (nếu có) phải là chi phí hợp lý, thực tế và có chứng từ hợp lệ, và hai Bên sẽ trao đổi, thống nhất trước khi Bên B thực hiện thanh toán. Khoản tiền cố định mà Bên B phải thanh toán là 5.000.000 VNĐ/lần vi phạm đến Bên A chỉ được áp dụng trong trường hợp Vi phạm 01 được hai Bên xác nhận bằng văn bản;

Party B shall be responsible for remedying Violation 01 by: (a) to engaging a qualified third-party entity to collect and treat all non-compliant IWW present in the WWDS and stored in Tank 2A (T-08A) of Party A within sixty (60) minutes from the time Party A notifies Party B of the closure of Party B's discharge valves as prescribed in Clause 7.1.1 above; (b) Party B shall be fully responsible for any damage to equipment and pipelines of Party A's water supply system to the extent

that the damage is proven to be caused by Party B's direct fault; (c) at the same time, all expenses incurred related to detecting violations, preparing reports, sampling, analysis, and internal laboratory analysis chemicals, other administrative costs, etc., of Party A (calculated from the time the violation is detected until Party A confirms that Party B has fully remedied the violation) (if any), must be reasonable, actual, and valid documentation, and both Parties will discuss and agree before Party B makes the payment. The fixed amount that Party B must pay to Party A, which is VND 5,000,000 per violation, shall only be applied in the case of Violation 01, as confirmed in writing by both Parties;

7.1.3 Trường hợp Bên B không đồng ý với kết luận về Vi phạm 01, việc xác định chất lượng NTCN của Bên B chỉ được coi là chính thức và có giá trị áp dụng sau khi có kết quả phân tích của phòng thí nghiệm độc lập theo quy trình dưới đây:

In the event that Party B does not agree with the conclusion regarding Violation 01, the determination of the quality of the Agreed Standards of Party B shall only be considered official and valid after receiving the results of analysis from an independent laboratory following the procedure below:

7.1.3.1 Bên A và Bên B cùng thống nhất và liên hệ đến 01 trong các phòng thí nghiệm dưới đây, trong thời gian từ 01 (một) đến 02 (hai) ngày lịch, để lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu theo Tiêu chuẩn Thỏa thuận (Phòng thí nghiệm sẽ là đơn vị lấy mẫu trực tiếp tại Điểm Đầu nối NTCN phía sau đồng hồ); *Party A and Party B agree to contact one of the following laboratories within 01 (one) to 02 (two) calendar days to obtain samples for analysis of parameters according to the Agreed Standards (The laboratory will be the unit directly collecting samples at the IWW Connection Point behind the meter);*

STT No.	Tên phòng thí nghiệm <i>Name of laboratory</i>	Giấy phép <i>License</i>	Địa chỉ <i>Address</i>
1	Viện công nghệ môi trường, Viện hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam <i>Institute of Environmental Technology, Vietnam Academy of Science and Technology</i>	Vimcerts 079	Nhà A30- Số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội Điện thoại: 024.37569136/ 0917750155 <i>House A30 - No. 18 Hoang Quoc Viet, Nghia Do Ward, Hanoi City Phone: 024.37569136/ 0917750155</i>
2	Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 <i>Technical Center for Standards, Measurement and Quality 1</i>	Vimcerts 093	Nhà E, số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội Điện thoại: 024.38361399/ 0989140305 <i>House E, No. 8 Hoang Quoc Viet, Nghia Do Ward, Hanoi City Phone: 024.38361399/ 0989140305</i>
3	Trung tâm môi trường và Sản xuất sạch <i>Center for Environment and Clean Production</i>	Vimcerts 072	Số 655 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội Điện thoại: 024.22155192/0386179493 <i>No. 655 Pham Van Dong, Nghia Do Ward, Hanoi City Phone: 024.22155192/0386179493</i>

7.1.3.2 Trong thời gian chờ kết quả chính thức từ phòng thí nghiệm, Bên A vẫn tiếp tục khóa van và ngừng tiếp nhận NTCN của Bên B. Bên B phải có trách nhiệm thực hiện phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải của Bên B theo quy định;

While awaiting the official results from the laboratory, Party A shall continue to close the valve and cease receiving the IWW from Party B. Party B shall be responsible for implementing preventive measures and responding to its own waste incidents in accordance with the regulations;

- 7.1.3.3 Trường hợp kết quả phân tích chất lượng NTCN của Bên B từ phòng thí nghiệm vượt quá Tiêu chuẩn Thỏa thuận, ngoài việc phải tuân thủ quy định tại Khoản 7.1.2 nêu trên, Bên B có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho phòng thí nghiệm toàn bộ chi phí liên quan đến việc lấy mẫu, phân tích mẫu mà các Bên đã thực hiện tại Khoản 7.1.3.1 ở trên;

In the event that the analysis results of Party B's IWW quality from any laboratory exceed the Agreed Standards, in addition to complying with the provisions of Clause 7.1.2 above, Party B shall be responsible for directly paying the laboratory all costs related to the sampling and analysis of samples as specified in Clause 7.1.3.1 above;

- 7.1.3.4 Dịch vụ TNXLNTCN sẽ chỉ được tiếp tục thực hiện sau khi:

The IWWDT Services will only be continued after:

- a. Bên A nhận được kết quả phân tích từ phòng thí nghiệm và xác nhận rằng chất lượng NTCN của Bên B đáp ứng Tiêu chuẩn Thỏa thuận, Bên A sẽ phải ngay lập tức mở van và tiếp tục tiếp nhận NTCN của Bên B; đồng thời, Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các chi phí liên quan đến việc lấy mẫu và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm theo Khoản 7.1.3.1 nêu trên.

In the event that Party A receives the analysis results from the laboratory and confirms that the quality of Party B's IWW complies with the Agreed Standards, Party A must open the valve immediately and continue to receive Party B's IWW; at the same time, Party A shall be responsible for paying all costs related to the sampling and analysis of samples at the laboratory in accordance with Clause 7.1.3.1 above.

- b. Bên B khắc phục hoàn toàn vi phạm và thanh toán đầy đủ các chi phí theo quy định tại Khoản 7.1.2 nêu trên cho Bên A, đồng thời chất lượng NTCN của Bên B đạt Tiêu chuẩn Thỏa thuận.

Party B has fully rectified the violations and paid all costs as stipulated in Article 7.1.2 above for Party A, and the quality of Party B's IWW must meet the Agreed Standards.

- 7.2 Bên B phải bồi thường cho Bên A đối với các thiệt hại thực tế, trực tiếp và được chứng minh là phát sinh do lỗi vi phạm của Bên B, trong phạm vi trách nhiệm hợp lý theo quy định của pháp luật phát sinh khi Bên A bị cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra, cũng như mọi thiệt hại đối với HTTNT, bao gồm nhưng không giới hạn ở TXLNTTT, mà Bên A phải gánh chịu do hành vi vi phạm hoặc không tuân thủ của Bên B trong quá trình thực hiện hoặc vận hành hệ thống xử lý nước thải của mình;

Party B shall indemnify Party A for actual, direct, and verifiable damages arising from Party B's violation, to the extent of reasonable liability as prescribed by law when Party A is subject to inspection or examination by competent state authorities, as well as for any damage to the WWDS, including but not limited to the CWWTP, that Party A suffers as a result of Party B's violations or non-compliance during the implementation or operation of its wastewater treatment system;

- 7.3 Bên A sẽ khóa van và ngừng tiếp nhận NTCN của Bên B khi Bên A nhận được sự phàn nàn/khiếu nại bằng văn bản từ công ty bên cạnh về việc xả thải của Bên B gây ảnh hưởng đến công ty này và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước; hoặc Bên B vi phạm xả thải làm ảnh hưởng các khu vực chung của KCN Nội Bài mà Bên A đang quản lý. Việc

mở van tiếp nhận NTCN được thực hiện trở lại khi Bên B khắc phục hoàn toàn sự cố và cam kết thực hiện các nghĩa vụ liên quan (nếu có);

Party A shall close the valve and suspend the reception of Party B's IWW in the event that Party A receives a written complaint from an adjacent company regarding Party B's wastewater discharge causing adverse impacts to such company and/or upon request of the competent state authority; or Party B's wastewater discharge violation affects common areas of the NBIZ under Party A's management. The reopening of the valve for receiving IWW shall only be carried out after Party B has completely remedied the incident and committed to fulfilling all related obligations (if any);

- 7.4 Trong trường hợp NTCN của Bên B chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa hở hoặc vi phạm Điều 5 Khoản 5.2.5 là chất thải lỏng bị cấm, được xả thải vào hệ thống thoát nước mưa hở, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A các chi phí hợp lý, thực tế và có chứng từ hợp lệ của Bên A như phát hiện vi phạm, chụp ảnh, lấy mẫu, lập biên bản vi phạm, phân tích mẫu, chuẩn bị báo cáo, tổ chức họp và các chi phí hành chính khác, tương đương là 5.000.000 VNĐ/ hành vi vi phạm, với mức tăng thêm 5% mỗi năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Đồng thời, Bên B cũng có trách nhiệm thu gom và vệ sinh ngay việc xả thải không hợp pháp của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn, từ hệ thống thoát nước mưa hở cho đến mương chính của KCN Nội Bài. Trường hợp Bên B không thực hiện việc thanh toán chi phí hoặc không vệ sinh, Bên A sẽ thông báo đến các cơ quan quản lý Nhà nước về sự vi phạm và tạm đóng điểm xả để phòng ngừa các vi phạm tiếp theo. Nếu hành vi vi phạm của Bên B bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật thì Bên B có trách nhiệm chấp hành việc xử phạt đó, đồng thời cũng chịu 100% trách nhiệm đối với những hậu quả, thiệt hại và xử phạt vi phạm từ các cơ quan quản lý Nhà nước xảy ra với Bên A do hành vi vi phạm của Bên B;

In the event that Party B's IWW overflows to open rainwater drainage or violates Article 5 Clause 5.2.5 where the prohibited liquid waste discharged into the open rainwater drainage systems, Party B shall pay to Party A for reasonable, actual, and valid documentation expenses incurred by Party A, such as violation detection expenses, taking pictures, sample, preparation of minutes, sample test, preparation of reports, meeting and other administrative costs, equivalent to VND 5,000,000 per violating action, with an annual increase of 5% from the date of signing this Agreement. Besides, Party B is also responsible to immediately remove and clean up all the illegal discharges by Party B, including but not limited to, in the open rainwater drainage systems up to the main canal of NBIZ. If Party B doesn't pay the costs or doesn't clean the violated area. Party A shall inform the authorities of the violation and to temporarily close the discharge point to prevent further violations. If Party B's violating action is penalized for administrative violation as stipulated by law, Party B is responsible for execution of such penalty 100%, and also for consequences, damages and penalties from any authorities occurred to Party A due to Party B's violating action;

- 7.5 Các yêu cầu về sự tuân thủ bảo vệ môi trường được thỏa thuận giữa các Bên sẽ được điều chỉnh theo thời gian phù hợp với các quy định của pháp luật.

The requirement of compliance on environmental protection agreed between the Parties shall be adjusted from time to time in accordance with legal regulations.

ĐIỀU 8: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT

ARTICLE 8: DISPUTES AND RESOLUTION

- 8.1 Trong trường hợp có sự tranh chấp, các Bên trước tiên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng hòa giải, bao gồm việc tìm kiếm ý kiến và hướng dẫn từ các cơ quan quản lý Nhà nước như Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố Hà Nội và/ hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;

In the case a dispute arises, the Parties shall attempt in the first instance to resolve such dispute through friendly consultations including seeking opinions and guidance from

authorities such as Hanoi High-Tech Parks and Industrial Zones Management Board and/or Hanoi City Department of Agriculture and Environment;

- 8.2 Nếu tranh chấp không được giải quyết theo cách như vậy, một trong các Bên có thể đưa sự việc tranh chấp đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ở Hà Nội để có quyết định cuối cùng theo các điều khoản nguyên tắc của trọng tài;

If the dispute is not resolved in this manner, then either party may submit the dispute to the Vietnam International Arbitration Center at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry in Hanoi for final decision pursuant to the provisions of its arbitration;

- 8.3 Toàn bộ các chi phí liên quan đến công việc pháp lý sẽ được thanh toán bởi mỗi Bên, nhưng một trong các Bên có quyền đòi lại toàn bộ các chi phí pháp lý và/ hay chi phí trọng tài từ Bên vi phạm Hợp đồng.

All the cost relating to the legal works shall be borne by the each Party but either Party reserves the rights to claim all the arbitration and/or legal expenses from the violating Party.

ĐIỀU 9: CHỐNG HỐI LỘ **ARTICLE 9. ANTI-BRIBERY**

- 9.1. Bên A tại đây cam kết và đảm bảo rằng, Bên A, những người điều hành, nhân viên, người lao động và bất kỳ bên thứ ba liên quan nào của Bên A (“Người của Bên A”):

Party A hereby represents and warrants Party A its officers, employees, workers, and any related third parties ("Party A's Personnel"):

- a. tuân thủ nghiêm ngặt toàn bộ quy định pháp luật, chính sách, hướng dẫn hiện hành liên quan đến chống hối lộ, tham nhũng của tất cả các nước nơi công việc kinh doanh hoặc dịch vụ được thực hiện hoặc cung cấp theo Các Hợp đồng (“Pháp luật Chống Hối lộ”).
strictly comply with all applicable laws, policies and guidance on anti-bribery and anti-corruption of all countries where business or services are conducted or performed under the Agreements (“Anti-Bribery Laws”).
- b. không trực tiếp hoặc gián tiếp qua trung gian (như bên tư vấn, nhà phân phối, đại lý, người thân quen, thư ký hoặc người liên quan khác) đưa, đề nghị, hứa hẹn trả bất kỳ khoản lợi ích nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản do Bên B thanh toán cho Bên A, tiền bạc, hàng hóa, tiếp đãi, giải trí hoặc tiêu khiển nào, cho bất kỳ người nào, gồm cả công chức, viên chức hoặc nhân viên Nhà nước nào hoặc người khác làm việc trong khối Nhà nước, cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp có vốn Nhà nước, đảng phái chính trị, ứng viên cho một vị trí chính trị (bất kể quốc tịch nào) (“Cán bộ Nhà nước”), mà trái với hoặc vi phạm Pháp luật Chống Hối lộ hoặc với hiểu biết hợp lý rằng nó sẽ được sử dụng cho mục đích để đạt được bất kỳ lợi ích không chính đáng nào hoặc để tác động một cách không thích hợp đến bất kỳ hành động hoặc quyết định nào của Cán bộ Nhà nước hoặc cho mục đích có được, duy trì hoặc thu hút công việc kinh doanh (“Hành vi Hối lộ”). Bất kỳ khoản tiền nào được Bên B thanh toán cho Bên A hoặc Người của Bên A theo các điều khoản của Các Hợp đồng sẽ dành cho các dịch vụ được cung cấp trên thực tế hoặc các sản phẩm được bán cho Bên B theo các điều khoản của Các Hợp đồng. Bên A sẽ không và đảm bảo rằng Người của Bên A sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp đưa hối lộ, các khoản tiền lại quả, tiền lót tay, tiền dứt lót, quà tặng hoặc khoản thanh toán khác dưới bất kỳ hình thức.

will not, directly or indirectly through intermediaries (such as consultants, distributors, agents, acquaintances, assistants, or other related persons), offer, promise, or provide any benefit, including but not limited to payments made by Party B to Party A, money, goods, hospitality, entertainment, or any form of amusement, to any person, including any civil servant, official, or state employee, or others working in the state sector, agencies, organizations, enterprises with state capital, political parties, or candidates for a political position (regardless of nationality) (“Government Official”), which is contrary to or violates Anti-Bribery Laws, or with reasonable understanding that it will

be used to obtain any improper advantage or to improperly influence any action or decision of a Government Official, or for the purpose of obtaining, maintaining, or attracting business (“Bribery Act”). Any funds paid by Party B to Party A or Party A's Personnel under the terms of the Agreements shall be for actual services provided or products sold to Party B under the terms of the Agreements. Party A shall not, and ensures that Party A's Personnel shall not, directly or indirectly give bribes, kickbacks, facilitation payments, payoffs, gifts, or other payments in any form

- 9.2. Bên A tuyên bố và bảo đảm rằng, trong hiểu biết tốt nhất của mình và trong phạm vi được pháp luật cho phép, Bên A hoặc Người của Bên A đã cung cấp cho Bên B thông tin chính xác và đầy đủ về bất kỳ chủ sở hữu đa số, đối tác, giám đốc, người quản lý nào của Bên A được phép tiến hành hoạt động kinh doanh thay mặt cho Bên A (gọi chung là “Người được Ủy quyền”) mà là, đã là hoặc sẽ là Cán bộ Nhà nước. Nếu vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Các Hợp đồng mà Bên A biết được hoặc theo cách khác có lý do để cho rằng bất kỳ Người được Ủy quyền nào là, đã là hoặc sẽ trở thành Cán bộ Nhà nước, thì khi đó, trong chừng mực được pháp luật cho phép, Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B.
Party A represents and warrants that, to the best of its knowledge and to the extent permitted by law, Party A or Party A's Personnel have provided Party B with accurate and complete information about any majority owner, partner, director, or manager of Party A who is authorized to conduct business on behalf of Party A (collectively referred to as “Authorized Persons”) who is, has been, or will be a Government Official. If at any time during the term of the Agreements Party A becomes aware or otherwise has reason to believe that any Authorized Person is, has been, or will become a Government Official, then, to the extent permitted by law, Party A shall promptly notify Party B.
- 9.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm điều khoản Chống Hối lộ này hoặc Pháp luật Chống Hối lộ, thì Bên B sẽ chấm dứt một số hoặc tất cả Các Hợp đồng bất cứ lúc nào, và có hiệu lực ngay lập tức kể từ ngày phát hành văn bản thông báo đến Bên A, mà không làm phát sinh thêm bất kỳ nghĩa vụ nào cho Bên B.
In case Party A has any breach of this Article or violation against Anti-Bribery Laws, Party B may terminate some or all the Agreements at any time, immediately effective upon a written notice to Party A, and without incurring any obligation whatsoever.
- 9.4. Bên A đã hiểu rõ Chính sách Chống Hối lộ của Tập Đoàn Yamaha niêm yết tại trang thông tin điện tử: <<https://global.yamaha-motor.com/about/csr/anti-corruption/>>.
Party A understood “Yamaha Motor Group’s Anti-Bribery Policy”, which is available on the website: <<https://global.yamaha-motor.com/about/csr/anti-corruption/>>.
- 9.5. Bên A tại đây tuyên bố và đảm bảo rằng: cho đến ngày ký kết Các Hợp đồng, Bên A cũng như người quản lý, nhân viên và người lao động của Bên A chưa từng có Hành vi Hối lộ.
Party A hereby represents and warrants that at the date of entering into the Agreements, Party A and its directors, officers, and employees have not engaged in any Bribery.
- 9.6. Bên A sẽ lưu giữ một cách chính xác tất cả các ghi chép, sổ sách kế toán, hồ sơ, hóa đơn, và các tài liệu có liên quan đến Các Hợp đồng hoặc việc thực hiện Các Hợp đồng và hợp tác đầy đủ với Bên B nếu Bên B yêu cầu thực hiện việc kiểm tra sổ sách, kiểm toán.
Party A shall accurately keep all books, accounts, records, invoices, and other relevant documents in any way connected with the Agreements or its performance hereunder, and fully cooperate with Party B if an audit is requested and conducted by Party B.

ĐIỀU 10: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NHÂN QUYỀN

ARTICLE 10: SUSTAINABILITY AND HUMAN RIGHTS

- 10.1. Bên A đã đọc “Chính sách Cơ bản về Phát triển Bền vững” của Tập đoàn Yamaha Motor được công khai trên trang web <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-phat-trien-ben-vung-cua-tap-doan-yamaha-motor/>; và “Chính sách Nhân quyền” liên quan tại

<https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-nhan-quyen-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, bao gồm cam kết của Tập đoàn Yamaha Motor về việc “Tuân thủ các nguyên tắc và quy định quốc tế”, “Ngăn ngừa tham nhũng và thực hiện hoạt động kinh doanh công bằng và minh bạch”, “Tôn trọng nhân quyền, không phân biệt đối xử và không sử dụng lao động trẻ em hay cưỡng bức lao động dưới bất kỳ hình thức nào” và “Yêu cầu đối tác kinh doanh thực hiện chính sách này”.

Party A has read Yamaha Motor Group’s “Sustainability Basic Policy” publicly available at <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-phat-trien-ben-vung-cua-tap-doan-yamaha-motor/> and “Human Rights Policy” at <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-nhan-quyen-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, including its commitment that Yamaha Motor Group “will comply with international rules, laws and ordinances”, “will work to prevent corruption, and execute our operations with fairness and integrity”, “will respect human rights, will not discriminate, and will not use child labor or carry out forced labor under any form” and asking “our business partners to uphold this policy and act on its basis”.

- 10.2. Bên A hiểu rằng Chính sách Cơ bản về Phát triển Bền vững và Chính sách Nhân quyền là nền tảng cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Yamaha Motor, và nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng hoặc không xử lý vi phạm đúng cách thì có thể dẫn đến việc đình chỉ hoặc chấm dứt hợp tác với Bên B. Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B khi phát hiện bất kỳ hành vi nào mâu thuẫn với các chính sách và cam kết này, dù là tại Bên A hay đối tác cung ứng liên quan đến hoạt động kinh doanh với Bên B. Nếu Bên B yêu cầu, Bên A sẽ hợp tác với Bên B thực hiện việc kiểm tra và đào tạo hợp lý, xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và khắc phục các hoạt động kinh doanh không phù hợp với các chính sách và cam kết này.
- Party A understands that the Basic Policy on Sustainable Development and the Human Rights Policy are fundamental to the business operations of the Yamaha Motor Group. If serious violations are discovered or if violations are not properly addressed, this may result in the suspension or termination of cooperation with Party B. Party A will promptly notify Party B upon discovering any actions that conflict with these policies and commitments, whether occurring within Party A or at supply partners involved in business activities with Party B. If requested by Party B, Party A will cooperate with Party B to conduct reasonable inspections and training to identify, prevent, mitigate, and remedy any business activities that are not in compliance with these policies and commitments.*

ĐIỀU 11: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG **ARTICLE 11: GENERAL PROVISIONS**

- 11.1. Các Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;
The Parties commit to strictly implement the terms and conditions under this Agreement;
- 11.2. Nếu bất kỳ Bên nào vi phạm, Bên đó sẽ phải bồi thường đến Bên kia và chịu trách nhiệm trước pháp luật;
If any Party violates, it shall compensate to the other Party and take responsibility before the law;
- 11.3. Nếu có bất kỳ điểm nào trong Hợp đồng này không có hiệu lực pháp lý, các điểm khác vẫn có nguyên hiệu lực và ràng buộc các Bên;
If there is any point in this Agreement declared null and void, the rest still remains in force binding the Parties;
- 11.4. Mọi sửa đổi của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực nếu được thực hiện bằng văn bản và được ký thông qua bởi các đại diện hợp pháp của các Bên. Các điều khoản bổ sung sẽ được lập thành Phụ lục Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này và có hiệu lực kể từ ngày **01/04/2026**;
*All amendments to this Agreement are only valid if it is made in writing and signed by authorized representatives of the Parties. Additional revisions shall be made in Appendix as an integral part of this Agreement and take effect from **01/04/2026**;*

11.5. Hợp đồng này sẽ kết thúc hiệu lực theo thời hạn của Hợp đồng thuê lại đất đã ký giữa các Bên; hoặc trong vòng ba mươi (30) ngày lịch đối với trường hợp của Điều 6, Khoản 6.5 ở trên; hoặc Bên B có thông báo bằng văn bản đến Bên A về việc không còn nhu cầu sử dụng Dịch vụ TNXLNTSH của Bên A;

This Agreement will terminate its effect in accordance with the term of the Sub-Lease Agreement signed between the Parties; or within thirty (30) calendar days for the case of Article 6, Clause 6.5 above; or Party B informs in writing Party A of no longer demand of using Party A's DWWDT services;

11.6. Hợp đồng này được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa tiếng Việt và tiếng Anh, thì tiếng Việt sẽ ưu tiên được áp dụng và sự mâu thuẫn sẽ được xem là lỗi dịch thuật.

This Agreement is made in both Vietnamese and English. In the event of contradiction between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese shall prevail and the contradiction shall be treated as translation errors.

ĐIỀU 12: BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 12: FORCE MAJEURE

Nếu một trong các Bên không thực hiện nghĩa vụ của mình (ngoài nghĩa vụ thanh toán tiền), mà việc không thực hiện nghĩa vụ đó là do trường hợp nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của họ, bao gồm nhưng không giới hạn ở hỏa hoạn, lũ lụt, bạo loạn, công nhân đình công, dịch bệnh nghiêm trọng, chiến tranh (có hay không tuyên bố), cách mạng hoặc cấm vận, thay đổi pháp luật thì việc không thực hiện nghĩa vụ sẽ được miễn trừ trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và trong một khoảng thời gian hợp lý sau đó để cho phép các Bên tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng này, tuy nhiên với điều kiện rằng trong mọi trường hợp, thời gian đó sẽ không kéo dài quá 180 (một trăm tám mươi) ngày lịch.

If either party fails to fulfill its obligations (other than an obligation for the payment of money), when such failure is due to circumstances beyond its reasonable control, including but not limited to fire, flood, riot, prolonged workers strike, serious disease epidemic, war (declared and undeclared), revolution, or embargoes, changes in law regulations, then the said failure shall be excused for the duration of such event and for such a time thereafter as is reasonable to enable the Parties to resume performance under this Agreement, provided however, that in no event shall such time extend for a period of more than 180 (one hundred eighty) calendar days.

ĐỀ XÁC NHẬN, các Bên cùng thực hiện Hợp đồng này vào ngày tháng năm được ghi ở trên.
IN WITNESS WHEREOF, the Parties have executed this Agreement the day and year first herein above written.

THAY MẶT BÊN A:
For and on behalf of Party A:



Ký bởi: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI
Thời gian ký: 31-03-2026 15:35:50
Đơn vị CA: SmartSign
Hạn CKS: 13/11/2024 - 16/5/2027

Đã ký: Ông Au Sing Choy
Signed by: Mr. Au Sing Choy
Chức vụ: Tổng Giám đốc
Designation: General Director

THAY MẶT BÊN B:
For and on behalf of Party B:



Ký bởi: CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM
Thời gian ký: 31/03/2026 14:37:02
Đơn vị CA: CMC-CA
Hạn CKS: 5/4/2025 - 25/9/2027

Ký bởi: Ông Sakakibara Makoto
Signed by: Mr. Sakakibara Makoto
Chức vụ: Phó Giám đốc Bộ phận Kế hoạch kinh Doanh
Designation: Deputy Head of Business Planning Division

PHỤ LỤC A: ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP
APPENDIX A: INDUSTRIAL WASTEWATER CONNECTION POINTS

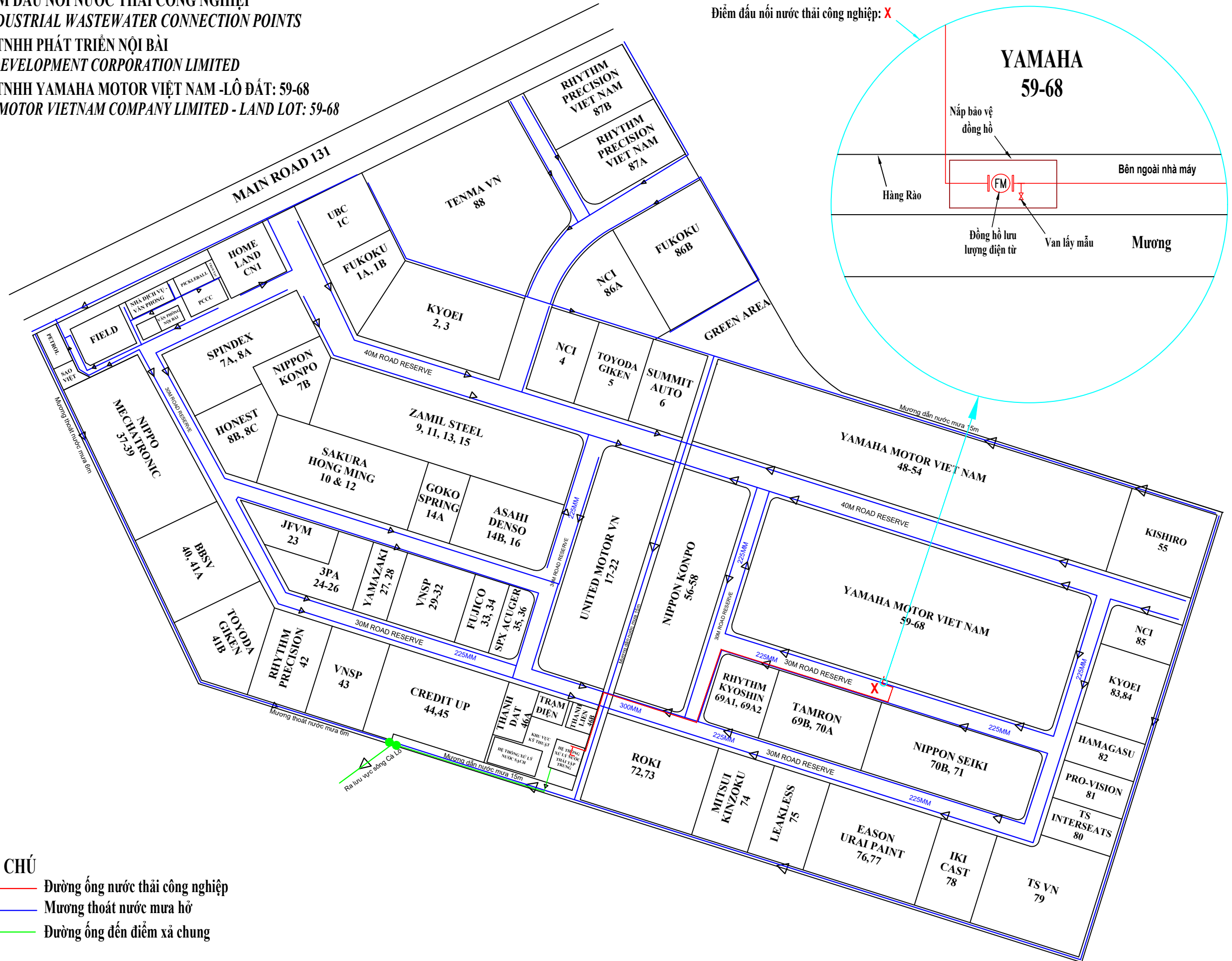
Bên A: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NỘI BÀI

Party A: NOI BAI DEVELOPMENT CORPORATION LIMITED

Bên B: CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM - LÔ ĐẤT: 59-68

Party B: YAMAHA MOTOR VIETNAM COMPANY LIMITED - LAND LOT: 59-68

Điểm đầu nối nước thải công nghiệp: X



GHI CHÚ

- Đường ống nước thải công nghiệp
- Mương thoát nước mưa hồ
- Đường ống đến điểm xả chung

**CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Số: 647 /NT-PCCC
V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về phòng cháy
và chữa cháy

**Mẫu số PC12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; Căn cứ khoản 3 Điều 46 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 281/CNTD-PCCC ngày 11/7/2007, biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 08/7/2008; giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 364/CNTD-PCCC ngày 20/6/2011 của Phòng Cảnh sát PCCC - Công an TP Hà Nội (cũ) và văn bản nghiệm thu về PCCC số 21/NTSCSPCCC-PHDPC ngày 15/6/2012, giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 789/TD-PCCC ngày 07/11/2016, văn bản nghiệm thu về PCCC số 231/NT-PCCCP3 ngày 26/6/2017 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội (cũ); Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 378/TD-PCCC ngày 04/4/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV-ĐNNT ngày 28/7/2025 của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Đậu Quang Huy, Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 07/8/2025 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của hạng mục công trình: Cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy nhà máy Yamaha, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô 59-68 KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần công nghệ Bee Toàn Cầu.

Quy mô cải tạo: Nhà máy chính: Tầng 1 cải tạo trực (1-7; H-J) làm văn phòng đào tạo, khu kiểm tra chất lượng sản phẩm; cải tạo trực (22-34, A-D) cải tạo mở rộng văn phòng chuyển thành khu phòng họp riêng, văn phòng và phòng của từng bộ phận công ty. Tầng 2 cải tạo trực (2-5; H-I) làm phòng kiểm tra chất lượng sản

phẩm và phòng đào tạo nhân viên; cải tạo trực (23-27; H-I) làm phòng phòng kế toán; cải tạo trực (31-34; A-D) một phần bếp ăn thành phòng căng tin và phòng kế toán. Nhà kho IKD trực (14-18; A-B): Cải tạo tầng lửng làm phòng họp, phòng in hồ sơ và phòng ăn; bổ sung thêm 1 thang thoát nạn. Hạng mục phụ trợ: Kho KAIZEN cải tạo trực (1-2; D-F) khu vực để vật liệu tồn kho thành phòng kho để thùng phi.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Cải tạo bố trí công năng, giải pháp thoát nạn, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan.

- Cải tạo hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động kho IKD;

- Trang bị, bố trí bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

Các yêu cầu kèm theo:

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng, thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy đối với cơ sở theo quy định tại Điều 23 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024.

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Công an không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

- Trong quá trình sử dụng có thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn về PCCC phải thực hiện thẩm định thiết kế về PCCC theo quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024 và khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa hạng mục công trình vào sử dụng theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên; (để thực hiện)
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Thiếu tướng Nguyễn Hồng Kỳ - PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
(để báo cáo)
- Đội CC&CNCH khu vực số 22;
(để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2_(Nam).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Nguyễn Tuấn Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 004
CONTRACT APPENDIX 004

Căn cứ vào Hợp đồng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 01/2025/YMVN-HB giữa Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam (Bên A) với Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình (Bên B).

Based on Contract for waste collection, transportation, and treatment No. 01/2025/YMVN-HB between Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd (Party A) and Hoa Binh Industrial Waste Recycling & Treatment Joint Stock Company (Party B).

Bên A : CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM

Party A : YAMAHA MOTOR VIETNAM CO., LTD

Người đại diện : Ông OKUTANI MASAHIRO Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Represented by : Mr. Okutani Masahiro Position: General Director
 Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Address : Binh An Village, Trung Gia Commune, Hanoi, Vietnam
 Điện thoại/ Tel : (024)38855080 Fax: (024)38855082
 Mã số thuế/ Tax code: 0100774342

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Party B: HOA BINH INDUSTRIAL WASTE RECYCLING & TREATMENT JOINT STOCK COMPANY

Người đại diện : Ông GIÁP ĐỨC MẠNH Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Represented by : Mr. Giap Duc Manh Position: General Director
 Địa chỉ : Tổ dân phố Đông Hương, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
 Address : Dong Huong residential group, Yen Dung ward, Bac Ninh province, Vietnam

Điện thoại/ Tel : 024.3822.1234

Mã số thuế/ Tax code: 0102963031

Tài khoản : 118000113569 tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Thăng Long.

Bank account : 118000113569 At Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry and Trade Northern Thanglong Branch.

Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung phụ lục như sau:

Both parties agreed on the appendix as follows:

1. Phụ lục này là một phần không thể tách rời Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 01/2025/YMVN-HB giữa Bên A và bên B.

This Appendix is indispensable part of Contract for waste collection, transportation, and treatment No 01/2025/YMVN-HB between Party A and Party B.

2. Hai bên đồng ý bổ sung danh mục và đơn giá xử lý các loại chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại cụ thể như sau:

The two parties agree to supplement the list items and unit price of treatment of industrial waste, domestic waste, and hazardous waste specifically as follows:

TT No.	Loại chất thải Waste	Đơn vị Unit	Mã chất thải Code	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price (VNĐ)
1	Nước thải có các thành phần nguy hại <i>Aqueous liquid waste containing hazardous substances</i>	Kg	19 10 01	01	3.000
2	Các loại chất thải xây dựng và phá dỡ khác có các thành phần nguy hại <i>Other construction and demolition wastes containing hazardous substances</i>	Kg	11 08 03	01	3.300

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định tại thời điểm phát hành hóa đơn.

The above unit price does not include VAT as prescribed at the time of invoice issuance.

3. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày hai bên hoàn thành ký.

This appendix is valid from the date of complete signing.

4. Tất cả các điều khoản khác được tuân thủ theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 01/2025/YMVN-HB giữa Bên A và bên B.

Other articles follow on Contract for waste collection, transportation, and treatment No 01/2025/YMVN-HB between Party A and Party B.

Đại diện Bên A

For and on behalf of Party A

Okutani Masahiro
Ký bởi: CÔNG TY TNHH
YAMAHA MOTOR VIỆT NAM
Thời gian ký: 08/09/2025 17:02:29
Đơn vị CA: CMC-CA
Hạn CKS: 5/4/2025 - 25/9/2027

OKUTANI MASAHIRO

Tổng Giám đốc
General Director

Đại diện Bên B

For and on behalf of Party B


Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ
LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG
NGHIỆP HOÀ BÌNH
Thời gian ký: 09/09/2025 10:55:18
Đơn vị CA: CA2
Hạn CKS: 23/4/2025 - 24/1/2029

GIÁP ĐỨC MẠNH

Tổng Giám đốc
General Director



CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
Tổ dân phố Đông Hương - Thị trấn Nham Biền - Huyện Yên Dũng - Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 024 38221234 Fax: 024 36330390

BÁO GIÁ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Ngày tháng:	25/12/2024
Kính gửi:	Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam
Địa chỉ:	Lô 59-68, KCN Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình xin được gửi tới Quý khách đơn giá thu gom, vận chuyển xử lý chất thải như sau:

Nội dung: Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải:					
STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
I Các hạng mục chất thải vận chuyển, xử lý tại 2 nhà máy Trung Giã và KCN Nội Bài:					
1	Bã sơn	08 01 01	01Kg	3.800	
2	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại	12 06 05	01Kg	2.200	
3	Bùn thải từ quá trình phốt phát hóa	07 01 04	01Kg	2.200	
4	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có thành phần nguy hại	07 03 10	01Kg	2.200	
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải, găng tay có thành phần nguy hại	18 02 01	01Kg	3.300	
6	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	01Kg	2.000	
7	Bao bì có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	01Kg	3.200	
8	Vệ sinh khu vực chứa hàng		01Tháng	Miễn phí	
II Chất thải của nhà máy Yamaha Trung Giã - Sóc Sơn:					
9	Các loại bụi và hạt kể cả bụi nghiền bi có chứa các thành phần nguy hại	02 05 07	01Kg	2.100	
10	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải	02 05 06	01Kg	2.100	
III Rác thải xây dựng					
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý đất thải, chất thải xây dựng không chứa thành phần nguy hại	CTR TT	01M3	500.000	

Ghi chú:	<ul style="list-style-type: none">- Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT; Đã bao gồm chi phí nhân công, vận chuyển và xử lý.- Báo giá trên chỉ có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày báo giá.- Thông tin liên hệ: Mr. Hiếu. ĐT: 0949476986; Mail: sale4@moitruonghoabinh.vn- Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý Công ty. <p>Xin chân thành cảm ơn!</p>
-----------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Kiên

Phụ lục 1/Appendix I

**Danh mục chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất
thải sinh hoạt và đơn giá Dịch vụ**

**List of Hazardous Wastes, Normal Industrial Solid Waste, Domestic Waste
and unit price.**

(Đính kèm Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 01/2025/YMVN-BN
Attached to the Contract for Waste Collection, Transportation and Treatment No.
01/2025/YMVN-BN)

YMVN đồng ý thanh toán phí Dịch vụ cho Bên Xử lý theo đơn giá như sau:
YMVN agrees to pay the Service fee to Treater at the unit price as follows:

STT No	Tên chất thải Description of Waste	Mã CTNH Hazardous waste code No.	ĐVT Unit measurement	Đơn giá Unit price (VNĐ)
I. Chất thải nguy hại				
1.	Phế liệu kim loại thái dính dầu (phoi sắt) <i>Metal shavings with oil</i>	07 03 11	Kg	
2.	Phế liệu kim loại thái dính dầu (Vụn phoi sắt) <i>Metal shavings powder with oil</i>	07 03 11	Kg	
3.	Vỏ thùng sơn <i>Paint can</i>	18 01 02	Kg	
4.	Vỏ thùng phuy <i>Barrel</i>	18 01 02	Kg	
5.	Xi nhôm cục <i>Aluminum clot</i>	05 02 03	Kg	
6.	Xi nhôm bột <i>Aluminum slag</i>	05 02 03	Kg	
7.	Chi tiết kim loại hủy <i>Destroyed steel motorcycle parts</i>	19 03 01	Kg	
8.	Linh kiện từ quá trình tháo dỡ xe: linh kiện điện tử thải <i>Electronic Parts waste</i>	15 01 09	Kg	
9.	Linh kiện điện tử thải <i>Electronic Parts waste</i>	19 02 06	Kg	
10.	Bình ắc quy thải, Pin thải sinh hoạt <i>Battery waste</i>	16 01 12 19 06 05	Kg	
11.	Ắc quy chì thải <i>Lead batteries</i>	19 06 01	Kg	

12.	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng <i>Used Oil filter</i>	15 01 02	Kg	
13.	Dung môi tẩy sơn thải <i>Waste paint or varnish remover</i>	08 01 05	Kg	
14.	Dầu máy tổng hợp thải <i>Synthetic machining oils</i>	07 03 05	Kg	
15.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải <i>Synthetic engine, gear and lubricating oils</i>	17 02 03	Kg	
16.	Bao bì cứng thải bằng nhựa <i>Hard plastic materials packaging (containing hazardous substance)</i>	18 01 03	Kg	
17.	Bao bì mềm thải (Nilon dính dầu) <i>Packing plastic waste (Nylon bag with Oil)</i>	18 01 01	Kg	
18.	Khay nhựa đựng chi tiết nhập khẩu dính dầu <i>Plastic tray for imported parts with Oil</i>	18 01 03	Kg	
19.	Má phanh, má côn đã qua sử dụng không có amiăng <i>Brake pads other</i>	15 01 12	Kg	
20.	Má phanh, má côn đã qua sử dụng có amiăng <i>Brake pads other</i>	15 01 06	Kg	
21.	Bình chứa áp suất thải <i>Pressure tank waste</i>	18 01 02	Kg	
22.	Vật liệu mài mòn thải (đá cắt hủ) <i>Abrasive material waste</i>	07 03 10	Kg	
23.	Đầu mẫu que hàn <i>Welding wire tip waste</i>	07 04 01	Kg	
24.	Xi hàn <i>Welding slag</i>	07 04 02	Kg	
25.	Bóng đèn huỳnh quang thải <i>Broken lamp</i>	16 01 06	Kg	
26.	Chất thải y tế <i>Medical waste</i>	13 01 01	Kg	
27.	Sản phẩm hữu cơ có thành phần nguy hại (Keo thải, hóa chất thải) <i>Organic products contain hazardous ingredients (Glue, chemical)</i>	19 03 02	Kg	
28.	Vật liệu lọc, găng tay, giẻ lau dính dầu <i>Filter materials, mops, gloves waste contain hazardous ingredients</i>	18 02 01	Kg	
29.	Hộp mực in thải <i>Toner cartridges waste</i>	08 02 04	Kg	

30.	Bavia dính dầu <i>Metal bavias with oil</i>	07 03 11	Kg	
31.	Vòng sắt lẫn xi nhôm <i>Insert mixed with clot</i>	05 02 03	Kg	
II. Chất thải rắn công nghiệp thông thường				
32.	Nhôm phế liệu (bao gồm các chi tiết xe máy hỏng lẫn với vật liệu không phải là nhôm) <i>Aluminum scrap (include broken/rejected motorcycle parts mixing with non-aluminum material)</i>	-	Kg	
33.	Sắt phế liệu <i>Steel waste</i>	-	Kg	
34.	Nhựa phế liệu <i>Plastic waste</i>	-	Kg	
35.	Bìa carton (đã qua sử dụng) <i>Used carton box</i>	-	Kg	
36.	Túi nylon (đã qua sử dụng) <i>Used nylon bag</i>	-	Kg	
37.	Gỗ (Pallet gỗ, thùng gỗ hỏng, nẹp V) <i>Wood (Used wooden pallet, broken wooden box, V bar)</i>	-	Kg	
38.	Xốp, mút, da bọc yên xe <i>Spongy, foam, double seat leather waste</i>	-	Kg	
39.	Cao su thải <i>Rubber waste</i>	-	Kg	
40.	Chất thải công nghiệp không tái chế <i>Non-recycle Industrial Solid waste</i>	-	Kg	
41.	Vải lọc thải có khung <i>Filter clothes with its frame</i>	-	Kg	
III. Chất thải sinh hoạt:				
42.	Chất thải sinh hoạt <i>Domestic waste</i>	-	Kg	

Ghi chú / Remark:

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 8%. Trong trường hợp thuế suất thuế GTGT thay đổi, giá sẽ tự động được điều chỉnh tương ứng với sự thay đổi của thuế suất thuế GTGT.
Above price is inclusive of VAT 8%. In case VAT rate changes, above price will be automatically adjusted accordingly.
- Giá trên có hiệu lực kể từ ngày hai bên hoàn thành ký đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2027
This Appendix shall take effect from the date of completely signing by both Party and valid up to the end of 31 August 2027.

- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 01/2025/YMVN-BN ký giữa YMVN và Bên Xử lý.

This Appendix is an integral part of the Contract for Waste Collection, Transportation and Treatment No. 01/2025/YMVN-BN signed by YMVN and Treater.

Đại diện YMVN
For and on behalf of YMVN

Okutani Masahiro
Số 104 CƯỜNG LY (MHI)
YAMATAE MACHI (H. H. NAM)
Địa điểm ký: 25/08/2025 12:15:49
Đại diện: CM/CGA
Số điện thoại: 8472025-3-992025

OKUTANI MASAHIRO
Tổng Giám đốc
General Director

Đại diện Bên Xử lý
For and on behalf of Treater

Duẩn
Số 104 CƯỜNG LY (MHI)
YAMATAE MACHI (H. H. NAM)
Địa điểm ký: 25/08/2025 12:15:49
Đại diện: CM/CGA
Số điện thoại: 8472025-3-992025

NGUYỄN ĐÌNH DUẨN
Giám đốc
Director

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG THU GOM,

VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

CONTRACT FOR WASTE COLLECTION, TRANSPORTATION AND TREATMENT

Số/No: 01/2025/YMVN-BN

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Civil Law No. 91/2015/QH13 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 24 November 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Commercial Law No. 36/2005/QH11 dated 14 June 2005 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 17 November 2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Pursuant to Decree No. 08/2022/ND-CP dated 10 January 2022 of the Government regarding elaboration of several articles of the law on environmental protection;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quản lý chất thải nguy hại;
Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated 10 January 2022 of the Ministry of Natural Resources and Environment stipulating Hazardous waste management;
- Căn cứ vào Giấy phép môi trường số 521/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ cao Môi trường Bình Nguyên ngày 20 tháng 12 năm 2023 (Sau đây gọi là “**Giấy phép**”);
*Pursuant to Environmental License No. 521/GPMT-BTNMT issued by Ministry of Natural Resources and Environment to Binh Nguyen High Technology Environment Joint Stock Company on 20 December 2023 (Hereinafter referred to as the “**Certificate**”).*
- Căn cứ vào nhu cầu của YMVN về việc thu gom chất thải tái chế, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất theo phương thức an toàn và đảm bảo cho môi trường và khả năng cung cấp dịch vụ của Bên Xử lý.
Pursuant to YMVN’s demand for collecting the recycle waste, transporting and treating hazardous waste, normal industrial solid waste resulted from its production activities in a safe and environmentally sound manner and Treater’s ability to offer the service.

Bên A/Party A: Chủ nguồn thải/ Owner of waste resource

Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam/ Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: Binh An Village, Trung Gia Commune, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: (024)38855080 Fax: (024)38855082

Mã số thuế/Tax Code: 0100774342

Đại diện bởi: Ông **OKUTANI MASAHIRO** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Represented by: *Mr. Okutani Masahiro* Title: **General Director**

Số tài khoản/Account No: 0200184092

Tên tài khoản: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam

Beneficiary Name: Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd.

Tại ngân hàng/ Bank name: Citibank chi nhánh Hà Nội/ Citibank Hanoi Branch

(Sau đây gọi là "YMVN")

(Hereinafter referred to as "YMVN")

Và/And

Bên B/Treater: Bên thu gom và xử lý/ Waste Collector and Treater

Công ty Cổ phần Công nghệ cao Môi trường Bình Nguyên/ Binh Nguyen High Technology Environment Joint Stock Company

Địa chỉ/Address: Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Dong Sai Village, Phu Lang Commune, Bac Ninh Province, Vietnam

Điện thoại/Tel: 02226535666

Mã số thuế/Tax Code: 2300796280

Đại diện bởi: Ông **NGUYỄN ĐÌNH DUẤN** Chức vụ: **Giám Đốc**

Represented by: *Mr. Nguyen Dinh Duan* Title: **Director**

Số tài khoản/Account No: 256 0 106106

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Công nghệ cao Môi trường Bình Nguyên

Beneficiary Name: Binh Nguyen High Technology Environment Joint Stock Company

Tại ngân hàng/ Bank name: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc (BIDV Kinh Bắc)

(Sau đây gọi là "**Bên Xử lý**")

(Hereinafter referred to as "**Treater**")

YMVN và Bên Xử lý sau đây gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Parties**".

(Hereinafter separately referred to as "**Party**" and collectively referred to as the "**Parties**").

Vì vậy, Các Bên đồng ý ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải này (Sau đây gọi là "**Hợp đồng**") với các điều khoản và điều kiện sau:

Therefore, the Parties agree to enter into this Contract for Waste Collection, Transportation and Treatment (Hereinafter referred to as the "**Contract**") with the following terms and conditions:

Điều 1. Nội dung công việc

Article 1. Scope of works:

Theo các quy định tại Hợp đồng này, Các Bên đồng ý rằng:

Subject to the provisions of this Contract, the Parties agree that:

- YMVN chỉ định Bên Xử lý và Bên Xử lý đồng ý thực hiện dịch vụ thu gom, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (“CTNH”), chất thải rắn công nghiệp thông thường (“CTCN”) và chất thải sinh hoạt (“CTSH”) được đề cập trong Phụ lục 1 của Hợp đồng này (Sau đây gọi là “**Dịch vụ**”) theo đúng quy định pháp luật và chức năng mà Bên Xử lý đã được cấp phép theo pháp luật Việt Nam;

YMVN appoints Treater and Treater agrees to perform the service of collecting, packing, transporting and treating the hazardous wastes (“HW”), normal industrial solid wastes generated (“NW”) and domestic wastes (“DW”) stipulated in Appendix 1 attached hereto (Hereinafter referred to as the “Services”) in compliance with the laws and functions that Treater has been licensed under laws;

- YMVN đồng ý bán và Bên Xử lý đồng ý mua phế liệu (“**Phế liệu**”), các sản phẩm thu hồi từ CTNH của YMVN sau khi xử lý (Sau đây gọi là “**Sản phẩm Sau Xử lý**”) được đề cập trong Phụ lục 2 của Hợp đồng này. Ngoài ra, Bên Xử lý, bằng chi phí của mình, chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, đóng gói, bốc xếp và vận chuyển Phế liệu ra khỏi các địa điểm thu gom phế liệu và chất thải được nêu tại Điều 2.2 dưới đây (Sau đây gọi là “**Địa điểm thu gom**”).

YMVN agrees to sell and Treater agrees to buy the scrap (“Scrap”), products recovered from HWs of YMVN after treatment (Hereinafter referred to as “Recovered Products”) stipulated in Appendix 2 attached hereto. In addition, Treater, at its own expense, is responsible for collecting, packing, loading, unloading and transporting Scrap out of the sites of scrap and waste collection as set out in Article 2.2 below (Hereinafter referred to as “Collection Site”).

Lưu ý: Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

Note: Appendix 1 and Appendix 2 shall be an integral part of the Contract.

Điều 2. Cam kết của Bên Xử lý

Article 2. Commitment of Treater

- 2.1. Thời gian, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH, CTCN, CTSH, Phế liệu:** Theo yêu cầu của YMVN tùy từng thời điểm.

Time, frequency of collection, transportation and treatment of HW, NW, DW and Scrap: According to YMVN's request from time to time.

- 2.2. Địa điểm Thu gom**

Collection Site

Tùy theo yêu cầu của YMVN, Bên Xử lý thực hiện thu gom, đóng gói CTNH, CTCN, CTSH, Phế liệu tại các địa điểm sau:

At the request of YMVN, Treater shall collect and pack HW, NW, DW, Scrap at the following locations:

* **Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam/Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd.**

- Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address: Binh An Village, Trung Gia Commune, Hanoi City, Vietnam
- Điện thoại/ Tel: (024)38855080
- Fax: (024)38855082

* **Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài:**

Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd - Noi Bai branch:

- Địa chỉ: Lô 48-54, Lô 59-68 Khu công nghiệp Nội Bài, xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: Lot No 48-54, Lot No 59-68 Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Hanoi City, Vietnam.
- Điện thoại/ Tel: (024) 35824900
- Fax: (024) 35824857
- * **Cửa hàng Yamaha Town Nguyễn Văn Cừ/ Yamaha Town Nguyen Van Cu**
 - Địa chỉ: Số 158 phố Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address: No.158 Nguyen Van Cu Street, Bo De Ward, Hanoi City, Vietnam
 - Điện thoại/ Tel: 02437664666
- * **Cửa hàng Yamaha Town Đống Đa/ Yamaha Town Dong Da**
 - Địa chỉ: Số 123 phố Ô Chợ Dừa, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address: No.123 O Cho Dua Street, Dong Da Ward, Hanoi City, Vietnam
 - Điện thoại/Tel: 02433668222

2.3. Điều kiện đóng gói và vận chuyển chất thải, Phế liệu

Waste and Scrap package and transportation condition

- CTNH, CTCN, CTSH được đề cập trong Phụ lục 1 sẽ do Bên Xử lý đóng gói, bốc xếp và vận chuyển đến Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải của Bên Xử lý nêu tại Điều 2.4 của Hợp đồng bằng các phương tiện an toàn và phù hợp với quy định của pháp luật. Các CTNH, CTCN, CTSH này phải được Bên Xử lý vận chuyển bằng phương tiện đã được cấp phép để vận chuyển chất thải nguy hại.
HW, NW, DW stipulated in Appendix 1 shall be packed, loaded, transported to Treater's recycling and treatment site mentioned in Article 2.4 of the Contract by Treater in compliance with applicable laws. HW, NW, DW stipulated in Appendix 1 shall be transported by Treater by secured vehicles which have been licensed to transport hazardous waste in accordance with applicable laws.
- Phế liệu và Sản phẩm Sau Xử lý đề cập trong Phụ lục 2 của Hợp đồng này sẽ do Bên Xử lý đóng gói, thu gom, bốc xếp và vận chuyển đến Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải của Bên Xử lý nêu tại Điều 2.4 của Hợp đồng theo đúng luật pháp Việt Nam và các quy định hiện hành.
Scrap and Recovered Products mentioned in Appendix 2 attached hereto shall be packed, collected, loaded and transported by Treater to the Treater's recycling and treatment site mentioned in Article 2.4 of the Contract in accordance with Vietnamese law and current regulations.

2.4. Địa điểm xử lý/Treatment site:

Bên Xử lý cam kết và đảm bảo rằng CTNH, CTCN, CTSH được đề cập trong Phụ lục 1 của Hợp đồng này sẽ chỉ được xử lý cuối cùng tại cơ sở xử lý của Bên Xử lý như sau:
Treater undertakes and warrants that, HW, NW and DW stipulated in Appendix 1 attached hereto will only be transported to and finally treated at the following Treater's treatment site as follows:

Cơ sở xử lý / Treatment Factory:

Công ty Cổ phần Công nghệ cao Môi trường Bình Nguyên

Binh Nguyen High Technology Environment Joint Stock Company

Địa chỉ nhà máy xử lý: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Factory's address: Dong Sai Village, Phu Lang Commune, Bac Ninh Province, Vietnam

Điện thoại/Tel: 02226535666

Mã số thuế/Tax Code: 2300796280

Đại diện bởi: Ông **NGUYỄN ĐÌNH DUÂN**

Chức vụ: **Giám Đốc**

Represented by: Mr. Nguyen Dinh Duan

Title: Director

2.5. Phương thức xử lý CTNH/Method of treatment:

Bên Xử lý cam kết và chịu trách nhiệm trước YMVN và các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền rằng, trong suốt thời hạn của Hợp đồng này:

Treater undertakes and is responsible to YMVN, and the competent State Authorities that, during the term of this Contract:

- Phương án thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý CTNH, CTCN, CTSH được đề cập trong Phụ lục 1 của Hợp đồng này do Bên Xử lý thực hiện sẽ tuân theo hồ sơ đã đăng ký với cơ quan cấp phép, giấy phép do cơ quan cấp phép cấp cho Bên Xử lý.

The plan for collection, transportation, preservation and treatment of YMVN's HW, NW, DW mentioned in Appendix 1 attached hereto done by Treater will comply with the application documents as registered with the licensing authority, the license issued by the licensing authority to Treater.

- Bên Xử lý sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTCN, CTSH được đề cập trong Phụ lục 1 của Hợp đồng này cho YMVN.

Treater will comply with all prevailing regulations during the course of collection, transportation and treatment of HW, NW and DW mentioned in Appendix 1 attached hereto for YMVN.

2.6. Các cam kết khác/ Other Commitments

- Khi thực hiện bất kỳ công việc nào tại các địa phận do YMVN quản lý, Bên Xử lý và nhân viên của Bên Xử lý phải tuân thủ tất cả các quy tắc và quy định của YMVN bao gồm nhưng không giới hạn về môi trường, sức khỏe, an toàn và an ninh.

When performing any work at areas managed by YMVN, Treater and its staff must comply with all YMVN relevant rules and regulations including but not limited to environment, health, safety and security.

- Bên Xử lý chịu trách nhiệm trước YMVN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mọi vấn đề cũng như hậu quả phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, trong suốt hoặc ngay cả khi kết thúc thời hạn của Hợp đồng này. Bên Xử lý cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn: thu gom, bóc xếp, vận chuyển và xử lý CTNH, CTCN, CTSH; sử dụng, chuyển giao Sản phẩm Sau Xử lý, Phế Liệu cho bên thứ ba.

Treater is responsible to YMVN and the competent state authorities for any issue or consequence arising from and/or relating to the implementation of this Contract during or even upon the term of this Contract. Treater shall comply with all prevailing regulations during the performance of the Contract, including but not limited to

collecting, loading, transporting and treating of HW, NW, DW as well as using and transferring Recovered Products and Scrap to any third party.

- Đảm bảo CTNH, CTCN, CTSN của YMVN sau khi được xử lý bởi Bên Xử lý và phải đạt được các yêu cầu của pháp luật Việt Nam liên quan đến môi trường.

Ensure that YMVN's HW, NW, DW after being treated by Treater, shall meet the requirements of Vietnamese law related to the environment.

- Bên Xử lý cam kết đảm bảo loại trừ YMVN ra khỏi bất kỳ khiếu nại, điều tra, xét xử, ... của bất kỳ Bên Thứ Ba nào đối với Bên Xử lý liên quan đến việc Bên Xử lý thực hiện Hợp đồng này. Trong trường hợp theo yêu cầu của pháp luật, YMVN phải tham gia vào việc điều tra, quá trình xét xử, ... của bất kỳ Bên Thứ Ba liên quan đến Bên Xử lý, thì Bên Xử lý sẽ phải thanh toán tất cả các chi phí mà YMVN đã chi trả bao gồm nhưng không dưới hạn như chi phí nhân lực, di chuyển, lệ phí, Cho việc thực hiện các yêu cầu trên.

The Treater commits to ensure that YMVN is excluded from any claim, investigation, trial, etc. of any Third Party against the Treater related to the Treater's performance of this Contract. In case as required by law, YMVN must participate in the investigation, adjudication process, etc. of any Third Party related to the Treater, then the Treater shall pay all cost which YMVN has paid including but not limited to the cost of human resources, transportation expenses, other fees, etc. to fulfill the above requirements.

Điều 3. Đặt cọc

Article 3. Deposit

- 3.1. Trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên Xử lý sẽ chuyển số tiền đặt cọc là **600.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng) (Sau đây gọi là "**Tiền đặt cọc**") vào tài khoản của YMVN được nêu tại trang 01 của Hợp đồng này.

*Within 03 (three) days from the date of signing the Contract, Treater shall transfer a deposit of VND 600,000,000 (In word: Six hundred million dong) (Hereinafter referred to as "**Deposit**") to YMVN's account information provided on page 01 of this Contract.*

- 3.2. Tiền đặt cọc được YMVN giữ để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của Bên Xử lý và tuân thủ đầy đủ các quy định của Hợp đồng và/hoặc đảm bảo thanh toán cho các chi phí phát sinh từ bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của Bên Xử lý theo Hợp đồng này mà YMVN phải gánh chịu.

Deposit is kept by YMVN to ensure the Treater's fulfillment of its obligations and compliance with the Contract and to cover any expenses incurred by YMVN from any claims of the third party regarding to Treater's obligations and performance under this Contract

- 3.3. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Tiền đặt cọc sẽ được YMVN trả lại cho Bên Xử lý sau khi khấu trừ đi: (i) các chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại của YMVN phát sinh từ và/hoặc liên quan đến hành vi vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào của Bên Xử lý và/hoặc bất cứ khiếu nại nào về việc thực hiện nghĩa vụ của Bên Xử lý; và (ii) các khoản công nợ (nếu có) của Bên Xử lý đối với YMVN.

After the termination of the Contract, the Deposit shall be refunded to Treater by YMVN after deducting: (i) any costs, losses or damage incurred by YMVN arising from and/or

related to the violation of Treater and/or any claim against Treater regarding Treater's obligations and performance; and (ii) any debt payable to YMVN by Treater.

Điều 4. Thanh toán

Article 4. Payment

4.1. Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

Payment will be made in Vietnamese Dong.

4.2. **Hình thức thanh toán:** Bằng chuyển khoản theo tài khoản được đề cập tại Hợp đồng này.

Payment method: By bank Transfer according to account is mentioned in this Contract.

4.3. Căn cứ thanh toán/Basis of payment

Theo Hợp đồng này, Các Bên đồng ý rằng:

Under this Contract, the Parties agree that:

a. YMVN có trách nhiệm thanh toán cho Bên Xử lý phí Dịch vụ dựa trên đơn giá được đề cập tại Phụ lục 1 của Hợp đồng và khối lượng CTNH, CTCN, CTSH được ghi nhận tại Biên bản bàn giao theo Điều 4.4 của Hợp đồng:

YMVN shall the Service fee based on the unit price mentioned in Appendix 1 of the Contract and the volume of HW, NW, DW mentioned in the Handover Minutes under Article 4.4 of the Contract

b. Do phương án xử lý 03 (ba) loại CTNH gồm: (i) Dung môi tẩy sơn thải (mã CTNH: 08 01 05); và (ii) Dầu thải tổng hợp (mã CTNH: 07 03 05); và (iii) Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (mã CTNH: 17 02 03) là lắng tách nước, tận dụng làm nguyên liệu đốt nên Bên Xử lý có trách nhiệm thanh toán cho YMVN số tiền tận dụng làm nguyên liệu đốt từ các CTNH này của YMVN sau khi đã được sơ chế qua hệ thống tiền xử lý chất thải nguy hại (Sau đây gọi là “**Phí Tận dụng Nguyên liệu**”) dựa trên đơn giá được đề cập tại Mục I Phụ lục 2 của Hợp đồng và khối lượng 03 (ba) loại CTNH trên được ghi nhận tại Biên bản bàn giao được nêu tại Điều 4.4 của Hợp đồng.

*Due to the treatment plan of 03 (three) types of HW, including: (i) Solvent waste (hazardous waste code: 08 01 05); and (ii) Machinery Oil waste Machinery Oil waste (hazardous waste code: 07 03 05); and (iii) lubricants waste (hazardous waste code: 17 02 03) are water deposition and used as fuel, so Treater is responsible for paying YMVN he hazardous wastes of YMVN after being treated by Treater through Treater's hazardous waste pre-treatment system (hereinafter referred to as the "**Material Utilization Fees**") based on the unit price mentioned in Section I, Appendix 2 of the Contract and the volume of 03 (three) above HW mentioned in the Handover Minutes under Article 4.4 of the Contract.*

c. Ngoài ra, Bên Xử lý có trách nhiệm thanh toán cho YMVN số tiền thu mua Phế liệu và Sản phẩm Sau Xử lý (Sau đây gọi là “**Phí Phế liệu và Sản phẩm Sau Xử lý**”) dựa trên đơn giá được đề cập tại Mục II Phụ lục 2 của Hợp đồng và khối lượng CTNH, CTCN được ghi nhận tại Biên bản bàn giao được nêu tại Điều 4.4 của Hợp đồng.

*Treater is responsible for paying YMVN the cost of YMVN's Scrap and Recovered Products (Hereinafter referred to as "**Costs for Scrap and Recovered Products**") based on the unit price mentioned in Section II of Appendix 2 of the Contract and the volume of HW and NW mentioned in the Handover Minutes under Article 4.4 of the Contract.*

Lưu ý: Tùy thỏa thuận giữa Các Bên, đơn giá có thể được xem xét thay đổi hằng năm hoặc thay đổi khi giá thị trường thay đổi hơn 10%.

Note: Depending on the agreement between the Parties, the unit price may be considered to change annually or changed when the market price changes by more than 10%.

4.4. Biên bản bàn giao/Handover Minutes

Ngay sau khi Bên Xử lý thu gom, vận chuyển CTNH, CTCN, CTSH để xử lý theo yêu cầu của YMVN, Các Bên sẽ kiểm tra và xác nhận khối lượng CTNH, CTCN, CTSH mà Bên Xử lý đã thu gom, vận chuyển vào Biên bản bàn giao được ký bởi Các Bên tại khu vực thuộc sự quản lý của YMVN.

Immediately after Treater collects and transports HW, NW and DW for treatment, the Parties shall check and confirm the amount of HW, NW and DW that the Treatment Party has collected and transported in the Handover Minutes signed by the Parties at YMVN's site.

4.5. Thời hạn thanh toán/Payment term

a. YMVN sẽ thanh toán phí Dịch vụ cho Bên Xử lý vào ngày liền kề trước ngày làm việc cuối cùng của tháng tiếp theo tháng mà YMVN nhận được Biên bản bàn giao và hóa đơn giá trị gia tăng cho khoản thanh toán tương ứng từ Bên Xử lý.

YMVN shall pay the Service fee on the day immediately preceding the last working day of the month following the month that YMVN receives the Handover Minutes and VAT invoice for the corresponding payment from Treater.

b. Bên Xử lý phải thanh toán Phí Phế liệu và Sản phẩm Sau Xử lý và Phí Tận dụng Nguyên liệu trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi Bên Xử lý nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của YMVN. Trong trường hợp Bên Xử lý thanh toán cho YMVN chậm so với thời hạn này, Bên Xử lý có nghĩa vụ thanh toán cho YMVN tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo mức lãi suất là 0,05%/ngày tương ứng với thời gian chậm trả.

Treater shall pay YMVN for Material Utilization Fees and Costs for Scrap and Recovered Products within 07 (seven) days after Treater receives VAT Invoice from YMVN. In case Treater pays YMVN later than this deadline, Treater shall pay YMVN an amount calculated on the late payment at the rate of 0.05% per day corresponding to the period of late payment.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Các Bên

Article 5. Rights and obligations of the Parties

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Hợp đồng này, mỗi bên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

In addition to other rights and obligations under this Contract, each Party shall have its rights and obligations as follows:

5.1. Quyền và nghĩa vụ của YMVN/YMVN's rights and obligations:

a. Khối lượng chất thải được thu gom sẽ do YMVN xác định và cân khối lượng vào ngày bàn giao.

The quantity of waste to be collected will be determined by YMVN and weighted on the date of handover.

b. YMVN có quyền giám sát, kiểm tra việc thực hiện Hợp đồng của Bên Xử lý bao gồm nhưng không giới hạn việc vận chuyển, xử lý CTNH, CTCN, CTSH mà không ảnh hưởng đến việc sản xuất và thực hiện Hợp đồng của Bên Xử lý.

YMVN shall be entitled to supervise, audit Treater's performance of the Contract including, but not limited to, the transportation, preservation and treatment of HW, NW, DW but shall not affect Treater's operation and performance of this Contract.

- c. YMVN thông báo thời gian vận chuyển chất thải cho Bên Xử lý trước ít nhất một (01) ngày trước khi tiến hành thực hiện hoặc tùy theo tình hình thực tế.

YMVN shall inform Treater the time of transportation of waste at least one day before the actual collection date or based on the actual situation.

- d. YMVN cho phép Bên Xử lý đi vào Địa điểm thu gom chỉ với mục đích để: (i) đóng gói, bốc xếp, thu gom, vận chuyển CTNH, CTCN, CTSH được đề cập trong Phụ lục 1 đi xử lý tại cơ sở của Bên Xử lý và Phế liệu; (ii) làm vệ sinh khu vực thu gom cho YMVN.

YMVN grants Treater permission to enter the Collection Site for the purpose of: (i) packing, loading, collecting, transporting HW, NW, DW stipulated in Appendix 1 and Scrap; (ii) cleaning the collecting site for YMVN.

- e. YMVN cử cán bộ giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

YMVN shall assign staff to supervise and collaborate the implementation of the Contract and deal with any arising issue (if any).

- f. YMVN đảm bảo an toàn cho nhân viên của Bên Xử lý tránh những rủi ro và thương tích trong quá trình làm việc tại khu vực quản lý của YMVN. YMVN sẽ phải bồi thường cho Bên Xử lý nếu có rủi ro và thương tích xảy ra hoàn toàn do lỗi của YMVN trong địa bàn quản lý của YMVN.

YMVN shall ensure the safety of Treater's staffs from any risk or injury during their work at YMVN's site. YMVN shall indemnify Treater if any risk or injury occurs that entirely caused by YMVN's fault in the areas managed by YMVN.

- g. YMVN đảm bảo thanh toán cho Bên Xử lý theo đúng quy định tại Điều 4 Hợp đồng này.

YMVN is responsible for making payment to Treater under Article 4 of this Contract.

5.2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên Xử lý / Treater's responsibilities and rights:

- a. Bên Xử lý cam kết có và duy trì đủ giấy phép, năng lực và điều kiện đúng theo quy định pháp luật để thực hiện Hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn ở xử lý CTNH, CTCN, CTSH và thu mua Phế liệu và Sản phẩm Sau Xử lý (Sau đây gọi là "**Năng lực**") trong suốt thời gian của Hợp đồng. Bên Xử lý có trách nhiệm chủ động, tích cực phối hợp cùng với YMVN tham gia đầy đủ các buổi làm việc, giải trình, báo cáo với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến Năng lực của Bên Xử lý theo thông báo của YMVN và bồi thường và giữ cho YMVN tránh khỏi bất kỳ khiếu nại, mất mát, thiệt hại hay trách nhiệm pháp lý (kể cả hình sự hay dân sự hay hành chính) nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Năng lực của Bên Xử lý, kể cả: báo cáo, giải trình về Năng lực và việc xử lý CTNH, CTCN, CTSH và thu mua Phế liệu và Sản phẩm Sau Xử lý.

*Treater commits that it has and remains full licenses, capacity and conditions in accordance with the law to perform this Contract including but not limited to treat HW, NW, DW and buying Scrap and Recovered Products (Hereinafter referred to as the "**Capacity**") during the duration of the Contract. Treater is responsible for*

proactively cooperating with YMVN to fully participate in any meeting with competent State Authority on explanations and report of issues related to Treater's Capacity at the request of YMVN and compensate and hold YMVN harmless from any claim, loss, damage or legal liability (including criminal or civil or administrative liability) arising out of or relating to Treater's Capacity, not excluding: report and explanation on the Capacity and HW, NW, DW treatment as well as buying Scrap and Recovered Products.

- b. Xuất trình các loại giấy phép, các giấy tờ, tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật về Năng lực bao gồm nhưng không giới hạn ở giấy phép xử lý chất thải nguy hại, các giấy tờ, tài liệu về phương án, công nghệ xử lý CTNH, CTCN, CTSH cho YMVN tùy theo yêu cầu của YMVN tùy từng thời điểm.

Present necessary licenses, papers and documents in compliance with the law on Capacity including but not limited to hazardous waste treatment license and written approval of state agencies on means of transport, necessary papers and documents related to the technology of HW, NW, DW treatment for YMVN at the request of YMVN from time to time.

- c. Bố trí: (i) 01 xe nâng (forklift) và lái xe nâng đặt tại YMVN để phục vụ việc thu gom; (ii) phương tiện vận chuyển; (iii) dụng cụ, thiết bị (cân, đong) tiêu chuẩn để thu gom, xác định khối lượng chất thải tại các cửa hàng Yamaha Town của YMVN thuộc nội thành Hà Nội; (iv) công nhân đóng gói, bốc xếp, vận chuyển các loại chất thải được đề cập trong Phụ lục 1 và Phế liệu được đề cập trong Phụ lục 2 đến địa điểm xử lý của Bên Xử lý đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

Provide i) 01 forklift and driver at YMVN's collecting site for the collection; (ii) transportation vehicles; (iii) standard tool, equipment (weight, measure) to collect, determine the weight when collecting the waste at Yamaha Towns of YMVN in the downtown of Hanoi, (iv) personnel to pack, load and transport the wastes mentioned in Appendix 1 and Scrap mentioned in Appendix 2 onto transportation vehicles, deliver YMVN's those wastes to Treater's recycling location in accordance with the applicable laws.

- d. Đảm bảo rằng nhân viên của mình sẽ tuân thủ các quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, quy trình tiếp cận địa điểm, sử dụng thiết bị do YMVN quy định; hành xử theo cách đảm bảo sức khỏe cho bản thân họ và những người khác trong khi làm việc trên địa bàn quản lý của YMVN. Bên Xử lý có trách nhiệm liên đới bồi thường cho YMVN nếu có rủi ro và thương tích xảy ra bắt nguồn từ sơ xuất hay hành xử không đúng hay lỗi của nhân viên của Bên Xử lý.

Ensure that its staffs shall comply with YMVN's established occupational health and safety rules, site access control; use equipment stipulated by YMVN; conduct themselves in a way which assures the health and safety of themselves and any other persons while working at YMVN's site. Treater shall jointly indemnify YMVN if any risk or injury relating to or arising out from Treater's negligence or misconduct or fault.

- e. Thay thế bất kỳ công nhân viên nào trực tiếp thực hiện Hợp đồng này theo yêu cầu của YMVN nếu những người đó: (+) khăng khăng giữ thái độ sai trái hoặc thiếu cần

thận; (+) thực hiện Hợp đồng một cách thiếu năng lực hoặc bất cẩn; (+) không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này.

Replace any employee who directly perform the Contract at YMVN's request if they: (+) insist on keeping wrong or careless attitude; (+) perform the Contract in an incompetent or careless manner; (+) fail to comply with any provision of this Contract.

- f. Quản lý các nhân sự của mình và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến nhân sự của mình trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

Manage its personnel and take full responsibility for matters related to its personnel during the term of the Contract.

- g. Không để lẫn các chi tiết xe máy và các danh mục không được ủy quyền với các loại chất thải được thu gom trước khi ra khỏi Địa điểm thu gom. Đồng thời, Bên Xử lý cũng cam kết kê khai đầy đủ và chính xác khối lượng CTNH, CTCN, CTSH Phế liệu được thu gom.

There will not mixed with any motorcycle parts and unauthorized items with the collected waste before going out of the Collection Site. Treater further commit to declare accurate and correct weight of HW, NW, DW and Scrap collected.

- h. Sau khi thu gom, đóng gói, bốc xếp CTNH, CTCN, CTSH Phế liệu, Bên Xử lý phải thu dọn sạch sẽ Địa điểm thu gom và các khu vực lân cận khác theo đúng tiêu chuẩn 5S và yêu cầu của YMVN.

After collecting, packing, loading and unloading of HW, NW, DW and Scrap, Treater must clean up at the Collection Site and other nearby areas strictly according to YMVN's 5S standards and request.

- i. Lập đầy đủ các hồ sơ, chứng từ, sổ sách theo đúng quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, hằng tháng gửi báo cáo về tiến độ xử lý CTNH, CTCN, CTSH và hoàn thiện chứng từ do cơ quan môi trường quy định bao gồm nhưng không giới hạn ở chứng từ CTNH (liên 3 và liên 4) cho YMVN trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày YMVN chuyển giao CTNH và/hoặc CTCN và/hoặc CTSH cho Bên Xử lý theo Hợp đồng này. Báo cáo phải có các thông tin cơ bản như sau: số lượng và khối lượng của CTNH, CTCN, CTSH kết quả phân tích chất lượng sản phẩm cho từng lô xử lý.

Prepare records, documents in accordance with the provisions of law relating to the performance of the Contract, send monthly report on the HW, NW treatment process and finishing documents as regulated by environmental authorities including but not limited to hazardous waste records (copy No. 3 and copy No.4) to YMVN not exceed 15 (fifteen) days after HW and/or NW and/or DW is transferred by YMVN to Treater under this Contract. The report must contain the following basic information: the number and volume of HW, NW, DW the result of the collection and treatment of HW, NW, DW.

- j. Kịp thời báo cáo cho YMVN bất cứ vấn đề phát sinh từ và/hoặc liên quan đến quá trình thực hiện Hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn ở: sự cố, tai nạn, thay đổi các loại giấy phép cần thiết để thực hiện Hợp đồng của Bên Xử lý.

Promptly report to YMVN any problems arising from and/or relating to the implementation of the Contract including but not limited to: incidents, accidents, change of necessary permits to perform this Contract.

- k. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện Hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

Assign specialized staffs to supervise and collaborate the implementation of the Contract and deal with any arising issue (if any).

- l. Trong trường hợp Bên Xử lý phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải và bất kỳ sai phạm hay không tuân thủ nào theo quy định của pháp luật, Bên Xử lý sẽ ngay lập tức thông báo cho YMVN; YMVN và Bên Xử lý sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành.

In the event Treater detects that some or all the collected waste are not in conformance with the hazardous waste profile and any other irregularities or non-compliance to laws, Treater must inform YMVN immediately, YMVN and Treater shall jointly discuss and deal with such waste in accordance with regulations.

- m. Quan trắc định kỳ tại địa điểm xử lý và gửi báo cáo cuối cùng tới YMVN và cơ quan Quản lý Môi trường.

Carry out regular environmental monitoring at the treatment site and submit final report to YMVN, and Environmental Management Agencies.

- n. Nếu xảy ra bất kỳ sự cố, tai nạn, thiệt hại nào trong quá trình thực hiện hoặc có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, Bên Xử lý phải tự mình chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố, tai nạn đó, bồi thường các thiệt hại xảy ra, và gánh chịu toàn bộ các trách nhiệm pháp lý liên quan (nếu có), trừ trường hợp do lỗi của YMVN gây ra.

If any incident, accident or damage occurs during the execution of or related to the Contract, Treater is solely responsible for resolving such incidents and accidents, compensate for damage occurred, and assume all related liabilities (if any), except for the case of YMVN's fault.

- o. Thanh toán cho YMVN theo đúng quy định tại Điều 4 Hợp đồng này.

Make payment to YMVN under Article 4 of this Contract.

- p. Bảo quản và giao lại cho YMVN tài liệu, phương tiện và thiết bị được giao để thực hiện Hợp đồng sau khi hoàn thành công việc hoặc Hợp đồng chấm dứt hoặc theo yêu cầu của YMVN.

Preserve and return to YMVN documents, facilities and equipment assigned to perform the Contract after the works is completed or the Contract terminates or at the request of YMVN.

- q. Cho phép YMVN có đầy đủ quyền tiếp cận cơ sở, địa điểm, phương tiện thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH, CTCN, CTSH của mình theo yêu cầu cho mục đích giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên Xử lý.

Allow YMVN to have full access to its facilities, locations, and facilities for collection, transport and treatment of HW and NW as required for the purpose of monitoring the performance of Contract.

- r. Bên Xử lý có trách nhiệm giữ bí mật thông tin mà Bên Xử lý và/hoặc nhân sự của Bên Xử lý biết được trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, kể cả sau khi Hợp đồng này đã chấm dứt.

Treater is responsible for keeping the information that Treater and/or its employees knows during the implementation of this Contract, including after this Contract is terminated

- s. Trong trường hợp Bên Xử lý vi phạm bất cứ điều khoản nào theo Hợp đồng, Bên Xử lý sẽ phải thanh toán cho YMVN 08% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm cũng như bồi thường và giữ cho YMVN tránh khỏi bất kỳ và tất cả các khiếu nại, mất mát, thiệt hại hay trách nhiệm pháp lý (kể cả hình sự hay dân sự) bao gồm các lệ phí pháp lý và bất kỳ các chi phí và phí tổn nào khác mà YMVN phải gánh chịu do việc Bên Xử lý vi phạm Hợp đồng này.

In case Treater violates any terms under the Contract, Treater will have to pay YMVN 08% (eight percent) of the value of the violated obligation; and indemnify and keep YMVN harmless from any and all complaints, losses, damages or liability (civil or criminal), including all legal charges and any other expense and fee which YMVN may have to incur due to Treater's violation.

Điều 6. Các sự kiện bất khả kháng

Article 6. Force majeure:

- 6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, v.v. và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Force majeure is an exceptional event and beyond the parties' control such as earthquake, hurricane, flood, whirlwind, tsunami, land slide, fire, war or risks of war, etc. and any unforeseen disaster, changes of policies or prohibition of Vietnamese competent agencies.

- 6.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

If a Party is prevented performing any of its obligations by force majeure, that is not a basis for other Party to terminate the Contract. However, the Party suffered from force majeure event shall be obligated to:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Use all reasonable endeavors and necessary alternative options to minimize any effect caused by force majeure event.

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 (bảy) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Immediately inform the other Party of the event constituting of force majeure within 07 (seven) days after the event constituting force majeure.

- 6.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

In case of the event of force majeure, the term of the Contract shall be extended as same as the duration of the event of force majeure that prevented a Party from performing any of its contractual obligations by force majeure.

Điều 7. Thời hạn và chấm dứt Hợp đồng

Article 7. Term and termination of the Contract

7.1. Thời hạn Hợp đồng

Term of the Contract

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên hoàn thành ký đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2027 trừ khi bị chấm dứt trước thời hạn theo Điều 7.2 dưới đây.

This Contract shall take effect from the date of completely signing by both Party and valid up to the end of 31 August 2027, unless terminated in accordance with Article 7.2 below.

- Mặc dù có câu trước, các điều 2.6, 4, 5.2.a, 5.2.d, 5.2.i, 5.2.n, 5.2.p, 5.2.r, 5.2.s, 7.3 và 8 của Hợp đồng cũng như các trách nhiệm pháp lý khác của Bên Xử lý liên quan đến Hợp đồng này vẫn còn hiệu lực ràng buộc Bên Xử lý phải thực hiện ngay cả khi Hợp đồng chấm dứt.

Notwithstanding the preceding sentence, Articles 2.6, 4, 5.2.a, 5.2.d, 5.2.i, 5.2.n, 5.2.p, 5.2.r, 5.2.s, 7.3 and 8 hereof as well as other liability of Treater related to the Contract shall survive and Treater shall perform such Articles and liabilities even if the Contract terminates.

7.2. Chấm dứt Hợp đồng

Termination of the Contract

Hợp đồng này có thể bị chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:

This Contract can be earlier terminated in the following cases:

- a. Các Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng;

The Parties have a written agreement on contract termination;

- b. YMVN được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng thông báo bằng văn bản cho Bên Xử lý trong các trường hợp sau:

YMVN is entitled to unilaterally terminate the Contract immediately by written notice to Treater in the following cases:

- i. Bên Xử lý bị thu hồi Giấy phép hoặc không còn đủ năng lực pháp lý để thực hiện Hợp đồng theo quy định pháp luật; hoặc

Treater's Certificate revoked or its legal capacity is not inadequate to be permitted by the applicable law to perform the Contract; or

- ii. Bên Xử lý vi phạm bất kỳ quy định nào trong Hợp đồng này; hoặc

Treater have violated any provision of this Contract; or

- iii. Bên Xử lý đã hành xử không đúng hoặc đã vi phạm các quy định pháp luật có liên quan và các chính sách, quy định của YMVN.

Treater has committed any misconduct or violation of applicable laws and YMVN's policies and rules.

- c. YMVN có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng vì bất cứ lý do nào bằng thông báo bằng văn bản gửi trước 30 (ba mươi) ngày trước ngày dự định chấm dứt Hợp đồng.

YMVN has the right to unilaterally terminate the Contract for any reason by written notice sent 30 (thirty) days in advance of the intended date of termination of the Contract.

7.3. Hậu quả sau khi chấm dứt Hợp đồng

Consequences after the termination of the Contract

- a. Khi Hợp đồng này bị chấm dứt theo Điều 7.2.a trên đây, Các Bên sẽ cùng nhau thỏa thuận về hậu quả của việc chấm dứt;
When this Contract is terminated under Article 7.2.a above, the Parties shall agree on the consequences of such termination;
- b. Khi Hợp đồng này bị chấm dứt theo Điều 7.2.b trên đây, Bên Xử lý đồng ý hoàn trả cho YMVN toàn bộ (các) khoản tiền đã được YMVN thanh toán cho phạm vi công việc bị vi phạm.
When this Contract is terminated under Article 7.2.b above, Treater agrees to refund YMVN all amount(s) paid by YMVN for the violated works.
- c. Khi Hợp đồng này bị chấm dứt theo Điều 7.2.c trên đây, YMVN đồng ý thanh toán cho Bên Xử lý phí Dịch vụ cho phần Dịch vụ mà Bên Xử lý đã hoàn thành và được YMVN chấp thuận tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng.
When this Contract is terminated under Article 7.2.c above, YMVN agrees to pay Treater the Service fee for the Services that Treater has completed and approved by YMVN at the termination date of this Contract.
- d. Các nghĩa vụ thanh toán, hoàn trả, bồi thường bởi Các Bên quy định tại Điều 7.3 này cũng như các nghĩa vụ khác trong Hợp đồng phải được Các Bên thực hiện trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng. Lãi suất được áp dụng trong trường hợp chậm thực hiện các nghĩa vụ này là 0,05%/ngày/số tiền chậm thanh toán, hoàn trả, bồi thường.
The obligations of payment, refund and compensation by the Parties under Article 7.3 herein shall be performed by the Parties within 15 (fifteen) days from the date of termination of the Contract. The interest rate applicable for failing these obligations is 0.05%/day/amount of late payment, refund or compensation.

Điều 8. CHỐNG HỐI LỘ:

Article 8. ANTI-CORRUPTION:

- 8.1. Bên B tại đây cam kết và đảm bảo rằng, Bên B, những người điều hành, nhân viên, người lao động và bất kỳ bên thứ ba liên quan nào của Bên B (“Bên thuộc Bên B”):
Party B hereby represents and warrants that itself, its directors, officers, employees and any related third party (“Person of Party B”) shall:
- a. tuân thủ nghiêm ngặt toàn bộ quy định pháp luật, chính sách, hướng dẫn hiện hành liên quan đến chống hối lộ, tham nhũng của tất cả các nước nơi công việc kinh doanh hoặc dịch vụ được thực hiện hoặc cung cấp theo Hợp đồng này (“Pháp luật Chống Hối lộ”).
strictly comply with all applicable laws, policies and guidance on anti-bribery and anti-corruption of all countries where business or services are conducted or performed under this Contract (“Anti-Bribery Laws”).
- b. không trực tiếp hoặc gián tiếp qua trung gian (như bên tư vấn, nhà phân phối, đại lý, người thân quen, thư ký hoặc người liên quan khác) đưa, đề nghị, hứa hẹn trả bất kỳ khoản lợi ích nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản do Bên A thanh toán cho Bên B, tiền bạc, hàng hóa, tiếp đãi, giải trí hoặc tiêu khiển nào, cho bất kỳ người nào, gồm cả công chức, viên chức hoặc nhân viên Nhà nước nào hoặc người khác làm việc trong khối Nhà nước, cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp có vốn Nhà nước, đảng phái chính trị, ứng viên cho một vị trí chính trị (bất kể quốc tịch nào) (“Cán bộ Nhà

nước”), mà trái với hoặc vi phạm Pháp luật Chống Hối lộ hoặc với hiểu biết hợp lý rằng nó sẽ được sử dụng cho mục đích để đạt được bất kỳ lợi ích không chính đáng nào hoặc để tác động một cách không thích hợp đến bất kỳ hành động hoặc quyết định nào của Cán bộ Nhà nước hoặc cho mục đích có được, duy trì hoặc thu hút công việc kinh doanh (“Hành vi Hối lộ”). Bất kỳ khoản tiền nào được Bên A thanh toán cho Bên B hoặc các Bên thuộc Bên B theo các điều khoản của Hợp đồng này sẽ dành cho các dịch vụ được cung cấp trên thực tế hoặc các sản phẩm được bán cho Bên A theo các điều khoản của Hợp đồng này. Bên B sẽ không và đảm bảo rằng các Bên thuộc Bên B sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp đưa hối lộ, các khoản tiền lai quả, tiền lót tay, tiền đút lót, quà tặng hoặc khoản thanh toán khác dưới bất kỳ hình thức.

not directly or indirectly through third parties (such as consultants, distributors, agents, relatives, secretaries or related personnel) making an offer, promising, providing any benefit, which shall include but will not be limited to, any amounts paid by Party A to [Business Partner], money, goods, receptions, entertainments and recreations, to any person, which may be public officials, employees of governmental authorities, government controlled enterprise, political party, candidate for political office or any person who is treated in the same way as public officials (regardless of their nationality) (“Public Officials”), in violation of the Anti-Bribery Laws or with the reasonable knowledge that it will be used for the purpose of obtaining any improper benefit or to improperly influence any act or decision by Public Officials or for the purpose of obtaining, retaining, or directing business (“Bribery”). Any amounts paid by Party A to Party B or Person of Party B under this Contract shall be for the services actually rendered, or products sold under this Contract. Party B ensures that itself and Person of Party B shall not directly or indirectly offer bribes, kickbacks, gratuity, gift, facilitation payment or other inducement in any form.

- 8.2. Bên B tuyên bố và bảo đảm rằng, trong hiểu biết tốt nhất của mình và trong phạm vi được pháp luật cho phép, Bên B hoặc các Bên thuộc Bên B đã cung cấp cho Bên A thông tin chính xác và đầy đủ về bất kỳ chủ sở hữu đa số, đối tác, giám đốc, người quản lý nào của Bên B hoặc các Bên thuộc Bên B được phép tiến hành hoạt động kinh doanh thay mặt cho Bên B hoặc các Bên thuộc Bên B (gọi chung là “Người được Ủy quyền của Bên B”) mà là, đã là hoặc sẽ là Cán bộ Nhà nước. Nếu vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Hợp đồng này mà Bên B biết được hoặc theo cách khác có lý do để cho rằng bất kỳ Người được Ủy quyền của Bên B nào là, đã là hoặc sẽ trở thành Cán bộ Nhà nước, thì khi đó, trong chừng mực được pháp luật cho phép, Bên B sẽ thông báo ngay cho Bên A .

Party B represents and warrants that it has, to the best of its knowledge and to the extent permitted by law, provided Party A with complete and accurate information regarding any majority owner, partner, officer, director, manager of Party B or of Person of Party B who is authorized to conduct business on behalf of Parties (collectively, "Authorized Parties") that is, has been or will become Public Officials. If at any time during the term of this Contract, Party B becomes aware, or otherwise has reason to believe, that any Authorized Party is, has been or will become, a Public Official, then, to the extent permissible by law, Party B shall promptly notify Party A.

- 8.3. Trong trường hợp vi phạm điều khoản Chống Hối lộ này hoặc nếu Bên B vi phạm Pháp luật Chống Hối lộ, thì Bên A sẽ chấm dứt Hợp đồng bất cứ lúc nào, và có hiệu lực ngay

lập tức kể từ ngày phát hành văn bản thông báo đến Bên B, mà không làm phát sinh thêm bất kỳ nghĩa vụ nào cho Bên A.

In case of any breach of this Article or if Party B otherwise violates Anti-Bribery Laws, Party A may terminate this Contract at any time, immediately effective upon a written notice to Party B, and without incurring any obligation whatsoever.

- 8.4. Bên B đã hiểu rõ Chính sách Chống Hối lộ của Tập Đoàn Yamaha niêm yết tại trang thông tin điện tử: <<https://global.yamaha-motor.com/about/csr/anti-corruption/>>.

Party B understood “Yamaha Motor Group’s Anti-Bribery Policy”, which is available on the website: <<https://global.yamaha-motor.com/about/csr/anti-corruption/>>.

- 8.5. Bên B tại đây tuyên bố và đảm bảo rằng: cho đến ngày ký kết Hợp đồng này, Bên B cũng như người quản lý, nhân viên và người lao động của Bên B chưa từng có Hành vi Hối lộ.

Party B hereby represents and warrants that at the date of entering into this Contract, the Party B and its directors, officers, and employees have not engaged in any Bribery.

- 8.6. Bên B sẽ lưu giữ một cách chính xác tất cả các ghi chép, sổ sách kế toán, hồ sơ, hóa đơn, và các tài liệu có liên quan đến Hợp đồng này hoặc việc thực hiện Hợp đồng này và hợp tác đầy đủ với Bên A nếu Bên A yêu cầu thực hiện việc kiểm tra sổ sách, kiểm toán.

Party B shall keep accurately all books, accounts, records, invoices, and other relevant documents in any way connection with this Contract or its performance hereunder and fully cooperate with Party A if audit is requested and conducted by Party A

Điều 9: Bảo mật thông tin

Article 9: Confidential Information

- 9.1. Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng cũng như sau khi Hợp đồng chấm dứt hoặc hết hiệu lực, Bên A đồng ý giữ bí mật và không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác về bất kỳ dữ liệu, thông tin, tài liệu nào của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn về: thông tin cá nhân của người lao động, công việc kinh doanh, chiến lược hay dự án của Bên B mà Bên A biết được, có được thông qua việc thực hiện Hợp đồng (sau đây gọi tắt là “Thông tin Mật”) này khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B và Bên A cam kết không được phép sử dụng Thông tin Mật cho bất kỳ mục đích sử dụng nào khác ngoài những mục đích được quy định trong Hợp đồng.

During the performance of the Contract as well as after the Contract terminates or expires, Party A agrees to keep confidential and non-disclose to any other third party any data, information and document of Party B, including but not limited to employees’ personal information, business, strategy or project that Party A knows or obtains through the implementation of the Contract (hereinafter referred to as “Confidential Information”) without the written consent of Party B and Party A commits not to use the Confidential Information for any purpose other than the purpose of the Contract.

- 9.2. Bên A đồng ý giữ bí mật và không chuyển cho bất kỳ bên thứ ba nào Thông tin Mật mà Bên B cung cấp để thực hiện Hợp đồng.

Party A agrees to keep confidential and not transfer to any 3rd party the Confidential Information provided by Party B to perform the Contract.

- 9.3. Bên A cam kết bảo mật các Thông tin Mật với mức độ không thấp hơn mức độ bảo mật mà Bên A áp dụng đối với thông tin mật của chính mình. Bên A phải tiêu hủy toàn bộ Thông tin Mật ngay khi chấm dứt Hợp đồng hoặc theo yêu cầu của Bên B.

Party A commits to keep confidential the Confidential Information with a level not lower than the level of confident that Party A uses for its own confidential information. Party A must delete all Confidential Information immediately upon termination of the Contract or at the request of Party B.

- 9.4. Trường hợp bắt buộc phải cung cấp Thông tin Mật cho bên thứ ba (nếu có, như nhà thầu phụ), Bên A phải được Bên B đồng ý bằng văn bản, với điều kiện (i) Đối tác phải cài đặt mật khẩu khi gửi bản mềm có chứa Thông tin Mật; và (ii) bên thứ ba phải có văn bản cam kết bảo mật, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau: trách nhiệm bảo mật Thông tin Mật; mục đích, phạm vi, thời hạn mà bên thứ ba được phép lưu trữ, sử dụng Thông tin Mật; trách nhiệm tiêu hủy Thông tin Mật khi kết thúc thời hạn hoặc mục đích đã đạt được. Văn bản cam kết này phải được Bên B lưu giữ và cung cấp cho Bên A kiểm tra khi được yêu cầu. Bên A đảm bảo bên thứ ba phải tuân thủ đầy đủ cam kết, đồng ý chịu trách nhiệm về mọi vi phạm của bên thứ ba và có biện pháp khắc phục vi phạm kịp thời.

In case Party A has demand of providing Confidential Information to a third party (if any, such as its subcontractor), Party A must be agreed in writing by Party B, provided that (i) Party A must set up password when sending soft files which contain Confidential Information and (ii) the third party has a written confidentiality commitment with the contents including but are not limited to responsibility to secure Confidential Information; the permissible purpose, scope and the storage and usage duration of Confidential Information; responsibility for Confidential Information destruction at the end of the usage duration or when purpose has been achieved. This confidentiality commitment must be kept by Party A and provided to Party B for inspection upon request. Party A ensures that the third party must fully comply with its commitments, agrees to be responsible for any violations of the third party and takes timely remedial measures.

- 9.5. Trong trường hợp Bên A vi phạm bất kỳ quy định bảo mật Thông tin Mật trong điều khoản này thì Đối tác sẽ bồi thường cho Bên B tất cả các thiệt hại phát sinh thực tế do vi phạm của Bên A; và Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ phát sinh nào.

In case Party A violates any provisions of this Article, Party A shall compensate Party B for all actual damages caused by its violation; and Party B reserves the right to unilaterally terminate the Contract without any obligation.

Điều 10/ Article 10: Bên xử lý cam kết Bên xử lý, toàn bộ nhân sự của Bên xử lý và Nhà thầu phụ của Bên xử lý (Sau đây gọi chung là “**Người của Bên xử lý**”) phải tuân thủ quy định về An toàn Vệ sinh Lao động tại Điều 11 của Hợp đồng này.

*Treater commits that Treater, all personnel of Treater and its Subcontractors (hereinafter referred to as “**Treater People**”) must comply with regulations on Occupational Safety and Health in Article 11 of this Contract.*

Trong trường hợp Người của Bên xử lý vi phạm bất kỳ Quy định ATVSLĐ nào thì YMVN sẽ tiến hành lập “Biên bản vi phạm” đối với Người của Bên xử lý và Bên xử lý phải gánh chịu trách nhiệm tùy trường hợp dưới đây:

In case Treater People violates any OSH Regulations, YMVN shall make a “Minute of Violation” for Treater People and Treater shall bear responsibility depending on the case below:

1. Trong trường hợp vi phạm trên chưa dẫn đến tai nạn hoặc sự cố làm tổn hại đến người/tài sản của YMVN, thì Bên xử lý cam kết rằng:

In case the above violation has not resulted in an accident that damages YMVN's people/properties, Treater commits that:

- (a) **Với vi phạm lần đầu:** Bên xử lý sẽ phải tạm dừng thực hiện phần công việc có liên quan đến hành vi vi phạm cho đến khi Bên xử lý khắc phục xong hành vi vi phạm đó và được YMVN xác nhận bằng văn bản.

***For the first violation:** Treater shall suspend the performance of the work related to the violation until Treater completes the remedy for the violation and is confirmed in writing by YMVN.*

- (b) **Với vi phạm lần thứ hai** (bất kể là cùng một hành vi vi phạm đã xảy ra hay hành vi vi phạm nào khác): Bên xử lý sẽ phải tạm dừng thực hiện phần công việc có liên quan đến hành vi vi phạm cho đến khi Bên xử lý khắc phục xong hành vi vi phạm đó và được YMVN xác nhận bằng văn bản. Đồng thời, Bên xử lý sẽ phải chịu phạt 1.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn). Theo đó, YMVN, tùy theo quyết định của mình, có quyền: (i) yêu cầu Bên xử lý thanh toán cho YMVN số tiền phạt 1.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn) trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của YMVN; hoặc (ii) khấu trừ số tiền phạt 1.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn) vào bất cứ khoản tiền nào mà YMVN có nghĩa vụ thanh toán cho Bên xử lý theo quy định của Hợp đồng này.

***For the second violation** (whether the same violation has occurred or any other violation): Treater shall suspend the performance of the work related to the violation until Treater completes the remedy for the violation and is confirmed in writing by YMVN. At the same time, Treater shall pay a fine of 1,000,000 VND (In words: One million Vietnamese dong). Accordingly, YMVN, at its sole discretion, has the right to: (i) request Treater to pay YMVN a fine of VND 1,000,000 (In words: One million Vietnamese dong) within 10 (ten) days from the date of receipt of YMVN's request; or (ii) deduct a fine of VND 1,000,000 (In words: One million Vietnamese dong) from any amount that YMVN is obliged to pay to Treater under the provisions of this Contract.*

- (c) **Đối với lần vi phạm thứ ba trở đi** (bất kể là cùng một hành vi vi phạm đã xảy ra hay hành vi vi phạm nào khác): YMVN có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Bên xử lý mà không phải bồi thường cho Bên xử lý bất cứ khoản tiền nào. Ngoài ra, YMVN chỉ phải thanh toán cho Bên xử lý giá trị phần công việc theo Hợp đồng đã được Bên xử lý đã được hoàn thành và được YMVN nghiệm thu tính đến ngày chấm dứt theo thông báo của YMVN và Bên xử lý có trách nhiệm hoàn trả cho YMVN khoản tiền mà YMVN đã thanh toán cho phần công việc chưa được nghiệm thu bởi YMVN (nếu có).

***For the third violation onward** (whether the same violation has occurred or any other violation): YMVN has the right to unilaterally terminate the Contract immediately by sending written notice to Treater without having to compensate Treater any money. In addition, YMVN only has to pay Treater the value of the work under the Contract that has been completed and accepted by YMVN by the date of termination as notified by YMVN and Treater is responsible for refunding to YMVN the amount that YMVN has paid for the work that has not been accepted by YMVN (if any).*

2. Trong trường hợp vi phạm để xảy ra tai nạn hoặc sự cố làm tổn hại đến người/tài sản của YMVN, YMVN có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi

thông báo bằng văn bản đến Bên xử lý mà không phải bồi thường cho Bên xử lý bất cứ khoản tiền nào và Bên xử lý phải: (i) bồi thường tất cả các thiệt hại phát sinh thực tế liên quan đến vi phạm đó theo yêu cầu của YMVN; và (ii) chịu phạt bằng 8% giá trị phần công việc liên quan đến hành vi vi phạm. Theo đó, YMVN, tùy theo quyết định của mình, có quyền: (i) yêu cầu Bên xử lý thanh toán cho YMVN 8% giá trị phần công việc liên quan đến hành vi vi phạm trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của YMVN; hoặc (ii) khấu trừ 8% giá trị phần công việc liên quan đến hành vi vi phạm vào bất cứ khoản tiền nào mà YMVN có nghĩa vụ thanh toán cho Bên xử lý theo quy định của Hợp đồng này.

In the event of a breach that causes an accident or incident that damages YMVN's people/properties, YMVN has the right to unilaterally terminate the Contract immediately by sending a written notice to Treater without paying any compensation amount to Treater and Treater shall: (i) compensate for all damages actually incurred in connection with such breach at the request of YMVN; and (ii) be fined 8% of the value of the work related to the violation. Accordingly, YMVN, at its discretion, has the right to: (i) request Treater to pay YMVN 8% of the value of the work related to the violation within 10 (ten) days from the date of receipt of YMVN's request; or (ii) deduct 8% of the value of the work related to the breach from any amount that YMVN is obliged to pay to Treater under this Contract.

Điều 11. Quy định về An toàn Vệ sinh Lao động: Bên A sẽ:

Article 11. Occupation safety and health regulations: Party A will

A. Quy định chung/ General regulations:

1. Thực hiện đúng thủ tục ra vào công theo quy định của YMVN.
Comply with entry and exit procedures as prescribed of YMVN.
2. Những cuộc họp giữa người lao động của YMVN với khách, nhà thầu, nhà cung cấp phải được tiến hành trong các phòng họp, phòng hội thảo hoặc khu vực được YMVN chỉ định trừ khi Trưởng phòng phụ trách/Giám đốc bộ phận trực tiếp có yêu cầu khác.
Have to hold meetings between YMVN's employees and guests, contractors, suppliers in meeting rooms, conference rooms or designated areas unless otherwise requested by the related Head of Department/ Head of Division.
3. Chỉ được làm việc, đi lại tại những khu vực, vị trí đã được đăng ký và được chấp thuận bởi Trưởng phòng Phụ trách/ Giám đốc Bộ phận liên quan và tuân theo sự hướng dẫn của người phụ trách bộ phận liên quan.
Only work and move within areas, locations registered and approved by related Head of Department/ Head of Division and follow the instructions of the person in charge.
4. Đảm bảo toàn bộ các loại xe thô sơ, xe cơ giới khi vào giao nhận hàng hóa tại các địa điểm làm việc của công ty phải đảm bảo các quy định về về chất lượng an toàn kỹ thuật, chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông đường bộ Việt Nam.
Ensure that all types of vehicles when delivering or receiving goods at every company working places comply with technical safety quality regulations, strictly following the Traffic Law in Vietnam.
5. Quy định về an toàn PCCC:
Safety regulation on fire prevention:
 - Không được mang những vật liệu dễ cháy, nổ vào công ty trừ khi được sự cho phép từ Trưởng phòng phụ trách/ Giám đốc bộ phận liên quan.
It is not allowed to bring flammable and explosive materials into the company unless otherwise requested by the Head of Department/Head of Division.

- Hút thuốc đúng nơi quy định, tuân thủ nội quy được hiển thị tại các vị trí hút thuốc.
Smoking in the prescribed places, comply the rules displayed at smoking locations.
- Không được tự ý sử dụng các thiết bị PCCC khi không có cháy.
Employees are not allowed to arbitrarily use fire protection equipment when there is no fire.
- Phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn khi tiến hành công việc đối với các công việc phát sinh nguy cơ cháy nổ cao như hàn, cắt mài, các thao tác phát sinh tia lửa...
Must strictly comply with safety measures when conducting work for jobs with high risk of fire and explosion such as welding, cutting, grinding, sparking operations...
- Khi phát hiện thấy lửa hoặc nguy cơ có đám cháy, nhanh chóng thực hiện các thao tác phù hợp: hô hoán, báo động, đồng thời nhấn chuông báo cháy, cắt điện (nếu biết), sử dụng các thiết bị chữa cháy phù hợp và ngay lập tức thông báo cho người giám sát, bảo vệ YMVN để đưa ra biện pháp xử lý kịp thời và hợp lý. Tuân theo sự điều phối của YMVN nếu không may xảy ra sự cố cháy nổ.
When detecting a fire or there is a risk of a fire, Employees should promptly perform the appropriate actions: informing, alarming and ringing the fire alarm, cutting power (if known), using firefighting equipment and immediately notify the Direct Superior and above to take timely and reasonable handling measures.

6. Quy định về an toàn điện:

Safety regulation on electricity:

- Không được phép tự ý thử hoặc đấu nối điện, bật tắt các tủ điện, cắm các thiết bị vào nguồn điện của YMVN.
It is not allowed to: arbitrarily try or connect electricity, turn on/off electrical cabinets, plug equipment into the power source of YMVN.
- Đối với nhà thầu thi công điện: phải đăng ký trước với YMVN về công suất, vị trí cấp nguồn riêng cho khu vực thi công. Tuân thủ việc sử dụng các thiết bị tiếp nhận nguồn điện phù hợp với công suất và đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện.
For electrical contractors: must register with YMVN about the capacity and location of separate power supply for the construction area. Comply with the usage of power receiving equipment suitable for capacity and ensure electrical safety requirements.

7. Quy định về thiết bị, máy, vật tư, phương tiện và người lao động của khách, nhà thầu, nhà cung cấp (sau đây gọi tắt là “Người lao động”):

Regulations on equipment, machines, materials, vehicles and employees of guests, contractors and suppliers (Hereinafter referred to as “Employess”):

- Máy, dụng cụ, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động phải được kiểm định theo quy định. Người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn vệ sinh lao động phải được đào tạo và cấp thẻ an toàn/ chứng chỉ theo quy định. Xuất trình hồ sơ kiểm định hoặc chứng chỉ/ thẻ an toàn khi được yêu cầu.
Machines, tools and equipment with strict requirements on occupational safety and health must be inspected according to regulations. Employess deploy jobs with strict requirements on occupational safety and health must be trained and be issued safety cards/certificates according to regulations. Present inspection records or safety cards/certificates when required.

- Phải đăng ký danh sách Người lao động, danh sách máy, thiết bị, vật tư, phương tiện với phòng ban phụ trách liên quan và bảo vệ trước khi đưa vào làm việc, thi công tại YMVN.

Must register the list of Employees, the list of machines, equipment, material and vehicles with the departments in charge and Company security guard before entering them to work at YMVN.

- Người lao động làm những công việc liên quan đến kỹ thuật phải có chuyên môn, đủ năng lực nghề, đủ sức khỏe theo quy định của pháp luật.

Employees deploy technical jobs must be fully qualified and healthy as prescribed by law.

8. Quy định về hướng dẫn, đào tạo an toàn:

Regulations on safety instruction and training:

- Khách đến tham quan phải tuân thủ Quy định về an toàn do Phòng ban phụ trách tại YMVN hướng dẫn.

Guests must comply with regulations on occupational safety and health guided by the Department in charge of YMVN.

- Nhà thầu, nhà cung cấp làm việc, thi công tại YMVN tuân thủ các quy định tại mục I quy định này và làm bài kiểm tra đạt yêu cầu trước khi bắt đầu công việc tại YMVN.

Contractors and suppliers work at YMVN must comply with the provisions of Section I of this regulation and pass the test before starting work at YMVN.

- Đối với nhà thầu, nhà cung cấp làm việc, thi công các công việc đặc thù : công việc phát sinh nhiệt và tia lửa, công việc trên cao, công việc trong không gian hạn chế tại YMVN : ngoài việc tuân thủ mục A quy định này, phải tuân thủ các quy định an toàn với công việc đặc thù liên quan tại mục B quy định này. Ngoài ra, Người lao động phải tham gia lớp đào tạo về An toàn tại YMVN và làm bài kiểm tra đạt yêu cầu trước khi bắt đầu công việc tại YMVN.

For Employees work peculiarity jobs at YMVN : work arise heat and sparks, work at height (>2m), work in confined spaces: in addition to complying with Section A of this regulation, must comply with the safety regulations with related peculiarity jobs in Section B of this regulation. The employees of contractor must attend a safety training course and pass the test before starting work at YMVN.

9. Quy định phát thải, xả thải:

Regulations on emissions and discharges:

- Không để khói, bụi, nhiệt hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến sản phẩm, thiết bị và hoạt động của YMVN. Phải có các biện pháp ngăn ngừa nếu có (ví dụ như bạt che chắn, thiết bị hút/ đuổi khói).

Do not allow smoke, dust, heat or other elements to affect products, equipment and operations of YMVN. Precautionary measures (if any), shall be in place (example cover sheet, smoke extraction device/smoke suppression device ...)

- Nếu trong quá trình hoạt động, thi công có thải bỏ chất thải thì việc thải bỏ phải tuân theo hợp đồng đã ký/theo hướng dẫn phân loại chất thải của YMVN.

If waste is disposed in working time, the disposal must comply with the signed contract between 2 parties and follow the waste classification guidelines of YMVN.

- Không được phép xả nước thải, rác thải ra môi trường, hệ thống cống rãnh.

It is not allowed to discharge waste water and garbage into the environment or the sewer system.

10. Các quy định khác:

Other regulations:

- Trang bị đủ thiết bị bảo vệ cá nhân và phù hợp với từng công việc khi làm việc, thi công tại YMVN.
Equip employees with fully personal protective equipment suitable for each job when working at YMVN.
- Phải cử người giám sát an toàn trong suốt quá trình làm việc, thi công tại YMVN.
Must appoint a safety supervisor during the working time, construction process at YMVN.
- Tại những khu vực thi công, hố đào, vị trí nguy hiểm phải treo biển cảnh báo, cô lập khu vực làm việc bằng ba-ri-e (rào cản vật lý) hoặc dải đánh dấu để ngăn chặn những người không liên quan vào khu vực.
At construction areas, digging holes, dangerous locations, warning signs must be posted, and the working area is isolated with barrier (physical barrier) or a marking strip to prevent people entering the area.
- Khi kết thúc công việc phải thực hiện vệ sinh sạch sẽ, sắp xếp vật tư và hàng hóa đảm bảo an toàn và bàn giao lại cho Bộ phận phụ trách của YMVN.
At the end of work, must clean, arrange materials and goods to ensure safety and hand over to the Department in charge of YMVN.

B. Quy định đối với các công việc đặc thù/ Regulation for peculiarity jobs

B.1 Công việc phát sinh nhiệt và tia lửa/Work arise heat and sparks

1. Tiến hành đánh giá rủi ro tiềm ẩn, xác nhận việc thực hiện các giải pháp an toàn và đăng ký với phòng ban phụ trách trước khi tiến hành công việc. Tiến hành đánh giá bổ sung nếu có phát sinh.
Conduct a potential risk assessment, confirm the implementation of safety measures and register with the department in charge before starting work. Conduct additional assessments if any arise.
2. Người lao động làm các công việc này phải có chứng chỉ/ thẻ an toàn lao động của công việc liên quan và chứng chỉ phòng cháy chữa cháy còn hiệu lực.
Employees who do these jobs must have a safety card/certificate of the relevant job and a valid certificate of fire protection.
3. Trong phạm vi 10m tính từ khu vực làm việc:
Within 10m from the working area:
 - Chất lỏng, vật liệu dễ cháy: dầu, giấy, bình gas, bụi sợi, gỗ, vải.... phải được loại bỏ.
Flammable liquids, materials such as: oil, paper, gas cylinders, dust, fibers dust, wood, fabric.... must be removed.
 - Tại các khu vực làm việc có nguy cơ phát sinh khí dễ cháy, yêu cầu phải có thiết bị phát hiện khí cháy hoặc phải có thiết bị theo dõi để đảm bảo hàm lượng của các loại khí dễ cháy phải ít hơn 10% của giới hạn nổ dưới (%LEL <10%) và yêu cầu kiểm tra lại mỗi 4 giờ khi đang thi công. (Quy định này không áp dụng với công việc thực hiện ngoài trời).
In the working areas with the risk of arising flammable gas, it is required to have a combustible gas detection device or to have a monitoring device to ensure that the concentration of flammable gases must be less than 10% of lower explosive

limit (%LEL <10%) and requires re-check every 4 hours during working time. (This regulation does not apply to works performed outdoors).

- Tất cả tường, trần nhà, nền nhà phải là vật liệu chống cháy hoặc phải được che chắn bảo vệ nếu là vật liệu có thể cháy.

All walls, ceilings, floors must be fireproof materials or must be protected if they are flammable materials.

- Phải có tối thiểu 3 bình chữa cháy phù hợp tại vị trí công việc.

There must be at least 3 suitable fire extinguishers at working area.

4. Hàng ngày, khi kết thúc công việc phải kiểm tra an toàn cùng với Phòng ban phụ trách để đảm bảo không còn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.

Every day, at the end of work, must be checked with the Department in charge to ensure that there is no potential for fire or explosion.

B.2 Công việc trên cao (>2m)/ *Work at height (>2m)*

1. Tiến hành đánh giá rủi ro tiềm ẩn, xác nhận việc thực hiện các giải pháp an toàn và đăng ký với phòng ban phụ trách trước khi tiến hành công việc. Tiến hành đánh giá bổ sung nếu có phát sinh.

Conduct a potential risk assessment, confirm the implementation of safety measures and register with the department in charge before starting work. Conduct additional assessments if any arise.

2. Người lao động làm các công việc trên cao phải có chứng chỉ/ thẻ an toàn vệ sinh lao động đối với này. Người lao động phải có sức khỏe tốt và không mắc các bệnh như rối loạn tiền đình, bệnh huyết áp, bệnh tim mạch...

Employees who do these jobs must have a safety card/certificate of this job.

Employees must be in good health and not have diseases such as vestibular disorders, blood pressure diseases, and cardiovascular diseases...

3. Phải trang bị thiết bị an toàn để thực hiện công việc trên cao như: Thiết bị chống rơi ngã (dây đai an toàn, hàng rào bảo vệ..); Dây cứu sinh trên tuyến đường di chuyển (để móc dây đai); Lưới an toàn (để tránh rơi đồ vật xuống bên dưới); Mũ cứng; Giày bảo hộ và các phương tiện cá nhân khác phù hợp; Ống quần phải được bó lại tránh vướng, móc vào vật gây ngã.

Equip employees with personal protective equipment for employees to work at height such as : Anti-fall device (safety belt, protective fence..); lifeline on the travel route (to hook the belt); safety net (to prevent falling objects below); helmet; safety shoes and others...; Trousers must be bundled to avoid entanglement or hooking on something cause falling.

4. Nếu sử dụng giàn giáo di động : bánh xe phải được cố định, độ cao tối đa của giàn giáo không quá 4 lần chiều rộng; khe hở giữa các tấm sàn thao tác cho phép tối đa 3cm.

If using mobile scaffolding: wheels must be fixed, the maximum height of the scaffolding is not more than 4 times the width; The maximum clearance between floor slabs is 3cm.

5. Trong trường hợp thời tiết không thuận lợi như có mưa, gió lớn..yêu cầu không thực hiện công việc trên cao ngoài trời.

Request not to perform work at height outdoors in case of unfavorable weather such as rain, high wind.

B.3 Công việc trong không gian hạn chế/ *Work in confined spaces*

1. Tiến hành đánh giá rủi ro tiềm ẩn, xác nhận việc thực hiện các giải pháp an toàn và đăng ký với phòng ban phụ trách trước khi tiến hành công việc. Tiến hành đánh giá bổ sung

nếu có phát sinh. Không ai được phép vào trong không gian hạn chế khi chưa hoàn thành các biện pháp đảm bảo an toàn

Conduct a potential risk assessment, confirm the implementation of safety measures and register with the department in charge before starting work. Conduct additional assessments if any arise. Not allowed to enter confined space when safety measures have not been completed.

2. Đảm bảo người giám sát, chỉ huy, người cấp phép, người vào trong không gian hạn chế, người canh gác không gian hạn chế phải được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động và phải có chứng chỉ/ thẻ an toàn vệ sinh lao động đối với công việc trong không gian hạn chế.

Ensure the supervisors, commanders, licensees, persons entering confined spaces, and confined space watchmen must be trained and trained in occupational safety and hygiene and must have certificates. / occupational safety and health card for work in confined spaces.

3. Nhà thầu có trách nhiệm cấp phép cho người làm việc trong không gian hạn chế, theo đúng quy định tại QCVN 34:2018/BLĐTBXH.

The contractor is responsible for granting permits for people to work in confined spaces, in accordance with the provisions of Vietnamese Standard No. 34:2018/BLDTBXH.

4. Quy định về không khí trong không gian hạn chế:

Regulations on air in confined spaces:

- Giới hạn cho phép của không khí trong không gian hạn chế : Lượng oxy trong không khí chiếm từ 19,5% đến 23,5% tính theo thể tích; Hàm lượng của các loại khí dễ cháy trong không gian hạn chế phải ít hơn 10% của giới hạn nổ dưới (%LEL<10%) ; Hàm lượng của từng chất độc hại trong không khí trong không gian hạn chế không được vượt quá ngưỡng tiếp xúc cho phép (ví dụ các khí CO, H₂S....)
Permissible limit of air in confined space: the concentration of oxygen in the air from 19.5% to 23.5% by volume; the concentration of flammable gases in the confined space must be less than 10% of the lower explosive limit (%LEL<10%); The concentration of each hazardous substance in the air in the confined space must not exceed the permissible exposure threshold (for example emissions such as :CO, H₂S...).

- Đảm bảo không khí trong không gian hạn chế phải đảm bảo tiêu chuẩn: trước khi tiến hành công việc phải đo tối thiểu 1 lần và trong khi thực hiện công việc phải đo với tần suất 1 giờ/ lần. Kết quả đo phải được ghi chép vào phiếu và lưu lại cùng với Giấy phép làm việc. Yêu cầu ghi rõ thời gian đo và ký xác nhận kết quả đo và thông báo kết quả đo khí cho người cấp phép và người giám sát, chỉ huy. Báo ngay với người chịu trách nhiệm nếu phát hiện kết quả đo khí không nằm trong giới hạn an toàn hoặc có nguy cơ, xu hướng vượt ra khỏi giới hạn an toàn.

Ensure the air in the confined space must meet the standards: before starting the job, it must be measured at least once and during the job, it must be measured with a frequency of 1 hour/time. Measurement results must be recorded and saved with the Work Permit. It is required to specify the measurement time and sign for confirmation of the measurement results and notify the gas measurement results to the licensors and supervisors and commanders. Immediately notify the responsible

person if the gas measurement results are not within the safe limits or there is a risk, the trend is out of the safe limits.

5. Lối vào không gian hạn chế phải gắn biển cảnh báo khu vực nguy hiểm và cấm người không có nhiệm vụ liên quan. Khi không có người bên trong và người canh gác vắng mặt thì các lối ra vào không gian hạn chế phải được che chắn phù hợp để ngăn không cho người không có thẩm quyền, không được cấp phép vào bên trong không gian hạn chế.

The entrance to the confined space must be posted with warning signs for dangerous areas and forbidding people without relevant duties. When no occupants are present and the guard is absent, the entrances to the confined space shall be suitably cover to prevent unauthorized persons from entering the confined space.

6. Ngoài các phương tiện bảo vệ cá nhân thông thường cho công việc, cần có dây cứu sinh hoặc biện pháp cứu sinh cho Người lao động làm việc trong không gian hạn chế.

In addition to the usual personal protective equipment for the job, lifelines or lifesaving measures are required for Employees working in confined spaces.

7. Phải đảm bảo có đầy đủ ánh sáng cho người vào làm việc bên trong không gian hạn chế.

There must be enough light for employees to work inside the confined space.

8. Phải đảm bảo việc thông gió tự nhiên phù hợp hoặc cấp đủ không khí sạch vào không gian hạn chế trước và trong suốt quá trình con người làm việc bên trong; hoặc phải có biện pháp đảm bảo cung cấp dưỡng khí trực tiếp cho từng Người lao động trong không gian hạn chế. Việc thông gió, cung cấp không khí vào trong không gian hạn chế phải lấy từ không khí sạch bên ngoài.

Adequate natural ventilation or an adequate supply of clean air must be ensured in the confined space before and during Employees work inside; or measures must be taken to ensure direct oxygen supply to each person in a confined space. Ventilation and air supply into confined spaces must be taken from clean outside air.

9. Dừng công việc trong không gian hạn chế, thu hồi giấy phép:

Stop work in confined space, recall Work Permit when :

- Khi chất lượng không khí hoặc các yếu tố nguy hiểm, có hại có nguy cơ gây chết người, thương tích, suy nhược, bệnh nghề nghiệp cho Người lao động thì người canh gác không gian hạn chế hoặc những người khác có liên quan phải báo cáo người giám sát, chỉ huy tạm đình chỉ công việc để đảm bảo an toàn cho người vào trong không gian hạn chế và báo ngay cho người chịu trách nhiệm cấp giấy phép.

Air quality or other hazardous or harmful factors pose a risk of death, injury, weakness, or occupational disease to Employees, confined space watchman or other relevant persons must report to the supervisor, the commander to temporarily stop work for safety and immediately report the person in charge of issuing the Work Permit.

- Khi được báo cáo, người cấp phép phải cho dừng công việc và thu hồi giấy phép đã cấp cho công việc đó.

Upon receipt of the report, the licensor must stop the work and recall the Work Permit issued for the work.

10. Khi công việc trong không gian hạn chế đã hoàn thành thì người giám sát, chỉ huy và người cấp giấy phép cần phải xác nhận hoàn thành công việc để đóng giấy phép và nộp lại giấy phép cho Phòng ban phụ trách liên quan lưu 1 (một) năm theo quy định.

When the work in the confined space has been completed, the supervisor, commander and licensor need to confirm the completion of the work in order to close the Work Permit and return it to the Department in charge of storage within 1 (one) year as regulation.

Điều 12. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NHÂN QUYỀN

Article 12. SUSTAINABILITY AND HUMAN RIGHTS

- 12.1. Bên B đã đọc “**Chính sách Cơ bản về Phát triển Bền vững**” của Bên A được công khai trên trang web <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-phat-trien-ben-vung-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, và “**Chính sách Nhân quyền**” tại <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-nhan-quyen-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, bao gồm cam kết của Tập đoàn Yamaha Motor về việc “Tuân thủ các nguyên tắc và quy định quốc tế”, “Ngăn ngừa tham nhũng và thực hiện hoạt động kinh doanh công bằng và minh bạch”, “Tôn trọng nhân quyền, không phân biệt đối xử và không sử dụng lao động trẻ em hay cưỡng bức lao động dưới bất kỳ hình thức nào” và “Yêu cầu đối tác kinh doanh thực hiện chính sách này”.

Party B has read Party A’s “Sustainability Basic Policy” publicly available at <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-phat-trien-ben-vung-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, and “Human Rights Policy” at <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-nhan-quyen-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, including its commitment that Yamaha Motor Group “will comply with international rules, laws and ordinances”, “will work to prevent corruption, and execute our operations with fairness and integrity”, “will respect human rights, will not discriminate, and will not use child labor or carry out forced labor under any form” and “asking our partners to uphold this policy and act on its basis”.

- 12.2. Bên B hiểu rằng Chính sách Cơ bản về Phát triển Bền vững và Chính sách Nhân quyền là nền tảng cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Yamaha Motor, và nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng hoặc không xử lý vi phạm đúng cách thì có thể dẫn đến việc đình chỉ hoặc chấm dứt hợp tác với Bên A. Bên B sẽ thông báo ngay cho Bên A khi phát hiện bất kỳ hành vi nào mâu thuẫn với các chính sách và cam kết này, dù là tại Bên B hay đối tác cung ứng liên quan đến hoạt động kinh doanh với Bên A. Nếu Bên A yêu cầu, Bên B sẽ hợp tác với Bên A thực hiện việc kiểm tra và đào tạo hợp lý, xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và khắc phục các hoạt động kinh doanh không phù hợp với các chính sách và cam kết này.

Party B understands that Sustainability Basic Policy and Human Rights Policy are the foundations of Party A’s business, and that a material violation or a failure to take appropriate measures upon finding a non-compliance may lead to a suspension or termination of business with Part A. Party B will notify Part A immediately upon any discovery that contradicts with these policies and commitments whether at Party B or its supply chain partners associated with Party A’s business. If requested by Party A, Party B shall cooperate with Party A to conduct reasonable due diligence and trainings and identify, prevent, mitigate, and remedy any business practice that is not in line with these policies and commitments.

Điều 13. Các điều khoản chung

Article 13. General provisions

13.1. Hợp đồng này sẽ không được chỉnh sửa, thay đổi hoặc bổ sung trừ khi có sự thỏa thuận của Các Bên bằng văn bản.

This Contract will not be amended, varied or altered except by mutual agreement in writing signed by the Parties.

13.2. Hợp đồng này và các phụ lục của Hợp đồng này thể hiện toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên và thay thế cho toàn bộ các thỏa thuận trước đây của Các Bên liên quan đến nội dung Hợp đồng.

This Contract and its appendixes embodies the entire agreements between the Parties and supersedes all prior agreements between the Parties with respect thereto.

13.3. Tất cả mọi tranh chấp, tranh cãi và/hoặc khác biệt có thể nảy sinh giữa Các Bên trong mối quan hệ với hoặc có liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết một cách ôn hòa giữa Các Bên. Trong trường hợp không thể đạt được một sự giải quyết ôn hòa như vậy trong một khoảng thời gian hợp lý, tranh chấp đó sẽ được giải quyết chung thẩm tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) theo Quy Tắc Tố Tụng Trọng Tài của VIAC. Phán quyết của trọng tài đó sẽ có giá trị chung thẩm và ràng buộc đối với các Bên có liên quan. Phí trọng tài và các chi phí khác phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do Bên thua kiện chịu.

All disputes, controversies or differences which may arise between the Parties in relation to or in connection with this Contract shall be amicably settled between the Parties. In the event such amicable settlement cannot be reached within a reasonable time, such dispute shall be finally settled by Vietnam International Arbitration Centre (VIAC) in accordance with the Rules for Arbitration Proceedings of VIAC. The award shall be final and binding upon the Parties concerned. Arbitration fees and other costs arising out of and/or related to the settlement of the dispute shall be borne by the losing Party.

13.4. Hợp đồng được lập bằng 02 bản gốc song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa phần tiếng Anh và tiếng Việt, phần tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Contract is made in 02 original copies in bilingual English and Vietnamese. In case of any conflict between the English part and Vietnamese part, the Vietnamese part shall prevail.

Đại diện YMVN

For and on behalf of YMVN

Okutani Masahiro
Ký bởi: CÔNG TY TNHH
YAMAHA MOTOR VIỆT NAM
Thời gian ký: 27/08/2025 12:15:40
Đơn vị CA: CMC-CA
Hạn CKS: 5/4/2025 - 25/9/2027

OKUTANI MASASHIRO

Tổng Giám đốc
General Director

Đại diện Bên Xử lý

For and on behalf of Treater

Đuẩn
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH
NGUYỄN
Thời gian ký: 27/08/2025 16:50:58
Đơn vị CA: F-CA
Hạn CKS: 10/1/2025 - 24/1/2027

NGUYỄN ĐÌNH DUẨN

Giám đốc
Director

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ
RÁC THẢI SINH HOẠT
CONTRACT FOR COLLECTION, TRANSPORTATION AND TREATMENT OF
DOMESTIC WASTE

Số/No: 26082025/YMVN-TT

Chúng tôi gồm:

We included:

Bên A/ Party A:

Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam/ Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: Binh An Village, Trung Gia Commune, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: (024)38855080 Fax: (024)38855082

Mã số thuế/Tax Code: 0100774342

Đại diện bởi: Ông **OKUTANI MASAHIRO** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Represented by: Mr. Okutani Masahiro Title: General Director

Số tài khoản/Account No: 0200184092

Tên tài khoản: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam

Beneficiary Name: Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd

Tại ngân hàng/ Bank name: Citibank chi nhánh Hà Nội/ Citibank Hanoi Branch

Và/And

Bên B/Party B:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

THUAN THANH ENVIRONMENTAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Đường CN6, KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Address: CN6 street, Thuan Thanh 3 Industrial Park, B Zone, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam.

Điện thoại/ Tel: 02223.771715

Mã số thuế/Tax Code: 2300426314

Đại diện bởi: Ông **ĐOÀN VĂN HỮU** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

Represented by: Mr. Doan Van Huu Title: Deputy General Director

(Đại diện theo giấy ủy quyền số 01/MTTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 02/01/2024/ As Letter of attorney No: 01/MTTT-GUQ by legal representative of Thuan Thanh Environment JSC date sign 02/01/2024)

Số tài khoản/Account No: 0351000699616

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành

Beneficiary Name: Thuan Thanh Environment Joint Stock Company

Tại ngân hàng: Vietcombank – Chi nhánh Bắc Ninh

Bank name: Vietcombank – Bac Ninh Branch

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**các Bên**”.

Party A and Party B hereinafter referred individually as the “Party” and collectively as the “Parties”.

Cơ sở căn cứ/ Background:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Civil Law No. 91/2015/QH13 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 24 November 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Pursuant to the Commercial Law No. 36/2005/QH11 dated 14 June 2005 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 approved by the 14th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam at its 10th session on November 17, 2020, effective from January 1;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Pursuant to Decree No. 08/2022/ND-CP dated 10 January 2022 of the Government regarding elaboration of several articles of the law on environmental protection;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022, quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT of the Ministry of Natural Resources and Environment issued on January 10, 2022, detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 249/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 10/10/2022;
Based on the Environmental License No. 249/GPMT-BTNMT of Thuan Thanh Environment Joint Stock Company, which was granted by the Ministry of Natural Resources and Environment on October 10, 2022;
- Căn cứ vào nhu cầu của Bên A về việc thuê đơn vị có đủ điều kiện đóng gói, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sản xuất của Bên A theo phương thức an toàn và đảm bảo cho môi trường;
Based on Party A's needs to hire a qualified unit to pack, load, transport and treat domestic waste generated from Party A's production activities in a safe and environmentally friendly manner;

Chúng tôi cùng nhau ký **HỢP ĐỒNG** này với các điều khoản và điều kiện sau (sau đây gọi tắt là “**Hợp đồng**”):

*We mutually desire to sign this **CONTRACT** with the following terms and conditions (Hereinafter referred to as the “**Contract**”):*

Điều 1. Nội dung công việc

Article 1. Scope of works

- Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thu gom, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển và xử lý (đảm bảo đúng quy định pháp luật và chức năng mà Bên B đã được cấp phép theo pháp luật Việt Nam) chất thải sinh hoạt (không có các chất thải nguy hại) phát sinh từ hoạt động sản xuất của Bên A theo Danh mục và đơn giá được đề cập trong Phụ lục 1 của hợp đồng này,

(sau đây gọi chung là “**Chất thải**”). Bên B, bằng chi phí của mình, chịu trách nhiệm thu gom, đóng gói, bốc xếp và vận chuyển Chất thải ra khỏi địa điểm thu gom phế liệu và chất thải được nêu tại Điều 2 dưới đây.

Party A agrees to deliver and Party B agrees to receive the collection, packaging, loading, transportation and treatment (ensuring compliance with the legal regulations and functions that Party B has been licensed under Vietnamese law) of domestic waste (excluding hazardous waste) arising from Party A's production activities according to the List and unit price mentioned in Appendix 1 of this contract, (hereinafter collectively referred to as "Waste"). Party B, at its own expense, is responsible for collecting, packaging, loading and transporting Waste out of the scrap and waste collection site stated in Article 2 below.

- Lưu ý: Phụ lục 1 của Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

Note: Appendix 1 shall be an integral part of the Contract.

Điều 2. Cam kết của Bên B

Article 2. Commitment of Party B

2.1. Địa điểm thu gom Chất thải /Waste collecting site

Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam – Chi nhánh Nội Bài.

Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd – Noi Bai Branch.

- Địa chỉ: Lô 50-54 và 59-68 Khu công nghiệp Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Address: Lot 50-54 and 59-68 Noi Bai Industrial Zone, Soc Son Commune, Ha Noi City
- Điện thoại/ *Tel:* (024)35834859
- Fax: (024)35824858

2.2. Thời gian, tần suất đóng gói, thu gom và vận chuyển Chất thải

Time of packaging, collectiong and transporting Waste

Thời gian thu gom các loại chất thải: hàng ngày

Và theo yêu cầu khác của Bên A (nếu có) tùy từng thời điểm

Time for waste collection: daily

And at Party A's other request (if any) from time to time.

2.3. Điều kiện đóng gói và vận chuyển Chất thải

Waste package and transportation conditions:

Chất thải của Bên A sẽ do Bên B tự đóng gói, thu gom, bốc xếp và vận chuyển đến địa điểm xử lý của Bên B theo đúng luật pháp Việt Nam, các quy định hiện hành, tiêu chuẩn 5S của Bên A và yêu cầu của Bên A tùy từng thời điểm.

The Waste shall be packed, collected, loaded and transported to Party B's disposalsite by Party B in accordance with Vietnamese laws and regulations, Party A's 5S conditions and Party A's request from time to time.

2.4. Địa điểm xử lý/ Waste Treatment site

- Bên B cam kết và đảm bảo rằng Chất thải của Bên A sẽ được Bên B vận chuyển, xử lý cuối cùng tại cơ sở xử lý của Bên B và sử dụng làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở sản xuất của mình như sau:

Party B undertakes and warrants that, Party A's Waste shall be transported to and finally treated by Party Bat the following Party B's treatment site and use the Waste as a production material

- Cơ sở xử lý của Bên B/*Party B's treatment site:*

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

THUAN THANH ENVIROMENTAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Đường CN6, KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Address: CN6 street, Thuan Thanh 3 Industrial Park, B Zone, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam.

Điện thoại/ Tel: 02223.771715

Mã số thuế/Tax Code: 2300426314

Đại diện bởi: Ông **ĐOÀN VĂN HỮU** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

Represented by: Mr. **Doan Van Huu** Title: **Deputy General Director**

(Đại diện theo giấy ủy quyền số 01/MTTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 02/01/2024/ As Letter of attorney No: 01/MTTT-GUQ by legal representative of Thuan Thanh Environment JSC date sign 02/01/2024)

2.5. Phương thức xử lý/ Method of treatment

- Bên B cam kết và chịu trách nhiệm trước Bên A và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền rằng, trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành trong suốt quá trình đóng gói, thu gom và vận chuyển, xử lý Chất thải cho Bên A theo Hợp đồng này.

Party B undertakes and is responsible to Party A and the competent state authorities that, during the effective duration of this Contract, Party B shall comply with all prevailing regulations during the course of packaging, collecting, transporting and treating the Waste for Party A under this Contract.

- Đồng thời, Bên B cam kết rằng phương án xử lý chất thải cho Bên A theo Hợp đồng này sẽ tuân theo hồ sơ đã đăng ký với cơ quan cấp phép, giấy phép do cơ quan cấp phép cấp cho Bên B.

At the same time, Party B commits that the method for treating the Waste hereunder shall comply with the application documents registered with the licensing authority and with the license issued by the licensing authority to Party B.

Điều 3: Đơn giá xử lý và phương thức thanh toán

Article 3. Processing fee and payment method

3.1. Đơn giá vận chuyển, xử lý chất thải được hai bên thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng và đó là một phần không thể tách rời của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đơn giá này có thể được điều chỉnh thông qua sự đàm phán nhất trí của hai bên.

The unit price for transportation and waste treatment is agreed upon by both parties in the Contract Appendix and is an inseparable part of this contract. During the implementation of the contract, this unit price can be adjusted through negotiation and agreement of both parties.

3.3. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng lần thu gom.

The two parties will make a record of waste delivery and receipt for each collection.

3.4. Ngày 25 hàng tháng, Bên B sẽ lập bảng tổng hợp khối lượng chất thải (bao gồm đơn giá và số lượng chất thải cụ thể) để hai bên đối chiếu, xác nhận làm cơ sở thanh toán.

On the 25th of each month, Party B will prepare a summary table of waste volume (including unit price and specific quantity of waste) for both parties to compare and confirm as a basis for payment.

3.5. Phương thức và thời gian thanh toán: Bên A sẽ thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên B vào 01 ngày trước ngày làm việc cuối cùng của tháng tiếp theo tháng dịch vụ được hoàn thành và Bên A nhận đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ..

Payment method and time: Party A will pay by bank transfer to Party B 01 day before the last working day of the following month - the month in which the service is completed and Party A receives a full set of valid payment documents.

Điều 4: Trách nhiệm chung của các bên

Article 4: General responsibilities of the parties

4.1. Trách nhiệm của Bên A/ Responsibilities of Party A

- Hỗ trợ Bên B trong việc thu gom chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng (nếu có) trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- *Support Party B in collecting waste in the right place and convenient for loading and unloading. Support forklift (if any) during waste collection (if needed) and provide necessary documents when entering and exiting the factory gate.*
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
- *Ensure that the waste composition is as notified to Party B, absolutely do not mix different types of waste together.*
- Cử người hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- *Assign someone to guide and confirm the volume of waste transported and treated to serve as a basis for volume acceptance and payment.*
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.
- *Pay in full and on time to Party B.*

4.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên.
- *Loading, transporting, storing and processing domestic waste at specified locations and times, ensuring work time and quality; ensuring no environmental pollution during the entire process.*
- Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi nhà máy của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- *When the waste has been handed over out of Party A's factory, if any incident occurs (loss, affecting environmental hygiene) during the transportation, storage, and treatment of Party A's waste, Party B shall be fully responsible.*
- Đảm bảo đủ điều kiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- *Ensure adequate conditions for transporting, storing and treating waste in accordance with the provisions of the Law on Environmental Protection and its implementing guidelines.*
- Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.
- *Have a plan to handle incidents in case of spills, leaks, or fires of waste and Party B must be responsible for training its employees in how to handle such incidents. Be responsible for improving technology to achieve the best treatment results, reduce treatment costs, and ensure environmental friendliness.*
- Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- *Fully inform Party A of any problems arising during the process of waste collection, transportation and treatment.*
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải.
- *Issue valid financial invoices to Party A based on the waste volume summary table.*

Điều 5: Bảo mật thông tin

Article 5: Confidential Information

5.1. Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng cũng như sau khi Hợp đồng chấm dứt hoặc hết hiệu lực, Bên A đồng ý giữ bí mật và không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác về bất kỳ dữ liệu, thông tin, tài liệu nào của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn về: thông tin cá nhân của người lao động, công việc kinh doanh, chiến lược hay dự án của Bên B mà Bên A biết được, có được thông qua việc thực hiện Hợp đồng (sau đây gọi tắt là “Thông tin Mật”) này khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B và Bên A cam kết không được phép sử dụng Thông tin Mật cho bất kỳ mục đích sử dụng nào khác ngoài những mục đích được quy định trong Hợp đồng.

During the performance of the Contract as well as after the Contract terminates or expires, Party A agrees to keep confidential and non-disclose to any other third party any data, information and document of Party B, including but not limited to employees' personal information, business, strategy or project that Party A knows or obtains through the implementation of the Contract (hereinafter referred to as "Confidential Information") without the written consent of Party B and Party A commits not to use the Confidential Information for any purpose other than the purpose of the Contract.

5.2. Bên A đồng ý giữ bí mật và không chuyển cho bất kỳ bên thứ ba nào Thông tin Mật mà Bên B cung cấp để thực hiện Hợp đồng.

Party A agrees to keep confidential and not transfer to any 3rd party the Confidential Information provided by Party B to perform the Contract.

5.3. Bên A cam kết bảo mật các Thông tin Mật với mức độ không thấp hơn mức độ bảo mật mà Bên A áp dụng đối với thông tin mật của chính mình. Bên A phải tiêu hủy toàn bộ Thông tin Mật ngay khi chấm dứt Hợp đồng hoặc theo yêu cầu của Bên B.

Party A commits to keep confidential the Confidential Information with a level not lower than the level of confident that Party A uses for its own confidential information. Party A must delete all Confidential Information immediately upon termination of the Contract or at the request of Party B.

5.4. Trường hợp bắt buộc phải cung cấp Thông tin Mật cho bên thứ ba (nếu có, như nhà thầu phụ), Bên A phải được Bên B đồng ý bằng văn bản, với điều kiện (i) Đối tác phải cài đặt mật khẩu khi gửi bản mềm có chứa Thông tin Mật; và (ii) bên thứ ba phải có văn bản cam kết bảo mật, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau: trách nhiệm bảo mật Thông tin Mật; mục đích, phạm vi, thời hạn mà bên thứ ba được phép lưu trữ, sử dụng Thông tin Mật; trách nhiệm tiêu hủy Thông tin Mật khi kết thúc thời hạn hoặc mục đích đã đạt được. Văn bản cam kết này phải được Bên B lưu giữ và cung cấp cho Bên A kiểm tra khi được yêu cầu. Bên A đảm bảo bên thứ ba phải tuân thủ đầy đủ cam kết, đồng ý chịu trách nhiệm về mọi vi phạm của bên thứ ba và có biện pháp khắc phục vi phạm kịp thời.

In case Party A has demand of providing Confidential Information to a third party (if any, such as its subcontractor), Party A must be agreed in writing by Party B, provided that (i) Party A must set up password when sending soft files which contain Confidential Information and (ii) the third party has a written confidentiality commitment with the contents including but are not limited to responsibility to secure Confidential Information; the permissible purpose, scope and the storage and usage duration of Confidential Information; responsibility for Confidential Information destruction at the end of the usage duration or when purpose has been achieved. This confidentiality commitment must be kept by Party A and provided to Party B for inspection upon request. Party A ensures that the third party must fully comply with its commitments, agrees to be responsible for any violations of the third party and takes timely remedial measures.

- 5.5. Trong trường hợp Bên A vi phạm bất kỳ quy định bảo mật Thông tin Mật trong điều khoản này thì Đối tác sẽ bồi thường cho Bên B tất cả các thiệt hại phát sinh thực tế do vi phạm của Bên A; và Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ phát sinh nào.

In case Party A violates any provisions of this Article, Party A shall compensate Party B for all actual damages caused by its violation; and Party B reserves the right to unilaterally terminate the Contract without any obligation.

Điều 6. Các điều kiện bất khả kháng

Article 6. Force majeure:

- 6.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, v.v. và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Force majeure is an exceptional event and beyond the parties' control such as earthquake, hurricane, flood, whirlwind, tsunami, land slide, fire, war or risks of war, etc. and any unforeseen disaster, changes of policies or prohibition of Vietnamese competent agencies.

- 6.2 Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

If a Party is prevented performing any of its obligations by force majeure, that is not a basis for other Party to terminate the Contract. However, the Party suffered from force majeure event shall be obligated to:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra; và
- Thông báo ngay cho (các) Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

*Use all reasonable endeavors and necessary alternative options to minimize any effect caused by force majeure event; and
Immediately inform the other Party(ies) of the event constituting of force majeure within 07 days upon the occurrence of force majeure.*

- 6.3 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

In case of force majeure, the term of the Contract shall be extended by the duration of the force majeure event that prevented a Party/the Parties from performing any of its/their contractual obligations by force majeure.

Điều 7: Chống Hối lộ

Article 7 : Anti-Bribery

- 7.1. Bên B tại đây cam kết và đảm bảo rằng, Bên B, những người điều hành, nhân viên, người lao động và bất kỳ bên thứ ba liên quan nào của Bên B (“Người của Bên B”):

Party B hereby represents and warrants that itself, its directors, officers, employees and any related third party (“Person of Party B”) shall:

- a. Tuân thủ nghiêm ngặt toàn bộ quy định pháp luật, chính sách, hướng dẫn hiện hành liên quan đến chống hối lộ, tham nhũng của tất cả các nước nơi công việc kinh doanh hoặc dịch vụ được thực hiện hoặc cung cấp theo Hợp đồng này (“Pháp luật Chống Hối lộ”).

Strictly comply with all applicable laws, policies and guidance on anti-bribery and anti-corruption of all countries where business or services are conducted or performed under this Contract (“Anti-Bribery Laws”).

b. Không trực tiếp hoặc gián tiếp qua trung gian (như bên tư vấn, nhà phân phối, đại lý, người thân quen, thư ký hoặc người liên quan khác) đưa, đề nghị, hứa hẹn trả bất kỳ khoản lợi ích nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản do Bên A thanh toán cho Bên B, tiền bạc, hàng hóa, tiếp đãi, giải trí hoặc tiêu khiển nào, cho bất kỳ người nào, gồm cả công chức, viên chức hoặc nhân viên Nhà nước nào hoặc người khác làm việc trong khối Nhà nước, cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp có vốn Nhà nước, đảng phái chính trị, ứng viên cho một vị trí chính trị (bất kể quốc tịch nào) (“Cán bộ Nhà nước”), mà trái với hoặc vi phạm Pháp luật Chống Hối lộ hoặc với hiểu biết hợp lý rằng nó sẽ được sử dụng cho mục đích để đạt được bất kỳ lợi ích không chính đáng nào hoặc để tác động một cách không thích hợp đến bất kỳ hành động hoặc quyết định nào của Cán bộ Nhà nước hoặc cho mục đích có được, duy trì hoặc thu hút công việc kinh doanh (“Hành vi Hối lộ”). Bất kỳ khoản tiền nào được Bên A thanh toán cho Bên B hoặc Người của Bên B theo các điều khoản của Hợp đồng này sẽ dành cho các dịch vụ được cung cấp trên thực tế hoặc các sản phẩm được bán cho Bên A theo các điều khoản của Hợp đồng này. Bên B sẽ không và đảm bảo rằng Người của Bên B sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp đưa hối lộ, các khoản tiền lại quả, tiền lót tay, tiền đút lót, quà tặng hoặc khoản thanh toán khác dưới bất kỳ hình thức.

Not directly or indirectly through third parties (such as consultants, distributors, agents, relatives, secretaries or related personnel) making an offer, promising, providing any benefit, which shall include but will not be limited to, any amounts paid by Party A to Party B, money, goods, receptions, entertainments and recreations, to any person, which may be public officials, employees of governmental authorities, government controlled enterprise, political party, candidate for political office or any person who is treated in the same way as public officials (regardless of their nationality) (“Public Officials”), in violation of the Anti-Bribery Laws or with the reasonable knowledge that it will be used for the purpose of obtaining any improper benefit or to improperly influence any act or decision by Public Officials or for the purpose of obtaining, retaining, or directing business (“Bribery”). Any amounts paid by Party A to Party B or Person of Party B under this Contract shall be for the services actually rendered, or products sold under this Contract. Party B ensures that itself and Person of Party B shall not directly or indirectly offer bribes, kickbacks, gratuity, gift, facilitation payment or other inducement in any form.

7.2. Bên B tuyên bố và bảo đảm rằng, trong hiểu biết tốt nhất của mình và trong phạm vi được pháp luật cho phép, Bên B hoặc Người của Bên B đã cung cấp cho Bên A thông tin chính xác và đầy đủ về bất kỳ chủ sở hữu đa số, Bên B, giám đốc, người quản lý nào của Bên B hoặc Người của Bên B được phép tiến hành hoạt động kinh doanh thay mặt cho Bên B (gọi chung là “Người được Ủy quyền”) mà là, đã là hoặc sẽ là Cán bộ Nhà nước. Nếu vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Hợp đồng này mà Bên B biết được hoặc theo cách khác có lý do để cho rằng bất kỳ Người được Ủy quyền nào là, đã là hoặc sẽ trở thành Cán bộ Nhà nước, thì khi đó, trong chừng mực được pháp luật cho phép, Bên B sẽ thông báo ngay cho Bên A.

Party B represents and warrants that it has, to the best of its knowledge and to the extent permitted by law, provided Party A with complete and accurate information regarding any majority owner, partner, officer, director, manager of Party B or of Person of Party B who is authorized to conduct business on behalf of Party B (collectively, “Authorized Parties”) that is, has been or will become Public Officials. If at any time during the term of this Contract, Party

B becomes aware, or otherwise has reason to believe, that any Authorized Party is, has been or will become, a Public Official, then, to the extent permissible by law, Party B shall promptly notify Party A.

7.3. Trong trường hợp Bên B vi phạm điều khoản Chống Hối lộ này hoặc vi phạm Pháp luật Chống Hối lộ, thì YMVN sẽ chấm dứt Hợp đồng bất cứ lúc nào, và có hiệu lực ngay lập tức kể từ ngày phát hành văn bản thông báo đến Bên B mà không làm phát sinh thêm bất kỳ nghĩa vụ nào cho Bên A.

In case Party B has any breach of this Article or any violation against Anti-Bribery Laws, Bên A may terminate this Contract at any time, immediately effective upon a written notice to Party B, and without incurring any obligation whatsoever.

7.4. Bên B đã hiểu rõ Chính sách Chống Hối lộ của YMVN niêm yết tại trang thông tin điện tử: <<https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-chong-hoi-lo/>>.

Party B understood “Yamaha Motor Group’s Anti-Bribery Policy”, which is available on the website: <<https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-chong-hoi-lo/>>.

7.5. Bên B tại đây tuyên bố và đảm bảo rằng: cho đến ngày ký kết Hợp đồng này, Bên B cũng như người quản lý, nhân viên và người lao động của Bên B chưa từng có Hành vi Hối lộ.

Party B hereby represents and warrants that until the date of entering into this Contract, the Party B and its directors, officers, and employees have not engaged in any Bribery.

7.6. Bên B sẽ lưu giữ một cách chính xác tất cả các ghi chép, sổ sách kế toán, hồ sơ, hóa đơn, và các tài liệu có liên quan đến Hợp đồng này hoặc việc thực hiện Hợp đồng này và hợp tác đầy đủ với Bên A nếu Bên A yêu cầu thực hiện việc kiểm tra sổ sách, kiểm toán.

Party B shall keep accurately all books, accounts, records, invoices, and other relevant documents in any way connection with this Contract or its performance hereunder and fully cooperate with Party A if audit is requested and conducted by Party A.

Điều 8. Phát triển Bền vững và Nhân quyền

Article 8. Sustainability and Human Rights

a) Bên B đã đọc “**Chính sách Cơ bản về Phát triển Bền vững**” của Tập đoàn Yamaha Motor được công khai trên trang web <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-phat-trien-ben-vung-cua-tap-doan-yamaha-motor/>; và “**Chính sách Nhân quyền**” liên quan tại <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-nhan-quyen-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, bao gồm cam kết của Tập đoàn Yamaha Motor về việc “Tuân thủ các nguyên tắc và quy định quốc tế”, “Ngăn ngừa tham nhũng và thực hiện hoạt động kinh doanh công bằng và minh bạch”, “Tôn trọng nhân quyền, không phân biệt đối xử và không sử dụng lao động trẻ em hay cưỡng bức lao động dưới bất kỳ hình thức nào” và “Yêu cầu đối tác kinh doanh thực hiện chính sách này”.

*Party B has read Yamaha Motor Group’s “**Sustainability Basic Policy**” publicly available at <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-phat-trien-ben-vung-cua-tap-doan-yamaha-motor/> and “**Human Rights Policy**” at <https://yamaha-motor.com.vn/chinh-sach-nhan-quyen-cua-tap-doan-yamaha-motor/>, including its commitment that Yamaha Motor Group “will comply with international rules, laws and ordinances”, “will work to prevent corruption, and execute our operations with fairness and integrity”, “will respect human rights, will not discriminate, and will not use child labor or carry out forced labor under any form” and asking “our business partners to uphold this policy and act on its basis”.*

- b) Bên B hiểu rằng Chính sách Cơ bản về Phát triển Bền vững và Chính sách Nhân quyền là nền tảng cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Yamaha Motor, và nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng hoặc không xử lý vi phạm đúng cách thì có thể dẫn đến việc đình chỉ hoặc chấm dứt hợp tác với Bên A. Bên B sẽ thông báo ngay cho Bên A khi phát hiện bất kỳ hành vi nào mâu thuẫn với các chính sách và cam kết này, dù là tại hay đối tác cung ứng liên quan đến hoạt động kinh doanh với Bên A. Nếu Bên A yêu cầu, Bên B sẽ hợp tác với Bên A thực hiện việc kiểm tra và đào tạo hợp lý, xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và khắc phục các hoạt động kinh doanh không phù hợp với các chính sách và cam kết này.

Party B understands that Sustainability Basic Policy and Human Rights Policy are the foundations of Party A's business, and that a material violation or a failure to take appropriate measures upon finding a non-compliance may lead to a suspension or termination of business with Party A. Party B will notify Party A immediately upon any discovery that contradicts with these policies and commitments whether at Party B or its supply chain partners associated with Part A's business. If requested by Party A, Party B shall cooperate with Party A to conduct reasonable due diligence and trainings and identify, prevent, mitigate, and remedy any business practice that is not in line with these policies and commitments.

Điều 9. Thời hạn và chấm dứt Hợp đồng

Article 9. Term and termination of the Contract

- 9.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 01 tháng 10 năm 2026. Hợp đồng này và các Phụ lục thể hiện toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên. Các Phụ lục là phần không thể tách rời của Hợp đồng.

This Contract shall take effect from 01 Oct 2025 and valid up to the end of 01 Oct 2026. This Contract, together with all Appendix, embodies the entire agreements among the Parties. The Annexes are an integral part of this Contract.

- 9.2. Chấm dứt Hợp đồng/ *Termination of the Contract:*

- Các Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng, có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên;

The Parties have a written agreement on contract termination which is signed by the authorized representative of the Parties;

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng thông báo bằng văn bản cho Bên Xử lý trong các trường hợp sau:

Party A is entitled to unilaterally terminate the Contract immediately by written notice to Treater in the following cases:

- a. Bên B bị thu hồi giấy phép xử lý chất thải hoặc các chứng chỉ khác dẫn đến việc Bên B không còn đủ năng lực pháp lý để được phép xử lý Chất thải, Phế liệu trong Hợp đồng này theo quy định pháp luật

Party B has been revoked the license for treatment of waste, so that Party B does not have enough legal capacity to treat the Waste, Scrap of this Contract under the laws;

- b. Khi Bên B vi phạm bất kỳ quy định nào trong Hợp đồng này, hoặc Bên B đã hành xử không đúng hoặc đã vi phạm các quy định pháp luật có liên quan và các chính sách, quy định của Bên A mà: không sửa chữa vi phạm đó trong thời hạn 10 (mười) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A.

Party B have violated any provision of this Contract; or Party B has committed any misconduct or violation of applicable laws and Party A's policies and rules: but

not remedy such violations within 10 (ten) days after receipt of the Party A's written notice.

- Việc chấm dứt Hợp đồng phải được thông báo bằng văn bản nêu rõ tính chất vi phạm và ngày chấm dứt Hợp đồng nhưng không ít hơn 10 (mười) ngày sau khi thông báo đã được gửi đến cho Bên vi phạm. Việc chấm dứt Hợp đồng sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ được tích lũy của (các) Bên theo Hợp đồng này. Những điều khoản sau khi kết thúc hợp đồng vẫn còn giá trị gồm có tính bảo mật về dữ liệu của các Bên, trách nhiệm thanh toán và bảo đảm bồi thường (nếu có) và các trách nhiệm pháp lý khác của mỗi Bên liên quan đến Hợp đồng này.

The termination of this Contract must be notified in writing of specifying the nature of the breach and the effective date of termination of this Contract but not less than 15 (fifteen) days after such notice has been sent to the breaching Party. The termination of this Contract shall not affect to accrued rights and obligations of the Party(ies) under this Contract. The terms of the Contract which remain valid after termination include: term of information confidentiality, payment and indemnify obligations (if any) and other liabilities of any Party in connection with this Contract.

Điều 10/ Article 10: Bên B cam kết Bên B, toàn bộ nhân sự của Bên B và Nhà thầu phụ của Bên B (Sau đây gọi chung là “**Người của Bên B**”) phải tuân thủ quy định về An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) tại Điều 11 của Hợp đồng này.

*Party B commits that Party B, all personnel of Party B and its Subcontractors (hereinafter referred to as “**Party B People**”) must comply with regulations on Occupational Safety and Health in Article 11 of this Contract.*

Trong trường hợp Người của Bên B vi phạm bất kỳ Quy định ATVSLĐ nào thì Bên A sẽ tiến hành lập “Biên bản vi phạm” đối với Người của Bên B và Bên B phải gánh chịu trách nhiệm tùy trường hợp dưới đây:

In case Party B People violates any OSH Regulations, Party A shall make a “Minute of Violation” for Party B People and Party B shall bear responsibility depending on the case below:

1. Trong trường hợp vi phạm trên chưa dẫn đến tai nạn hoặc sự cố làm tổn hại đến người/tài sản của Bên A, thì Bên B cam kết rằng:

In case the above violation has not resulted in an accident that damages Party A's people/properties, Party B commits that:

- (a) **Với vi phạm lần đầu:** Bên B sẽ phải tạm dừng thực hiện phần công việc có liên quan đến hành vi vi phạm cho đến khi Bên B khắc phục xong hành vi vi phạm đó và được Bên A xác nhận bằng văn bản.

For the first violation: Party B shall suspend the performance of the work related to the violation until Party B completes the remedy for the violation and is confirmed in writing by Party A.

- (b) **Với vi phạm lần thứ hai** (bất kể là cùng một hành vi vi phạm đã xảy ra hay hành vi vi phạm nào khác): Bên B sẽ phải tạm dừng thực hiện phần công việc có liên quan đến hành vi vi phạm cho đến khi Bên B khắc phục xong hành vi vi phạm đó và được Bên A xác nhận bằng văn bản. Đồng thời, Bên B sẽ phải chịu phạt 1.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn). Theo đó, Bên A, tùy theo quyết định của mình, có quyền: (i) yêu cầu Bên B thanh toán cho Bên A số tiền phạt 1.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn) trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A; hoặc (ii) khấu trừ số tiền

phạt 1.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn) vào bất cứ khoản tiền nào mà Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.

For the second violation (whether the same violation has occurred or any other violation): Party B shall suspend the performance of the work related to the violation until Party B completes the remedy for the violation and is confirmed in writing by Party A. At the same time, Party B shall pay a fine of 1,000,000 VND (In words: One million Vietnamese dong). Accordingly, Party A, at its sole discretion, has the right to: (i) request Party B to pay Party A a fine of VND 1,000,000 (In words: One million Vietnamese dong) within 10 (ten) days from the date of receipt of Party A's request; or (ii) deduct a fine of VND 1,000,000 (In words: One million Vietnamese dong) from any amount that Party A is obliged to pay to Party B under the provisions of this Contract.

- (c) **Đối với lần vi phạm thứ ba trở đi** (bất kể là cùng một hành vi vi phạm đã xảy ra hay hành vi vi phạm nào khác): Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Bên B mà không phải bồi thường cho Bên B bất cứ khoản tiền nào. Ngoài ra, Bên A chỉ phải thanh toán cho Bên B giá trị phần công việc theo Hợp đồng đã được Bên B đã được hoàn thành và được Bên A nghiệm thu tính đến ngày chấm dứt theo thông báo của Bên A và Bên B có trách nhiệm hoàn trả cho Bên A khoản tiền mà Bên A đã thanh toán cho phần công việc chưa được nghiệm thu bởi Bên A (nếu có).

For the third violation onward (whether the same violation has occurred or any other violation): Party A has the right to unilaterally terminate the Contract immediately by sending written notice to Party B without having to compensate Party B any money. In addition, Party A only has to pay Party B the value of the work under the Contract that has been completed and accepted by Party A by the date of termination as notified by Party A and Party B is responsible for refunding to Party A the amount that Party A has paid for the work that has not been accepted by Party A (if any).

2. Trong trường hợp vi phạm để xảy ra tai nạn hoặc sự cố làm tổn hại đến người/tài sản của Bên A, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Bên B mà không phải bồi thường cho Bên B bất cứ khoản tiền nào và Bên B phải: (i) bồi thường tất cả các thiệt hại phát sinh thực tế liên quan đến vi phạm đó theo yêu cầu của Bên A; và (ii) chịu phạt bằng 8% giá trị phần công việc liên quan đến hành vi vi phạm. Theo đó, Bên A, tùy theo quyết định của mình, có quyền: (i) yêu cầu Bên B thanh toán cho Bên A 8% giá trị phần công việc liên quan đến hành vi vi phạm trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A; hoặc (ii) khấu trừ 8% giá trị phần công việc liên quan đến hành vi vi phạm vào bất cứ khoản tiền nào mà Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.

In the event of a breach that causes an accident or incident that damages Party A's people/properties, Party A has the right to unilaterally terminate the Contract immediately by sending a written notice to Party B without paying any compensation amount to Party B and Party B shall: (i) compensate for all damages actually incurred in connection with such breach at the request of Party A; and (ii) be fined 8% of the value of the work related to the violation. Accordingly, Party A, at its discretion, has the right to: (i) request Party B to pay Party A 8% of the value of the work related to the violation within 10 (ten) days from

the date of receipt of Party A's request; or (ii) deduct 8% of the value of the work related to the breach from any amount that Party A is obliged to pay to Party B under this Contract.

Điều 11. Quy định về ATVSLĐ: Bên A sẽ:

Article 11. Occupation safety and health regulations: Party A will

A. Quy định chung/ General regulations:

1. Thực hiện đúng thủ tục ra vào công theo quy định của Bên A.
Comply with entry and exit procedures as prescribed of Party A.
2. Những cuộc họp giữa người lao động của Bên A với khách, nhà thầu, nhà cung cấp phải được tiến hành trong các phòng họp, phòng hội thảo hoặc khu vực được Bên A chỉ định trừ khi Trưởng phòng phụ trách/Giám đốc bộ phận trực tiếp có yêu cầu khác.
Have to hold meetings between Party A's employees and guests, contractors, suppliers in meeting rooms, conference rooms or designated areas unless otherwise requested by the related Head of Department/ Head of Division.
3. Chỉ được làm việc, đi lại tại những khu vực, vị trí đã được đăng ký và được chấp thuận bởi Trưởng phòng Phụ trách/ Giám đốc Bộ phận liên quan và tuân theo sự hướng dẫn của người phụ trách bộ phận liên quan.
Only work and move within areas, locations registered and approved by related Head of Department/ Head of Division and follow the instructions of the person in charge.
4. Đảm bảo toàn bộ các loại xe thô sơ, xe cơ giới khi vào giao nhận hàng hóa tại các địa điểm làm việc của công ty phải đảm bảo các quy định về về chất lượng an toàn kỹ thuật, chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông đường bộ Việt Nam.
Ensure that all types of vehicles when delivering or receiving goods at every company working places comply with technical safety quality regulations, strictly following the Traffic Law in Vietnam.
5. Quy định về an toàn PCCC:
Safety regulation on fire prevention:
 - Không được mang những vật liệu dễ cháy, nổ vào công ty trừ khi được sự cho phép từ Trưởng phòng phụ trách/ Giám đốc bộ phận liên quan.
It is not allowed to bring flammable and explosive materials into the company unless otherwise requested by the Head of Department/Head of Division.
 - Hút thuốc đúng nơi quy định, tuân thủ nội quy được hiển thị tại các vị trí hút thuốc.
Smoking in the prescribed places, comply the rules displayed at smoking locations.
 - Không được tự ý sử dụng các thiết bị PCCC khi không có cháy.
Employees are not allowed to arbitrarily use fire protection equipment when there is no fire.
 - Phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn khi tiến hành công việc đối với các công việc phát sinh nguy cơ cháy nổ cao như hàn, cắt mài, các thao tác phát sinh tia lửa...
Must strictly comply with safety measures when conducting work for jobs with high risk of fire and explosion such as welding, cutting, grinding, sparking operations...
 - Khi phát hiện thấy lửa hoặc nguy cơ có đám cháy, nhanh chóng thực hiện các thao tác phù hợp: hô hoán, báo động, đồng thời nhấn chuông báo cháy, cắt điện (nếu biết), sử dụng các thiết bị chữa cháy phù hợp và ngay lập tức thông báo cho người giám sát, bảo vệ Bên A để đưa ra biện pháp xử lý kịp thời và hợp lý. Tuân theo sự điều phối của Bên A nếu không may xảy ra sự cố cháy nổ.

When detecting a fire or there is a risk of a fire, Employees should promptly perform the appropriate actions: informing, alarming and ringing the fire alarm, cutting power (if known), using firefighting equipment and immediately notify the Direct Superior and above to take timely and reasonable handling measures.

6. Quy định về an toàn điện:

Safety regulation on electricity:

- Không được phép tự ý thử hoặc đấu nối điện, bật tắt các tủ điện, cắm các thiết bị vào nguồn điện của Bên A.

It is not allowed to: arbitrarily try or connect electricity, turn on/off electrical cabinets, plug equipment into the power source of Party A.

- Đối với nhà thầu thi công điện: phải đăng ký trước với Bên A về công suất, vị trí cấp nguồn riêng cho khu vực thi công. Tuân thủ việc sử dụng các thiết bị tiếp nhận nguồn điện phù hợp với công suất và đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện.

For electrical contractors: must register with Party A about the capacity and location of separate power supply for the construction area. Comply with the usage of power receiving equipment suitable for capacity and ensure electrical safety requirements.

7. Quy định về thiết bị, máy, vật tư, phương tiện và người lao động của khách, nhà thầu, nhà cung cấp (sau đây gọi tắt là “Người lao động”):

Regulations on equipment, machines, materials, vehicles and employees of guests, contractors and suppliers (Hereinafter referred to as “Employess”):

- Máy, dụng cụ, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ phải được kiểm định theo quy định. Người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ phải được đào tạo và cấp thẻ an toàn/ chứng chỉ theo quy định. Xuất trình hồ sơ kiểm định hoặc chứng chỉ/ thẻ an toàn khi được yêu cầu.

Machines, tools and equipment with strict requirements on occupational safety and health must be inspected according to regulations. Employess deploy jobs with strict requirements on occupational safety and health must be trained and be issued safety cards/certificates according to regulations. Present inspection records or safety cards/certificates when required.

- Phải đăng ký danh sách Người lao động, danh sách máy, thiết bị, vật tư, phương tiện với phòng ban phụ trách liên quan và bảo vệ trước khi đưa vào làm việc, thi công tại Bên A.

Must register the list of Employees, the list of machines, equipment, material and vehicles with the departments in charge and Company security guard before entering them to work at Party A.

- Người lao động làm những công việc liên quan đến kỹ thuật phải có chuyên môn, đủ năng lực nghề, đủ sức khỏe theo quy định của pháp luật.

Employees deploy technical jobs must be fully qualified and healthy as prescribed by law.

8. Quy định về hướng dẫn, đào tạo an toàn:

Regulations on safety instruction and training:

- Khách đến tham quan phải tuân thủ Quy định về an toàn do Phòng ban phụ trách tại Bên A hướng dẫn.

Guests must comply with regulations on occupational safety and health guided by the Department in charge of Party A.

- Nhà thầu, nhà cung cấp làm việc, thi công tại Bên A tuân thủ các quy định tại mục I quy định này và làm bài kiểm tra đạt yêu cầu trước khi bắt đầu công việc tại Bên A.

Contractors and suppliers work at Party A must comply with the provisions of Section I of this regulation and pass the test before starting work at Party A.

- Đối với nhà thầu, nhà cung cấp làm việc, thi công các công việc đặc thù: công việc phát sinh nhiệt và tia lửa, công việc trên cao, công việc trong không gian hạn chế tại Bên A: ngoài việc tuân thủ mục A quy định này, phải tuân thủ các quy định an toàn với công việc đặc thù liên quan tại mục B quy định này. Ngoài ra, Người lao động phải tham gia lớp đào tạo về An toàn tại Bên A và làm bài kiểm tra đạt yêu cầu trước khi bắt đầu công việc tại Bên A.

For Employees work peculiarity jobs at Party A: work arise heat and sparks, work at height (>2m), work in confined spaces: in addition to complying with Section A of this regulation, must comply with the safety regulations with related peculiarity jobs in Section B of this regulation. The employees of contractor must attend a safety training course and pass the test before starting work at Party A.

9. Quy định phát thải, xả thải:

Regulations on emissions and discharges:

- Không để khói, bụi, nhiệt hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến sản phẩm, thiết bị và hoạt động của Bên A. Phải có các biện pháp ngăn ngừa nếu có (ví dụ như bạt che chắn, thiết bị hút/ đuổi khói).

Do not allow smoke, dust, heat or other elements to affect products, equipment and operations of Party A. Precautionary measures (if any), shall be in place (example cover sheet, smoke extraction device/smoke suppression device ...)

- Nếu trong quá trình hoạt động, thi công có thải bỏ chất thải thì việc thải bỏ phải tuân theo hợp đồng đã ký/theo hướng dẫn phân loại chất thải của Bên A.

If waste is disposed in working time, the disposal must comply with the signed contract between 2 parties and follow the waste classification guidelines of Party A.

- Không được phép xả nước thải, rác thải ra môi trường, hệ thống cống rãnh.

It is not allowed to discharge waste water and garbage into the environment or the sewer system.

10. Các quy định khác:

Other regulations:

- Trang bị đủ thiết bị bảo vệ cá nhân và phù hợp với từng công việc khi làm việc, thi công tại Bên A.

Equip employees with fully personal protective equipment suitable for each job when working at Party A.

- Phải cử người giám sát an toàn trong suốt quá trình làm việc, thi công tại Bên A.

Must appoint a safety supervisor during the working time, construction process at Party A.

- Tại những khu vực thi công, hố đào, vị trí nguy hiểm phải treo biển cảnh báo, cô lập khu vực làm việc bằng ba-ri-e (rào cản vật lý) hoặc dải đánh dấu để ngăn chặn những người không liên quan vào khu vực.

At construction areas, digging holes, dangerous locations, warning signs must be posted, and the working area is isolated with barrier (physical barrier) or a marking strip to prevent people entering the area.

- Khi kết thúc công việc phải thực hiện vệ sinh sạch sẽ, sắp xếp vật tư và hàng hóa đảm bảo an toàn và bàn giao lại cho Bộ phận phụ trách của Bên A.
At the end of work, must clean, arrange materials and goods to ensure safety and hand over to the Department in charge of Party A.

B. Quy định đối với các công việc đặc thù/ Regulation for peculiarity jobs

B.1 Công việc phát sinh nhiệt và tia lửa/Work arise heat and sparks

1. Tiến hành đánh giá rủi ro tiềm ẩn, xác nhận việc thực hiện các giải pháp an toàn và đăng ký với phòng ban phụ trách trước khi tiến hành công việc. Tiến hành đánh giá bổ sung nếu có phát sinh.

Conduct a potential risk assessment, confirm the implementation of safety measures and register with the department in charge before starting work. Conduct additional assessments if any arise.

2. Người lao động làm các công việc này phải có chứng chỉ/ thẻ an toàn lao động của công việc liên quan và chứng chỉ phòng cháy chữa cháy còn hiệu lực.

Employees who do these jobs must have a safety card/certificate of the relevant job and a valid certificate of fire protection.

3. Trong phạm vi 10m tính từ khu vực làm việc:

Within 10m from the working area:

- Chất lỏng, vật liệu dễ cháy: dầu, giấy, bình gas, bụi sợi, gỗ, vải.... phải được loại bỏ.

Flammable liquids, materials such as: oil, paper, gas cylinders, dust, fibers dust, wood, fabric.... must be removed.

- Tại các khu vực làm việc có nguy cơ phát sinh khí dễ cháy, yêu cầu phải có thiết bị phát hiện khí cháy hoặc phải có thiết bị theo dõi để đảm bảo hàm lượng của các loại khí dễ cháy phải ít hơn 10% của giới hạn nổ dưới (%LEL <10%) và yêu cầu kiểm tra lại mỗi 4 giờ khi đang thi công. (Quy định này không áp dụng với công việc thực hiện ngoài trời).

In the working areas with the risk of arising flammable gas, it is required to have a combustible gas detection device or to have a monitoring device to ensure that the concentration of flammable gases must be less than 10% of lower explosive limit (%LEL <10%) and requires re-check every 4 hours during working time. (This regulation does not apply to works performed outdoors).

- Tất cả tường, trần nhà, nền nhà phải là vật liệu chống cháy hoặc phải được che chắn bảo vệ nếu là vật liệu có thể cháy.

All walls, ceilings, floors must be fireproof materials or must be protected if they are flammable materials.

- Phải có tối thiểu 3 bình chữa cháy phù hợp tại vị trí công việc.

There must be at least 3 suitable fire extinguishers at working area.

4. Hàng ngày, khi kết thúc công việc phải kiểm tra an toàn cùng với Phòng ban phụ trách để đảm bảo không còn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.

Every day, at the end of work, must be checked with the Department in charge to ensure that there is no potential for fire or explosion.

B.2 Công việc trên cao (>2m)/ Work at height (>2m)

1. Tiến hành đánh giá rủi ro tiềm ẩn, xác nhận việc thực hiện các giải pháp an toàn và đăng ký với phòng ban phụ trách trước khi tiến hành công việc. Tiến hành đánh giá bổ sung nếu có phát sinh.

Conduct a potential risk assessment, confirm the implementation of safety measures and register with the department in charge before starting work. Conduct additional assessments if any arise.

2. Người lao động làm các công việc trên cao phải có chứng chỉ/ thẻ ATVSLĐ đối với này. Người lao động phải có sức khỏe tốt và không mắc các bệnh như rối loạn tiền đình, bệnh huyết áp, bệnh tim mạch...

Employees who do these jobs must have a safety card/certificate of this job.

Employees must be in good health and not have diseases such as vestibular disorders, blood pressure diseases, and cardiovascular diseases...

3. Phải trang bị thiết bị an toàn để thực hiện công việc trên cao như: Thiết bị chống rơi ngã (dây đai an toàn, hàng rào bảo vệ..); Dây cứu sinh trên tuyến đường di chuyển (để móc dây đai); Lưới an toàn (để tránh rơi đồ vật xuống bên dưới); Mũ cứng; Giày bảo hộ và các phương tiện cá nhân khác phù hợp; Ống quần phải được bó lại tránh vướng, móc vào vật gây ngã.

Equip employees with personal protective equipment for employees to work at height such as : Anti-fall device (safety belt, protective fence..); lifeline on the travel route (to hook the belt); safety net (to prevent falling objects below); helmet; safety shoes and others...; Trousers legs must be bundled to avoid entanglement or hooking on something cause falling.

4. Nếu sử dụng giàn giáo di động: bánh xe phải được cố định, độ cao tối đa của giàn giáo không quá 4 lần chiều rộng; khe hở giữa các tấm sàn thao tác cho phép tối đa 3cm.

If using mobile scaffolding: wheels must be fixed, the maximum height of the scaffolding is not more than 4 times the width; The maximum clearance between floor slabs is 3cm.

5. Trong trường hợp thời tiết không thuận lợi như có mưa, gió lớn..yêu cầu không thực hiện công việc trên cao ngoài trời.

Request not to perform work at height outdoors in case of unfavorable weather such as rain, high wind.

B.3 Công việc trong không gian hạn chế/ *Work in confined spaces*

1. Tiến hành đánh giá rủi ro tiềm ẩn, xác nhận việc thực hiện các giải pháp an toàn và đăng ký với phòng ban phụ trách trước khi tiến hành công việc. Tiến hành đánh giá bổ sung nếu có phát sinh. Không ai được phép vào trong không gian hạn chế khi chưa hoàn thành các biện pháp đảm bảo an toàn

Conduct a potential risk assessment, confirm the implementation of safety measures and register with the department in charge before starting work. Conduct additional assessments if any arise. Not allowed to enter confined space when safety measures have not been completed.

2. Đảm bảo người giám sát, chỉ huy, người cấp phép, người vào trong không gian hạn chế, người canh gác không gian hạn chế phải được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động và phải có chứng chỉ/ thẻ ATVSLĐ đối với công việc trong không gian hạn chế.

Ensure the supervisors, commanders, licensees, persons entering confined spaces, and confined space watchmen must be trained and trained in occupational safety and hygiene and must have certificates. / Occupational safety and health card for work in confined spaces.

3. Nhà thầu có trách nhiệm cấp phép cho người làm việc trong không gian hạn chế, theo đúng quy định tại QCVN 34:2018/BLĐTBXH.

The contractor is responsible for granting permits for people to work in confined spaces, in accordance with the provisions of Vietnamese Standard No. 34:2018/BLDTBXH.

4. Quy định về không khí trong không gian hạn chế:

Regulations on air in confined spaces:

- Giới hạn cho phép của không khí trong không gian hạn chế : Lượng oxy trong không khí chiếm từ 19,5% đến 23,5% tính theo thể tích; Hàm lượng của các loại khí dễ cháy trong không gian hạn chế phải ít hơn 10% của giới hạn nổ dưới (%LEL<10%) ; Hàm lượng của từng chất độc hại trong không khí trong không gian hạn chế không được vượt quá ngưỡng tiếp xúc cho phép (ví dụ các khí CO, H₂S....)
Permissible limit of air in confined space: the concentration of oxygen in the air from 19.5% to 23.5% by volume; the concentration of flammable gases in the confined space must be less than 10% of the lower explosive limit (%LEL<10%); The concentration of each hazardous substance in the air in the confined space must not exceed the permissible exposure threshold (for example emissions such as :CO, H₂S...).

- Đảm bảo không khí trong không gian hạn chế phải đảm bảo tiêu chuẩn: trước khi tiến hành công việc phải đo tối thiểu 1 lần và trong khi thực hiện công việc phải đo với tần suất 1 giờ/ lần. Kết quả đo phải được ghi chép vào phiếu và lưu lại cùng với Giấy phép làm việc. Yêu cầu ghi rõ thời gian đo và ký xác nhận kết quả đo và thông báo kết quả đo khí cho người cấp phép và người giám sát, chỉ huy. Báo ngay với người chịu trách nhiệm nếu phát hiện kết quả đo khí không nằm trong giới hạn an toàn hoặc có nguy cơ, xu hướng vượt ra khỏi giới hạn an toàn.

Ensure the air in the confined space must meet the standards: before starting the job, it must be measured at least once and during the job, it must be measured with a frequency of 1 hour/time. Measurement results must be recorded and saved with the Work Permit. It is required to specify the measurement time and sign for confirmation of the measurement results and notify the gas measurement results to the licensors and supervisors and commanders. Immediately notify the responsible person if the gas measurement results are not within the safe limits or there is a risk, the trend is out of the safe limits.

5. Lối vào không gian hạn chế phải gắn biển cảnh báo khu vực nguy hiểm và cấm người không có nhiệm vụ liên quan. Khi không có người bên trong và người canh gác vắng mặt thì các lối ra vào không gian hạn chế phải được che chắn phù hợp để ngăn không cho người không có thẩm quyền, không được cấp phép vào bên trong không gian hạn chế.

The entrance to the confined space must be posted with warning signs for dangerous areas and forbidding people without relevant duties. When no occupants are present and the guard is absent, the entrances to the confined space shall be suitably cover to prevent unauthorized persons from entering the confined space.

6. Ngoài các phương tiện bảo vệ cá nhân thông thường cho công việc, cần có dây cứu sinh hoặc biện pháp cứu sinh cho Người lao động làm việc trong không gian hạn chế.

In addition to the usual personal protective equipment for the job, lifelines or lifesaving measures are required for Employees working in confined spaces.

7. Phải đảm bảo có đầy đủ ánh sáng cho người vào làm việc bên trong không gian hạn chế.

There must be enough light for employees to work inside the confined space.

8. Phải đảm bảo việc thông gió tự nhiên phù hợp hoặc cấp đủ không khí sạch vào không gian hạn chế trước và trong suốt quá trình con người làm việc bên trong; hoặc phải có biện pháp đảm bảo cung cấp dưỡng khí trực tiếp cho từng Người lao động trong không gian hạn chế. Việc thông gió, cung cấp không khí vào trong không gian hạn chế phải lấy từ không khí sạch bên ngoài.

Adequate natural ventilation or an adequate supply of clean air must be ensured in the confined space before and during Employees work inside; or measures must be taken to ensure direct oxygen supply to each person in a confined space. Ventilation and air supply into confined spaces must be taken from clean outside air.

9. Dừng công việc trong không gian hạn chế, thu hồi giấy phép:

Stop work in confined space, recall Work Permit when :

- Khi chất lượng không khí hoặc các yếu tố nguy hiểm, có hại có nguy cơ gây chết người, thương tích, suy nhược, bệnh nghề nghiệp cho Người lao động thì người canh gác không gian hạn chế hoặc những người khác có liên quan phải báo cáo người giám sát, chỉ huy tạm đình chỉ công việc để đảm bảo an toàn cho người vào trong không gian hạn chế và báo ngay cho người chịu trách nhiệm cấp giấy phép.

Air quality or other hazardous or harmful factors pose a risk of death, injury, weakness, or occupational disease to Employees, confined space watchman or other relevant persons must report to the supervisor, the commander to temporarily stop work for safety and immediately report the person in charge of issuing the Work Permit.

- Khi được báo cáo, người cấp phép phải cho dừng công việc và thu hồi giấy phép đã cấp cho công việc đó.

Upon receipt of the report, the licensor must stop the work and recall the Work Permit issued for the work.

10. Khi công việc trong không gian hạn chế đã hoàn thành thì người giám sát, chỉ huy và người cấp giấy phép cần phải xác nhận hoàn thành công việc để đóng giấy phép và nộp lại giấy phép cho Phòng ban phụ trách liên quan lưu 1 (một) năm theo quy định.

When the work in the confined space has been completed, the supervisor, commander and licensor need to confirm the completion of the work in order to close the Work Permit and return it to the Department in charge of storage within 1 (one) year as regulation.

Điều 12. Các điều khoản chung

Article 12. General provisions

- 12.1. Hợp đồng này sẽ không được chỉnh sửa, thay đổi hoặc bổ sung trừ khi có sự thỏa thuận của Các Bên bằng văn bản.

This Contract will not be amended, varied or altered except by mutual agreement in writing signed by the Parties.

- 12.2. Hợp đồng này và các phụ lục của Hợp đồng này thể hiện toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên và thay thế cho toàn bộ các thỏa thuận trước đây của Các Bên liên quan đến nội dung Hợp đồng.

This Contract and its appendixes embodies the entire agreements between the Parties and supersedes all prior agreements between the Parties with respect thereto.

12.3. Tất cả mọi tranh chấp, tranh cãi và/hoặc khác biệt có thể nảy sinh giữa Các Bên trong mối quan hệ với hoặc có liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết một cách ôn hòa giữa Các Bên. Trong trường hợp không thể đạt được một sự giải quyết ôn hòa như vậy trong một khoảng thời gian hợp lý, tranh chấp đó sẽ được giải quyết chung thẩm tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) theo Quy Tắc Tổ Tụng Trọng Tài của VIAC. Phán quyết của trọng tài đó sẽ có giá trị chung thẩm và ràng buộc đối với các Bên có liên quan. Phí trọng tài và các chi phí khác phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do Bên thua kiện chịu.

All disputes, controversies or differences which may arise between the Parties in relation to or in connection with this Contract shall be amicably settled between the Parties. In the event such amicable settlement cannot be reached within a reasonable time, such dispute shall be finally settled by Vietnam International Arbitration Centre (VIAC) in accordance with the Rules for Arbitration Proceedings of VIAC. The award shall be final and binding upon the Parties concerned. Arbitration fees and other costs arising out of and/or related to the settlement of the dispute shall be borne by the losing Party.

12.4. Hợp đồng được lập bằng bản gốc song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa phần tiếng Anh và tiếng Việt, phần tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Contract is made in original copy in bilingual English and Vietnamese. In case of any conflict between the English part and Vietnamese part, the Vietnamese part shall prevail.

Đại diện bên A
For and on behalf of
Party A

Okutani Masahiro

Ký bởi: CÔNG TY TNHH
YAMAHA MOTOR VIỆT NAM
Thời gian ký: 19/09/2025 18:18:20
Đơn vị CA: CMC-CA
Hạn CKS: 5/4/2025 - 25/9/2027

OKUTANI MASAHIRO
Tổng Giám đốc
General Director

Đại diện bên B
For and on behalf of
Party B

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG THUẬN THÀNH
Thời gian ký: 24/09/2025 09:03:06
Đơn vị CA: CA2
Hạn CKS: 5/11/2024 - 4/8/2026

ĐOÀN VĂN HỮU
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----***-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

APPENDIX CONTRACT NO. 01

(Kèm theo Hợp đồng Số: 26082025/YMVN-TT)

Attached to Contract No. : 26082025/YMVN-TT

- Căn cứ Hợp đồng Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt số: ký
giữa Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam và Công ty Cổ phần môi trường Thuận
Thành;

*Pursuant to Contract for recycle scrapcollecting and collection, transportation, treatment
of normal industrial solid wastes No. signed between Yamaha
Motor Vietnam Co., Ltd. and Thuan Thanh Environmental Joint Stock Company;*

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Pursuant to two parties' demand and ability;

Chúng tôi gồm có:

We included:

Bên A/ Party A:

Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam/ Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: Binh An Village, Trung Gia Commune, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: (024)38855080 Fax: (024)38855082

Mã số thuế/Tax Code: 0100774342

Đại diện bởi: Ông **OKUTANI MASAHIRO** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Represented by: *Mr. Okutani Masahiro* Title: **General Director**

Số tài khoản/Account No: 0200184092

Tên tài khoản: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam

Beneficiary Name: Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd

Tại ngân hàng/ Bank name: Citibank chi nhánh Hà Nội/ Citibank Hanoi Branch

Và/And

Bên B/Party B:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

THUAN THANH ENVIROMENTAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Address: CN6 Road, Thuan Thanh 3 Industrial Park, Sub-area B, Thuan Thanh
Ward, Bac Ninh Province, Vietnam.

Điện thoại/ Tel: 02223.771715

Mã số thuế/Tax Code: 2300426314

Đại diện bởi: Ông **ĐOÀN VĂN HỮU** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

Represented by: *Mr. Doan Van Huu* Title: **Deputy General Director**

(Đại diện theo giấy ủy quyền số 01/MTTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 02/01/2024/ As Letter of attorney No: 01/MTTT-GUQ by legal representative of Thuan Thanh Environment JSC date sign 02/01/2024)

Số tài khoản/Account No: 0351000699616

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành

Beneficiary Name: Thuan Thanh Environment Joint Stock Company

Tại ngân hàng: Vietcombank – Chi nhánh Bắc Ninh

Bank name: Vietcombank – Bac Ninh Branch

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung sau:

The two parties agreed to sign an appendix to the contract with the following content:

Bên A thuê Bên B thu gom vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải được liệt kê trong danh mục với đơn giá dưới đây:

Party A hires Party B to collect, transport, store and treat the waste listed in the catalog at the unit price below:

Tên chất thải <i>Type of Waste</i>	Đơn vị tính <i>Unit measurement</i>	Đơn giá xử lý <i>Unit Price (VNĐ)</i>
1 Rác thải sinh hoạt <i>Domestic waste</i>	Kg	1.500

Ghi chú/Remark:

- Đơn giá được xác định trên 01 kg chất thải
Unit Price is for 01 kg waste
- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT được áp dụng theo quy định tại từng thời điểm
The above price include VAT, VAT rate is applied in accordance with regulation of each period .
- Giá trên có hiệu lực kể từ ngày hai bên hoàn thành ký.
Date of Validity: From the date of completely signing by both Party.
- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thu gom phế liệu tái chế và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường số:
- *This Appendix is an integral part of the Contract for Recycle Scrapcollecting and collection, transportation, treatment of Normal Industrial Solid Wastes No.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Socialist Republic of Vietnam**Independence - Freedom – Happiness*

-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 03**CONTRACT APPENDIX 03**

Căn cứ vào Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 01/2025/YMVN-HB giữa Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam (Bên A) với Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình (Bên B).

Based on Contract for waste collection, transportation, and treatment No. 01/2025/YMVN-HB between Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd (Party A) and Hoa Binh Industrial Waste Treatment and Recycling Joint Stock Company (Party B).

Bên A : CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM**Party A : YAMAHA MOTOR VIETNAM CO., LTD**

Người đại diện : Ông OKUTANI MASAHIRO Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Represented by : Mr. Okutani Masahiro Position: General Director
 Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Address : Binh An Village, Trung Gia Commune, Hanoi city, Vietnam
 Điện thoại/ Tel : (024)38855080 Fax: (024)38855082
 Mã số thuế/ Tax code: 0100774342

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH**Party B: HOA BINH INDUSTRIAL WASTE RECYCLING AND TREATMENT JSC.,**

Người đại diện : Ông GIÁP ĐỨC MẠNH Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Represented by : Mr. Giap Duc Manh Position: General Director
 Địa chỉ : Tổ dân phố Đông Hương, phường Nham Biền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
 Address : Dong Huong residential group, Nham Bien ward, Bac Giang City, Bac Giang province, Vietnam
 Điện thoại/ Tel : 024.3822.1234
 Mã số thuế/ Tax code : 0102963031
 Tài khoản : 118000113569 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Thăng Long.
 Bank account : 118000113569 At Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry and Trade Northern Thanglong Branch.

Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung phụ lục như sau:


Both parties agreed on the appendix as follows:

1. Phụ lục này là một phần không thể tách rời Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 01/2025/YMVN-HB giữa Bên A và bên B.

This Appendix is an indispensable part of Contract for waste collection, transportation, and treatment No 01/2025/YMVN-HB between Party A and Party B.

2. Hai bên đồng ý bổ sung danh mục và đơn giá xử lý các loại chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại cụ thể như sau:

The two parties agree to supplement the list items and unit price of treatment of industrial waste, domestic waste, and hazardous waste specifically as follows:

TT No.	Loại chất thải WASTE	Đơn vị unit	Số lượng Quantity	Đơn giá UNIT PRICE (VNĐ)
1	Bùn thải bể phốt, bể mỡ <i>Sludge from septic tanks and grease traps</i>	Kg	01	

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định tại thời điểm phát hành hóa đơn.

The above unit price does not include VAT as prescribed at the time of invoice issuance.

3. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày hai bên hoàn thành ký.

This appendix is valid from the date of complete signing.

4. Tất cả các điều khoản khác được tuân thủ theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 01/2025/YMVN-HB giữa Bên A và bên B

Other articles follow Contract for waste collection, transportation, and treatment No 01/2025/YMVN-HB between Party A and Party B.

Đại diện Bên A

For and on behalf of Party A

Okutani Masahiro
Ký bởi: CÔNG TY TNHH
YAMAHA MOTOR VIỆT NAM
Thời gian ký: 28/07/2025 10:13:49
Đơn vị CA: CMC-CA
Hạn CKS: 5/4/2025 - 25/9/2027

OKUTANI MASAHIRO

Tổng Giám đốc

General Director

Đại diện Bên B

For and on behalf of Party B



Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ
LÝ, TÀI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG
NGHIỆP HÒA BÌNH
Thời gian ký: 29/07/2025 08:35:06
Đơn vị CA: CA2
Hạn CKS: 23/4/2025 - 24/1/2029

GIÁP ĐỨC MẠNH

Tổng Giám đốc

General Director

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

-----***-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01**APPENDIX CONTRACT NO. 01****(Kèm theo Hợp đồng Số: 01/THUAN THANH-YAMAHA/2025)****Attached to Contract No.: 01/THUAN THANH-YAMAHA/2025**

- Căn cứ Hợp đồng Thu gom phế liệu tái chế và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường số: 01/THUAN THANH-YAMAHA/2025 ký giữa Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam và Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành;
Pursuant to Contract for recycle scrap collecting and collection, transportation, treatment of normal industrial solid wastes No. 01/THUAN THANH-YAMAHA/2025 signed between Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd. and Thuan Thanh Environmental Joint Stock Company;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;
Pursuant to two parties' demand and ability;

Chúng tôi gồm có:

*We included:***Bên A/ Party A:****Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam/ Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Trung Giã, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: Binh An Village, Trung Gia Commune, Soc Son District, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: (024)38855080

Fax: (024)38855082

Mã số thuế/Tax Code: 0100774342

Đại diện bởi: Ông OKUTANI MASAHIRO

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc***Represented by: Mr. Okutani Masahiro**Title: General Director*

Số tài khoản/Account No: 0200184092

Tên tài khoản: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam

Beneficiary Name: Yamaha Motor Vietnam Co., Ltd

Tại ngân hàng/ Bank name: Citibank chi nhánh Hà Nội/ Citibank Hanoi Branch

Và/And

Bên B/Party B:**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH****THUAN THANH ENVIROMENTAL JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: Khu phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Address: Ngoc Kham Quarter, Gia Dong Ward, Thuan Thanh Town, Bac Ninh Province, Vietnam

Điện thoại/ Tel: 02223.771715

Mã số thuế/Tax Code: 2300426314

Đại diện bởi: Ông ĐOÀN VĂN HỮU

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc***Represented by: Mr. Doan Van Huu**Title: Deputy General Director*

(Đại diện theo giấy ủy quyền số 01/MTTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 02/01/2024/ As Letter of attorney No: 01/MTTT-GUQ by legal representative of Thuan Thanh Environment JSC date sign 02/01/2024)

Số tài khoản/Account No: 0351000699616

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành
Beneficiary Name: Thuan Thanh Environment Joint Stock Company
Tại ngân hàng: Vietcombank – Chi nhánh Bắc Ninh
Bank name: Vietcombank – Bac Ninh Branch

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung sau:

The two parties agreed to sign an appendix to the contract with the following content:

Bên A bán lại cho bên B phế liệu được liệt kê trong danh mục với đơn giá dưới đây.

Party A resells to Party B the scrap listed in the catalog at the unit price below.

Tên phế liệu tái chế <i>Type of Scrap</i>	Đơn vị tính <i>Unit measur ement</i>	Đơn giá thu mua <i>Unit Price (VNĐ)</i>	Ghi chú <i>Remarks</i>
1. Phế liệu giấy, bìa carton đã qua sử dụng <i>Used paper, used carton box scraps</i>	Kg		
2. Phế liệu gỗ (Pallet hỏng, thùng gỗ hỏng), nẹp V <i>Wooden scrap (Broken pallet, empty box), V bar</i>	Kg		
3. Phế liệu túi nylon <i>Nylon bag scrap</i>	Kg		
4. Phế liệu khay nhựa đựng chi tiết nhập khẩu <i>Scrap Plastic tray for imported motorcycle parts</i>	Kg		
5. Phế liệu xốp, mút, da bọc yên xe, dây đai buộc hàng <i>Scrap spongy, foam, Double Seat cover leather, straps</i>	Kg		
6. Phế liệu sắt, thùng sắt đựng chi tiết nhập khẩu <i>Scrap steel, steel box for imported motorcycle parts</i>	Kg		
7. Phế liệu nhựa <i>Plastic Scrap</i>	Kg		

Ghi chú/Remark:

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT. Trong trường hợp thuế suất thuế GTGT thay đổi, giá sẽ tự động được điều chỉnh tương ứng với sự thay đổi của thuế suất thuế GTGT.
Above price is inclusive of VAT. In case VAT rate changes, above price will be automatically adjusted accordingly.
- Giá trên có hiệu lực từ ngày 01 tháng 05 năm 2025.
Date of Validity: From 1st May 2025.
- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thu gom phế liệu tái chế và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường số 01/THUAN THANH-YAMAHA/2025.
This Appendix is an integral part of the Contract for Recycle Scrapcollecting and collection, transportation, treatment of Normal Industrial Solid Wastes No. 01/THUAN THANH-YAMAHA/2025.

Đại diện bên A
For and on behalf of Party A

Okutani Masahiro
氏名 奥谷 正弘
YAMAGUCHI 28-1126 MIFU 5546
〒769-0222 山口県美祿市
〒769-0222 山口県美祿市
Hiro CCS 591-5025 +26492027

OKUTANI MASAHIRO
Tổng Giám đốc
General Director

Đại diện bên B
For and on behalf of Party B


氏名 Đoàn Văn Hữu
氏名 Đoàn Văn Hữu
氏名 Đoàn Văn Hữu
氏名 Đoàn Văn Hữu
氏名 Đoàn Văn Hữu

ĐOÀN VĂN HỮU
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: [số phiếu chèn]/2026/PKQ (26.50)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 Khu đô thị mới Tân Tây Đô, Xã Ô Diên,
Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị quan trắc : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam
- Địa chỉ : Thôn Bình An, Xã Trung Giã, TP Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm quan trắc : Lô 59-68 KCN Nội bài, Sóc Sơn, Hà Nội
- Ngày nhận mẫu: : 20/01/2026
- Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu	Tọa độ	Ngày quan trắc
1	NT2601.0030	878.NT001/Nước thải	Nước thải	X=2348606 Y=584628	20/01/2026
2	KT2601.0092	878.KT001/Khí thải phân xưởng sơn nhựa	Khí thải	X=2348702 Y=584784	20/01/2026
3	KT2601.0093	878.KT002/Khí thải phân xưởng sơn sắt	Khí thải	X=2348718 Y=584568	20/01/2026

7. Thông tin về kết quả quan trắc: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan Anh

Trần Thị Phương Hoa

Lý Hồng Quân

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: NT2601.0030)

878.NT001/Nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	NBIZ
					Giá trị tối đa cho phép
1	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	350
2	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,16	10
3	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,3	50
4	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	5,53	7
5	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,01)	3
6	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	1
7	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,15	0,5

Ghi chú:

- NBIZ: Tiêu chuẩn khu công nghiệp Nội Bài;
- Giá trị tối đa cho phép: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp đầu vào khu công nghiệp Nội Bài- NBIZ;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Giá trị sau dấu "<" là giá trị giới hạn báo cáo của phương pháp (RL).

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: **KT2601.0092**)

878.KT001/Khí thải phân xưởng sơn nhựa

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN	QCVN
					01:2014/ BTNMT	20:2009/ BTNMT
					Cmax	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	14.651	-	-
2	Nhiệt độ	°C	QTHT-40	23,3	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (LOD=1)	162	-
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QTHT-40	0	810	-
5	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	0	405	-
6	Nitơ oxit, (NO _x), tính theo NO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	0	688,5	-
7	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,003)	-	750

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- Cmax: K_v=0,9 và K_q=0,9;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (-): Không quy định.

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: **KT2601.0093**)

878.KT002/Khí thải phân xưởng sơn sắt

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN	QCVN
					01:2014/ BTNMT	20:2009/ BTNMT
					Cmax	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	5.591	-	-
2	Nhiệt độ	°C	QTHT-40	23	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (LOD=1)	162	-
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QTHT-40	0	810	-
5	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	0	405	-
6	Nitơ oxit, (NO _x), tính theo NO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	0	688,5	-
7	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,003)	-	750

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- Cmax: K_v=0,9 và K_q=0,9;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (-): Không quy định.

1. Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
2. Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
3. Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

4. Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
5. Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM-NHÀ MÁY YAMAHA HÀ NỘI BÀI
Địa chỉ quan trắc : Lô 48-54, 59-68 KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng/Tên mẫu : 01
Ngày lấy mẫu : 11/07/2025 Thời gian phân tích : 11-21/07/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Table with 6 columns: TT, Thông số, Đơn vị, Phương pháp phân tích, Kết quả NT01, Tiêu chuẩn KCN Nội Bài. Rows include COD, Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Tổng nitơ, Tổng Phốt pho, and Amoni.

Ghi chú:

- TC KCN Nội Bài: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp khu công nghiệp Nội Bài;
- (*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- NT01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (X: 2348606; Y: 584628)

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Handwritten signature of Vuong Thi Huong

Vuong Thi Huong

TRƯỞNG PHÒNG

Handwritten signature of Hoang Thi Suong

Hoàng Thị Sương

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025



Đỗ Văn Quỳnh

- 1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.



Số: 01745-2025-PQT (KT2507.430-2.001-002)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM-NHÀ MÁY YAMAHA HÀ NỘI
 Địa chỉ quan trắc : Lô 48-54, 59-68 KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Loại mẫu : Khí thải
 Số lượng/Tên mẫu : 02
 Ngày lấy mẫu : 11/07/2025 Thời gian phân tích : 11-18/07/2025



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				KT01	KT02	Giá trị C
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	14.175	7.632	-
2	Nhiệt độ	°C	HD.QT.KT-18	34	34	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	18,3	22,7	200
4	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPH [#]	KPH [#]	1.000
5	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPH [#]	KPH [#]	500
6	NO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPH [#]	KPH [#]	850
						QCVN 20:2009/BTNMT
						Nồng độ tối đa
7	Toluen ⁽⁺⁾	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	750

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định;
- (#): Không phát hiện theo giới hạn đo của máy;
- (+): Thông số được lấy mẫu và phân tích bởi nhà thầu phụ Vimcerts 079;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp. MDL là giới hạn phát hiện của phương pháp;
- KT01: Mẫu khí thải phân xưởng sơn nhựa (X: 2348702; Y: 584784)
- KT02: Mẫu khí thải phân xưởng sơn sắt (X: 2348718; Y: 584568)

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Wương Thị Hương

Hoàng Thị Thương



Đỗ Văn Quỳnh

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
 VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 00014/2026/PKQ (25.1496)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
 (VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSLS-2 Khu đô thị mới Tân Tây Đô, Xã Ô Diên,
 Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn



1. Đơn vị quan trắc : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
 2. Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam
 3. Địa chỉ : Thôn Bình An, Xã Trung Giã, TP Hà Nội, Việt Nam
 4. Địa điểm quan trắc : Lô 59-68 KCN Nội bài, Sóc Sơn, Hà Nội
 5. Ngày nhận mẫu : 23/12/2025
 6. Thông tin về các mẫu :



TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu	Tọa độ	Ngày quan trắc
1	KT2512.0304	878.KT001/Khí thải phân xưởng sơn nhựa	Khí thải	X=2348702 Y=584784	22/12/2025
2	KT2512.0305	878.KT002/Khí thải phân xưởng sơn sắt	Khí thải	X=2348718 Y=584568	22/12/2025

7. Thông tin về kết quả quan trắc: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG





Nguyễn Thị Lan Anh

Trần Thị Phương Hoa

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026


 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 KHOA HỌC VÀ
 CÔNG NGHỆ
 VIỆT NAM


Lý Hồng Quân

1. Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
 2. Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
 3. Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
 4. Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
 5. Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: KT2512.0304)

878.KT001/Khí thải phân xưởng sơn nhựa

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN	QCVN
					01:2014/ BTNMT	20:2009/ BTNMT
					Giá trị C	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	14.260	-	-
2	Nhiệt độ	°C	QTHT-40	23	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (LOD=1)	200	-
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QTHT-40	0	1.000	-
5	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	0	500	-
6	Nitơ oxit, (NO _x), tính theo NO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	0	850	-
7	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,003)	-	750

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (-): Không quy định.

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: KT2512.0305)

878.KT002/Khí thải phân xưởng sơn sắt

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN	QCVN
					01:2014/ BTNMT	20:2009/ BTNMT
					Giá trị C	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	5.659	-	-
2	Nhiệt độ	°C	QTHT-40	26,7	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (LOD=1)	200	-
4	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	QTHT-40	0	1.000	-
5	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	0	500	-
6	Nitơ oxit, (NO _x), tính theo NO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	0	850	-
7	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,003)	-	750

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (-): Không quy định.

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
 VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 00015/2025/PKQ (25.1497)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
 (VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTS.2-2 Khu đô thị mới Tân Tây Đô, Xã Ô Diên,
 Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị quan trắc : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam
- Địa chỉ : Thôn Bình An, Xã Trung Giã, TP Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm quan trắc : Lô 59-68 KCN Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội
- Ngày nhận mẫu : 23/12/2025
- Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu	Ngày quan trắc
1	KT2512.0309	878.KTHT/Mẫu trắng hiện trường	Khí thải	22/12/2025
2	KT2512.0310	878.KTVC/Mẫu trắng vận chuyển	Khí thải	22/12/2025

7. Thông tin về kết quả quan trắc: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Lan Anh

Trần Thị Phương Hoa

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

KT, GIÁM ĐỐC
 PHO GIÁM ĐỐC



Lý Hồng Quân

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: KT2512.0309)

878.KTHT/Mẫu trắng hiện trường

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Mẫu	US EPA Method 5	KPH (LOD=1)
2	Toluen	mg/Mẫu	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,003)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: **KT2512.0310**)

878.KTVC/Mẫu trắng vận chuyển

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Bụi tổng	mg/Mẫu	US EPA Method 5	KPH (LOD=1)
2	Toluen	mg/Mẫu	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,003)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thân phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: [số phiếu chèn]/2026/PKQ (26.118)

**Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)**

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 Khu đô thị mới Tân Tây Đô, Xã Ô Diên,
Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được thử nghiệm : Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam
- Địa chỉ : Thôn Bình An, Xã Trung Giã, TP Hà Nội, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu: : 09/02/2026
- Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NT2602.0013	Nước thải công nghiệp đầu ra	Nước thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan Anh

Trần Thị Phương Hoa

Lý Hồng Quân

- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: NT2602.0013)

Nước thải công nghiệp đầu ra

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	NBIZ
					Giá trị tối đa cho phép
1	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	350
2	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,73	10
3	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	9,8	50
4	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	4,66	7
5	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	3
6	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	1
7	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,27	0,5

Ghi chú:

- NBIZ: Tiêu chuẩn khu công nghiệp Nội Bài;
- Giá trị tối đa cho phép: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp đầu vào khu công nghiệp Nội Bài- NBIZ;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Giá trị sau dấu "<" là giá trị giới hạn báo cáo của phương pháp (RL).

1. Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);

2. Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;

3. Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

4. Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu

theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;

5. Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự

đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: [số phiếu chèn]/2026/PKQ (26.206)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 Khu đô thị mới Tân Tây Đô, Xã Ô Diên,
Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777

Email: vnst@vnst-jsc.vn

Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được thử nghiệm : Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam
- Địa chỉ : Thôn Bình An, Xã Trung Giã, TP Hà Nội, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu: : 16/03/2026
- Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NT2603.0044	Nước thải công nghiệp đầu ra	Nước thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan Anh

Trần Thị Phương Hoa

Lý Hồng Quân

- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: NT2603.0044)

Nước thải công nghiệp đầu ra

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	NBIZ
					Giá trị tối đa cho phép
1	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	350
2	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,16	10
3	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	7,6	50
4	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	4,02	7
5	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	3
6	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	1
7	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,15	0,5

Ghi chú:

- NBIZ: Tiêu chuẩn khu công nghiệp Nội Bài;
- Giá trị tối đa cho phép: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp đầu vào khu công nghiệp Nội Bài- NBIZ;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Giá trị sau dấu "<" là giá trị giới hạn báo cáo của phương pháp (RL).

- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



Số: 01746-2025-PQT (NT2507.430-2.001)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM-NHÀ MÁY YAMAHA HÀ NỘI BẮT
 Địa chỉ quan trắc : Lô 48-54, 59-68 KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Loại mẫu : Nước thải
 Số lượng/Tên mẫu : 01
 Ngày lấy mẫu : 11/07/2025 Thời gian phân tích : 11-21/07/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN
				NT01	Nội Bài
1	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	65	350
2	Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3111B:2017	<0,03*	3
3	Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,076	0,5
4	Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3111B:2017	<0,06*	1
5	Tổng nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	<6,0*	50
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	6,35	7
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,07	10

Ghi chú:

- TC KCN Nội Bài: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp khu công nghiệp Nội Bài;
- (*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- NT01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (X: 2348606; Y: 584628)

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Vương Thị Hương

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Thị Sương

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025



Đỗ Văn Quỳnh

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM-NHÀ MÁY YAMAHA NỘI BÀI
 Địa chỉ : Lô 48-54, 59-68 KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Loại mẫu : Nước thải/Mẫu do khách hàng gửi đến
 Số lượng/Tên mẫu : 01/NT01: Nước thải sản xuất sau xử lý
 Thể tích mẫu nhận được : 1l/mẫu
 Ngày nhận mẫu : 20/09/2025 Thời gian phân tích : 20-30/09/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN
				NT01	Nội Bài
1	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	29	350
2	Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3111B:2017	<0,03*	3
3	Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,068	0,5
4	Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3111B:2017	<0,06*	1
5	Tổng nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	<6,0*	50
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,92	7
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	<0,03*	10

Ghi chú:

- TC KCN Nội Bài: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp khu công nghiệp Nội Bài;
- (*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- Các thông tin thử nghiệm được cung cấp bởi khách hàng;

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP PHIẾU



Đặng Thị Nhân

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Thị Sương

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Quỳnh

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.



Số: 02671-2025-PPT (NT2510.071)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM-NHÀ MÁY YAMAHA NỘI BÀI
Địa chỉ : Lô 48-54, 59-68 KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải/Mẫu do khách hàng gửi đến
Số lượng/Tên mẫu : 01/NT01: Nước thải sản xuất sau xử lý
Thể tích mẫu nhận được : 1l/mẫu
Ngày nhận mẫu : 31/10/2025 Thời gian phân tích : 31/10/2025-09/11/2025



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN
				NT01	Nội Bài
1	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	<6,0*	350
2	Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3111B:2017	<0,03*	3
3	Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,092	0,5
4	Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3111B:2017	<0,06*	1
5	Tổng nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	<6,0*	50
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	1,21	7
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	<0,03*	10

Ghi chú:

- TC KCN Nội Bài: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp khu công nghiệp Nội Bài;
- (*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- Các thông tin thử nghiệm được cung cấp bởi khách hàng;
- Theo như thỏa thuận hai bên: Phiếu kết quả này chỉ có giá trị tham khảo và phục vụ kiểm soát nội bộ, không phục vụ cho mục đích pháp lý khác;
- Phương pháp lấy mẫu và phân tích được thực hiện theo chương trình kiểm soát nội bộ, có thể không áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT
- Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật môi trường Hà Nội không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý nào liên quan đến phiếu kết quả này.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Đặng Thị Nhân

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Thị Suong

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2025



Đỗ Văn Quỳnh

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY TNHH YAMAHA MOTOR VIỆT NAM-NHÀ MÁY YAMAHA HÀ NỘI ĐAI
Địa chỉ : Lô 48-54, 59-68 KCN Nội Bài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải/Mẫu do khách hàng gửi đến
Số lượng/Tên mẫu : 01/NT01: Nước thải sản xuất sau xử lý
Thể tích mẫu nhận được : 1l/mẫu
Ngày nhận mẫu : 27/11/2025 Thời gian phân tích thử phụ : 30/11/2025-10/12/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Table with 6 columns: TT, Thông số, Đơn vị, Phương pháp phân tích, Kết quả NT01, Tiêu chuẩn KCN Nội Bài. Rows include COD, Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Tổng nitơ, Tổng Phốt pho, and Amoni.

Ghi chú:

- TC KCN Nội Bài: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp khu công nghiệp Nội Bài;
- (*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- (+): Thông số được phân tích bởi nhà thầu Vimcerts 267;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp. MDL là giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các thông tin thử nghiệm được cung cấp bởi khách hàng;
- Theo như thỏa thuận hai bên: Phiếu kết quả này chỉ có giá trị tham khảo và phục vụ kiểm soát nội bộ, không phục vụ cho mục đích pháp lý khác;
- Phương pháp lấy mẫu và phân tích được thực hiện theo chương trình kiểm soát nội bộ, có thể không áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT
- Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật môi trường Hà Nội không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý nào liên quan đến phiếu kết quả này.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

GIAM ĐỐC

Handwritten signature of Đặng Thị Nhân

Handwritten signature of Hoàng Thị Sương



Đặng Thị Nhân

Hoàng Thị Sương

Đỗ Văn Quỳnh

- 1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT);
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày tra kết quả. Hệ thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
 VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00011/2026/PKQ (25.1515)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
 (VILAS 772 – VIMCERTS 121)

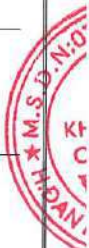


Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 Khu đô thị mới Tân Tây Đô, Xã Ô Diên,
 Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn

- Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được thử nghiệm : Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam
- Địa chỉ : Thôn Bình An, Xã Trung Giã, TP Hà Nội, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu : 23/12/2025
- Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NT2512.0098	Nước thải công nghiệp đầu ra	Nước thải



6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Lan Anh

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

Lý Hồng Quân

- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: NT2512.0098)

Nước thải công nghiệp đầu ra

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	NBIZ
					Giá trị tối đa cho phép
1	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	350
2	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,39	10
3	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	8,5	50
4	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	5,13	7
5	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	3
6	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0.02)	1
7	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,18	0,5

Ghi chú:

- NBIZ: Tiêu chuẩn khu công nghiệp Nội Bài;
- Giá trị tối đa cho phép: Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp đầu vào khu công nghiệp Nội Bài- NBIZ;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Giá trị sau dấu "<" là giá trị giới hạn báo cáo của phương pháp (RL).



1. Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);

2. Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;

3. Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

4. Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;

5. Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".

Sbs